

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**  
**TRƯỜNG ĐẠI HỌC KIẾN TRÚC ĐÀ NẴNG**



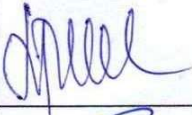
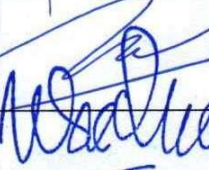
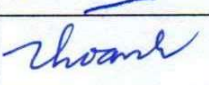
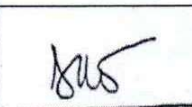
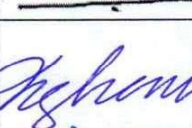
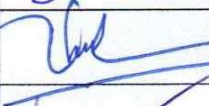
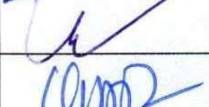
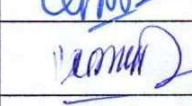

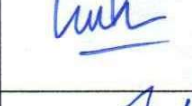
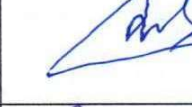

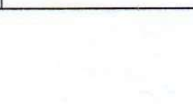
**BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ**  
**CƠ SỞ GIÁO DỤC**

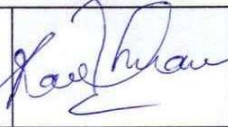
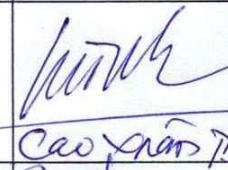
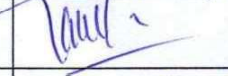


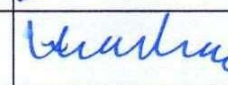
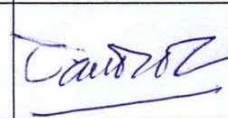
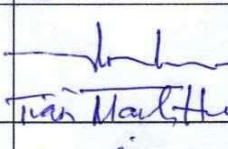
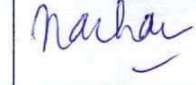
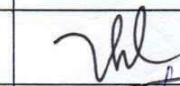
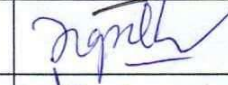
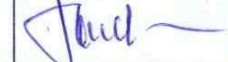
**Theo tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo**  
**của Bộ Giáo dục và Đào tạo**  
*(Giai đoạn đánh giá: 2018 - 2022)*

**Đà Nẵng, tháng 1 - 2023**

**DANH SÁCH THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG TỰ ĐÁNH GIÁ  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KIẾN TRÚC ĐÀ NẴNG**

(Kèm theo Quyết định số 358/QĐ-ĐHKTDN, ngày 01 tháng 8 năm 2022 của Hiệu trưởng)

TT	HỌ VÀ TÊN	CHỨC DANH, CHỨC VỤ	NHIỆM VỤ	CHỮ KÝ
1	TS.KTS. Phạm Anh Tuấn	Hiệu trưởng	Chủ tịch HĐ	
2	TS. Lê Công Toàn	Phó Hiệu trưởng, Bí thư Đảng ủy	Phó chủ tịch thường trực HĐ	
3	KTS. Phạm Sỹ Chức	Chủ tịch HĐ Trường	Phó chủ tịch HĐ	
4	KS. Nguyễn Thị Oanh	Phó Hiệu trưởng	Phó chủ tịch HĐ	
5	TS. Hoàng Tịnh Bảo	Trưởng phòng ĐBCL	Thành viên, Trưởng ban thư ký	
6	TS. Nguyễn Hải Hoàn	Trưởng phòng Đào tạo; Trưởng khoa Xây dựng	Thành viên	
7	TS. Võ Thành Trung	Trưởng phòng KHCN	Thành viên	
8	CN. Phạm Ngọc Đông	Trưởng phòng CTSV	Thành viên	
9	CN. Lê Tấn Ngọc	Trưởng phòng TCNS	Thành viên	
10	CN. Trần Thị Mai Lan	Trưởng phòng TCKT	Thành viên	
11	ThS. Nguyễn Trần Lan Chi	Trưởng phòng HTQT và Truyền thông; Giám đốc Trung tâm học tập gắn kết cộng đồng	Thành viên	
12	GVC.KS. Nguyễn Quang Anh	Trưởng phòng Thanh tra – Pháp chế	Thành viên	
13	ThS. Nguyễn Thị Vy Hương	Trưởng phòng Hành chính - Tổng hợp	Thành viên	

14	KS. Trần Thuận	Phó phòng Quản lý dự án và Quản trị thiết bị	Thành viên	
15	ThS. Cao Xuân Tịnh	Chủ tịch Công đoàn trường, Trưởng BMGDTC	Thành viên	 Cao Xuân Tịnh
16	ThS. Ngô Tuấn Anh	Bí thư Đoàn trường	Thành viên	
17	ThS. Nguyễn Quang Bảo	Phó trưởng khoa Kiến trúc	Thành viên	
18	ThS. Nguyễn Hoàng Thu Thủy	Phó trưởng khoa XD	Thành viên	
19	TS. Nguyễn Văn Thái	Trưởng khoa Cầu đường	Thành viên	
20	TS. Lê Tấn Duy	Trưởng khoa Công nghệ Kỹ thuật Điện – Điện tử	Thành viên	
21	PGS.TS. Trần Mạnh Huy	Trưởng khoa Công nghệ thông tin	Thành viên	 Trần Mạnh Huy
22	TS. Nguyễn Thị Thu Hương	Trưởng khoa Kinh tế	Thành viên	
23	TS. Đinh Thị Thi	Trưởng khoa Du lịch	Thành viên	
24	ThS. Nguyễn Thị Tuyết	Trưởng khoa Ngoại ngữ	Thành viên	
25	Huỳnh Ngọc Huynh	Sinh viên lớp 20XD2	Thành viên	

(Danh sách gồm có 25 người).

## MỤC LỤC

DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT .....	ix
Phần I. HỒ SƠ VỀ CƠ SỞ GIÁO DỤC .....	1
Phần II. TỰ ĐÁNH GIÁ VỀ CHẤT LƯỢNG CƠ SỞ GIÁO DỤC .....	12
Tiêu chuẩn 1: Tâm nhìn, sứ mạng và văn hóa .....	12
Tiêu chí 1.1 .....	12
Tiêu chí 1.2 .....	13
Tiêu chí 1.3 .....	16
Tiêu chí 1.4 .....	17
Tiêu chí 1.5. ....	18
Đánh giá chung về Tiêu chuẩn 1 .....	19
Tiêu chuẩn 2: Quản trị.....	20
Tiêu chí 2.1 .....	20
Tiêu chí 2.2. ....	23
Tiêu chí 2.3. ....	25
Tiêu chí 2.4 .....	27
Đánh giá chung về Tiêu chuẩn 2 .....	28
Tiêu chuẩn 3: Lãnh đạo và quản lý .....	30
Tiêu chí 3.1 .....	30
Tiêu chí 3.2 .....	31
Tiêu chí 3.3. ....	32
Tiêu chí 3.4 .....	34
Đánh giá chung về tiêu chuẩn 3 .....	34
Tiêu chuẩn 4: Quản trị chiến lược.....	36
Tiêu chí 4.1 .....	36
Tiêu chí 4.2 .....	37
Tiêu chí 4.3 .....	38
Tiêu chí 4.4 .....	39
Đánh giá chung về tiêu chuẩn 4 .....	41
Tiêu chuẩn 5: Các chính sách về đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng.....	42
Tiêu chí 5.1 .....	42

Tiêu chí 5.2 .....	45
Tiêu chí 5.3 .....	47
Tiêu chí 5.4 .....	49
Đánh giá chung về Tiêu chuẩn 5 .....	51
Tiêu chuẩn 6: Quản lý nguồn lực .....	52
Tiêu chí 6.1 .....	52
Tiêu chí 6.2 .....	54
Tiêu chí 6.3 .....	55
Tiêu chí 6.4 .....	56
Tiêu chí 6.5 .....	57
Tiêu chí 6.6 .....	58
Tiêu chí 6.7 .....	58
Đánh giá chung về tiêu chuẩn 6 .....	59
Tiêu chuẩn 7: Quản lý tài chính và cơ sở vật chất .....	62
Tiêu chí 7.1 .....	62
Tiêu chí 7.2 .....	63
Tiêu chí 7.3 .....	66
Tiêu chí 7.4 .....	70
Tiêu chí 7.5 .....	72
Đánh giá chung về tiêu chuẩn 7 .....	73
Tiêu chuẩn 8: Các mạng lưới và quan hệ đối ngoại .....	76
Tiêu chí 8.1 .....	76
Tiêu chí 8.2 .....	77
Tiêu chí 8.3 .....	80
Tiêu chí 8.4 .....	81
Đánh giá chung về tiêu chuẩn 8 .....	82
Tiêu chuẩn 9: Hệ thống ĐBCL bên trong .....	84
Tiêu chí 9.1 .....	84
Tiêu chí 9.2 .....	85
Tiêu chí 9.3 .....	87
Tiêu chí 9.4 .....	88
Tiêu chí 9.5 .....	89
Tiêu chí 9.6 .....	91
Đánh giá chung về tiêu chuẩn 9 .....	92

Tiêu chuẩn 10: Tự đánh giá và đánh giá ngoài .....	93
Tiêu chí 10.1. ....	93
Tiêu chí 10.2. ....	94
Tiêu chí 10.3 .....	95
Tiêu chí 10.4 .....	95
Đánh giá chung về tiêu chuẩn 10 .....	96
Tiêu chuẩn 11: Hệ thống thông tin đảm bảo chất lượng bên trong.....	97
Tiêu chí 11.1 .....	97
Tiêu chí 11.2 .....	99
Tiêu chí 11.3 .....	100
Tiêu chí 11.4 .....	101
Đánh giá chung về tiêu chuẩn 11 .....	102
Tiêu chuẩn 12: Nâng cao chất lượng .....	103
Tiêu chí 12.1 .....	103
Tiêu chí 12.2 .....	104
Tiêu chí 12.3 .....	106
Tiêu chí 12.4 .....	107
Tiêu chí 12.5 .....	108
Đánh giá chung về tiêu chuẩn 12 .....	109
Tiêu chuẩn 13: Tuyển sinh và nhập học.....	110
Tiêu chí 13.1 .....	110
Tiêu chí 13.2 .....	112
Tiêu chí 13.3 .....	114
Tiêu chí 13.4 .....	114
Tiêu chí 13.5 .....	116
Đánh giá chung về tiêu chuẩn 13 .....	118
Tiêu chuẩn 14: Thiết kế và rà soát chương trình dạy học .....	120
Tiêu chí 14.1 .....	120
Tiêu chí 14.2 .....	121
Tiêu chí 14.3 .....	122
Tiêu chí 14.4 .....	123
Tiêu chí 14.5 .....	124
Đánh giá chung về tiêu chuẩn 14 .....	124
Tiêu chuẩn 15: Giảng dạy và học tập.....	126

Tiêu chí 15.1 .....	126
Tiêu chí 15.2 .....	127
Tiêu chí 15.3 .....	128
Tiêu chí 15.4 .....	129
Tiêu chí 15.5 .....	132
Đánh giá chung về tiêu chuẩn 15 .....	133
Tiêu chuẩn 16: Đánh giá người học .....	135
Tiêu chí 16.1 .....	135
Tiêu chí 16.2 .....	137
Tiêu chí 16.3 .....	139
Tiêu chí 16.4 .....	140
Đánh giá chung về tiêu chuẩn 16 .....	141
Tiêu chuẩn 17: Các hoạt động phục vụ và hỗ trợ người học .....	142
Tiêu chí 17.1 .....	142
Tiêu chí 17.2 .....	145
Tiêu chí 17.3 .....	149
Tiêu chí 17.4 .....	150
Đánh giá chung về tiêu chuẩn 17 .....	151
Tiêu chuẩn 18: Quản lý nghiên cứu khoa học.....	153
Tiêu chí 18.1 .....	153
Tiêu chí 18.2 .....	155
Tiêu chí 18.3 .....	157
Tiêu chí 18.4 .....	160
Đánh giá chung Tiêu chuẩn 18.....	161
Tiêu chuẩn 19: Quản lý Tài sản Trí tuệ.....	162
Tiêu chí 19.1 .....	162
Tiêu chí 19.2 .....	163
Tiêu chí 19.3 .....	164
Tiêu chí 19.4 .....	165
Đánh giá chung về tiêu chuẩn 19 .....	166
Tiêu chuẩn 20: Hợp tác và đối tác nghiên cứu khoa học .....	167
Tiêu chí 20.1 .....	167
Tiêu chí 20.2 .....	168
Tiêu chí 20.3 .....	170

Tiêu chí 20.4 .....	171
Đánh giá chung về tiêu chuẩn 20.....	172
Tiêu chuẩn 21: Kết nối và phục vụ cộng đồng .....	173
Tiêu chí 21.1 .....	173
Tiêu chí 21.2 .....	175
Tiêu chí 21.3 .....	176
Tiêu chí 21.4 .....	177
Đánh giá chung về tiêu chuẩn 21 .....	178
Tiêu chuẩn 22: Kết quả đào tạo.....	181
Tiêu chí 22.1 .....	181
Tiêu chí 22.2 .....	184
Tiêu chí 22.3 .....	186
Tiêu chí 22.4 .....	188
Đánh giá chung về tiêu chuẩn 22 .....	190
Tiêu chuẩn 23: Kết quả nghiên cứu khoa học.....	191
Tiêu chí 23.1 .....	191
Tiêu chí 23.2 .....	194
Tiêu chí 23.3 .....	196
Tiêu chí 23.4 .....	198
Tiêu chí 23.5 .....	199
Tiêu chí 23.6 .....	201
Đánh giá chung Tiêu chuẩn 23.....	202
Tiêu chuẩn 24: Kết quả phục vụ cộng đồng.....	203
Tiêu chí 24.1 .....	203
Tiêu chí 24.2 .....	205
Tiêu chí 24.3 .....	206
Tiêu chí 24.4 .....	208
Đánh giá chung Tiêu chuẩn 24.....	210
Tiêu chuẩn 25: Kết quả tài chính và thị trường.....	212
Tiêu chí 25.1 .....	212
Tiêu chí 25.2 .....	215
Đánh giá chung Tiêu chuẩn 25.....	217
Phụ lục 1. Cơ sở dữ liệu kiểm định chất lượng CSGD .....	225
Phụ lục 2. Quyết định thành lập Hội đồng tự đánh giá.....	250



Phụ lục 3. Kế hoạch tự đánh giá .....	255
DANH MỤC MINH CHỨNG .....	259

**DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT**

CTĐT	:	Chương trình đào tạo
CTSV	:	Công tác sinh viên
CSVCL	:	Cơ sở vật chất
CVHT	:	Cố vấn học tập
ĐHKTDN	:	Đại học Kiến trúc Đà Nẵng
GDDH	:	Giáo dục đại học
GD&ĐT	:	GD&ĐT
HTQT&TT	:	Hợp tác quốc tế và truyền thông
KHCN & HTQT	:	Khoa học công nghệ và Hợp tác quốc tế
MC	:	Minh chứng
NCKH	:	Nghiên cứu khoa học
NCS	:	Nghiên cứu sinh
ĐBCL	:	Đảm bảo chất lượng
NH	:	Người học
TC	:	Tín chỉ
ĐT	:	Đào tạo

## **Phần I. HỒ SƠ VỀ CƠ SỞ GIÁO DỤC**

### **1. Khái quát về cơ sở giáo dục**

#### ***a) Khái quát lịch sử phát triển***

Trường Đại học Kiến trúc Đà Nẵng (Da Nang Architecture University – DAU) được thành lập vào ngày 27 tháng 11 năm 2006 bởi Kiến trúc sư Phạm Sỹ Chúc. KTS. Phạm Sỹ Chúc nguyên là Phó Chủ tịch Hiệp hội Kiến trúc sư Việt Nam (VAA), nguyên Chủ tịch Hội Kiến trúc sư thành phố Đà Nẵng, là một trong những kiến trúc sư gạo cội có nhiều công trình thiết kế tiêu biểu tại Việt Nam. Với mong muốn tạo dựng một môi trường học tập chuyên nghiệp, rèn luyện kỹ năng, định hướng nghề nghiệp cho đội ngũ các kiến trúc sư, kỹ sư trẻ, góp phần cung ứng lực lượng lao động chất lượng cao cho khu vực miền Trung và Tây Nguyên, KTS. Phạm Sỹ Chúc cùng với những người cộng sự của mình là các nhà giáo ưu tú, các kiến trúc sư giàu kinh nghiệm đã cùng nhau đặt nền móng đầu tiên xây dựng nên Trường Đại học Kiến trúc Đà Nẵng. Trong những năm qua, bằng tâm huyết và sự nỗ lực không ngừng của Ban Lãnh đạo Nhà trường, đội ngũ cán bộ giảng viên và biết bao thế hệ sinh viên, Trường Đại học Kiến trúc Đà Nẵng đã dần khẳng định được vị thế của mình trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo đại học, không chỉ là môi trường nuôi dưỡng và phát triển ước mơ theo đuổi đam mê nghề nghiệp của người học mà còn là địa chỉ đáng tin cậy của phụ huynh khi gửi gắm con em mình.

Hiện nay, Trường Đại học Kiến trúc Đà Nẵng có 08 khoa chuyên môn giảng dạy và phụ trách 18 chuyên ngành đào tạo ở trình độ đại học. Định hướng phát triển của Nhà trường trong giai đoạn 2020 – 2030 là đào tạo đa ngành, đa nghề đáp ứng tốt nhu cầu của người học và yêu cầu tuyển dụng của doanh nghiệp.

Đội ngũ hơn 300 cán bộ giảng viên công nhân viên (CB – GV – CNV) trong đó có các giáo sư, phó giáo sư, tiến sĩ và chuyên viên có trình độ sau đại học luôn cố gắng không ngừng, mang những kiến thức mới, cập nhật vào bài giảng, dành trọn sự nghiệp giáo dục của mình vì sự phát triển của Nhà trường. Từ khi thành lập cho đến nay, Trường Đại học Kiến trúc Đà Nẵng đã đào tạo rất nhiều thế hệ sinh viên tốt nghiệp đã và đang làm việc trong nhiều lĩnh vực khác nhau, cung cấp nguồn nhân lực chất lượng cao cho các tỉnh thành trên toàn quốc. Hơn 6,000 sinh viên đang theo học tại trường, với sự hướng dẫn của thầy cô và tấm gương mà các anh chị cựu sinh viên truyền cảm hứng, sẽ không ngừng tích lũy kiến thức, nâng cao năng lực chuyên môn và tu dưỡng giá trị đạo đức để làm rạng danh hơn nữa mái nhà chung mang tên Đại học Kiến trúc Đà Nẵng.

Với mong muốn xây dựng một môi trường học tập lý tưởng cho sinh viên, chúng tôi đề ra phương châm “mở rộng KIẾN THỨC, phát triển KỸ NĂNG, học để trở thành người TỐT, góp phần vào sự phát triển của CỘNG ĐỒNG”.

### **1. Sứ mạng**

“Trường Đại học Kiến trúc Đà Nẵng phát triển thành trường đại học thông minh theo định hướng ứng dụng; là một trong những trường đại học thông minh góp phần đặc lực thực hiện thành công mục tiêu chuyển đổi số quốc gia; đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, có khả năng hội nhập quốc tế và đáp ứng tốt với những yêu cầu của thời đại mới; xây dựng môi trường nghiên cứu khoa học ứng dụng hiện đại, làm động lực thúc đẩy phát triển kinh tế tri thức; và góp phần nâng cao chất lượng cuộc sống của nhân dân”

### **2. Mục tiêu**

“Trường Đại học Kiến trúc Đà Nẵng đào tạo nguồn nhân lực có đầy đủ kiến thức để khởi nghiệp; có năng lực phát triển cá nhân và kỹ năng làm việc nhóm để sáng tạo đổi mới; có khả năng đáp ứng nền kinh tế kỹ thuật số; có năng lực hội nhập vào thị trường lao động quốc tế và có trách nhiệm với cộng đồng”.

### **3. Tầm nhìn**

“Tầm nhìn đến năm 2030: “Phát triển thành trường đại học thông minh theo định hướng ứng dụng, là một trong những trường đại học hàng đầu về chuyển đổi số”

### **4. Giá trị cốt lõi**

“Năng động, sáng tạo, chất lượng, trung thực và hợp tác”

### **5. Triết lý giáo dục: “Hội nhập - Sáng tạo - Đạo đức - Phát triển - Trách nhiệm”**

**Hội nhập:** Trường Đại học Kiến trúc Đà Nẵng hướng tới việc đào tạo nguồn nhân lực đáp ứng nhu cầu xã hội, người học tốt nghiệp có khả năng làm việc và học tập để thích nghi với sự biến đổi trong nước và xu thế quốc tế, được đánh giá theo tiêu chuẩn của Việt Nam và quốc tế.

**Sáng tạo:** Trường Đại học Kiến trúc Đà Nẵng hướng tới phát huy tối đa khả năng của người học thông qua các hoạt động nghiên cứu và triển khai áp dụng các nghiên cứu vào thực tế đời sống. Sinh viên có khả năng nghiên cứu và ứng dụng khoa học - công nghệ, là đỉnh cao nhất của con đường thu nhận và tái sinh tri thức; là phương thức phát triển mạnh nhất, nhanh nhất và hứa hẹn nhất.

**Đạo đức:** Đạo đức là những chuẩn mực tốt đẹp trong tính cách của con người, mang đậm giá trị truyền thống tốt đẹp của con người nói chung và người Việt Nam nói riêng. Hoạt động đào tạo của Trường Đại học Kiến trúc Đà Nẵng hướng tới tạo ra những con người mang đậm giá trị văn hóa của dân tộc, có thái độ ứng xử phù hợp với chuẩn mực đạo đức xã hội; đạo đức nghề nghiệp và tác phong công nghiệp, hiện đại, hội nhập.

**Phát triển:** Trường Đại học Kiến trúc Đà Nẵng hướng tới mục tiêu sinh viên có đủ tri thức, kỹ năng và năng lực cạnh tranh để đáp ứng nhu cầu dạy và học, phục vụ hội nhập khu vực và thế giới, góp phần đưa đất nước Việt Nam ngày càng phát triển.

**Trách nhiệm:** Trách nhiệm là lý trí quan trọng để mỗi cá nhân trở nên có ích cho xã hội. Vì vậy, Trường Đại học Kiến trúc Đà Nẵng hướng tới làm cho người học phải có trách nhiệm với bản thân, với gia đình, với cộng đồng, với đất nước...

Trong 5 năm qua, Trường đã tổ chức quán triệt nội dung các văn bản: Chỉ thị 39-CT/TW của Bộ Chính trị về việc tiếp tục đổi mới, đẩy mạnh phong trào thi đua yêu nước, phát hiện, bồi dưỡng, tổng kết và nhân điển hình tiên tiến; Chỉ thị số 34-CT/TW của Bộ Chính trị về tiếp tục đổi mới công tác thi đua, khen thưởng; Luật Thi đua, khen thưởng và các văn bản hướng dẫn thi hành, CBGVNV Trường quán triệt sâu sắc tư tưởng Hồ Chí Minh về thi đua ái quốc “Thi đua là yêu nước, yêu nước thì phải thi đua và những người thi đua là những người yêu nước nhất”. Trên cơ sở đó, các đơn vị thuộc Trường đã tích cực hưởng ứng các phong trào thi đua của Bộ GD&ĐT, UBND Thành phố phát động, với mục tiêu, nội dung tiêu chí thi đua gắn với nhiệm vụ chính trị và học tập, làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh. Trường tham gia hoạt động của Cụm Thi đua các trường đại học và cao đẳng ngoài công lập (2015-2017) và Khối Thi đua các trường đại học (2018-2020), chú trọng xây dựng môi trường thi đua lành mạnh, gắn danh hiệu thi đua với quyền lợi của các đối tượng tham gia thi đua; xét tặng các danh hiệu thi đua công khai, minh bạch, bình đẳng, nghiêm túc; từng bước thực hiện “khen xứng, thưởng xứng” cho các đối tượng tham gia thi đua.

Nhà trường đã thực hiện tốt công tác quảng bá tuyển sinh tại các trường THPT ở Đà Nẵng cũng như các tỉnh Miền Trung – Tây Nguyên. Kết quả, trong 5 năm 2015-2019 có 7.324/9.680 thí sinh nhập học, đạt 75,66% kế hoạch. Hoạt động đào tạo của Trường theo hệ thống tín chỉ đã được thực hiện ổn định. Trong 5 năm qua, nhà trường đã mở mới 03 ngành đào tạo trình độ đại học (Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử, Công nghệ thông tin và Quản trị dịch vụ Du lịch và Lữ hành); Cập nhật, đổi mới và hoàn thiện 19 chương trình đào tạo (năm 2017 và năm 2019)

Hoạt động KHHCN đã được trường chú trọng thực hiện, trong 05 năm đã thực hiện 122 đề tài của GV (trong đó có 120 đề tài cấp trường và 02 đề tài cấp Bộ/Tỉnh), công bố 252 bài báo/báo cáo hội nghị khoa học trên các tạp chí/hội nghị chuyên ngành trong và ngoài nước trong. Có 28 bài báo và báo cáo hội nghị quốc tế (với 12 bài công bố trên tạp chí ISI); 51 bài trên các tạp chí khoa học trong nước; 173 trên tạp chí của Trường; Về giải thưởng Khoa học Công nghệ, có 01 Giảng viên được nhận giải thưởng cấp Bộ; Về sinh viên, có 34 giải cấp Quốc gia, 17 giải cấp Bộ/Ngành/Địa phương.

Trong giai đoạn 2015-2020, Nhà trường đã hoàn thành Đánh giá ngoài cơ sở giáo dục đại học chu kỳ 2012-2017 theo Bộ tiêu chuẩn của BGD&ĐT và được công nhận đạt chuẩn. Trong giai đoạn 2020-2025, Nhà trường triển khai tự đánh giá các chương trình đào tạo và đánh giá ngoài 3 chương trình đào tạo; chuẩn bị các điều kiện để tự đánh giá và đánh giá ngoài cơ sở giáo dục chu kỳ 2018-2022.

Trong 05 năm qua, đã có nhiều mô hình, điển hình tiên tiến được áp dụng như: (1) Chuyên gia công nghệ - Hệ thống phần mềm và phần cứng hỗ trợ giám sát trạng thái Turbine gió (Đơn vị nhận chuyên gia: Công ty TNHH MTV năng lượng tái tạo Việt Nam – Văn phòng đại diện Bình Thuận) của ThS. Nguyễn Mạnh Hà (khoa Công nghệ điện, điện tử); (2) Mô hình học tập gắn kết cộng đồng - Community-engaged learning (CEL) của ThS. Phan Trần Kiều Trang (Trung tâm Học tập Gắn kết Cộng đồng); (3) Mô hình Câu lạc bộ Sketchers DAU của Hội Sinh viên; (4) Mô hình xây dựng phong trào Toàn dân BVANTQ gắn với phong trào 02 không của phòng Công tác sinh viên; (5) Mô hình xây dựng đội nắm bắt dư luận xã hội của Đoàn Thanh niên; (6) Mô hình tình nguyện vì cộng đồng của Hội sinh viên; (7) Mô hình Chung tay thực hiện công tác An sinh xã hội của Công đoàn, (8) Mô hình “Nói không với rác thải nhựa” của Đoàn Thanh niên; (9) Mô hình “Câu lạc bộ Ngân hàng máu nóng” của Hội sinh viên; (10) Mô hình phát triển chương trình đào tạo của ThS. KTS. Trương Kim Minh Châu và ThS. KTS. Võ Thành Nghĩa (Khoa Kiến trúc).

Các danh hiệu thi đua đã đạt được: Cờ của UBND Tp Đà Nẵng đã có thành tích xuất sắc trong phong trào thi đua yêu nước năm học 2015 – 2016; Cờ của UBND Tp Đà Nẵng ghi nhận 10 năm xây dựng và phát triển; Cờ thi đua của UBND Tp Đà Nẵng cho đơn vị dẫn đầu phong trào thi đua của Khối thi đua các Trường Đại học năm học 2017 – 2018; Cờ Thi đua của UBND Tp Đà Nẵng về việc đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, dẫn đầu phong trào thi đua của Khối thi đua các Trường Đại học năm học 2018 – 2019.

Các hình thức khen thưởng: Bằng khen của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT về việc đã có thành tích xuất sắc trong quá trình xây dựng và phát triển giai đoạn 2006 – 2016; Bằng khen của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT về việc đã có thành tích xuất sắc phong trào thi đua “Đổi mới sáng tạo trong dạy và học” năm học 2016 – 2017; Bằng khen của UBND Tp Đà Nẵng về việc đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ năm học 2016 – 2017.

### ***b) Cơ cấu tổ chức của Trường***

Sơ đồ Bộ máy tổ chức của Trường hiện tại như sau: (trang bên)

Đảng ủy lãnh đạo nhà trường và các tổ chức đoàn thể, xã hội.

Hội đồng Trường trường ĐHKTDN gồm 11 thành viên.

Ban Giám hiệu: gồm Hiệu trưởng và 03 Phó Hiệu trưởng.

- 10 Phòng gồm: Phòng Đào tạo, Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng, Phòng Công tác sinh viên, Phòng Tổ chức Nhân sự, Phòng Hành chính Tổng hợp, Phòng Tài chính kế toán, Phòng Khoa học Công nghệ, Phòng Hợp tác quốc tế và Truyền thông, Phòng Thanh tra - Pháp chế, Phòng Quản lý dự án và Quản trị thiết bị

- 08 Khoa, gồm: Khoa Kiến trúc, Khoa Xây dựng, Khoa Cầu đường, Khoa Kinh tế, Khoa Ngoại ngữ, Khoa Du lịch, Khoa Công nghệ thông tin, Khoa Công nghệ kỹ thuật Điện - Điện tử.

- 03 Trung tâm, gồm: Trung tâm Học tập gắn kết cộng đồng, Trung tâm bồi dưỡng Ngoại ngữ - Tin học, Trung tâm Tư vấn và Hỗ trợ việc làm.

- Đảng bộ Trường trực thuộc Đảng bộ quận Hải Châu. Đảng bộ có 08 Chi bộ và 110 đảng viên; Công đoàn cơ sở trực thuộc Liên đoàn Lao động Thành phố Đà Nẵng, có .... đơn vị công đoàn bộ phận, với .... đoàn viên công đoàn; Đoàn Thanh niên CSHCM trường ĐHKTDN trực thuộc Đoàn thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh TP Đà Nẵng, có .... đoàn viên.

### ***c) Cấu trúc tổ chức của Hội đồng Trường***

Hội đồng trường là tổ chức quản trị, thực hiện quyền đại diện của Trường Đại học Kiến trúc Đà Nẵng, được công nhận theo Quyết định số 65/QĐ-ĐHKTDN ngày 18/01/2020 của Hội nghị Nhà đầu tư Trường Đại học Kiến trúc Đà Nẵng, nhiệm kỳ 2020-2025. Hội đồng trường có 11 thành viên bao gồm đại diện Nhà đầu tư, những thành viên trong và ngoài trường được bầu theo đúng quy trình quy định và hoạt động theo chức năng, nhiệm vụ được quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật, các quy định, hướng dẫn của Chính phủ, Bộ Giáo dục & Đào tạo

## **2. Bối cảnh triển khai các hoạt động của cơ sở giáo dục**

### **2.1. Quy định pháp lý**

Trường ĐHKTDN được thành lập theo Quyết định số 270/2006/QĐ-TTg ngày 27/11/2006 của Thủ tướng Chính phủ, là một trong các trường đại học tư thục có nhiệm vụ đào tạo nguồn nhân lực các ngành mỹ thuật, kỹ thuật, kinh tế và ngoại ngữ có chất lượng cao cho các tỉnh miền Trung, Tây Nguyên và cả nước.

Cơ cấu tổ chức của trường ĐHKTDN được tổ chức theo mô hình 4 cấp, thực hiện đúng quy định của Luật Giáo dục, Luật giáo dục Đại học, Điều lệ trường Đại học. Do đó, có tính linh hoạt, phù hợp với thực tế và đáp ứng đầy đủ cho quá trình thực hiện sứ mạng và mục tiêu của nhà trường.

Hội đồng Trường gồm có Chủ tịch HĐ và 10 thành viên. BGH gồm có Hiệu trưởng và 3 Phó Hiệu trưởng. Nhà trường có 8 khoa đào tạo, 10 phòng chức năng, 3 bộ môn trực thuộc trường và Trung tâm học tập gắn kết cộng đồng. Có 17 bộ môn trực thuộc khoa quản lý 18 ngành đào tạo và 2 tổ trực thuộc trường. Tổng số cán bộ, giảng viên và nhân viên toàn trường là 434 người trong đó số lượng GV cơ hữu là 336 người (chiếm tỷ lệ 77,42%). Đội ngũ GV của trường có 01GS, 8PGS, 46 TS&TSKH (tỷ lệ 12,23 %), 290 ThS (tỷ lệ 77,13%).

### **2.2. Mô tả những thách thức chính mà trường gặp phải và kế hoạch của Nhà trường để khắc phục những thách thức đó**

#### **a) Thách thức**

Trong bối cảnh KHHCN đang phát triển và thay đổi quá nhanh, thế giới và Việt Nam đang bước vào thời kỳ “cách mạng công nghệ 4.0”, đã mang đến cho các trường ĐH nói chung và Nhà trường nói riêng một số thách thức. Đảng ủy, BGH Nhà trường nhận ra bốn nguy cơ thách thức cơ bản và đã có kế hoạch, giải pháp khắc phục những thách thức đang hiện hữu.

- Thứ nhất, đó là sự cạnh tranh giữa các trường ĐH trong và ngoài nước. Trong xu thế hội nhập quốc tế và khu vực, hiện nay các trường ĐH ở Việt Nam đều phát triển theo hướng đa ngành, đa lĩnh vực. Do đó, rất nhiều trường sẽ có nhiều ngành, nhiều CTĐT tương tự như các CTĐT đã có ở Trường. Trước tình hình rất nhiều trường ĐH trong nước không đủ chỉ tiêu tuyển sinh, các trường ĐH nước ngoài tạo điều kiện cho các thí sinh du học, Nhà trường luôn đặt mục tiêu chất lượng đào tạo lên hàng đầu, chỉ có chất lượng mới tồn tại và cạnh tranh lành mạnh với các trường ĐH trong và ngoài nước.

- Thứ hai, đó là việc đáp ứng nguồn nhân lực chất lượng cao cho xã hội. Rất nhiều doanh nghiệp cho rằng khi tiếp nhận sinh viên mới tốt nghiệp từ các trường làm việc họ phải đào tạo lại cho sinh viên. Nhà trường đã hướng đến mục tiêu đào tạo theo hướng



nghiên cứu, ứng dụng đáp ứng nhu cầu xã hội và hội nhập quốc tế trong lĩnh vực quy hoạch, kiến trúc, xây dựng, kỹ thuật hạ tầng đô thị và mỹ thuật ứng dụng. Thực tế trong những năm qua, Nhà trường luôn có những sinh viên đại diện cho Việt Nam dự thi các cuộc thi về sáng tạo trong thiết kế kiến trúc, mỹ thuật và đạt giải cao.

- Thứ ba, đó là giải quyết việc làm cho sinh viên khi tốt nghiệp ra trường. Nhà trường có mối quan hệ tốt với các doanh nghiệp hàng đầu trong lĩnh vực quy hoạch – kiến trúc, xây dựng, mỹ thuật ứng dụng và sẽ tiếp tục phát triển thêm nhiều mối quan hệ với doanh nghiệp, đa dạng hóa các hình thức liên kết giữa Nhà trường và doanh nghiệp nhằm tạo điều kiện cho sinh viên thực tập tốt nghiệp cũng như tạo sự gắn kết giữa sinh viên và doanh nghiệp, giúp các em có thể quay trở lại doanh nghiệp làm việc sau khi tốt nghiệp;

- Thứ tư, đó là việc chuyển giao KHCN đáp ứng cho địa phương và khu vực trong tình hình “thế giới phẳng” như hiện nay. Trong những năm qua, chi phí dành cho NCKH chưa nhiều, Trường đang cải thiện vấn đề này bằng nhiều chính sách phù hợp. Ngoài các giảng viên thực hiện NCKH, Nhà trường đang khuyến khích NCKH trong sinh viên, các đề tài có tính mới, tính ứng dụng cao....

## **b) Kế hoạch**

*1. Xây dựng hệ thống quản trị đại học theo hướng tiếp cận với thế giới:* Tiếp tục nghiên cứu, vận dụng triển khai mô hình quản trị đại học tiên tiến theo hướng dân chủ, hiện đại, hiệu quả. Hoàn thiện bộ tiêu chí đánh giá năng lực và hiệu quả công tác của đội ngũ CBVC và NLD theo hướng dân chủ, công bằng và khách quan nhằm khai thác có hiệu quả nguồn nhân lực và tạo động lực phát triển cho mọi cá nhân. Hoàn thiện quy trình kiểm tra, giám sát toàn diện các hoạt động của Nhà trường nhằm hỗ trợ tích cực cho công tác quản lý và nâng cao chất lượng đào tạo, đảm bảo tính khả thi, công khai của văn bản quy phạm nội bộ, có cơ chế giám sát, phối hợp giữa các đơn vị trong việc thực hiện đối với công tác thi hành pháp luật.

### *2. Đổi mới và nâng cao chất lượng đội ngũ*

Tiếp tục bồi dưỡng và phát triển đội ngũ về số lượng và đảm bảo về chất lượng, phù hợp với mục tiêu đào tạo của các CTĐT, các hệ đào tạo; Có chính sách phù hợp để thu hút những người có trình độ tiến sĩ về công tác tại Trường; Nâng cao năng lực NCKH của GV. Tổ chức bồi dưỡng thường xuyên về phương pháp giảng dạy đại học hiện đại và kỹ năng sử dụng phần mềm hỗ trợ giảng dạy, thực hiện chuyển đổi số trong quản lý đào tạo, thực hiện bài giảng điện tử, xây dựng cộng đồng học thuật, trao đổi chuyên môn; Tiếp tục nâng cao trình độ nghiệp vụ cho viên chức khối hành chính, phục vụ.

Nâng cao năng lực của đội ngũ cán bộ quản lý đi đôi với việc thực hiện phân cấp, phân quyền triệt để cho các khoa, phòng, trung tâm. Tăng cường tính tự chủ, tự chịu

trách nhiệm của người đứng đầu cũng như phát huy chủ động, sáng tạo của mọi thành viên để hoàn thành tốt nhiệm vụ.

### *3. Nâng cao chất lượng và đa dạng hóa chương trình đào tạo*

- Thực hiện phân tầng CTĐT bậc đại học theo hướng tinh hoa và hướng nghề nghiệp; thiết kế lại khung thời gian đào tạo các trình độ phù hợp với khung thời gian đào tạo tương ứng của các trường đại học trên thế giới để tạo điều kiện cho việc chuyển tiếp học tập trong liên kết đào tạo quốc tế. Rút ngắn thời gian đào tạo theo hướng tăng cường dạy những quy luật cơ bản, hướng dẫn SV tự học, tự sáng tạo, tăng cường thực hành, thực tập tại doanh nghiệp.

- Xây dựng các CTĐT theo hướng tiếp cận nhu cầu thị trường lao động, đào tạo nhân lực gắn định hướng nhân lực rõ ràng giúp người học thích nghi nhanh chóng với môi trường lao động.

- Áp dụng các phương pháp dạy học tích cực, tạo điều kiện để người học phát triển tốt nhất năng lực; đổi mới PPGD theo hướng hiện đại, phát huy tính tích cực, chủ động, sáng tạo của người học; đổi mới phương pháp kiểm tra đánh giá kết quả đào tạo gắn với chuẩn đầu ra.

- Mở rộng, phát triển các CTĐT chất lượng cao, các chương trình liên kết đào tạo với nước ngoài

- Tạo sự gắn kết chặt chẽ với doanh nghiệp thông qua các hoạt động: mời lãnh đạo các doanh nghiệp tham gia vào quá trình xây dựng CTĐT, giảng dạy kiến thức thực tiễn cho SV, đưa SV đến doanh nghiệp thực tập và thực hiện các đề tài NCKH.

- Thực hiện đánh giá CTĐT hàng năm để rà soát, điều chỉnh các CTĐT bậc đại học và sau đại học theo hướng thiết thực, nhấn mạnh việc phát triển năng lực tự học tập suốt đời của người học; Có lộ trình và kế hoạch kiểm định chất lượng chương trình đào tạo theo tiêu chuẩn quốc tế.

### *4. Quốc tế hóa các hoạt động hợp tác và liên kết quốc tế*

- Xây dựng môi trường, cơ chế, chính sách phù hợp trong hoạt động HTQT nhằm thu hút nguồn lực để phát triển; đẩy mạnh hợp tác chiến lược và đa dạng hóa quan hệ với các đối tác trên thế giới; tạo cơ chế để thu hút GV, chuyên gia nước ngoài, người Việt Nam ở nước ngoài đến tham gia giảng dạy, nghiên cứu, trao đổi học thuật; đẩy mạnh hợp tác quốc tế thông qua các cán bộ, GV đã được đào tạo ở nước ngoài.

- Tăng cường quan hệ với các trường đại học và các tổ chức quốc tế để tìm nguồn học bổng cho GV và SV, tăng cường đội ngũ GV, tình nguyện viên người nước ngoài tham gia giảng dạy. Triển khai đồng bộ, hiệu quả các thỏa thuận hợp tác đã ký kết thành các dự án cụ thể.

### *5. Huy động và sử dụng hiệu quả các nguồn tài chính*

Thúc đẩy các hoạt động sự nghiệp và hoạt động dịch vụ (tăng nguồn thu từ các trung tâm dịch vụ, trung tâm ngoại ngữ, phát triển các lớp chất lượng cao, ...) để tăng thêm nguồn lực tài chính của trường.

Tiếp tục huy động tăng cường bổ sung nguồn lực tài chính từ tất cả các nguồn.

Tranh thủ các dự án bên ngoài, các tổ chức kinh tế - xã hội, các tổ chức quốc tế để nâng cấp, đầu tư, xây dựng mới các mô hình phòng học đặc thù góp phần cải thiện và hiện đại hóa CSVC của nhà trường.

Thực hiện có hiệu quả cơ chế tự chủ tài chính; quản lý và sử dụng các nguồn lực tài chính đúng quy định. Phân bổ và sử dụng tài chính hợp lý cho các lĩnh vực hoạt động, rà soát quy chế chi tiêu nội bộ hằng năm để điều chỉnh kịp thời cho phù hợp với thực tế và các chế độ, chính sách mới ban hành.

### **2.3. Mô tả các điểm mạnh và cơ hội của Nhà trường và cách mà trường tận dụng những điểm mạnh và cơ hội đó**

#### **a) Điểm mạnh**

- Trường có truyền thống đào tạo các ngành kiến trúc,
- Đội ngũ giảng viên ĐH và sau ĐH của nhà trường tập hợp được đội ngũ sư phạm có bề dày kinh nghiệm và uy tín, vừa có năng lực khoa học tốt, đồng thời với hoạt động thực tiễn chuyên môn có hiệu quả, được xã hội đánh giá cao.
- Giảng viên của trường có nhiều người có kinh nghiệm học tập, nghiên cứu và làm việc tại nước ngoài, tạo nền tảng cơ sở cho việc hợp tác đa phương, đa dạng.
- Hệ thống quản lý và tổ chức đào tạo có tính ổn định hệ thống, nề nếp với cơ cấu nhân sự tương đối gọn nhẹ hơn so với các trường bạn.
- CSVC đào tạo tương đối đầy đủ
- Chất lượng đào tạo được xã hội đánh giá cao: Tỷ lệ sinh viên của Nhà trường có việc làm trong vòng 6 tháng đến 1 năm ngay sau khi tốt nghiệp rất cao với mức thu nhập tốt.

#### **b) Điểm yếu**

- Nguồn lực tài chính cho việc đầu tư xây dựng cơ bản cũng như nâng cao chất lượng đội ngũ, phát triển chương trình, thực hiện NCKH nhìn chung còn hạn chế.
- Đội ngũ giảng viên vẫn còn chưa tương xứng về mặt số lượng so với nhu cầu của xã hội, đặc biệt là các giảng viên cho đào tạo sau ĐH và các chương trình quốc tế vẫn còn thiếu.
- Đội ngũ chuyên viên thực hiện công tác quản lý đào tạo còn mỏng, chưa được đào tạo bài bản và chưa có được cơ chế hoạt động tự chủ phù hợp để phát huy tối ưu tiềm năng đội ngũ.
- Công tác quản lý hành chính nói chung còn nhiều phần đang thực hiện thủ công.

### ***c) Cơ hội***

- Nhu cầu học tập trình độ ĐH và sau ĐH của xã hội đối với lĩnh vực kiến trúc, quy hoạch, thiết kế vẫn đang ở mức cao trong các năm sắp tới. Các CTĐT sau ĐH và đào tạo quốc tế còn tiềm năng phát triển từ số lượng sinh viên tốt nghiệp bậc ĐH (kể cả từ chính nhà trường cũng như các trường khác có đào tạo ngành liên quan) ngày càng nhiều.

- Nhiều cơ sở đào tạo ở nước ngoài có các ngành liên quan đến trường hiện đang có nhu cầu phát triển các mô hình liên kết đào tạo để tăng nguồn thu của họ.

- Nhiều doanh nghiệp trong và ngoài nước có nhu cầu hỗ trợ, tài trợ học bổng cho sinh viên, đồng thời có nhu cầu hợp tác với nhà trường trong công tác nghiên cứu thực tiễn, cũng như tham gia vào quá trình giảng dạy các chương trình phù hợp.

- Xu hướng thực hiện các đề án, dự án nghiên cứu về phát triển bền vững trong bối cảnh biến đổi khí hậu mà Việt Nam đang chịu ảnh hưởng nhiều, đã và đang tạo cơ hội để phát triển nguồn lực cho nhà trường cả về số lượng, chất lượng công tác NCKH thiết thực, hiệu quả.

- Nhu cầu đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao cho xã hội, cũng đang tạo điều kiện phát triển các CTĐT mới, hướng đến đạt chuẩn quốc tế.

- Xu thế và tính tất yếu của tự chủ đại học: Mô hình thí điểm tự chủ bước đầu được đánh giá tích cực, các CSGD đại học đã có những thành tựu nhất định và được xã hội công nhận. Các trường đại học đã chủ động mở ngành và phát triển chương trình đào tạo theo nhu cầu xã hội; phương pháp và nội dung giảng dạy tiếp cận chuẩn quốc tế. Cùng với đó, các trường tự chủ đã được giao nhiều quyền hơn nữa trong các lĩnh vực, giúp giảm bớt các thủ tục hành chính nên đã chủ động, linh hoạt hơn trong tổ chức thực hiện các hoạt động của Nhà trường. Về tổ chức bộ máy, các trường chủ động hơn trong thành lập mới, sáp nhập, chia tách, giải thể, nâng cấp các đơn vị trong nhà trường.

### ***d) Thách thức***

- Các trường ĐH đang có xu hướng mở thêm các ngành đào tạo lĩnh vực kiến trúc, xây dựng, thiết kế ở các bậc ĐH, cũng như sau ĐH, mở các khóa đào tạo theo nhu cầu xã hội cho các tỉnh thành khu vực phía Nam.

- Ngày càng nhiều các nhà đầu tư tham gia vào lĩnh vực giáo dục ĐH, cũng như các trường ĐH quốc tế đã và đang gia tăng điều kiện CSVN, cũng như thu hút chất xám đội ngũ giảng viên giỏi sang làm việc.

- Các CTĐT quốc tế từ các nước khu vực và trên thế giới đang có thu hút sinh viên từ Việt Nam theo học cả ở bậc ĐH và sau ĐH.

- Một số ngành nghề đang chưa được xã hội nhận biết đúng tiềm năng đầu ra của sinh viên, dẫn đến việc ứng tuyển vào các ngành này đang ở mức thấp. Từ đó, dẫn đến

chất lượng thí sinh đầu vào của một số ngành có sự chênh lệch so với các một số chương trình khác, đặt ra thách thức lớn cho khâu tuyển sinh.

- Hiện nay, chủ trương, chính sách về tuyển sinh, đào tạo của Bộ GD&ĐT đang thay đổi hằng năm, chưa tạo sự ổn định về cơ chế để nhà trường xây dựng kế hoạch tương ứng cho từng khâu, từng mặt của vấn đề.

- Tiến trình hội nhập sâu rộng về kinh tế quốc tế đang đặt ra ngày càng nhiều đòi hỏi ngày càng cao hơn đối với sản phẩm đào tạo của trường.

- Các nguồn tài trợ quốc tế cho các dự án nghiên cứu, xây dựng, kiến trúc ở Việt Nam ngày càng thu hẹp do hạn chế về mặt bối cảnh (nước ta đã ra khỏi nhóm nước nghèo nên không còn trong danh sách ưu tiên tài trợ từ các quỹ quốc tế).

Các giải pháp xử lý rủi ro và tận dụng những cơ hội

- Ưu tiên chất lượng, ổn định số lượng tuyển sinh đối với các ngành truyền thống, đồng thời hướng đến việc mở thêm ngành mới đào tạo cả trong nước và liên kết quốc tế

- Ứng dụng CNTT để tổ chức công tác đào tạo và quản lý đào tạo mang tính linh hoạt, thích ứng với nhu cầu của người học theo tôn chỉ người học làm trung tâm.

- Xây dựng cơ chế phối hợp giữa các khoa chuyên môn với các phòng ban trong các khâu thủ tục hành chính, đặc biệt tập trung trong việc xây dựng, đổi mới CTĐT và mở các CTĐT mới.

- Tổ chức đào tạo đội ngũ giảng viên sau ĐH kế cận thông qua phương thức đồng giảng dạy.

- Cùng với đối tác nước ngoài tìm nguồn tài chính từ các quỹ hỗ trợ, chương trình giáo dục, nghiên cứu cho hoạt động HTQT. Kết hợp hoạt động HTQT với hoạt động xây dựng đội ngũ, hỗ trợ và nâng cao trình độ giảng viên.

- Tiếp tục đầu tư hoàn thiện CSVC

- Duy trì thường xuyên công tác TĐG, ĐGN KĐCL CSGD và KĐCL CTĐT.

- Nghiên cứu xây dựng, đổi mới cơ chế, chính sách trong khuôn khổ cho phép để tạo điều kiện cho cán bộ giảng viên phát huy năng lực sư phạm, tham gia NCKH, CGCN và tham gia hoạt động chuyên môn thực tiễn; khuyến khích sinh viên NCKH, tham gia các hoạt động sáng tạo kỹ thuật. Chủ động hội nhập, tận dụng mối quan hệ với các đối tác trong nước và quốc tế để triển khai các dự án, các nội dung ghi nhớ hợp tác về đào tạo, NCKH đã được ký kết.

- Về quản lý, Nhà trường tập trung kiện toàn tổ chức bộ máy, xây dựng lề lối, phương pháp làm việc của các đơn vị trực thuộc Trường theo hướng tinh gọn, hoạt động hiệu quả. Thường xuyên xem xét, cải tiến hệ thống quản lý chất lượng nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động của Nhà trường.

### **3. Cơ sở dữ liệu kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục (xem phụ lục)**

## Phần II. TỰ ĐÁNH GIÁ VỀ CHẤT LƯỢNG CƠ SỞ GIÁO DỤC

### Tiêu chuẩn 1: Tầm nhìn, sứ mạng và văn hóa

**Tiêu chí 1.1: Lãnh đạo cơ sở giáo dục đảm bảo tầm nhìn và sứ mạng của cơ sở giáo dục đáp ứng được nhu cầu và sự hài lòng của các bên liên quan**

**Mô tả:** Trường Đại học Kiến trúc Đà Nẵng được thành lập theo Quyết định số 270/2006/QĐ-TTg ngày 27/11/2006 của Thủ tướng Chính phủ [H1.01.01.01]. Trải qua hơn 16 năm thành lập và phát triển, tập thể các nhà lãnh đạo, giảng viên, nhân viên và sinh viên của Trường đã không ngừng quyết tâm, nỗ lực phấn đấu để khẳng định vị thế của mình trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo đại học. Trong những năm đầu thành lập, Trường Đại học Kiến trúc Đà Nẵng cũng đã xây dựng tầm nhìn, sứ mạng và được công bố bằng văn bản [H1.01.01.02]. Qua các giai đoạn phát triển, tầm nhìn và sứ mạng của trường đã có những điều chỉnh cho phù hợp với Chiến lược phát triển giáo dục Trường Đại học Kiến trúc Đà Nẵng giai đoạn 2020-2025 và tầm nhìn đến năm 2030 [H1.01.01.06], chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, của cả nước [H1.01.01.07]. Tầm nhìn, sứ mạng của Trường được ban hành mới nhất năm 2020 [H1.01.01.03], [H1.01.01.04], [H1.01.01.05].

Sứ mạng: *“Trường Đại học Kiến trúc Đà Nẵng phát triển thành trường đại học thông minh theo định hướng ứng dụng; là một trong những trường đại học thông minh góp phần đắc lực thực hiện thành công mục tiêu chuyển đổi số quốc gia; đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, có khả năng hội nhập quốc tế và đáp ứng tốt với những yêu cầu của thời đại mới; xây dựng môi trường nghiên cứu khoa học ứng dụng hiện đại, làm động lực thúc đẩy phát triển kinh tế tri thức; và góp phần nâng cao chất lượng cuộc sống của nhân dân”.*

Tầm nhìn đến năm 2030: *“Phát triển thành trường đại học thông minh theo định hướng ứng dụng, là một trong những trường đại học hàng đầu về chuyển đổi số”.*

Trong quá trình xây dựng tầm nhìn và sứ mạng, Trường Đại học Kiến trúc Đà Nẵng luôn chú trọng đến việc tổ chức lấy ý kiến từ các bên liên quan bao gồm ý kiến đóng góp của các thành phần trong và ngoài trường. Trước hết là việc thu thập ý kiến từ đội ngũ lãnh đạo chủ chốt, giảng viên, nhân viên và người học trong trường; sau đó là lấy ý kiến từ các đơn vị ngoài trường và cựu sinh viên [H01.01.01.08], [H01.01.01.09], [H01.01.01.10].

Kết quả góp ý đều cho thấy tầm nhìn và sứ mạng đã được xác định phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, nguồn lực và định hướng phát triển của Trường Đại học Kiến trúc Đà Nẵng [H1.01.01.11], phù hợp với chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của địa

phương và cả nước [H1.01.01.07], Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Kiến trúc Đà Nẵng [H1.01.01.12], Chiến lược phát triển giáo dục Trường Đại học Kiến trúc Đà Nẵng giai đoạn 2020-2025 và tầm nhìn đến năm 2030 [H1.01.01.06].

Trên cơ sở quyết định ban hành tầm nhìn, sứ mạng vừa được rà soát, Hội đồng trường và Hiệu trưởng đã chỉ đạo các Khoa, Phòng, Trung tâm xây dựng các kế hoạch chiến lược, chương trình hành động cho từng giai đoạn và hàng năm để từng bước phát triển thành một trường đại học thông minh theo định hướng ứng dụng, đào tạo ra các Kiến trúc sư, Kỹ sư, Cử nhân có chất lượng cao [H1.01.01.13], [H1.01.01.14]. Các mục tiêu trong Chiến lược được cụ thể hoá trong kế hoạch từng năm học và được triển khai, đánh giá qua các báo cáo tổng kết năm học [H1.01.01.15], [H1.01.01.16]. Chiến lược của Nhà trường được xác định mục tiêu cho từng lĩnh vực hoạt động; phân tích những điểm mạnh, điểm yếu, cơ hội, thách thức và đề ra những giải pháp nhằm thực hiện thành công được sứ mạng, hiện thực hoá tầm nhìn của Nhà trường.

Trường có đủ các nguồn lực để thực hiện sứ mạng và tầm nhìn: đội ngũ giảng viên của Trường là những người có trình độ, chuyên môn cao; đội ngũ cán bộ quản lý, nhân viên có kinh nghiệm; uy tín của Trường có sức thu hút các giảng viên, sinh viên; cơ sở vật chất (phòng học, phòng Lab, phòng máy tính, mạng Internet ...) đáp ứng yêu cầu đào tạo và bồi dưỡng thông qua Báo cáo công khai chất lượng giáo dục hằng năm [H1.01.01.17].

Trường đã tuyên bố sứ mạng, tầm nhìn trên Cổng thông tin điện tử của Trường, in trên các bảng hiệu treo trong khuôn viên Trường, trong các buổi Sinh hoạt công dân sinh viên đầu năm học và đầu khóa, trong Sổ tay sinh viên, trong các bài phát biểu của thầy Hiệu trưởng tại các buổi lễ khai giảng năm học mới và tổng kết năm học [H1.01.01.18], [H1.01.01.19], [H1.01.01.20], [H1.01.01.21], [H1.01.01.22].

Như vậy, trong quá trình xây dựng tầm nhìn và sứ mạng, trường đã tham khảo các văn bản của chính phủ, của Quốc hội [H1.01.01.23], chiến lược phát triển kinh tế của địa phương và của cả nước cũng như lấy ý kiến của các bên liên quan. Vì vậy tầm nhìn, sứ mạng của Trường Đại học Kiến Trúc Đà Nẵng là phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của trường, đáp ứng được nhu cầu và sự hài lòng của các bên liên quan.

**Tự đánh giá: 5/7**

**Tiêu chí 1.2: Lãnh đạo cơ sở giáo dục thúc đẩy các giá trị văn hóa phù hợp với tầm nhìn và sứ mạng của cơ sở giáo dục**

**Mô tả:** Xây dựng môi trường văn hóa trong trường học, thúc đẩy các giá trị văn hóa luôn là mối quan tâm hàng đầu của Hội đồng trường và Ban Giám hiệu Trường Đại

học Kiến Trúc Đà Nẵng. Giá trị văn hóa của Nhà trường được cụ thể hóa thông qua năm giá trị cốt lõi mà Nhà trường đã xây dựng và công bố chính thức trong Chiến lược phát triển giáo dục Trường Đại học Kiến trúc Đà Nẵng giai đoạn 2020-2025 và tầm nhìn đến năm 2030: “*Năng động - Sáng tạo - Trung thực - Chất lượng - Hợp tác*” [H1.01.01.06].

*Năng động*: là phẩm chất mà đội ngũ cán bộ của trường cũng như người học cần có trong một môi trường luôn thay đổi đầy thách thức.

*Sáng tạo*: là bản chất và là mục tiêu của giáo dục đại học hiện đại nhằm kiến tạo tri thức trong một xã hội tri thức và nền kinh tế tri thức và chuyển đổi số. Sáng tạo vừa là mục tiêu vừa là phương tiện phát triển của giáo dục đại học.

*Trung thực*: là phẩm chất nhân bản, nhân văn. Đào tạo và nghiên cứu khoa học phải trung thực. Có như vậy, giáo dục đại học mới có ý nghĩa với sự phồn vinh của đất nước.

*Chất lượng*: sản phẩm con người được đào tạo phải đảm bảo chuẩn đầu ra, nhu cầu tự học nâng cao trình độ và đáp ứng nhu cầu xã hội trong điều kiện hội nhập quốc tế toàn diện.

*Hợp tác*: trong nền kinh tế toàn cầu hóa và sự phát triển của công nghệ thông tin sẽ làm cho thế giới ngày càng thu nhỏ không chỉ về không gian mà cả về thời gian. Trong nền kinh tế tri thức, biên giới vật chất ngày càng mất ý nghĩa truyền thống của nó. Cạnh tranh trong mọi mặt của cuộc sống cũng như trong giáo dục đại học là một thực tế. Cạnh tranh và hợp tác là động lực để phát triển. Vì vậy, sống, làm việc và hợp tác trong một môi trường cạnh tranh đa văn hoá là một hiện thực khách quan.

Qua các nội dung trên, có thể thấy các giá trị cốt lõi này được xem như là kim chỉ nam cho mọi hoạt động của nhà trường và hướng tới phục vụ mọi đối tượng: từ thầy cô giáo, đến người học và cộng đồng.

Đây cũng là những giá trị cơ bản, là tôn chỉ để đưa trường Đại học Kiến Trúc Đà Nẵng phát triển và xác lập vị trí là trường đại học thông minh theo định hướng ứng dụng tiêu biểu trong hệ thống giáo dục Việt Nam, đào tạo sinh viên là những con người tri thức có đạo đức, có kiến thức chuyên môn vững vàng và kỹ năng nghề nghiệp cao, năng động- bản lĩnh - tự tin hội nhập với cộng đồng quốc tế, đảm nhận tốt công việc trong môi trường đa lĩnh vực, đa văn hoá.

Nhà trường xác định rõ giá trị cốt lõi trong công tác đào tạo, bồi dưỡng, nghiên cứu khoa học, phục vụ cộng đồng và các hoạt động khác được thực hiện trên tinh thần tôn trọng, sáng tạo và chất lượng. Để xây dựng được các giá trị cốt lõi, Lãnh đạo trường



thường xuyên thảo luận, bàn bạc, góp ý và tổ chức khảo sát lấy ý kiến các bên liên quan trong Trường. Qua kết quả khảo sát lấy ý kiến, các giá trị cốt lõi mà Nhà trường đã xây dựng nhận được sự đồng thuận cao trong toàn thể giảng viên, nhân viên của Trường và cho thấy các giá trị cốt lõi này phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của Trường, phù hợp với tầm nhìn, sứ mạng, mục tiêu đã công bố **[H1.01.02.01] [H1.01.02.02] [H1.01.02.03] [H1.01.02.04] [H1.01.01.12]**.

Để giữ gìn và phát triển giá trị cốt lõi, Lãnh đạo Nhà trường đã chỉ đạo các đơn vị chức năng trong trường xây dựng kế hoạch công tác từng năm học cùng với các chỉ tiêu cụ thể cần đạt được trong các mảng công tác trọng yếu của Nhà trường như đào tạo, nghiên cứu khoa học, khảo thí và đảm bảo chất lượng giáo dục, tài chính, cơ sở vật chất phù hợp với mục tiêu chiến lược phát triển ngắn hạn, trung hạn và dài hạn của Nhà trường **[H1.01.01.15]**; Đồng thời, lãnh đạo của Trường cũng chỉ đạo, hướng dẫn các đơn vị tìm ra các giải pháp để thực hiện thành công các mục tiêu chiến lược cũng như tiến hành các hoạt động truyền thông, quảng bá gia tăng giá trị và hình ảnh của Nhà trường **[H1.01.01.11]**.

Để thúc đẩy các giá trị cốt lõi “Năng động - Sáng tạo- Trung thực - Chất lượng - Hợp tác”, Nhà trường đã ban hành các văn bản quản lý và tổ chức thực hiện để thúc đẩy các giá trị văn hoá **[H1.01.01.13] [H1.01.01.14]**. Giá trị cốt lõi được phổ biến, công bố rộng rãi trên Cổng thông tin điện tử, in trên các bảng được treo trong khuôn viên của trường, trong các buổi Sinh hoạt công dân sinh viên đầu năm học và đầu khóa, trong các bài phát biểu của thầy Hiệu trưởng tại các buổi lễ khai giảng năm học mới và tổng kết năm học, trong các tài liệu giới thiệu về Trường để mọi người có thể theo dõi, cũng là một cách nhắc nhở các bên liên quan có trách nhiệm thực hiện theo, là một cách thúc đẩy các giá trị này đến mọi người **[H1.01.02.05] [H1.01.02.06] [H1.01.02.07] [H1.01.02.08] [H1.01.01.11]**.

Đề cao giá trị cốt lõi là cách mà Trường Đại học Kiến Trúc Đà Nẵng tương tác với các bên liên quan, lựa chọn chiến lược để thực hiện nhiệm vụ, và cũng là thước đo, là nhân tố cơ bản quyết định phương cách nhà trường thực hiện công việc thông qua nội quy, nguyên tắc, khuôn mẫu ứng xử của trường với các bên liên quan. Giá trị cốt lõi của Trường Đại học Kiến Trúc Đà Nẵng đóng vai trò quan trọng trong việc xây dựng tinh thần của nhà trường, tạo nên uy tín của trường trong xã hội ngày nay – hãy là một DAUer.

Các giá trị cốt lõi phù hợp với tầm nhìn và sứ mạng của Trường Đại học Kiến trúc Đà Nẵng sẽ tạo ra những con người có tri thức phục vụ sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước, có khả năng hội nhập quốc tế và đáp ứng tốt với những yêu cầu của

thời đại mới, đồng thời chuyển giao những kết quả nghiên cứu khoa học vào thực tiễn, góp phần phát triển kinh tế, xã hội trong bối cảnh hội nhập kinh tế toàn cầu, đảm bảo cho người học khi tốt nghiệp có đủ năng lực cạnh tranh và thích ứng nhanh với nền kinh tế hội nhập.

**Tự đánh giá: 5/7**

**Tiêu chí 1.3: Tâm nhìn, sứ mạng và văn hóa của cơ sở giáo dục được phổ biến, quán triệt và giải thích rõ ràng để thực hiện.**

**Mô tả:** Trường Đại học Kiến Trúc Đà Nẵng công bố tầm nhìn, sứ mạng và giá trị cốt lõi để vạch ra hướng đi và có vai trò định hướng trong các hoạt động của Nhà trường nhằm mục đích hướng đến việc đảm bảo chất lượng dạy học, đào tạo và NCKH [H1.01.01.03] [H1.01.01.06]. Trong quá trình xây dựng tầm nhìn, sứ mạng và giá trị cốt lõi, Nhà trường luôn tổ chức khảo sát lấy ý kiến của các bên liên quan trong và ngoài trường, nhằm hoàn thiện và đảm bảo các nội dung phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, định hướng và chiến lược phát triển giáo dục của trường; chiến lược phát triển kinh tế của địa phương và cả nước [H1.01.01.08] [H1.01.01.09] [H1.01.01.10] [H1.01.02.01] [H1.01.02.02].

Tầm nhìn, sứ mạng và giá trị cốt lõi của Nhà trường luôn được phổ biến, quán triệt và giải thích rõ ràng để toàn thể cán bộ, giảng viên, nhân viên và sinh viên thực hiện. Đây cũng là định hướng thực tế và lâu dài của Lãnh đạo Nhà trường nhằm đảm bảo cho tất cả mọi người đều có nhận thức sâu sắc về tầm nhìn, sứ mạng và giá trị cốt lõi mà Nhà trường đã xây dựng. Lãnh đạo trường đã ban hành các văn bản quản lý và tổ chức thực hiện; các kế hoạch hành động, truyền thông, phổ biến về tầm nhìn, sứ mạng và giá trị cốt lõi để chỉ đạo và theo dõi sát sao việc thực hiện của các đơn vị và cá nhân trong toàn trường [H1.01.01.13] [H1.01.01.14].

Từng hoạt động hàng ngày của nhà trường đều bị chi phối bởi tầm nhìn, sứ mạng và giá trị cốt lõi giúp tập thể nhà trường kiên định với lý tưởng của mình. Chính vì vậy, tầm nhìn, sứ mạng và giá trị cốt lõi đã được công bố rộng rãi thông qua Cổng thông tin điện tử của Trường, các bảng hiệu treo trong khuôn viên Trường, được chuyển tải trong các bài phát biểu của thầy Hiệu trưởng tại các buổi lễ khai giảng năm học mới và tổng kết năm học. Trong tuần Sinh hoạt công dân sinh viên đầu năm và đầu khóa, bên cạnh các nội dung giới thiệu về các quy chế, quy định, Trường cũng chú trọng phổ biến, giải thích về tầm nhìn, sứ mạng, giá trị cốt lõi và những việc sinh viên có thể làm để phát huy văn hoá Trường. Những nội dung về sứ mạng, mục tiêu và tầm nhìn cũng được mô

tả rõ ràng trong cuốn Sổ tay sinh viên để sinh viên có thể dễ dàng tiếp cận [H1.01.01.18] [H1.01.01.19] [H1.01.01.20] [H1.01.01.21] [H1.01.01.22].

Bên cạnh đó, nội dung của sứ mạng, tầm nhìn và giá trị cốt lõi của Nhà trường cũng được phổ biến, quán triệt, giải thích tại Hội nghị tổng kết Đảng bộ Trường Đại học Kiến trúc Đà Nẵng hàng năm và ghi rõ trong Nghị quyết của Hội nghị [H1.01.01.04]. Các nội dung này còn được thể hiện thông qua các hoạt động mùa hè xanh, hiến máu nhân đạo hàng năm do Đoàn Thanh niên, Hội sinh viên tổ chức [H1.01.03.01].

**Tự đánh giá: 5/7**

**Tiêu chí 1.4: Tầm nhìn, sứ mạng và văn hóa của cơ sở giáo dục được rà soát để đáp ứng nhu cầu và sự hài lòng của các bên liên quan.**

**Mô tả:** Sau khi xây dựng, ban hành và công bố sứ mạng, tầm nhìn vào năm 2016 [H1.01.04.01] và giá trị cốt lõi vào năm 2017 [H1.01.04.02], các giá trị này tiếp tục được rà soát để đáp ứng nhu cầu và sự hài lòng của các bên liên quan. Để phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, chiến lược phát triển của Trường, chiến lược phát triển kinh tế của địa phương và cả nước, Nhà trường đã tiến hành rà soát, tổ chức thu thập thông tin, ý kiến đóng góp của các bên liên quan [H1.01.01.09] [H1.01.01.10] [H1.01.02.01] [H1.01.02.02]. Kết quả khảo sát cho thấy các bên liên quan trong trường và ngoài trường đã đưa ra nhiều ý kiến góp ý để nhà trường tiếp tục điều chỉnh, hoàn thiện và công bố tầm nhìn, sứ mạng mới vào năm 2020 [H1.01.01.03] [H1.01.01.05]. Riêng với Giá trị cốt lõi, 100% các bên liên quan đánh giá Giá trị cốt lõi được xây dựng từ năm 2017 vẫn còn hợp lí, chưa cần điều chỉnh nên nhà trường vẫn tiếp tục tuyên bố Giá trị cốt lõi trong Chiến lược phát triển giáo dục giai đoạn 2020-2025 và tầm nhìn đến năm 2030 [H1.01.01.06] [H1.01.02.03] [H1.01.02.04]. Sứ mạng, tầm nhìn và giá trị cốt lõi còn được tiếp tục khẳng định trong Hội nghị tổng kết Đảng bộ Trường Đại học Kiến trúc Đà Nẵng hàng năm và ghi rõ trong Nghị quyết của Hội nghị [H1.01.01.04].

Theo dõi việc thực hiện tầm nhìn, sứ mạng và giá trị cốt lõi là hoạt động không thể thiếu của Trường Đại học Kiến trúc Đà Nẵng. Do vậy, Lãnh đạo trường đã ban hành văn bản quản lý và tổ chức thực hiện, trong đó có chỉ đạo việc triển khai rà soát tầm nhìn, sứ mạng và giá trị cốt lõi trong từng năm học thông qua các buổi Hội nghị tổng kết năm học và thể hiện trong các Báo cáo tổng kết năm học. Việc này giúp trường kiểm soát được đúng sai, kết quả đạt được, mức độ phù hợp, và mức độ đáp ứng nhu cầu và sự hài lòng của các bên liên quan [H1.01.01.13] [H1.01.04.03]. Điều đó cho thấy sứ mạng, tầm nhìn và giá trị cốt lõi thể hiện được vai trò, định hướng của Nhà trường trong việc đào tạo và NCKH trong thời gian đến.

### **Tự đánh giá: 5/7**

**Tiêu chí 1.5: Tầm nhìn, sứ mạng và văn hóa của cơ sở giáo dục cũng như quá trình xây dựng và phát triển chúng được cải tiến để đáp ứng nhu cầu và sự hài lòng của các bên liên quan.**

**Mô tả:** Nhằm mục tiêu đảm bảo cho sứ mạng, tầm nhìn và giá trị cốt lõi phù hợp với từng giai đoạn, phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, các nguồn lực và định hướng phát triển, bối cảnh kinh tế xã hội thay đổi mạnh mẽ và đảm bảo phù hợp với định hướng phát triển Nhà trường cũng như đáp ứng nhu cầu và sự hài lòng của các bên liên quan, Trường Đại học Kiến trúc Đà Nẵng đã thực hiện việc rà soát, điều chỉnh và phát triển chúng. Nhà trường đã giao cho Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng chịu trách nhiệm thực hiện việc rà soát tầm nhìn, sứ mạng và giá trị cốt lõi để đáp ứng nhu cầu và sự hài lòng của các bên liên quan [H1.01.01.13] [H1.01.05.02], đồng thời có quy trình xây dựng rõ ràng, cụ thể khi triển khai rà soát, điều chỉnh tầm nhìn, sứ mạng và giá trị cốt lõi để đáp ứng nhu cầu và sự hài lòng của các bên liên quan [H1.01.05.01] [H1.01.05.03].

Trên cơ sở khảo sát ý kiến các bên liên quan về sứ mạng, tầm nhìn trong năm 2020 và giá trị cốt lõi trong năm 2021 cũng như các ý kiến liên quan đến Chiến lược phát triển giáo dục [H1.01.01.09] [H1.01.01.10] [H1.01.02.01] [H1.01.02.02], Nhà trường tiến hành phát triển sứ mạng và tầm nhìn theo hướng kế thừa những nội dung phù hợp của giai đoạn trước và bổ sung những nội dung mới, cập nhật, phù hợp đối với yêu cầu của xã hội trong giai đoạn mới [H1.01.05.04] [H1.01.01.03]. Đối với giá trị cốt lõi, tất cả ý kiến các bên liên quan đều thống nhất giá trị cốt lõi ban hành năm 2017 vẫn còn hợp lý, chưa cần điều chỉnh nên vẫn tiếp tục được tuyên bố trong Chiến lược phát triển giáo dục giai đoạn 2020-2025 và tầm nhìn đến năm 2030 [H1.01.04.02] [H1.01.01.06]. Ngoài ra, sự thay đổi trong tuyên bố tầm nhìn, sứ mạng và giá trị cốt lõi đều có sự thảo luận và thống nhất ý kiến của Hội đồng trường tại các cuộc họp Hội đồng trường định kỳ hàng quý [H1.01.01.05] [H1.01.02.03] [H1.01.02.04]. Các nội dung này còn được thể hiện tại Hội nghị tổng kết Đảng bộ Trường Đại học Kiến trúc Đà Nẵng hàng năm và ghi rõ trong Nghị quyết của Hội nghị [H1.01.01.04].

Như vậy, sứ mạng của Trường đã kế thừa và phát huy nhiệm vụ cơ bản trong đào tạo, đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao trong đó có chú trọng đến chuyển đổi số và hội nhập quốc tế, đảm bảo người học sau khi ra trường có năng lực chuyên môn, có kỹ năng làm việc đáp ứng với yêu cầu xã hội; thúc đẩy môi trường nghiên cứu khoa học hiện đại. Tầm nhìn của Nhà trường đi theo định hướng phát triển thành trường đại học

thông minh, đồng thời nhấn mạnh đến mục tiêu chuyển đổi số trong hoạt động giáo dục đào tạo của Nhà trường.

**Tự đánh giá: 5/7**

## **Đánh giá chung về Tiêu chuẩn 1**

### **1. Tóm tắt các điểm mạnh**

- Trường Đại học Kiến Trúc Đà Nẵng đã xác định rõ tầm nhìn, sứ mạng và giá trị cốt lõi.

- Tầm nhìn, sứ mạng và giá trị văn hóa của nhà trường được rà soát, cải tiến cho phù hợp với chiến lược phát triển của Trường, chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, của cả nước, của khu vực và đáp ứng sự hài lòng của các bên liên quan.

- Sứ mạng, tầm nhìn và giá trị cốt lõi của Trường đã được phổ biến đến các bên liên quan bằng nhiều kênh đa dạng và đã từng bước được hiện thực hoá thông qua các kết quả thực hiện các hành động để đạt được mục tiêu trong các kế hoạch dài hạn, trung hạn và ngắn hạn.

- Sứ mạng, tầm nhìn, giá trị cốt lõi và chiến lược phát triển của Trường được đánh giá, rà soát để đảm bảo Trường phát triển vững mạnh, đáp ứng được nhu cầu của người học và của xã hội

### **2. Tóm tắt các điểm tồn tại**

Số lượng các ý kiến ngoài Trường đề góp ý cho sứ mạng, tầm nhìn của Nhà trường còn hạn chế do quá trình triển khai có những khó khăn.

### **3. Kế hoạch cải tiến**

Có kế hoạch thực hiện hiệu quả việc lấy ý kiến các bên liên quan ngoài trường (Doanh nghiệp, cựu SV, các tổ chức nghề nghiệp, ...) về tầm nhìn, sứ mạng của trường trong những năm học tới.

### **4. Mức đánh giá tiêu chí**

<b>Tiêu chuẩn/Tiêu chí</b>	<b>Tự đánh giá</b>
<b><i>Tiêu chuẩn 1</i></b>	<b>5</b>
Tiêu chí 1.1	5
Tiêu chí 1.2	5

Tiêu chí 1.3	5
Tiêu chí 1.4	5
Tiêu chí 1.5	5

## **Tiêu chuẩn 2: Quản trị**

**Tiêu chí 2.1: Hệ thống quản trị (bao gồm hội đồng quản trị hoặc hội đồng trường; các tổ chức đảng, đoàn thể; các hội đồng tư vấn khác) được thành lập theo quy định của pháp luật nhằm thiết lập định hướng chiến lược phù hợp với bối cảnh cụ thể của CSGD; đảm bảo trách nhiệm giải trình, tính bền vững, sự minh bạch và giảm thiểu các rủi ro tiềm tàng trong quá trình quản trị của CSGD**

**Mô tả:** Đối với quản trị đại học, lãnh đạo Nhà trường nhận thấy đây là vấn đề có tầm quan trọng và được coi là nhân tố quyết định tạo nên thành công của tổ chức. Quản trị tốt là tạo ra một hệ thống các thiết chế, nguyên tắc quản trị tốt cho tổ chức; trong đó có cơ cấu bộ máy và phối hợp các nguồn lực khác nhau để đạt được các mục tiêu chiến lược phát triển của tổ chức đó. Từ đó, trong quá trình xây dựng và phát triển hệ thống quản trị của Trường luôn được điều chỉnh phù hợp với quy định của pháp luật và tình hình thực tế của Nhà trường qua từng giai đoạn dựa trên Chiến lược phát triển của Trường. Hệ thống quản trị của Trường Trường Đại học Kiến trúc Đà Nẵng được xây dựng và hoạt động dựa trên các văn bản quy phạm pháp luật, các quy định, hướng dẫn của Chính phủ, Bộ Giáo dục & Đào tạo như: Luật Giáo dục đại học số 08/2012/QH13 ngày 18/06/2012 [H2.02.01.01]; Luật số 34/2018/QH14 ngày 19/11/2018 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học; Văn bản hợp nhất Luật Giáo dục đại học số 42/VBHN-VPQH ngày 10/12/2018 của Quốc hội; Nghị định số 99/2019/NĐ-CP ngày 30/12/2019 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học [H1.01.01.23]; Nghị quyết số 09/2019/NQ-HĐT.ĐHKTDN ngày 12/10/2019 của Hội đồng trường Trường Đại học Kiến trúc Đà Nẵng về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Kiến trúc Đà Nẵng thay cho Quy chế tổ chức và hoạt động đã ban hành năm 2015 [H2.02.01.02].

Hệ thống quản trị của Trường Đại học Kiến trúc Đà Nẵng gồm: Hội đồng trường (HĐT); Ban Kiểm soát; Đảng ủy; Ban Giám hiệu; Hội đồng Khoa học & Đào tạo, Hội đồng Đảm bảo chất lượng giáo dục và các Hội đồng tư vấn khác như: Hội đồng tư vấn tuyển sinh, Hội đồng thi đua khen thưởng, Hội đồng xét tốt nghiệp, Hội đồng xử lý kỷ luật sinh, ...; các tổ chức đoàn thể như: Công đoàn, Đoàn Thanh niên cộng sản Hồ Chí

Minh (ĐTN), Hội Sinh viên (HSV; các đơn vị tham mưu, giúp việc như: các khoa/tổ chuyên môn (08 khoa và 03 tổ), các phòng chức năng (09 phòng), các trung tâm thuộc Trường (02 trung tâm). Các tổ chức, đơn vị này đều có quyết định thành lập [H2.02.01.03],[H2.02.01.04] [H2.02.01.05] [H2.02.01.06] [H2.02.01.07] [H2.02.01.08] [H2.02.01.09] [H2.02.01.10] [H2.02.01.11], có quy định chức năng và nhiệm vụ rõ ràng [H2.02.01.12]

Cơ cấu tổ chức của Trường Đại học Kiến trúc Đà Nẵng được công bố rộng rãi và công khai đến tất cả cán bộ giảng viên, nhân viên bằng văn bản và cập nhật trên Trang thông tin điện tử của nhà trường tại địa chỉ <http://dau.edu.vn/>.

Hội đồng trường là tổ chức quản trị, thực hiện quyền đại diện của Trường Đại học Kiến trúc Đà Nẵng, được công nhận theo Quyết định số 65/QĐ-ĐHKTTĐN ngày 18/01/2020 của Hội nghị Nhà đầu tư Trường Đại học Kiến trúc Đà Nẵng, nhiệm kỳ 2020-2025. Hội đồng trường có 11 thành viên bao gồm đại diện Nhà đầu tư, những thành viên trong và ngoài trường được bầu theo đúng quy trình quy định và hoạt động theo chức năng, nhiệm vụ được quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật, các quy định, hướng dẫn của Chính phủ, Bộ Giáo dục & Đào tạo [H2.02.01.01] [H2.02.01.02] [H1.01.01.23] và theo quy định Quy chế tổ chức và hoạt động của trường [H2.02.01.13]. Chủ tịch HĐT do HĐT bầu theo nguyên tắc bỏ phiếu kín, trình Hội nghị Nhà đầu tư ra quyết định công nhận. Chủ tịch HĐT bổ nhiệm các chức danh của BGH.

Ban kiểm soát của nhà trường có nhiệm vụ và quyền hạn cụ thể được quy định trong Quy chế tổ chức và hoạt động của trường, chịu trách nhiệm trước Hội nghị Nhà đầu tư về việc triển khai thực hiện các nhiệm vụ theo quy định, chịu trách nhiệm về báo cáo và các hoạt động của mình.

Đảng ủy trường là tổ chức cơ sở Đảng trực thuộc Quận ủy Hải Châu. Ngày 28/5/2007, Ban Thường vụ Quận ủy Hải Châu ban hành Quyết định số 677-QĐ/QU thành lập Chi bộ Đảng Trường Đại học Kiến trúc Đà Nẵng. Đến tháng 6/2011, Ban Thường vụ Quận ủy Hải Châu ban hành Quyết định 756-QĐ/QU nâng cấp Chi bộ thành Đảng bộ Trường Đại học Kiến trúc Đà Nẵng [H2.02.01.06]. Đại hội Đảng bộ Trường Đại học Kiến trúc Đà Nẵng lần thứ III, nhiệm kỳ 2020-2025 đã bầu Ủy viên BCH Đảng bộ gồm 9 đồng chí. Đảng ủy khóa III đã bầu Ban Thường vụ gồm 3 đồng chí để tiếp tục lãnh đạo thực hiện nhiệm vụ của Đảng bộ nhiệm kỳ 2020 – 2025. Đảng ủy trường có chức năng, nhiệm vụ thông qua Quy chế làm việc để lãnh đạo, chỉ đạo triển khai các chỉ thị, nghị quyết của cấp ủy Đảng cấp trên và các nhiệm vụ chính của Trường Đại học Kiến trúc Đà Nẵng.

Ban Giám hiệu Trường Đại học Kiến trúc Đà Nẵng bao gồm Hiệu trưởng và các Phó Hiệu trưởng. Ban Giám hiệu quản lý các hoạt động chung của nhà trường theo sự thống nhất phân công cụ thể các mảng công tác phụ trách **[H2.02.01.14]**. Nhà trường thành lập Hội đồng Khoa học và Đào tạo, Hội đồng Đảm bảo chất lượng giáo dục và các hội đồng tư vấn khác có nhiệm vụ tư vấn, tham mưu về chuyên môn cho Ban Giám hiệu trong các lĩnh vực hoạt động liên quan thông qua các cuộc họp **[H2.02.01.15]**. Các phòng chức năng, các khoa/tổ chuyên môn, các trung tâm có nhiệm vụ tham mưu, tư vấn và giúp việc cho Lãnh đạo trường theo chức năng, nhiệm vụ của từng đơn vị được giao.

Việc phân định vai trò và trách nhiệm của hệ thống quản trị được thể hiện rõ trong Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường. Quy chế này nhằm quản lý, tổ chức một cách có hiệu quả hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học, quan hệ quốc tế; tổ chức bộ máy; quản lý tài chính, tài sản; thi đua khen thưởng; thanh tra pháp chế; văn thư, lưu trữ. Ngoài ra, để cụ thể hóa nhiệm vụ và trách nhiệm giải trình của các đơn vị và cá nhân trong trường, Nhà trường còn ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của từng đơn vị, thể hiện trách nhiệm thông tin, báo cáo, minh bạch và trách nhiệm giải trình, tính bền vững và giảm thiểu các rủi ro tiềm tàng trong quá trình quản trị của Nhà trường với các cơ quan quản lý trực tiếp Bộ Giáo dục & Đào tạo theo quy định của pháp luật **[H2.02.01.12]**.

Để hỗ trợ hiệu quả cho việc quản trị Nhà trường, hệ thống các văn bản liên quan đến việc tổ chức, quản lý các hoạt động đào tạo, NCKH, phục vụ cộng đồng, công tác cán bộ, công tác sinh viên, hợp tác quốc tế, cơ sở vật chất, tài chính, đảm bảo chất lượng đã được ban hành; bổ sung, điều chỉnh phù hợp với thực tiễn. Theo định kỳ hàng tháng, Ban Giám hiệu tổ chức các cuộc họp giao ban với các lãnh đạo khoa, phòng, trung tâm và tổ trực thuộc để tổng kết các công việc đã làm và lập kế hoạch, triển khai kế hoạch chung, thông báo các vấn đề liên quan đến hoạt động của các đơn vị nhằm đảm bảo thông tin nội bộ được minh bạch, công khai cũng như kịp thời điều chỉnh các phát sinh. Các cuộc họp có mời Chủ tịch Hội đồng trường tham dự để nắm tình hình và có sự phối hợp chỉ đạo cùng với BGH **[H2.02.01.16]**.

Để đảm bảo tính minh bạch, dân chủ trong mọi hoạt động và giảm thiểu các rủi ro trong quá trình hoạt động của hệ thống quản trị, Nhà trường thường xuyên thành lập các đoàn kiểm tra nội bộ đối với từng mảng công tác **[H2.02.01.17]**. Kế hoạch thanh kiểm tra do Phòng TTr-PC tham mưu xây dựng, Hiệu trưởng phê duyệt hằng năm trước khi tổ chức thực hiện **[H2.02.01.18]**. Kết quả thanh tra nội bộ những năm qua cho thấy các đơn vị được thanh tra tuân thủ đúng các quy định của pháp luật, những điểm mạnh cần



phát huy và một số tồn tại cần được khắc phục. Quá trình thanh tra nội bộ có tác dụng hướng dẫn, hỗ trợ các đơn vị có liên quan hoàn thiện một cách tốt nhất các nội dung công tác theo yêu cầu, đảm bảo sự tuân thủ pháp luật hiện hành một cách tốt nhất. Ngoài ra, các đoàn kiểm tra của Bộ Giáo dục & Đào tạo và các cơ quan có thẩm quyền khác cũng tổ chức thanh tra, kiểm tra các hoạt động của Nhà trường. Kết quả thanh kiểm tra cũng cho thấy Nhà trường luôn có ý thức chấp hành tốt các quy định hiện hành, có trách nhiệm báo cáo và giải trình, tiếp thu đầy đủ các ý kiến góp ý và có giải pháp khắc phục cụ thể.

Bên cạnh đó, định kỳ hằng năm Nhà trường tổ chức Hội nghị Người lao động; đối thoại giữa sinh viên và lãnh đạo trường và các cuộc khảo sát lấy ý kiến người học [H2.02.01.19] [H2.02.01.20]. Các ý kiến góp ý tại các hội nghị và từ các cuộc khảo sát giúp lãnh đạo trường có cái nhìn tổng quan về hệ thống quản trị của Nhà trường, từ đó có những điều chỉnh thích hợp trong công tác chỉ đạo, điều hành các mảng công tác, hoàn thiện những mặt chưa tốt và phát huy hơn nữa những mặt đang tốt.

Nhìn chung, hệ thống quản trị của Trường Đại học Kiến trúc Đà Nẵng thể hiện rõ mối quan hệ giữa HĐT, BGH với các đơn vị chức năng và chuyên môn trong Trường. Các đơn vị được phân định rõ chức năng, nhiệm vụ đảm bảo trách nhiệm giải trình, tính bền vững, sự minh bạch và giảm thiểu các rủi ro tiềm tàng trong quá trình quản trị của Trường Đại học Kiến trúc Đà Nẵng

**Tự đánh giá: 5/7**

**Tiêu chí 2.2: Quyết định của các cơ quan quản trị được chuyển tải thành các kế hoạch hành động, chính sách, hướng dẫn để triển khai thực hiện.**

**Mô tả:** Để đảm bảo hệ thống văn bản nội bộ phù hợp với mô hình tổ chức, điều kiện thực tế của Nhà trường nhằm thực hiện có hiệu quả các mảng công tác, quản lý và điều hành của hệ thống quản trị nhằm giảm thiểu các rủi ro, lãnh đạo Nhà trường luôn kịp thời đưa ra các quyết định và kế hoạch hành động để cụ thể hoá các văn bản pháp quy của các cơ quan quản lý. Các cơ quan quản trị nhà trường đã chuyển tải các kế hoạch hành động, các chính sách, các hướng dẫn công việc để triển khai thực hiện chức năng nhiệm vụ của mình cũng như để tổ chức, quản lý một cách có hiệu quả công việc thông qua hệ thống văn bản của nhà trường [H2.02.02.01] [H2.02.02.02] [H2.02.02.03] [H2.02.02.04]. Ngoài các văn bản pháp quy của chính phủ và của Bộ Giáo dục và Đào tạo, nhà trường đã xây dựng một hệ thống văn bản phù hợp với mô hình tổ chức hoạt động và điều kiện thực tế của mình nhằm đảm bảo cho hoạt động nhà trường ngày càng có hiệu quả, giảm thiểu vướng mắc việc sai nguyên tắc khi giải quyết công việc, xử lý

các văn bản đi đến, các hướng dẫn công việc, các quy trình nghiệp vụ, các kế hoạch công tác tháng, năm, nghiên cứu khoa học của các đơn vị và của trường.

Về định hướng phát triển chung, nhà trường xây dựng các văn bản về kế hoạch chất lượng ngắn hạn, dài hạn, các chương trình hành động theo nhiệm kỳ của hiệu trưởng **[H1.01.01.06] [H1.01.01.13] [H1.01.01.15]**.

Hội đồng trường cũng ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Kiến trúc Đà Nẵng để tạo hành lang pháp lý cho các đơn vị trong Trường có thể triển khai các hoạt động đảm bảo đúng quy định và đúng chức năng nhiệm vụ **[H2.02.01.13]**. HĐT họp định kì 3 tháng một lần để thảo luận, phê duyệt các kế hoạch, chính sách, thông qua các chủ trương đầu tư ngắn và trung hạn, hàng năm và sử dụng tài sản có giá trị lớn thuộc thẩm quyền của HĐT. Sau mỗi cuộc họp, HĐT ban hành nghị quyết và sẽ giám sát việc thực hiện nghị quyết của BGH **[H2.02.02.01]**.

Căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của đơn vị mình; trưởng các phòng, khoa, đơn vị trực thuộc tham mưu cho BGH các kế hoạch và ký ban hành các văn bản chỉ đạo có tính pháp lý trong toàn trường để điều hành toàn bộ các hoạt động tổng thể của Trường, tránh chồng chéo về chức năng và quyền hạn. Mỗi đơn vị căn cứ chức năng, nhiệm vụ của mình để xây dựng quy trình làm việc và phân công trách nhiệm cụ thể cho lãnh đạo đơn vị, người lao động trong đơn vị mình **[H2.02.01.12]**.

Bên cạnh đó, tất cả các văn bản, quy định sau khi được ban hành đều được triển khai đầy đủ đến các đơn vị và cán bộ, giảng viên, nhân viên và sinh viên qua hệ thống phần mềm quản lý văn bản nội bộ tại địa chỉ <http://giangvien.dau.edu.vn>; <http://sinhviên.dau.edu.vn> và thư điện tử. Mỗi hoạt động của nhà trường đều có các văn bản, các hướng dẫn công việc cụ thể, kèm các biểu mẫu giúp cho việc thực hiện được thuận tiện và dễ dàng, dễ kiểm soát, không có sự mâu thuẫn, vướng mắc giữa các bộ phận liên quan; không có xung đột hoặc chồng chéo về nội dung giữa các văn bản.

Nhà trường cũng đã triển khai hệ thống các quy trình nghiệp vụ, các hướng dẫn công việc theo tiêu chuẩn ISO. Các quy trình nghiệp vụ giúp nhà trường hướng dẫn thực hiện, kiểm tra kiểm soát tất cả các hoạt động trong trường thuộc các mảng: đào tạo, tổ chức - nhân sự, hành chính, nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ, công tác sinh viên, công tác thanh tra giáo dục,... phục vụ cho công tác quản lý trong toàn trường rất hiệu quả. Từ năm 2019, nhà trường đã triển khai thực hiện hệ thống phần mềm quản lý đào tạo PMT- EMS mới thay cho phần mềm quản lý ASC trước đây **[H2.02.02.05]**. Thông qua hệ thống đã giúp nhà trường quản lý được tất cả các hoạt động chuyên môn

thuộc các lĩnh vực: đào tạo, tổ chức - nhân sự, hành chính, nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ, công tác sinh viên, công tác thanh tra giáo dục, ... rất hiệu quả.

Nhà trường đang xây dựng và triển khai hệ thống KPIs (chỉ số đánh giá năng lực thực hiện công việc) thông qua việc xây dựng các chỉ số để đánh giá việc thực hiện của các cá nhân hoặc đơn vị so với các bản mô tả công việc hoặc kế hoạch công tác tháng/năm của cá nhân hay đơn vị đó. Các chỉ số này chỉ rõ quy định chế độ làm việc của giảng viên và nhân viên, quy chế chi tiêu nội bộ, quy chế trả lương, quy định thù lao giáo dục trong các văn bản, các phần mềm,... [H2.02.02.06] Dựa trên việc hoàn thành KPI, nhà trường sẽ có các chế độ thưởng phạt cho từng cá nhân hay tập thể hợp lý, công bằng đồng thời biết được hiệu quả công việc của các cá nhân, đơn vị và đưa ra các biện pháp giải quyết hiệu quả.

Tóm lại, các quyết định của các cơ quan quản trị đã được chuyển tải vào kế hoạch hành động, chính sách và văn bản hướng dẫn để đảm bảo hiệu quả quản trị về mặt tổ chức cũng như các hoạt động giáo dục trong trường; duy trì một hệ thống quản trị vận hành hợp pháp, bảo vệ quyền lợi của các bên liên quan, thực hiện trách nhiệm đối với cộng đồng và bảo vệ môi trường.

**Tự đánh giá: 5/7**

**Tiêu chí 2.3: Hệ thống quản trị của CSGD được rà soát thường xuyên.**

**Mô tả:** Trong giai đoạn 2018-2022, hệ thống quản trị của Trường luôn thực hiện việc rà soát nhằm đảm bảo từng bước hoàn thiện cơ cấu tổ chức và nâng cao chất lượng quản lý, điều hành các hoạt động chung của Nhà trường [H2.02.03.01]. Các nội dung rà soát được thể hiện cụ thể trong Nghị quyết chỉ đạo của Hội đồng trường, được chuyển tải thành kế hoạch chi tiết để tổ chức thực hiện và đạt được các kết quả đề ra [H2.02.03.02]. Theo đó, vào đầu các năm học, Đảng ủy, BGH, Công đoàn Trường, Đoàn Thanh niên và HSV đều ban hành kế hoạch kiểm tra, đánh giá và giám sát hàng năm, làm cơ sở cho việc kiểm tra thực hiện các nội dung đã đề ra theo năm học, và đảm bảo thực hiện tốt công tác điều hành, chỉ đạo có hiệu quả quy chế tổ chức và hoạt động của chính tổ chức mình [H2.02.03.03]. Bên cạnh đó, Phòng Thanh tra-Pháp chế cũng xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch thanh tra, giám sát hàng năm nhằm đảm bảo các quy định của pháp luật về cơ chế dân chủ cơ sở và các hoạt động của CSGD theo quy định của pháp luật hiện hành [H2.02.03.04]. Các nội dung được chú trọng rà soát như Đề án thành lập Trường, Quy chế tổ chức và hoạt động của Nhà trường, Chức năng nhiệm vụ của các phòng, ban, trung tâm và thư viện, hệ thống quản lý văn bản đi và đến trong Trường nhằm đảm bảo các quy định của pháp luật và phù hợp với thực tế tổ chức

và hoạt động của Nhà trường Các kế hoạch rà soát được tổ chức thực hiện và đạt được kết quả thông qua các quyết định ban hành sau khi rà soát, điều chỉnh. **[H2.02.03.05]**, **[H2.02.03.06]**, **[H2.02.03.07]**, **[H2.02.03.08]**.

Hàng năm, trong nội dung báo cáo tổng kết thực hiện kế hoạch năm học của Nhà trường tại cuộc họp toàn trường luôn có nội dung đánh giá cơ cấu tổ chức, chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị, bộ phận và các biện pháp điều chỉnh, cải tiến cơ cấu tổ chức của Trường, chức năng, nhiệm vụ của các phòng chức năng, khoa chuyên môn, trung tâm trực thuộc nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động của hệ thống quản trị **[H2.02.03.09]**. Bên cạnh đó, trong báo cáo tổng kết năm học của Công đoàn Trường, Đoàn Thanh niên đều thể hiện các nội dung rà soát, điều chỉnh về công tác điều hành, quản lý liên quan tới cơ cấu tổ chức, công tác nhân sự và các nội dung quản trị khác nhằm đảm bảo vận hành tốt quy chế tổ chức và hoạt động của tổ chức đã được ban hành **[H2.02.03.10]**. Trong báo cáo sơ kết theo quý công tác của Hội đồng trường Nhà trường luôn có nội dung đánh giá cơ cấu tổ chức, chức năng, nhiệm vụ của từng đơn vị, bộ phận và các văn bản của hệ thống quản trị của Trường **[H2.02.03.11]**. Ngoài ra, tại các cuộc họp giao ban định kỳ, BGH Nhà trường thường xuyên đánh giá hiệu quả hoạt động của các phòng chức năng, khoa chuyên môn, tổ bộ môn trực thuộc theo chức năng, nhiệm vụ được phân công và của hệ thống quản trị của Trường đã ban hành **[H2.02.03.12]**.

Định kỳ hằng năm, căn cứ vào các văn bản quy định và hướng dẫn của HĐT, Ban Giám hiệu chỉ đạo các đơn vị rà soát đánh giá, quy hoạch đội ngũ CB quản lý cấp phòng, khoa, tổ bộ môn thông qua kế hoạch và hướng dẫn cụ thể về cách đánh giá đội ngũ quản lý **[H2.02.03.13]**, **[H2.02.03.14]**. Kết quả quy hoạch các chức danh quản lý các cấp được thông báo tới người được quy hoạch và đơn liên quan **[H2.02.03.15]**. Căn cứ vào quy định và hướng dẫn thực hiện Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam, hàng năm, Đảng ủy Nhà trường ban hành kế hoạch và tổ chức thực hiện đánh giá, phân tích, xếp loại chất lượng cơ sở Đảng và Đảng viên trong toàn Đảng bộ **[H2.02.03.16]**. Kết quả đánh giá, phân tích, xếp loại chất lượng cơ sở Đảng và Đảng viên được công khai thông qua Quyết định công nhận và thông tin tại Hội nghị toàn thể đảng viên trong năm theo quy định **[H2.02.03.17]**. Căn cứ vào Luật thi đua khen thưởng, hàng năm Nhà trường ban hành kế hoạch đánh giá, xếp loại NV-GV. Kế hoạch được thông báo, gửi đến các đơn vị làm cơ sở thực hiện xuyên suốt trong năm học **[H2.02.03.18]**. Các kế hoạch và kết quả đánh giá, phân tích, xếp loại NV-GV đồng thời bao gồm các nhân sự, bộ phận tham gia trong hệ thống quản trị của Trường bao gồm Ban Thường vụ Đảng ủy, Thường trực Hội đồng Trường, BGH, Lãnh đạo các tổ chức đoàn thể, Trưởng các đơn vị thuộc trường. Kết quả đánh giá NV-GV quản lý hằng năm được thông báo công khai đến toàn thể NV-GV

trong toàn Trường thông qua báo cáo tổng kết năm học được gửi đến toàn NV-GV và là cơ sở để Nhà trường phân công, bổ nhiệm, điều chuyển, đào tạo, bồi dưỡng nhân sự hằng năm theo hướng nâng cao chất lượng quản trị chung của Nhà trường [H2.02.03.19]. Ngoài ra, hằng năm, BGH Nhà trường họp với lãnh đạo các đơn vị để xem xét, rà soát đánh giá hệ thống văn bản đã ban hành trước đó để cập nhật, ban hành mới nhằm nâng cao hiệu quả quản lý của Trường [H2.02.03.20]. Trong giai đoạn 2018-2022, Nhà trường đã thực hiện việc sát nhập, thành lập mới, điều chỉnh cơ cấu tổ chức các đơn vị thuộc trường cũng như điều chỉnh, cập nhật hệ thống văn bản nhằm nâng cao hiệu quả của hệ thống quản trị [H2.02.03.21] [H2.02.03.22]. Trong giai đoạn này, đội ngũ quản lý của Trường được đánh giá, xếp loại từ mức hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên và có nhiều tập thể, cá nhân được nhận các hình thức khen thưởng các cấp [H2.02.03.23].

**Tự đánh giá: 5/7**

**Tiêu chí 2.4: Hệ thống quản trị của CSGD được cải tiến để tăng hiệu quả hoạt động của CSGD và quản lý rủi ro tốt hơn.**

**Mô tả:** Trong quản trị, cơ hội luôn đi song hành với rủi ro và thách thức. Căn cứ vào các quy định của pháp luật, quy chế tổ chức hoạt động của Nhà trường trên cơ sở phân tích, đánh giá kết quả cơ cấu tổ chức, chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị, bộ phận và văn bản của hệ thống quản trị đã ban hành, HĐT, Đảng ủy và BGH Nhà trường đã chỉ đạo P.TC-NS tham mưu các bước thực hiện điều chỉnh, sắp xếp lại bộ máy tổ chức nhân sự theo hướng phù hợp với các quy định của pháp luật và thực tế hoạt động của Nhà trường [H2.02.04.01], [H2.02.04.02]. Căn cứ vào báo cáo tổng kết năm học và phương hướng năm học mới, Phòng TC-NS tiến hành việc rà soát cơ cấu tổ chức các đơn vị thuộc Trường, thực trạng tình hình nhân sự quản lý Nhà trường và từ đó thực hiện các thủ tục, quy trình theo quy định để thành lập hay giải thể các đơn vị [H2.02.04.03], [H2.02.04.04]. Căn cứ vào quy chế tổ chức và hoạt động đã ban hành, Nhà trường tiếp tục ban hành các Quyết định nhằm cụ thể hóa các chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của các đơn vị thuộc Trường trong đó có bổ nhiệm mới, bổ nhiệm lại đội ngũ cán bộ quản lý để đảm bảo sự vận hành ổn định, phù hợp thực tế hoạt động của Trường [H2.02.04.05], [H2.02.04.06]. Bên cạnh đó, trong giai đoạn 2018-2022, Nhà trường đã tiến hành các thủ tục theo quy định để thực hiện việc bổ sung thành viên Hội đồng KHĐT, thành lập mới Hội đồng ĐGCLCSGD [H2.02.04.07]. Các Hội đồng này được điều chỉnh, thành lập mới đã giúp cho Nhà trường từng bước hoàn thiện hệ thống quản trị với đầy đủ các thành phần theo quy định phục vụ cho sự phát triển ổn định và đi lên của Nhà trường.

Để nâng cao kiến thức chuyên môn, năng lực quản lý, điều hành và các kỹ năng cần có cho đội ngũ làm công tác quản lý các cấp, hàng năm, Nhà trường tổ chức các khóa tập huấn dành cho đội ngũ này. Theo đó, giai đoạn 2018-2022, Nhà trường đã tổ chức nhiều khóa tập huấn, bồi dưỡng dành cho lãnh đạo trưởng phó đơn vị, trong đó có 27 lượt hoàn thành bồi dưỡng QPAN đối tượng 2, 18 viên chức quản lý hoàn thành bồi dưỡng QPAN đối tượng 3 [H2.02.04.08]. Bên cạnh đó, các khóa tập huấn, bồi dưỡng ngắn hạn như bồi dưỡng theo chức danh nghề nghiệp đối với giảng viên, bồi dưỡng theo chức danh nghề nghiệp đối với nhân viên khối hành chính, học tập nâng cao trình độ ngoại ngữ,..cũng được Nhà trường chú trọng thực hiện với kết quả trên 200 lượt hoàn thành [H2.02.04.09]. Trong giai đoạn này, Nhà trường cũng cử cán bộ quản lý tham gia các chuyên thăm quan, các khóa tập huấn, bồi dưỡng về nghiệp vụ ở ngoài nước để nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, phục vụ cho các công tác chung của Nhà trường với 12 lượt [H2.02.04.10]. Trong giai đoạn 2018-2022, hầu hết cán bộ được bổ nhiệm làm công tác quản lý đều đảm bảo các tiêu chuẩn về trình độ chuyên môn, trình độ lý luận chính trị theo quy định. Bên cạnh đó, căn cứ kết quả đánh giá cán bộ quản lý hàng năm, BGH Nhà trường tiến hành luân chuyển, bổ nhiệm mới và bổ nhiệm lại để tăng hiệu quả hoạt động của Trường[H2.02.04.11]. Số lượng cụ thể được thể hiện trong báo cáo kết quả bổ nhiệm, miễn nhiệm, bổ nhiệm lại, luân chuyển, điều động viên chức quản lý giai đoạn 2018-2022 của Nhà trường [H2.02.04.12]

Căn cứ Luật và các quy định của Chính phủ, Bộ Giáo dục và Đào tạo, Sở Giáo dục và Đào tạo thành phố Đà Nẵng, Nhà trường tiến hành rà soát, cập nhật hệ thống văn bản đã ban hành, đồng thời ban hành hệ thống văn bản mới nhằm đáp ứng phù hợp với sự thay đổi trong cơ cấu tổ chức và quản lý. Các văn bản được điều chỉnh, ban hành mới đã góp phần quan trọng trong việc ổn định hệ thống quản trị, giảm thiểu các rủi ro trong quản lý, điều hành và tổ chức thực hiện các hoạt động của Nhà trường [H2.02.04.13]..

### **Tự đánh giá: 5/7**

## **Đánh giá chung về Tiêu chuẩn 2**

### **1. Tóm tắt các điểm mạnh**

- Cơ cấu tổ chức của Trường Đại học Kiến trúc Đà Nẵng được thành lập tuân thủ các quy định của chính phủ, của Bộ Giáo dục và Đào tạo và phù hợp với chức năng nhiệm vụ, chiến lược phát triển, nhằm đạt được hiệu quả quản trị của nhà trường.
- Cơ cấu tổ chức của Trường được phân định rõ ràng cho các đơn vị, tránh sự chồng chéo trong công việc và được thay đổi, cập nhật cho phù hợp với bối cảnh và yêu

cầu thực tiễn, đảm bảo trách nhiệm giải trình, tính bền vững, sự minh bạch và giảm thiểu các rủi ro tiềm tàng trong quá trình quản trị của nhà trường.

- Nhà trường xây dựng một hệ thống các văn bản, các quy trình nghiệp vụ ISO với các hướng dẫn rõ ràng nhằm triển khai thực hiện các quyết định từ các cơ quan quản trị của trường.

- Các chiến lược của Trường có mục tiêu cụ thể, rõ ràng và được chuyển tải thành các kế hoạch hành động, các văn bản hướng dẫn để triển khai thực hiện đã giúp Trường hoàn thành nhiệm vụ chính trị, thực hiện có hiệu quả chiến lược phát triển của Trường trong từng giai đoạn.

- Nhà trường đã ban hành đầy đủ các quy định, về chức năng nhiệm vụ của các đơn vị thuộc trường; Các kế hoạch, hướng dẫn rà soát, đánh giá NV-GV và hằng năm đều thực hiện đầy đủ công tác này.

- Nhà trường đã liên tục cập nhật và điều chỉnh các văn bản liên quan đến công tác quản lý bộ máy tổ chức nhân sự; Các kế hoạch, quy định, hướng dẫn rà soát công tác cử NV, GV, CBQL đi tập huấn trong và ngoài nước được chú trọng và thực hiện đầy đủ công tác này hằng năm. Trường có xem xét đánh giá cơ cấu tổ chức để cải tiến nhằm đạt hiệu quả cao hơn qua các văn bản đổi tên một số đơn vị, tách đơn vị, giải thể một số đơn vị, thành lập mới.

- Công tác giám sát, đánh giá việc thực hiện mục tiêu và kế hoạch chất lượng, kế hoạch trung hạn trong thời gian qua chưa được tổ chức định kỳ

## **2. Tóm tắt các điểm tồn tại**

- Chức năng nhiệm vụ của một số đơn vị mới thành lập còn đang trong quá trình xây dựng mới nên chưa đảm bảo tính hệ thống và nhất quán.

- Trong các quy định còn thiếu tiêu chí về điểm thưởng và điểm phạt. Do đó kết quả rà soát, đánh giá CB quản lý chưa thật hoàn toàn chính xác

## **3. Kế hoạch cải tiến**

- Trong học kỳ 1 của năm học 2022 – 2023 Nhà trường hoàn chỉnh bộ tiêu chuẩn KPI và đưa vào áp dụng từ học kỳ 2

- Nhà trường chú trọng đến công tác quản trị nhân sự, xây dựng các chính sách thu hút và giữ chân nguồn nhân lực, tránh xáo trộn nhân sự trong đội ngũ cán bộ quản lý.

- Có chính sách và biện pháp giám sát đánh giá định kỳ việc thực hiện mục tiêu, kế hoạch chất lượng trung hạn của nhà trường và của các đơn vị.

#### 4. Mức đánh giá tiêu chí

Tiêu chuẩn/Tiêu chí	Tự đánh giá
<i>Tiêu chuẩn 2</i>	5
Tiêu chí 2.1	5
Tiêu chí 2.2	5
Tiêu chí 2.3	5
Tiêu chí 2.4	5

#### Tiêu chuẩn 3: Lãnh đạo và quản lý

**Tiêu chí 3.1: Lãnh đạo CSGD thiết lập cơ cấu quản lý trong đó phân định rõ vai trò, trách nhiệm, quá trình ra quyết định, chế độ thông tin, báo cáo để đạt được tầm nhìn, sứ mạng, văn hóa và các mục tiêu chiến lược của CSGD.**

**Mô tả:** Căn cứ Luật Giáo dục, Luật Giáo dục ĐH và quy định của Bộ GD&ĐT [H3.03.01.01], Nhà trường thiết lập cơ cấu quản lý gồm: Hội đồng Trường, BGH, các Khoa đào tạo, các Phòng ban chức năng và các Trung tâm được thể hiện trong Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường. Cơ cấu của Hội đồng Trường và BGH Nhà trường đảm bảo đúng quy định về tiêu chuẩn theo Luật Giáo dục, Luật Giáo dục ĐH. Cơ cấu các đơn vị quản lý của Trường hiện nay gồm có 08 Khoa đào tạo, 10 Phòng chức năng, 03 Bộ môn trực thuộc Ban Giám hiệu và 04 tổ chức xã hội gồm: Đảng bộ Trường, Công đoàn, Đoàn Thanh niên và Hội Cựu sinh viên Trường [H3.03.01.02]. Căn cứ vào chiến lược phát triển giáo dục Trường Đại học Kiến trúc Đà Nẵng giai đoạn 2017 – 2022 và tầm nhìn đến 2030, Nhà trường luôn có nội dung về việc thành lập mới, sáp nhập, đổi tên các đơn vị nhằm phục vụ hiệu quả công tác ĐT, NCKH và PVCĐ của Trường. Trong giai đoạn 2018 – 2022, Nhà trường đã thực hiện việc thành lập mới, sáp nhập, giải thể các đơn vị thuộc Trường cũng như thay đổi cơ cấu lại nhân sự quản lý của các đơn vị, trong đó đặc biệt chú trọng công tác quy hoạch, bổ nhiệm cán bộ quản lý các cấp bảo đảm tính kế thừa và công khai phù hợp với xu thế phát triển của Trường và quy định trong Luật Giáo dục ĐH và quy định của Bộ GD&ĐT [H3.03.01.03].

Năm 2019, Nhà trường ban hành và điều chỉnh Quy chế về tổ chức và hoạt động, trong đó quy định rõ chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của các đơn vị, bộ phận; quy



định rõ tiêu chuẩn, quyền hạn, trách nhiệm của các vị trí quản lý trong cơ cấu quản lý của Trường [H3.03.01.04], [H3.03.01.05]. CBGV quản lý các đơn vị có trách nhiệm thực hiện công tác quản lý được quy định trong Quy chế về tổ chức và hoạt động cũng như theo quyết định bổ nhiệm CBGV vị trí quản lý đó [H3.03.01.03].

Năm 2022, Nhà trường ban hành Đề án vị trí việc làm, trong đó xác định chức năng, nhiệm vụ, tiêu chuẩn, yêu cầu đối với từng vị trí công việc cũng như đối với các chức danh quản lý, đồng thời nhà trường ban hành bộ tiêu chí tuyển dụng CBGVNV cũng như quy trình lựa chọn và bổ nhiệm cán bộ quản lý và thực hiện công bố các tiêu chí, quy trình trên Website và cho toàn thể CBGVNV Trường được rõ [H3.03.01.06]. Từ các tiêu chí và quy định cụ thể nêu trên, lãnh đạo Nhà trường đã thiết lập cơ cấu quản lý trong đó phân định rõ vai trò, trách nhiệm, quá trình ra quyết định, chế độ thông tin, báo cáo để đạt được tầm nhìn, sứ mạng, văn hóa và các mục tiêu chiến lược của CSGD

#### **Tự đánh giá: 5/7**

**Tiêu chí 3.2: Lãnh đạo cơ sở giáo dục tham gia vào việc thông tin, kết nối các bên liên quan để định hướng tầm nhìn, sứ mạng, văn hóa và các mục tiêu chiến lược của cơ sở giáo dục.**

**Mô tả:** Chức năng cơ bản của lãnh đạo cơ sở giáo dục là quản lý, điều hành các hoạt động của cơ sở giáo dục, để định hướng được tầm nhìn, sứ mạng, văn hóa và các mục tiêu chiến lược của cơ sở giáo dục. Do đó, sự tham gia của lãnh đạo Nhà trường vào việc thông tin kết nối các bên liên quan là rất cần thiết. Bí thư Đảng uỷ, Chủ tịch Hội đồng trường là thành viên của Ban chỉ đạo thực hiện chiến lược [H3.03.02.01]. Giúp việc cho ban chỉ đạo là các tổ công tác bao gồm: Tổ công tác xây dựng, bổ sung, điều chỉnh chiến lược và mục tiêu chiến lược của Trường qua từng giai đoạn. Tổ công tác xây dựng, rà soát, điều chỉnh sứ mạng, tầm nhìn và các mục tiêu chiến lược của Trường [H3.03.02.02].

Ngay sau khi có kiến nghị điều chỉnh sứ mạng, tầm nhìn, các giá trị cốt lõi và các mục tiêu chiến lược của các Tổ công tác, Bí thư ĐU, Chủ tịch HĐT đã yêu cầu các nội dung điều chỉnh đều được thông tin, thảo luận trong các cuộc họp của ĐU, HĐT, đồng thời các nội dung này sẽ được thảo luận xin ý kiến trong các hội đồng tư vấn cũng như trong cuộc họp lãnh đạo của Nhà trường (ĐU, Chủ tịch HĐT, BGH, lãnh đạo các đoàn thể chính trị xã hội, lãnh đạo các phòng, khoa, các bộ môn...) [H3.03.02.03].

Trên cơ sở nghị quyết của ĐU, HĐT, Hiệu trưởng ra quyết định về việc điều chỉnh, bổ sung sứ mạng, tầm nhìn, văn hoá và các mục tiêu chiến lược. Các mục tiêu

chiến lược cũng được rà soát điều chỉnh qua từng giai đoạn [H3.03.02.04]. Việc định hướng về tầm nhìn, sứ mạng, văn hoá và các mục tiêu chiến lược của Nhà trường còn được thể hiện trong công tác tuyên truyền nâng cao nhận thức của các bên liên quan. Cụ thể:

Nhà trường chỉ đạo tất cả các đơn vị trực thuộc thực hiện việc tuyên truyền đề định hướng về tầm nhìn, sứ mạng, giá văn hoá và các mục tiêu chiến lược của Nhà trường thể hiện khi xây dựng các kế hoạch hoạt động của đơn vị [H3.03.02.05].

Tầm nhìn, sứ mạng, văn hóa và các mục tiêu chiến lược của Nhà trường được lãnh đạo quán triệt, chỉ đạo và tổ chức tuyên truyền đến các bên liên quan dưới nhiều hình thức khác nhau: Đăng trên website Trường, các văn bản (thông báo, quy chế, quy định, kế hoạch, quy trình nghiệp vụ,...), thông qua các nội dung sinh hoạt nội quy nhà trường dành cho giảng viên, người lao động, nhân viên mới được tuyển dụng, nội dung các cuộc hội, họp và các ngày lễ kỉ niệm (Lễ khai giảng, Hội thảo, Hội nghị, Lễ kỉ niệm ngày Nhà giáo Việt Nam, đại hội các cấp của các tổ chức đoàn thể...), kiểm tra giám sát, báo cáo.... [H3.03.02.06]

Bên cạnh đó, lãnh đạo Nhà trường còn có vai trò giao tiếp, quan hệ với các bên liên quan bên ngoài Trường: Lãnh đạo Nhà trường tham gia các hội nghị do Bộ GD&ĐT tổ chức, Hội cựu SV, doanh nhân, các đơn vị, tuyển dụng (đặc biệt trong các đợt thực tập)... để giới thiệu và thông tin về tầm nhìn, sứ mạng, văn hóa và các mục tiêu chiến lược của Nhà trường. [H3.03.02.07].

**Tự đánh giá: 5/7**

**Tiêu chí 3.3: Cơ cấu lãnh đạo và quản lý của cơ sở giáo dục được rà soát thường xuyên.**

**Mô tả:** Hằng năm, Hội đồng trường giao BGH chỉ đạo triển khai rà soát, đánh giá cơ cấu quản lý, các văn bản quản lý và đội ngũ cán bộ quản lý của Trường [H3.03.03.01]. Trong kế hoạch công tác hằng năm BGH chỉ đạo việc rà soát, đánh giá cơ cấu quản lý, các văn bản quản lý và đội ngũ CBQL của Trường [H3.03.03.02]. BGH đã đánh giá về cơ cấu quản lý của Trường trong giai đoạn 2012-2016, làm cơ sở cho việc xây dựng cơ cấu quản lý và đội ngũ CBQL của Trường trong giai đoạn 2017-2020, được điều chỉnh bổ sung cho giai đoạn 2020-2025, tầm nhìn đến 2030 (*Lưu ý: chỗ này liên hệ chị Trinh để xem chiến lược từng giai đoạn cho phù hợp*) [H3.03.03.03]. Trên cơ sở chiến lược của HĐT và Báo cáo rà soát cơ cấu tổ chức các đơn vị thuộc Trường và thực trạng tình hình nhân sự quản lý, Ban Giám hiệu tổ chức họp với lãnh đạo các đơn vị để thông báo kết quả rà soát, đánh giá hiệu quả cơ cấu quản lý của Trường. Trên cơ sở đó BGH Nhà

trường có những điều chỉnh, cải tiến nhằm phát huy hiệu quả của cơ cấu quản lý **[H3.03.03.04]**

Định kỳ hằng năm, phòng Hành chính - Tổng hợp (HCTH) là đơn vị được giao nhiệm vụ triển khai thực hiện rà soát, đánh giá hệ thống văn bản của Trường. Phòng HCTH xây dựng báo cáo rà soát hệ thống văn bản của Nhà trường, trong đó có văn bản quy định về vai trò, chức năng, nhiệm vụ và mối liên hệ giữa các thành phần trong cơ cấu quản lý **[H3.03.03.05]**. Ban Giám hiệu tổ chức họp với lãnh đạo các đơn vị để rà soát hệ thống văn bản quy định về vai trò, chức năng, nhiệm vụ và mối liên hệ giữa các thành phần trong cơ cấu quản lý của Trường. Trên cơ sở đó, Nhà trường ban hành văn bản điều chỉnh, bổ sung nhằm tránh chồng chéo giữa các đơn vị trong quá trình thực thi nhiệm vụ **[H3.03.03.06]**.

Hằng năm, Đảng ủy và Ban Giám hiệu nhà trường ban hành kế hoạch hướng dẫn và triển khai đánh giá, phân loại đảng viên, cán bộ, nhân viên trong đó có đánh giá phân loại cán bộ lãnh đạo và quản lý của trường **[H3.03.03.07]**. Căn cứ kế hoạch hướng dẫn và triển khai đánh giá, phân loại đảng viên, cán bộ và nhân viên, các chi bộ, đơn vị tiến hành triển khai công tác đánh giá phân loại chất lượng đảng viên, CBQL theo mẫu hướng dẫn và báo cáo kết quả về các bộ phận chức năng giúp việc để tổng hợp trình Đảng ủy, BGH xem xét, đánh giá. Kết quả đánh giá hằng năm được thông báo các đơn vị để phổ biến đến toàn thể CBQL qua các quyết định cụ thể **[H3.03.03.08]**. Nhà trường căn cứ kết quả đánh giá CBQL hằng năm để phân công, bổ nhiệm, điều chuyển, đào tạo, bồi dưỡng nhân sự theo hướng phù hợp với thực tiễn của yêu cầu về nhiệm vụ phát triển chung của Trường **[H3.03.03.09]**. Nhà trường đang hoàn thiện bộ tiêu chuẩn KPI để có thể đánh giá CBQL toàn diện và chính xác. Trong giai đoạn 2018-2022, cán bộ quản lý các cấp của Nhà trường hằng năm đều được đánh giá hoàn thành tốt nhiệm vụ và được nhận nhiều hình thức khen thưởng.

Hằng năm, Nhà trường thông báo đến các đơn vị về kế hoạch triển khai thực hiện quy hoạch đội ngũ CBQL theo quy định. Phòng TCNS là đơn vị thường trực thực hiện công tác quy hoạch đội ngũ CBQL của Trường. Căn cứ các văn bản về quy hoạch cán bộ quản lý của Bộ GD&ĐT, Nhà trường ban hành quy định thực hiện quy hoạch CBQL của Trường và triển khai thực hiện **[H3.03.03.10]**. Đảng ủy, BGH Nhà trường tổ chức họp với lãnh đạo các đơn vị để tiến hành thực hiện quy hoạch CBQL đối với các chức danh quản lý của Trường, trong đó xem xét khả năng phát triển và mức độ đáp ứng của cá nhân đối với các vị trí quản lý theo đúng quy định. Trên cơ sở kết quả rà soát đội ngũ CBQL hằng năm, Phòng TCNS tổng hợp danh sách quy hoạch đội ngũ cán bộ lãnh đạo,

quản lý, trình Đảng ủy, BGH thông qua, báo cáo UBND TP. Đà Nẵng và Bộ Giáo dục & Đào tạo phê duyệt [H3.03.03.11]

**Tự đánh giá: 5/7**

**Tiêu chí 3.4: Cơ cấu lãnh đạo và quản lý của CSGD được cải tiến nhằm tăng kết quả và hiệu quả quản lý**

**Mô tả:** Hằng năm, căn cứ vào các quy định Luật Giáo dục, Luật Giáo dục ĐH, Bộ GD&ĐT và Quy chế về tổ chức và hoạt động của Trường [H3.03.04.01], Nhà trường đưa ra các biện pháp, nội dung cải tiến cơ cấu lãnh đạo và quản lý được thể hiện trong kế hoạch năm học của Trường [H3.03.04.02]. Trên cơ sở đó, Nhà trường triển khai cải tiến cơ cấu lãnh đạo và quản lý các đơn vị cũng như qua việc thành lập, sát nhập, giải thể các đơn vị thuộc Trường để đảm bảo phù hợp với tình hình hoạt động phát triển của Trường trong giai đoạn 2018-2022 [H3.03.04.03].

Căn cứ báo cáo kết quả rà soát hệ thống văn bản quản lý và biên bản góp ý tại cuộc họp giữa BGH với lãnh đạo các đơn vị và hệ thống văn bản đi và đến của Trường [H3.03.04.04], trong giai đoạn 2018-2022, Nhà trường ban hành nhiều văn bản điều chỉnh, cập nhật quy định về vai trò, chức năng, nhiệm vụ và mối liên hệ giữa các thành phần trong cơ cấu quản lý. Hệ thống văn bản điều chỉnh, cập nhật quy định về vai trò, chức năng, nhiệm vụ và mối liên hệ giữa các thành phần trong cơ cấu quản lý được gửi đến các đơn vị thực hiện cũng như phổ biến đến CBGVNV trong trường. Hệ thống văn bản quy định về vai trò, chức năng, nhiệm vụ và mối liên hệ giữa các thành phần trong cơ cấu quản lý của Nhà trường đã tạo cơ sở pháp lý cho việc triển khai các hoạt động quản lý của Trường đúng quy định [H3.03.04.05].

Trong kế hoạch năm học của Trường luôn có nội dung về công tác nhân sự, trong đó có công tác cơ cấu lại vị trí cán bộ quản lý cho phù hợp với quy định tại Luật Giáo dục. Hằng năm căn cứ nhu cầu thực tiễn về nhân sự lãnh đạo, quản lý của Trường, BGH Nhà trường xem xét tuyển dụng, điều động và bổ nhiệm dựa trên cơ sở đánh giá về trình độ, năng lực lãnh đạo, quản lý và hiệu quả công việc [H3.03.04.06]. Qua số liệu thống kê việc điều chỉnh cơ cấu quản lý nhân sự đã thể hiện rõ tính hợp lý và hiệu quả của công tác cơ cấu nhân sự, vừa phù hợp với quy định vừa mang lại hiệu quả quản lý trên cơ sở trình độ và năng lực quản lý cá nhân.

**Tự đánh giá: 5/7**

**Đánh giá chung về tiêu chuẩn 3**

**1. Tóm tắt các điểm mạnh**

- Cơ cấu quản lý của Nhà trường được xác định và xây dựng đúng quy định của Luật Giáo dục, Luật Giáo dục ĐH, quy chế tổ chức hoạt động của Trường Đại học Kiên trúc Đà Nẵng.

- Nhà trường thực hiện đầy đủ và kịp thời cơ cấu, phân cấp quản lý và phân định rõ vai trò, trách nhiệm của các đơn vị trong quá trình ra quyết định, chế độ thông tin, báo cáo để đạt được tầm nhìn, sứ mạng, văn hóa và các mục tiêu chiến lược của CSGD.

- Nhà trường chú trọng và triển khai quy hoạch đội ngũ lãnh đạo, quản lý của các đơn vị, bộ phận theo quy định.

- Nhà trường ban hành hệ thống văn bản quy định rõ ràng vai trò, trách nhiệm, chức năng, nhiệm vụ và mối liên hệ giữa các thành phần trong cơ cấu quản lý

- Lãnh đạo Nhà trường tích cực thực hiện các hoạt động kết nối, tuyên truyền, định hướng tầm nhìn, sứ mạng, văn hoá và các mục tiêu chiến lược của Nhà trường trong các Hội nghị, hội thảo.....

- Cơ cấu quản lý của Nhà trường được đánh giá, rà soát và cải tiến nhằm đảm bảo đủ về số lượng, chuẩn hóa về chất lượng nhằm tăng hiệu quả và kết quả của Trường

- Nhà trường đã ban hành đầy đủ các quy định, hướng dẫn rà soát, đánh giá cơ cấu quản lý và hằng năm đều thực hiện đầy đủ công tác này.

- Hệ thống văn bản quản lý của Nhà trường được đăng tải trên website của Trường và gửi đến các đơn vị thực hiện cũng như phổ biến đến CBGVNV.

## **2. Tóm tắt các điểm tồn tại**

- Cần xây dựng quy trình thực hiện việc ra quyết định và thực hiện chế độ thông tin báo cáo.

- Tuyên truyền, định hướng tầm nhìn, sứ mạng, văn hoá và các mục tiêu chiến lược của Nhà trường chưa đạt mục tiêu là tuyên truyền mạnh mẽ đến các bên liên quan đặc biệt là các doanh nghiệp, nhà tuyển dụng.

- Trong các quy định còn thiếu tiêu chí về điểm thưởng và điểm phạt. Do đó kết quả rà soát, đánh giá CBQL chưa thật hoàn toàn chính xác.

## **3. Kế hoạch cải tiến**

- Xây dựng quy trình việc ra quyết định và thực hiện chế độ thông tin báo cáo

- Tuyên truyền, định hướng tầm nhìn, sứ mạng, văn hoá và các mục tiêu chiến lược của Nhà trường chưa đạt mục tiêu là tuyên truyền mạnh mẽ đến các bên liên quan đặc biệt là các doanh nghiệp, nhà tuyển dụng

#### 4. Mức đánh giá

<b>Tiêu chuẩn/ Tiêu chí</b>	<b>Tự đánh giá</b>
<b><i>Tiêu chuẩn 3</i></b>	<b>5,0</b>
Tiêu chí 3.1	5,0
Tiêu chí 3.2	5,0
Tiêu chí 3.3	5,0
Tiêu chí 3.4	5,0

#### **Tiêu chuẩn 4: Quản trị chiến lược**

**Tiêu chí 4.1: Thực hiện việc lập kế hoạch chiến lược nhằm đạt được tầm nhìn, sứ mạng và văn hóa cũng như các mục tiêu chiến lược trong đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng.**

**Mô tả:** Trong giai đoạn 2018-2022, Nhà trường căn cứ Nghị quyết Đại hội Đảng bộ nhiệm kỳ 2016 - 2020 và 2020 – 2025 để xây dựng kế hoạch chiến lược giai đoạn 2018 – 2022 [H4.04.01.01]. Năm 2020, Nhà trường thành lập Ban xây dựng, rà soát kế hoạch chiến lược đến năm 2025, tầm nhìn 2030 do Hiệu trưởng làm trưởng ban, phòng Tổ chức nhân sự là đơn vị thường trực và các thành viên là các Phó Hiệu trưởng, đại diện lãnh đạo các đơn vị [H4.04.01.02]. Ban xây dựng, rà soát KHCL phân công nhiệm vụ cho các thành viên xây dựng KHCL của Trường đến năm 2025, tầm nhìn 2030 [H4.04.01.03].

Để triển khai xây dựng và rà soát kế hoạch chiến lược của Trường đến năm 2025, tầm nhìn 2030, Ban xây dựng, rà soát KHCL Trường tham mưu cho Ban Giám hiệu Nhà trường ban hành Quy định về xây dựng, rà soát KHCL và triển khai thực hiện [H4.04.01.04]. Quy định về xây dựng, rà soát KHCL của Nhà trường được xây dựng dựa trên sự tham khảo quy định KHCL các trường đại học của Bộ Giáo dục và Đào tạo [H4.04.01.05]. Quy định về xây dựng, rà soát KHCL của Nhà trường ban hành có quy định về quy trình xây dựng, rà soát KHCL với các bước cần thực hiện cụ thể. Ban xây

dựng, rà soát KHCL hợp và phân công trách nhiệm cụ thể cho các thành viên thực hiện quy trình xây dựng, rà soát KHCL để xây dựng KHCL của Trường đến năm 2025, tầm nhìn 2030 [H4.04.01.06].

Ban xây dựng, rà soát KHCL nghiên cứu, tham khảo chiến lược phát triển của ngành GD&ĐT, chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của TP. Đà Nẵng, đặc biệt chú trọng tầm nhìn, sứ mạng, văn hoá để xây dựng KHCL của Trường đến năm 2025, tầm nhìn 2030. Ban xây dựng, rà soát KHCL xây dựng dự thảo KHCL Trường đến năm 2025, tầm nhìn 2030, gửi đến các đơn vị để lấy ý kiến góp ý. Các đơn vị triển khai lấy ý kiến góp ý của giảng viên, nhân viên, sinh viên và tổng hợp, gửi về Ban xây dựng, rà soát KHCL của Nhà trường [H4.04.01.07]. Ban xây dựng, rà soát KHCL tiếp thu các ý kiến góp, chỉnh sửa dự thảo, thông qua cuộc họp của Hội đồng Trường để thống nhất và ký ban hành KHCL Trường đến năm 2025, tầm nhìn 2030, đồng thời gửi thông báo đến các đơn vị để thực hiện và yêu cầu các đơn vị phổ biến đến GV, NV & SV [H4.04.01.08]. Các phòng chức năng đồng thời tham mưu Hiệu trưởng Nhà trường ban hành KHCL đối với các lĩnh vực: KHCL giai đoạn 2018 - 2022 về công tác đào tạo, KHCL giai đoạn 2018 - 2022 về công tác NCKH, KHCL giai đoạn 2018 - 2022 về công tác ĐBCL, KHCL giai đoạn 2018 - 2022 về công tác nhân sự, KHCL giai đoạn 2018 - 2022 về công tác SV, KHCL giai đoạn 2018 - 2022 về công tác tài chính, KHCL về công tác thanh tra pháp chế, KHCL về công tác quản lý dự án và quản trị thiết bị KHCL giai đoạn 2018 – 2022 về công tác HTQT & TT [H4.04.01.09]

**Tự đánh giá: 4/7**

**Tiêu chí 4.2: Kế hoạch chiến lược được quán triệt và chuyển tải thành các kế hoạch ngắn hạn và dài hạn để triển khai thực hiện.**

**Mô tả:** Trong giai đoạn 2018-2022, kế hoạch năm của Nhà trường được xây dựng dựa trên Nghị quyết Đại hội Đảng bộ khoá 3 nhiệm kỳ 2020-2025 [H4.04.02.01]. Trên cơ sở đó, các đơn vị xây dựng kế hoạch năm học, trong đó cụ thể hóa các lĩnh vực của Nhà trường theo chức năng, nhiệm vụ được phân công [H4.04.02.02]. Năm 2020, Nhà trường thành lập Ban xây dựng, rà soát chiến lược phát triển và triển khai xây dựng CLPT Trường đến năm 2025 tầm nhìn 2030 [H4.04.02.03]. Nhằm cụ thể hóa CLPT Trường đến năm 2025, tầm nhìn 2030 Nhà trường đã xây dựng và ban hành kế hoạch chiến lược các lĩnh vực của Trường [H4.04.02.04]. Kế hoạch năm học 2020 - 2021 của Nhà trường và của các đơn vị được xây dựng dựa trên CLPT Trường đến năm 2025, tầm nhìn 2030 và KHCL các lĩnh vực của Trường [H4.04.02.02].

Nhằm triển khai các kế hoạch, Nhà trường gửi CLPT Trường đến năm 2025, tầm nhìn 2030, kế hoạch năm học hằng năm đến các đơn vị để thực hiện đồng thời yêu cầu lãnh đạo các đơn vị phổ biến đến giảng viên, nhân viên và sinh viên biết để thực hiện [H4.04.02.05]. Tại các cuộc họp đầu năm học, đầu học kỳ, Ban Giám hiệu phổ biến, quán triệt lãnh đạo các đơn vị tích cực triển khai thực hiện CLPT Trường đến năm 2025, tầm nhìn 2030, kế hoạch năm học hằng năm [H4.04.02.06]. Trên cơ sở đó, tại các cuộc họp của đơn vị, lãnh đạo các đơn vị phổ biến, phân công GV, NV thực hiện CLPT Trường đến năm 2025, tầm nhìn 2030, kế hoạch năm học hằng năm của Nhà trường và của đơn vị [H4.04.02.07]. Đối với SV, tại tuần sinh hoạt công dân – sinh viên đầu năm học, đầu khóa học, Nhà trường thông báo CLPT Trường đến năm 2025, tầm nhìn 2030, kế hoạch năm học hằng năm của Trường [H4.04.02.08]. Bên cạnh đó, CLPT Trường đến năm 2025, tầm nhìn 2030, kế hoạch năm học hằng năm được đăng tải trên website của Nhà trường [H4.04.02.09].

Căn cứ CLPT Trường đến năm 2025, tầm nhìn 2030 của Nhà trường, các phòng chức năng xây dựng dự thảo, lấy ý kiến góp ý của các đơn vị và chỉnh sửa dự thảo, trình Hiệu trưởng Nhà trường ban hành KHCL đối với các lĩnh vực bao gồm: KHCL giai đoạn 2018 -2022 về công tác đào tạo, KHCL giai đoạn 2018 - 2022 về công tác nghiên cứu khoa học, KHCL giai đoạn 2018 - 2022 về công tác ĐBCL, KHCL giai đoạn 2018-2022 về công tác nhân sự, KHCL giai đoạn 2018 – 2022 về công tác thanh tra – pháp chế, KHCL giai đoạn 2018 - 2022 về công tác sinh viên, KHCL giai đoạn 2018 - 2022 về công tác tài chính, KHCL giai đoạn 2018 – 2022 về công tác quản lý dự án và quản trị thiết bị, KHCL giai đoạn 2018 -2022 về hợp tác quốc tế và truyền thông [H4.04.02.10]. Ngoài ra, các đơn vị và các tổ chức đoàn thể của Nhà trường cũng căn cứ vào CLPT Trường đến năm 2025, tầm nhìn 2030, kế hoạch năm học của Nhà trường để xây dựng kế hoạch năm học của đơn vị và triển khai thực hiện [H4.04.02.02]. Trong giai đoạn 2018-2022, Nhà trường và các đơn vị triển khai nhiều hoạt động và đạt được các chỉ tiêu đã được xác định [H4.04.02.11]

#### **Tự đánh giá: 5/7**

**Tiêu chí 4.3: Các chỉ số thực hiện chính, các chỉ tiêu phấn đấu chính được thiết lập để đo lường mức độ thực hiện các mục tiêu chiến lược của CSGD.**

**Mô tả:** Trong Chiến lược phát triển tổng thể của trường đã ban hành có nội dung cụ thể của từng mảng công tác liên quan đến đào tạo, NCKH, hợp tác quốc tế, đội ngũ, cơ sở vật chất, tài chính, ... [H1.01.01.06]. Đối với từng lĩnh vực hoạt động, nhà trường đã thiết lập các chỉ số thực hiện chính, các chỉ tiêu phấn đấu chính để đo lường mức độ thực hiện các mục tiêu chiến lược của trường, cụ thể: (i) các chỉ số đầu ra: quy mô tuyển



sinh hàng năm; số lượng tốt nghiệp; số lượng nhân sự; diện tích đất đai; diện tích xây dựng; ngân sách hàng năm; số lượng chương trình... (ii) chỉ số hiệu quả trong tỷ lệ tốt nghiệp, tốt nghiệp chậm, bỏ học; các chỉ số về tài chính... (iii) chỉ số hiệu quả ngoài: tỷ lệ sinh viên có việc làm; số lượng các nghiên cứu được áp dụng ... Ngoài ra, trường còn đối sánh các chỉ số này qua các năm để điều chỉnh kế hoạch cho phù hợp trong từng giai đoạn phát triển của nhà trường [H1.01.01.15] [H1.01.04.03].

Ngoài ra, **trong** các kế hoạch ngắn hạn hàng năm, nhà trường xây dựng bộ chỉ số KPIs cụ thể chi tiết (số lượng, tỷ lệ phần trăm, mốc thời gian, ...) cho từng lĩnh vực hoạt động, bao gồm: khảo thí; công tác sinh viên; tư vấn tuyển sinh, truyền thông; nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ; tổ chức hành chính; thanh tra; thư viện; đảm bảo chất lượng; quan hệ quốc tế... Trong kế hoạch nêu rõ các kế hoạch hành động cần thực hiện; các chỉ số cần đạt lượng hóa bằng số lượng, tỷ lệ hay mốc thời gian hoàn thành cụ thể; đơn vị chịu trách nhiệm chính và các đơn vị phối hợp .

Các chỉ số này được rà soát theo chu kỳ, theo năm, theo tháng nhằm kiểm tra, đánh giá tiến độ thực hiện, điều chỉnh kịp thời những tồn tại, bổ sung những chỉ số mới (nếu có) và đảm bảo mục tiêu của chiến lược không đi chệch hướng. Điều này được thể hiện qua các nghị quyết, các kết quả khảo sát ý kiến các bên liên quan, các biên bản về rà soát, bổ sung, điều chỉnh mục tiêu và kế hoạch chất lượng của trường; báo cáo tổng kết công tác và kế hoạch công tác năm học của các đơn vị, của nhà trường; báo cáo thanh tra giáo dục và qua các đợt đánh giá nội bộ và đánh giá ngoài [H4.04.03.01] [H4.04.03.02] [H4.04.03.03] [H4.04.03.04] [H1.01.02.01] [H1.01.02.02] [H1.01.01.13].

Đối với từng cá nhân, tùy vị trí công tác mà cán bộ quản lý, giảng viên, nhân viên được giao thực hiện các kế hoạch hoạt động cụ thể khác nhau. Cán bộ quản lý và nhân viên thì có nhiệm vụ công tác hàng năm. Giảng viên thì thực hiện nhiệm vụ giảng dạy, nghiên cứu khoa học, học tập nâng cao trình độ ... với những chỉ số rõ ràng về giảng dạy và nghiên cứu khoa học. Cuối năm, từng cá nhân làm tổng kết công tác năm học theo chức danh, họp xét thi đua để đánh giá mức độ thực hiện kế hoạch công tác cá nhân của từng người [H4.04.03.05].

#### **Tự đánh giá: 5/7**

**Tiêu chí 4.4: Quá trình lập kế hoạch chiến lược cũng như các chỉ số thực hiện chính, các chỉ tiêu phấn đấu chính được cải tiến để đạt được các mục tiêu chiến lược của CSGD.**

**Mô tả:** Trong quá trình hoạt động qua từng giai đoạn, Trường Đại học Kiến trúc Đà Nẵng cũng đã có những rà soát, điều chỉnh Chiến lược để tiếp tục phát huy các thành tựu, khắc phục những hạn chế, đáp ứng yêu cầu mới của thực tiễn về đổi mới toàn diện giáo dục và đào tạo, phát triển khoa học và công nghệ. Sau khi rà soát, lấy kiến các bên liên quan, nhà trường tổng hợp, điều chỉnh, bổ sung và ban hành Chiến lược phát triển giáo dục giai đoạn 2020 - 2025 và tầm nhìn đến năm 2030 của Trường Đại học Kiến trúc Đà Nẵng [H1.01.02.01] [H1.01.02.02] [H1.01.01.06].

Sau khi rà soát đánh giá các chỉ số thực hiện, các chỉ tiêu phân đầu chính của các hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ và quan hệ hợp tác quốc tế được đối sánh qua các năm, đối sánh với mục tiêu đề ra, nhà trường đã có các kế hoạch cải tiến để đạt được các mục tiêu chiến lược của nhà trường.

Các cải tiến chính của nhà trường theo hướng tăng quy mô trường lớp, tăng số lượng và chất lượng đào tạo tương ứng với quy mô trường lớp và tăng chất lượng dạy học và nghiên cứu khoa học; công tác tuyển sinh ngày càng được nhà trường chú trọng; thay đổi cơ cấu tổ chức, quản lý; tăng cường áp dụng CNTT trong công tác quản lý.

Chất lượng CTĐT, chất lượng giảng viên, chất lượng đội ngũ nhân viên hỗ trợ cũng như chất lượng dịch vụ ngày càng được cải tiến. Hàng năm, nhà trường tiến hành các loại khảo sát ý kiến các bên liên quan: (i) khảo sát ý kiến sinh viên về hoạt động giảng dạy của giảng viên, (ii) khảo sát ý kiến sinh viên năm cuối về chất lượng nhà trường về CTĐT, chất lượng giảng viên, chất lượng dịch vụ...; (iii) khảo sát ý kiến ý kiến GV và (iv) khảo sát ý kiến ý kiến sinh viên về chất lượng đội ngũ NV hỗ trợ; (v) khảo sát ý kiến GV, NTD và cựu sinh viên về CTĐT và CĐR. Sau khi nhận kết quả khảo sát, các đơn vị lập báo cáo về việc sử dụng các kết quả khảo sát cho việc cải tiến chất lượng của đơn vị mình ra sao [H4.04.04.01] [H4.04.04.02] [H4.04.04.03] [H4.04.04.04] [H4.04.04.05] [H4.04.04.06]. Ngoài ra các hoạt động khắc phục và cải tiến còn được thực hiện sau các đợt đánh giá nội bộ, đánh giá ngoài cơ sở giáo dục và CTĐT [H4.04.03.03] [H4.04.03.04].

Trong các biên bản họp giao ban, các báo cáo tổng kết, báo cáo rà soát đánh giá của trường về việc thực hiện kế hoạch chiến lược hàng năm, kế hoạch ngắn hạn, dài hạn, nhà trường luôn bám sát các mục tiêu chiến lược để đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ, từ đó có kế hoạch cải tiến đảm bảo chất lượng, hiệu quả [H1.01.04.03] [H2.02.01.16].

Thông qua bảng đối sánh về các chỉ tiêu qua các năm chúng ta thấy được Trường Đại học Kiến trúc Đà Nẵng có những bước chuyển biến rõ rệt.

Tóm lại, quá trình rà soát định kỳ Chiến lược phát triển Trường giai đoạn 2020-2025 và tầm nhìn đến năm 2035 đã được thực hiện theo các bước chặt chẽ để xác định lại những cơ hội và thách thức của Trường trong giai đoạn mới của hội nhập và phát triển trong tình hình mới.

**Tự đánh giá: 5/7**

## **Đánh giá chung về tiêu chuẩn 4**

### **1. Tóm tắt các điểm mạnh**

- Lãnh đạo Nhà trường đã có sự tham gia kết nối, tuyên truyền, định hướng tầm nhìn, sứ mạng, văn hoá và các mục tiêu chiến lược của Nhà trường trong các Hội nghị, hội thảo...

- Nhà trường đã ban hành hướng dẫn đầy đủ hướng dẫn để xây dựng các kế hoạch chiến lược về công tác đào tạo, nghiên cứu khoa học, đảm bảo chất lượng, hợp tác quốc tế và truyền thông, thanh tra – pháp chế, tài chính – kế toán, tổ chức – nhân sự, quản lý dự án và quản trị thiết bị... Trên cơ sở đó các đơn vị xây dựng kế hoạch hành động cụ thể cho từng năm học

- Nhà trường luôn chú trọng đến công tác rà soát, xây dựng Chiến lược phát triển giáo dục theo đúng quy trình.

- Các kế hoạch chất lượng, các chỉ số hoạt động chính của nhà trường được rà soát qua công tác tự đánh giá và đánh giá ngoài, được cải tiến liên tục để phù hợp với mục tiêu chiến lược phát triển của nhà trường qua từng giai đoạn.

- Đã thiết lập các chỉ số KPIs tập trung vào các mảng công tác chính của Nhà trường, đảm bảo rõ ràng, đo lường được, có tính khả thi và mốc thời gian thực hiện.

### **2. Tóm tắt các điểm tồn tại**

- Tuyên truyền, định hướng tầm nhìn, sứ mạng, văn hóa và các mục tiêu chiến lược của Nhà trường chưa đạt mục tiêu là tuyên truyền mạnh mẽ đến các bên liên quan đặc biệt là các doanh nghiệp, nhà tuyển dụng.

- Chưa đánh giá đầy đủ và thường xuyên việc thực hiện kế hoạch hành động từng năm học của các đơn vị để nắm bắt được điểm mạnh, điểm tồn tại để phát huy, khắc phục.

- Việc lấy ý kiến các bên liên quan ngoài Trường (doanh nghiệp, cựu sinh viên, các tổ chức, ...) về tầm nhìn, sứ mạng, chiến lược còn gặp nhiều khó khăn và chưa thường xuyên, số lượng tham gia còn ít

### 3. Kế hoạch cải tiến

- Xây dựng quy trình việc ra quyết định và thực hiện chế độ thông tin báo cáo
- Từ năm 2020 Nhà trường sẽ tiến hành đánh giá thường xuyên kết quả thực hiện kế hoạch hành động từng năm học của các đơn vị. Đưa nội dung này vào để bình xét thi đua khen thưởng hàng năm
- Có kế hoạch thực hiện hiệu quả việc lấy ý kiến các bên liên quan ngoài Trường (Doanh nghiệp, cựu SV, các tổ chức nghề nghiệp...) về tầm nhìn, sứ mạng và chiến lược phát triển của trường

### 4. Mức đánh giá

Tiêu chuẩn/ Tiêu chí	Tự đánh giá
<i>Tiêu chuẩn 4</i>	<i>4,75</i>
Tiêu chí 4.1	4,0
Tiêu chí 4.2	5,0
Tiêu chí 4.3	5,0
Tiêu chí 4.4	5,0

#### **Tiêu chuẩn 5: Các chính sách về đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng**

##### **Tiêu chí 5.1: Có hệ thống để xây dựng các chính sách về đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng**

**Mô tả:** Trường Đại học Kiến trúc Đà Nẵng là cơ sở giáo dục đại học có sứ mạng phát triển thành trường đại học thông minh theo định hướng ứng dụng; là một trong những trường đại học thông minh góp phần đắc lực thực hiện thành công mục tiêu chuyển đổi số quốc gia; đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, có khả năng hội nhập quốc tế và đáp ứng tốt với những yêu cầu của thời đại mới; xây dựng môi trường nghiên cứu khoa học ứng dụng hiện đại, làm động lực thúc đẩy phát triển kinh tế tri thức; và góp phần nâng cao chất lượng cuộc sống của nhân dân. Chính vì vậy, Nhà trường chú trọng xây dựng các chính sách chất lượng về đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng, cam kết vận hành hiệu quả và kiểm soát chặt chẽ hệ thống đảm bảo chất lượng, thường

xuyên rà soát và cải tiến mọi mặt hoạt động nhằm không ngừng nâng cao chất lượng, nâng cao sự hài lòng của các bên liên quan, cung ứng nguồn nhân lực chất lượng cao, góp phần thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội của Việt Nam, khu vực và quốc tế [H05.05.01.01].

Nhà trường xác định đào tạo, NCKH, và phục vụ cộng đồng là những hoạt động quan trọng nhất xuyên suốt quá trình xây dựng và phát triển. Các chính sách được xây dựng trên cơ sở phù hợp với chủ trương của Đảng, quy định của nhà nước, đáp ứng yêu cầu của Luật Giáo dục đại học, Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học, Nghị định 99/2019/NĐ-CP hướng dẫn thi hành Luật Giáo dục đại học, các thông tư và hướng dẫn của Bộ GD&ĐT và phù hợp với chính sách phát triển kinh tế - xã hội của địa phương [H5.05.01.02].

Nhà trường đã ban hành Quy chế tổ chức, hoạt động của Trường [H5.05.01.03] và Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của các phòng chức năng, trung tâm, tổ trực thuộc, trong đó xác định rõ chức năng nhiệm vụ của các tổ chức, cá nhân trong Trường. Theo đó, Phòng Đào tạo có chức năng tham mưu các chính sách về đào tạo, Phòng Khoa học & Hợp tác quốc tế tham mưu các chính sách về NCKH và Phòng Công tác sinh viên, Đoàn Thanh niên, Trung tâm hỗ trợ sinh viên và quan hệ doanh nghiệp tham mưu các chính sách kết nối phục vụ cộng đồng để xây dựng và ban hành các chính sách về đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng [H5.05.01.04].

Trường đã ban hành Quy chế soạn thảo, thẩm định và ban hành văn bản làm cơ sở để các đơn vị triển khai xây dựng các chính sách liên quan đến các mảng công tác của đơn vị [H5.05.01.05]. Trường cũng đã tổ chức các đợt tập huấn cho CBVC, cán bộ lãnh đạo nâng cao năng lực về xây dựng các chính sách, nghiên cứu chiến lược phát triển Nhà trường. Hằng năm, Nhà trường thường xuyên cử cán bộ tham gia các lớp bồi dưỡng năng lực quản lý cấp phòng khoa, các lớp chuyên sâu về soạn thảo văn bản và xây dựng chính sách để nâng cao năng lực xây dựng chính sách cho CBGV của Trường. Quá trình xây dựng dự thảo chính sách và tiếp thu ý kiến của CBGV từ các đơn vị, Nhà trường luôn bám sát và tuân thủ theo các quy định của pháp luật hiện hành. Căn cứ vào sứ mạng, tầm nhìn, giá trị cốt lõi, triết lý giáo dục và các chính sách đã ban hành, trong những năm qua, Nhà trường đã triển khai nhiều chính sách cụ thể liên quan đến công tác đào tạo, NCKH, phục vụ cộng đồng, bao gồm:

Về công tác đào tạo: Căn cứ văn bản quy phạm pháp luật như Luật Giáo dục đại học; Luật sửa đổi và bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học, Điều lệ trường đại học, Nghị định 99/2019/NĐ-CP về Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi và bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học, Thông tư quy định

quy chế tuyển sinh hàng năm, thông tư quy định quy chế đào tạo, mở ngành đào tạo, ... Nhà trường đã xây dựng và hoàn thiện các chính sách về đào tạo, gồm chính sách tuyển sinh với những quy định rõ ràng về phương thức tuyển sinh, xác định chỉ tiêu và quy mô đào tạo được thể hiện trong Đề án tuyển sinh hàng năm và trình Hội đồng trường thông qua phương thức tuyển sinh [H5.05.01.06]; chính sách đào tạo ở các bậc học, việc điều chỉnh và cập nhật chương trình đào tạo, việc tổ chức đánh giá và công nhận tốt nghiệp cho các hệ đào tạo.. như Quy định đào tạo trình độ đại học hệ chính quy [H5.05.01.07], Quyết định ban hành chuẩn đầu ra tin học và ngoại ngữ cho sinh viên [H5.05.01.08]; xây dựng chính sách về khảo thí, kiểm tra đánh giá như Quy định tổ chức thi kết thúc học phần trực tiếp và trực tuyến [H5.05.01.09]; các chính sách đối với sinh viên như Quy định về công tác chủ nhiệm lớp sinh viên [H5.05.01.10], Quy định xét cấp học bổng khuyến khích học tập [H5.05.01.11].

Về công tác nghiên cứu khoa học: Căn cứ Sứ mạng, mục tiêu và tầm nhìn đến năm 2030, Nhà trường đã ban hành Chiến lược phát triển Trường đến năm 2022, tầm nhìn đến năm 2030 [H5.05.01.12], trong đó đưa ra các chính sách để phát triển hoạt động KHCN là đảm bảo NCKH gắn kết chặt chẽ với đào tạo, có giá trị ứng dụng thực tiễn, phát triển NCKH theo chuẩn và trình độ quốc tế, tăng cao số lượng và chất lượng sản phẩm NCKH [H5.05.01.13], đồng thời các quy định về khen thưởng trong hoạt động KHCN cũng được quy định rất cụ thể trong Quy định về quản lý hoạt động KHCN của Nhà trường [H5.05.01.14]. Để đảm bảo chất lượng các hoạt động KHCN, nhất là đối với các đề tài KHCN các cấp, Nhà trường đã ban hành quy định về quản lý đề tài KHCN. Trong quy định này, quy trình đề xuất các đề tài KHCN, xét duyệt giao nhiệm vụ, triển khai thực hiện và quy trình nghiệm thu được quy định rất cụ thể [H5.05.01.15]. Thông qua Hội đồng Khoa học của trường, các đề tài có tính khả thi cao, có giá trị ứng dụng nhất là trong hoạt động đào tạo của Nhà trường được ưu tiên tạo điều kiện xét duyệt để thực hiện. Bên cạnh đó, Nhà trường đã ban hành Quy định về quản lý hoạt động sở hữu trí tuệ [H5.05.01.16]. Quá trình ban hành những văn bản quy phạm nội bộ này được thực hiện chu đáo, lấy ý kiến rộng rãi của GV trong toàn trường, đảm bảo mọi người nhận thức được tầm quan trọng của NCKH và những lợi ích thiết thực khi tham gia làm NCKH. Những quy định này thực sự đã thúc đẩy hoạt động KHCN của Nhà trường trong thời gian qua. Bên cạnh các nguồn kinh phí từ bên ngoài, hàng năm, Nhà trường cũng đã ban hành các văn bản hướng dẫn định mức kinh phí đề tài do Trường quản lý, ban hành các chính sách khen thưởng, hỗ trợ cá nhân tham gia viết báo và NCKH [H5.05.01.14]. Nguồn kinh phí này đặc biệt khuyến khích các giảng viên trẻ, giảng viên tập sự tham gia để làm quen với việc thực hiện đề tài NCKH cấp cơ sở. Các khoa chuyên

môn luôn khuyến khích, tạo điều kiện, bố trí thời gian cho các GV trẻ tham gia làm NCKH như là một trong những điều kiện để hoàn thành quá trình tập sự giảng dạy. Ngoài ra, chính sách về NCKH được thể hiện rất rõ trong Quy chế chi tiêu nội bộ của Nhà trường [H5.05.01.17].

Về công tác phục vụ cộng đồng (PVCĐ): Hướng đến mục tiêu phát triển công tác phục vụ cộng đồng (PVCĐ), hằng năm, Trung tâm Học tập Gắn kết Cộng đồng - Trường Đại học Kiến trúc Đà Nẵng (CELC-DAU) đề xuất các kế hoạch hành động với nội dung liên quan đến PVCĐ [H5.05.01.18]. Ngoài ra, trong Quy chế về tổ chức và hoạt động của Trường, Nhà trường có nêu cụ thể trách nhiệm của các đơn vị trong việc tham mưu BGH quản lý, tổng hợp, đề xuất ý kiến, tổ chức thực hiện các hoạt động PVCĐ [H5.05.01.19].

Trong quá trình xây dựng các kế hoạch hành động hằng năm, TT CELC-DAU tham khảo và tuân thủ các văn bản quy định về chủ trương của Đảng, các yêu cầu quy định của Luật Giáo dục, Luật Giáo dục Đại học, Điều lệ trường Đại học, các thông tư và văn bản hướng dẫn của Bộ GD&ĐT. Bên cạnh đó, các kế hoạch, quy định của Nhà trường được xây dựng và ban hành dựa trên sự phù hợp và nhằm đạt được SM, TN, GTCL và các mục tiêu chiến lược của Trường [H5.05.01.20].

Nhằm phục vụ việc xây dựng và ban hành các kế hoạch, quy định về PVCĐ, Nhà trường phân công TT CELC-DAU là đơn vị xây dựng kế hoạch khảo sát và phối hợp với các đơn vị tiến hành khảo sát ý kiến của các bên liên quan về các chính sách về PVCĐ của Trường [H5.05.01.21], [H5.05.01.22]. Kết quả khảo sát ý kiến của các bên liên quan về các chính sách về PVCĐ được sử dụng để làm cơ sở điều chỉnh, cải tiến các kế hoạch liên quan đến PVCĐ [H5.05.01.23]. Tại cuộc họp giao ban giữa BGH với lãnh đạo các đơn vị, BGH quán triệt, yêu cầu các đơn vị nghiêm túc thực hiện các kế hoạch và quy định về PVCĐ [H5.05.01.24]. Trong nội dung Tuần sinh hoạt công dân đầu khóa, TT CELC-DAU phổ biến, giới thiệu về Trung tâm và các kế hoạch, hoạt động liên quan đến PVCĐ của Trường đến toàn thể SV [H5.05.01.25]. Ngoài ra, các hoạt động PVCĐ cũng được đăng tải trên website, fanpage của Trường [H5.05.01.26].

**Tự đánh giá: 6/7**

**Tiêu chí 5.2: Quy trình giám sát sự tuân thủ các chính sách được cụ thể hóa bằng văn bản, phổ biến và thực hiện**

**Mô tả:** Trường Đại học Kiến trúc Đà Nẵng xác định giám sát sự tuân thủ các chính sách của Trường là một trong những nhiệm vụ quan trọng trong chu trình PDCA. Giám sát sự tuân thủ các chính sách trước hết được thực hiện thông qua cơ chế "tự giám sát"

tại mỗi đơn vị, trong đó thủ trưởng đơn vị chịu trách nhiệm tổ chức triển khai nhiệm vụ, theo dõi giám sát tiến độ và báo cáo kết quả với BGH. Nhà trường quy định các đơn vị chức năng có nhiệm vụ theo dõi và giám sát thực hiện các chính sách về đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng, được quy định rõ trong chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của các đơn vị, được triển khai bằng cách kế hoạch cụ thể theo từng năm học.

Nhà trường đã có phân công nhiệm vụ cụ thể cho các đơn vị liên quan giám sát việc thực hiện chính sách của Trường, theo đó, Ủy ban kiểm tra Đảng thực hiện việc kiểm tra giám sát tổ chức Đảng, giám sát việc chỉ đạo của Đảng ủy đối với tất cả các hoạt động chung của Trường [H5.05.02.01], Hội đồng trường thực hiện chức năng giám sát việc thực hiện Nghị quyết của HĐT, việc tuân thủ pháp luật, việc thực hiện quy chế dân chủ trong hoạt động của Nhà trường và trách nhiệm giải trình của Hiệu trưởng; giám sát việc quản lý, sử dụng tài chính, tài sản của Nhà trường [H5.05.02.02], Phòng TTr-PC kiểm tra, giám sát việc thực hiện đúng chính sách, pháp luật theo quy định của các cấp đối với các mảng công tác của Nhà trường [H5.05.02.03], Ban Thanh tra nhân dân dưới sự chỉ đạo của Công đoàn trường thực hiện chức năng giám sát việc thực hiện chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, nhiệm vụ công tác hằng năm của cơ quan, đơn vị [H5.05.02.04]. Ngoài ra, Nhà trường thành lập các hội đồng, các Ban kiểm tra để cùng thực hiện việc giám sát các mảng hoạt động về đào tạo, NCKH và PVCD như: Hội đồng KH-ĐT, Hội đồng thi đua, khen thưởng [H5.05.02.05], [H5.05.02.06].

Để đảm bảo các kế hoạch về PVCD được triển khai đạt hiệu quả, TT CELC-DAU theo dõi và giám sát thực hiện các hoạt động PVCD [H5.05.02.07]. Kết quả giám sát và theo dõi việc thực hiện các hoạt động PVCD được TT CELC-DAU tổng hợp và thể hiện trong các báo cáo kết thúc học phần, báo cáo kết quả hoạt động [H5.05.02.08].

Các đơn vị thuộc Trường và giảng viên, sinh viên Nhà trường phối hợp cùng TT CELC-DAU thực hiện các đánh giá, cung cấp ý kiến phản hồi về các hoạt động PVCD [H5.05.02.09]. Bên cạnh đó, kết quả thực hiện các hoạt động PVCD được thể hiện trong báo cáo sơ kết và báo cáo tổng kết năm học hằng năm của Trường và TT CELC-DAU [H5.05.02.10], [H5.05.02.11].

Hằng năm, trong báo cáo tổng kết năm học của Nhà trường và của các đơn vị luôn có nội dung đánh giá kết quả thực hiện các hoạt động PVCD và giám sát sự tuân thủ các quy định về PVCD của Trường [H5.05.02.12]. TT CELC-DAU định kỳ xây dựng các newsletter và gửi đến các đơn vị, cá nhân thuộc Trường và đối tác của TT thông qua thư điện tử nhằm báo cáo các hoạt động đã triển khai thành công cũng như kế hoạch hoạt động dự kiến tiến hành trong thời gian tới [H5.05.02.13]. Ngoài ra, các hoạt động PVCD



của Nhà trường nhận được các ý kiến góp ý, phản hồi của sinh viên tại các buổi “Đổi thoại sinh viên” hằng năm [H5.05.02.14]

**Tự đánh giá: 5/7**

**Tiêu chí 5.3: Các chính sách về đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng được rà soát thường xuyên.**

**Mô tả:** Các chính sách về hoạt động đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng được Nhà trường được rà soát thường xuyên, định kì, hoặc đột xuất tùy vào tính chất, nội dung và phạm vi của chính sách để đảm bảo các chính sách phù hợp với thực tiễn, các văn bản quy pháp luật mới ban hành và đáp ứng yêu cầu phát triển của Nhà trường nhằm đảm bảo các hoạt động đi đúng mục tiêu chiến lược của Trường và các quy định hiện hành của Nhà nước và của Bộ GD&ĐT.

Thực hiện nghiêm túc Quy chế về kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa hệ thống văn bản do Nhà trường ban hành, trong đó quy định phạm vi, nội dung, phương pháp, đơn vị thực hiện rà soát văn bản định kỳ [H5.05.03.01]. Cụ thể, hằng năm Phòng Thanh tra Pháp chế tham mưu cho Hiệu trưởng thành lập các đoàn kiểm tra chuyên đề, định kỳ tổ chức triển khai công tác kiểm tra, rà soát, xây dựng, hệ thống hóa và ban hành văn bản mới để phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành. Theo đó, các phòng chức năng thường xuyên tự rà soát, cập nhật quy định, quy chế liên quan đến chức năng, nhiệm vụ của đơn vị mình để đảm bảo phù hợp với sự điều chỉnh, thay đổi của các quy định Nhà nước và đáp ứng yêu cầu thực tế của các bên liên quan. Hằng năm, Nhà trường cũng ban hành kế hoạch xây dựng văn bản quy phạm nội bộ về các lĩnh vực công tác của Trường, theo đó Phòng TTr-PC phối hợp với các đơn vị chức năng rà soát để ban hành các văn bản quy phạm nội bộ phù hợp với quy định hiện hành [H5.05.03.02], cụ thể:

Phòng Đào tạo có trách nhiệm rà soát các chính sách về hoạt động đào tạo như quy chế đào tạo trình độ đại học, điều chỉnh và bổ sung chương trình đào tạo, chuẩn đầu ra, quy chế tuyển sinh; chiến lược phát triển cho các lĩnh vực đào tạo... như các văn bản triển khai rà soát CTĐT hàng năm của Đại học Kiến trúc Đà Nẵng [H5.05.03.03], biên bản rà soát, sửa đổi CTĐT của từng ngành [H5.05.03.03], kết luận của Hội đồng Khoa học và Đào tạo [H5.05.03.04].

Nhà trường xây dựng Quyết định về việc chuyển điểm các học phần tương đương thay thế trong chương trình đào tạo đại học [H5.05.03.08]; Quyết định về việc ban hành chương trình đào tạo [H5.05.03.07]; Quy định về định kỳ đánh giá và thực hiện cải tiến chất lượng đào tạo [H5.05.03.08]. Nhà trường cũng có quy định về rà soát chất lượng chương trình giảng dạy, phương pháp giảng dạy, cũng như đội ngũ giảng dạy của Nhà

trường hàng năm thông qua các quy định về khảo sát ý kiến người học, sinh viên cuối khóa, cựu sinh viên và nhà tuyển dụng; Phòng KT&ĐBCLGD phối hợp với Phòng ĐT và các khoa xây dựng các mẫu phiếu khảo sát và phân công thực hiện. Việc khảo sát được thực hiện với nhiều hình thức đa dạng như phát phiếu khảo sát trực tiếp, đánh giá qua phần mềm khi sinh viên vào xem điểm, qua điện thoại, email, facebook...[H5.05.03.09]; Về công tác tuyển sinh, Nhà trường thực hiện rà soát đề án tuyển sinh hàng năm theo hướng dẫn của Bộ GDĐT. Hội đồng tuyển sinh của Trường cũng có hoạt động thăm dò ý kiến học sinh THPT qua hoạt động tư vấn tuyển sinh trực tiếp tại các trường THPT, qua các trang mạng xã hội... để rà soát cải tiến các chính sách tuyển sinh của Trường [H5.05.03.10]

Phòng Khoa học Công nghệ và Hợp tác quốc tế có trách nhiệm rà soát và chỉnh sửa các chính sách về hoạt động NCKH và chuyển giao công nghệ, các chính sách nhằm khuyến khích cán bộ giảng viên, sinh viên của Nhà trường tham gia NCKH để công bố các sản phẩm khoa học có giá trị, cũng như các chính sách nhằm tăng cường hoạt động hợp tác quốc tế [H05.05.03.11]. Phòng KHCN&HTQT còn phối hợp với Phòng TC-KT để rà soát, cải thiện các chính sách về phân bổ nguồn kinh phí cho hoạt động NCKH hàng năm và chế độ cho người tham gia NCKH thông qua rà soát quy chế chi tiêu nội bộ của Trường [H05.05.03.11].

Hàng năm, Phòng KHCN&HTQT tiến hành rà soát các hoạt động KHCN [H05.05.03.12] của tất cả GV, NV và SV toàn Trường. Báo cáo rà soát này là cơ sở để Phòng KHCN và HTQT đánh giá sơ bộ về tất cả các hoạt động KHCN trong năm của Nhà trường. Số liệu báo cáo là cơ sở để Phòng KHCN và HTQT tham mưu cho Ban giám hiệu về các chính sách nhằm nâng cao số lượng cũng như chất lượng các hoạt động KHCN của GV, NV và SV toàn Trường. Nhờ vậy, quy định về việc quản lý các hoạt động KHCN của Nhà trường ngày càng được hoàn thiện và phù hợp với điều kiện nhà trường [H05.05.03.13].

Kết quả rà soát và đánh giá cũng được báo cáo tại các cuộc họp giao ban hằng tháng, Hội nghị tổng kết công tác năm, hội nghị giao ban KH&CN, các cuộc họp của Đảng Ủy, HĐT, ... nhằm đánh giá kết quả đạt được, phân tích những nguyên nhân và có kế hoạch đổi mới các chính sách phù hợp với tầm nhìn và sứ mệnh của Nhà trường trong giai đoạn tiếp theo. Bên cạnh đó, Nhà trường cũng thường xuyên tiến hành khảo sát, lấy ý kiến của các bên liên quan để quá trình cải tiến chất lượng đào tạo, NCKH và PVCĐ đạt hiệu quả cao [H5.05.03.14].

Hàng năm Trung tâm Học tập Gắn kết Cộng đồng đều có kế hoạch triển khai, quản lý, kiểm tra, đánh giá các hoạt động cộng đồng do Trung tâm phụ trách.

Đối với các môn học cộng đồng, việc kiểm tra đánh giá được thực hiện thông qua quản lý hồ sơ môn học và lấy ý kiến phản hồi từ giảng viên sinh viên về kết quả thực hiện môn học, đảm bảo trọng số giữa nội dung chuyên môn phù hợp của môn học và yếu tố cộng đồng. [H5.05.03.15]

Đối với các hội thảo, tập huấn do Trung tâm chủ trì tổ chức hoặc đồng tổ chức với các đối tác đều có kế hoạch tổ chức, lịch trình sự kiện, báo cáo và biên bản làm cơ sở đối sánh và điều chỉnh cho các sự kiện tiếp theo [H5.05.03.16].

Đối với dự án nghiên cứu cộng đồng, Trung tâm thực hiện công tác báo cáo định kỳ, tổng kết và có biên bản nghiệm thu vào cuối dự án [H5.05.03.17].

Ngoài các hoạt động nêu trên, Trung tâm có kế hoạch khảo sát, thu thập ý kiến phản hồi cũng như đánh giá tác động của các hoạt động cộng đồng với các bên liên quan thông qua khảo sát trực tuyến [H5.05.03.18]. Kết quả khảo sát được thể hiện qua báo cáo sơ kết học kì và báo cáo tổng kết năm học của Trung tâm [H5.05.03.19]. Cũng trong các báo cáo này, Trung tâm luôn có nội dung rà soát, đánh giá các hoạt động cộng đồng đảm bảo sự phù hợp với định hướng phát triển của Nhà trường, giải quyết được nhu cầu của các bên liên quan và làm cơ sở điều chỉnh cho các hoạt động trong năm học tiếp theo. Căn cứ kết quả rà soát, đánh giá các hoạt động cộng đồng, Trung tâm CELC – DAU tham mưu Ban Giám hiệu kịp thời điều chỉnh, bổ sung cũng như ban hành mới các quy định, quy trình liên quan đến phục vụ cộng đồng [H5.05.03.20].

#### **Tự đánh giá: 5/7**

**Tiêu chí 5.4: Các chính sách về đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng được cải tiến nhằm tăng hiệu quả hoạt động của cơ sở giáo dục, đáp ứng chu cầu và sự hài lòng của các bên liên quan.**

**Mô tả:** Trên cơ sở rà soát định kỳ và đột xuất, Nhà trường tiến hành phân tích, cải tiến các chính sách về đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng phù hợp với tầm nhìn, sứ mạng, các giá trị cốt lõi của Trường, tăng hiệu quả hoạt động và đáp ứng yêu cầu và sự hài lòng của các bên liên quan.

Trong chu kì 5 năm (2017- 2022), Nhà trường đã cập nhật, điều chỉnh và ban hành nhiều chính sách mới để phù hợp với tình hình thực tế và pháp luật hiện hành, cụ thể:

Về đào tạo, Nhà trường liên tục cải tiến một số chính sách nhằm nâng cao chất lượng đào tạo. Nhà trường đã ban hành Quy định đào tạo trình độ đại học, hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ năm 2010 và đã được điều chỉnh ban hành mới vào năm 2021 [H5.05.04.01]; [H5.05.04.02]; ban hành Quy định tổ chức thi kết thúc học phần hệ chính

quy theo hệ thống tin chỉ năm 2019 để thay thế Quy định tạm thời trước đó [H5.05.04.03]; ban hành Quy định tổ chức đánh giá chuẩn đầu ra ngoại ngữ cho sinh viên năm 2021 [H5.05.04.04]; ban hành Quy định lấy ý kiến phản hồi từ các bên liên quan năm 2017 [H5.05.05.05]; Các chính sách tuyển sinh cũng được cải tiến hàng năm, thay đổi ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào, chính sách tuyển thẳng, đề án tuyển sinh của Trường được cập nhật hàng năm [H5.05.04.06].

Về nghiên cứu khoa học, Nhà trường liên tục cải tiến theo hướng đúng quy định, phù hợp với thực tiễn và tạo thuận lợi trong thực hiện. Trong 5 năm qua, hoạt động NCKH của Nhà trường phát triển mạnh mẽ nhờ không ngừng cải tiến các chính sách về NCKH, khuyến khích về mặt tài chính cũng như tiêu chí xét thi đua khen thưởng đối với các công bố quốc tế cũng như chủ nhiệm các đề tài NCKH các cấp. Cụ thể, Nhà trường đã ban hành các quy định như Chiến lược phát triển KHCN giai đoạn 2017 – 2022 tầm nhìn đến năm 2030 [H5.05.04.07]; Quy định về quản lý hoạt động KHCN của Trường [H5.05.04.08]; Quy định quản lý đề tài KHCN [H5.05.04.09], Quy định về quản lý hoạt động Nghiên cứu Khoa học của Sinh viên [H5.05.04.10].

Căn cứ kết quả rà soát, đánh giá các hoạt động cộng đồng thể hiện trong báo cáo tổng kết năm học, Trung tâm CELC – DAU điều chỉnh, bổ sung, đề xuất cải tiến các quy định, quy trình liên quan đến phục vụ cộng đồng [H5.05.04.11], [H5.05.04.12]. Theo đó, Trung tâm làm việc cụ thể với giảng viên về kế hoạch triển khai môn học ứng dụng phương pháp học cùng cộng đồng nhằm đảm bảo nội dung về mặt chuyên môn và tiêu chí cộng đồng, đồng thời đưa ra những giải pháp hạn chế các vấn đề phát sinh khi tổ chức môn học tại cộng đồng. Sau khi thống nhất nội dung và phương thức làm việc, giảng viên điều chỉnh kế hoạch và lịch trình môn học nộp về Trung tâm CELC – DAU để lập hồ sơ môn học [H5.05.04.13]. Trên cơ sở ý kiến đóng góp của giảng viên, sinh viên, học giả, người quan tâm tham gia các hội thảo, tập huấn do Trung tâm CELC – DAU tổ chức, Trung tâm lập kế hoạch mời diễn giả, khách mời, chuyên gia đến tập huấn cho cán bộ, giảng viên và sinh viên của Nhà trường và thường xuyên cập nhật thông tin trên các kênh truyền thông của mạng lưới đối tác, học giả quan tâm đến học cùng cộng đồng để kết nối các bên và mở ra nhiều cơ hội hợp tác đào tạo, nghiên cứu mới cho giảng viên, sinh viên. Đầu các học kỳ, Trung tâm gửi thư mời giảng viên quan đăng ký giảng dạy các môn học có ứng dụng phương pháp học cùng cộng đồng và hỗ trợ giảng viên từ khi lập đề cương môn học, tập huấn cho sinh viên làm việc với cộng đồng, hỗ trợ sinh viên tại cộng đồng và hướng dẫn cụ thể giảng viên hoàn thành báo cáo, lấy ý kiến phản hồi các bên liên quan để hoàn tất hồ sơ môn học [H5.05.04.14]. Thông tin về hội nghị và tập huấn cộng đồng có sự tham gia của diễn giả trong và ngoài nước được

gửi đến toàn thể giảng viên của Nhà trường cũng như mời các giảng viên tham gia trình bày tham luận để tăng tính kết nối, mở ra cơ hội thực hiện các nghiên cứu cộng đồng liên ngành.

Trong giai đoạn 2020 – 2022, Trung tâm CELC – Dâu tham mưu Ban Giám hiệu ban hành nhiều quy định liên quan đến học cùng cộng đồng như Quy trình giám sát và đánh giá tác động của hoạt động CEL/SL đối với CBVC, giảng viên, sinh viên và cộng đồng, xã hội; Quy đổi giờ hoạt động PVCĐ sang giờ NCKH cho giảng viên [H5.05.04.15]. Các quy định, quy trình này đều được phổ biến để các đơn vị được biết làm cơ sở thực hiện thông qua email nội bộ và lưu trữ ở hệ thống văn thư của Nhà trường.

### **Tự đánh giá: 5/7**

## **Đánh giá chung về Tiêu chuẩn 5**

### **1. Tóm tắt các điểm mạnh**

- Trường Đại học Kiến trúc Đà Nẵng vận hành hệ thống đồng bộ, hiệu quả để xây dựng các chính sách về đào tạo, NCKH và PVCĐ hướng đến thực hiện sứ mạng, tầm nhìn và chiến lược phát triển của Trường, phù hợp với các quy định hiện hành.
- Quá trình giám sát việc thực thi các chính sách về đào tạo, NCKH và PVCĐ được cụ thể hóa bằng các quy chế, quy định, các quy trình nghiệp vụ, các hướng dẫn công việc phù hợp và được phổ biến đến tất cả các bên liên quan để thực hiện.
- Việc rà soát, cải tiến các chính sách về đào tạo, NCKH và PVCĐ được thực hiện chặt chẽ bởi các bộ phận chuyên trách để cập nhật kịp thời các quy định của Nhà nước, Bộ GD&ĐT nhằm nâng cao chất lượng giáo dục, đáp ứng nhu cầu thực tế và làm hài lòng các bên hữu quan.
- Nhà trường ban hành Quy chế về tổ chức và hoạt động của Trường, quy định nhiệm vụ của TT CELC và các đơn vị khác trong việc xây dựng kế hoạch, triển khai, rà soát, đánh giá các hoạt động PVCĐ.
- Các kế hoạch hoạt động liên quan đến PVCĐ của Nhà trường được xây dựng tuân thủ các quy định của Luật Giáo dục, Luật Giáo dục ĐH, Điều lệ trường ĐH, các thông tư và hướng dẫn của Bộ GD&ĐT và nhằm đạt được SM, TN, mục tiêu chiến lược của Trường.
- Kết quả thực hiện các hoạt động PVCĐ được công bố, thông báo, phổ biến rộng rãi đến các bên liên quan bên trong và bên ngoài Trường thông qua nhiều nền tảng.

- Các kế hoạch về PVCD của Nhà trường được triển khai thực hiện; được rà soát, đánh giá hằng năm và thể hiện trong báo cáo tổng kết năm học của Trường và của các đơn vị.

- Hằng năm, Nhà trường triển khai khảo sát ý kiến phản hồi của các bên liên quan về hoạt động PVCD của Trường.

- Kết quả khảo sát, lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan về PVCD được Nhà trường thu thập để làm cơ sở điều chỉnh, cải tiến và xây dựng các kế hoạch hoạt động PVCD tiếp theo.

- Trong giai đoạn 2018-2022, Nhà trường thực hiện thành công nhiều hoạt động PVCD, các kết quả hoạt động PVCD của Trường ngày càng nâng cao qua từng năm.

- Nhà trường, các đơn vị và cá nhân, sinh viên đã nhận được nhiều hình thức khen thưởng các cấp.

## **2. Tóm tắt các điểm tồn tại**

Việc lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan về đánh giá các chính sách đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng chưa đầy đủ và kịp thời.

## **3. Kế hoạch cải tiến**

Định kỳ lấy ý kiến các bên liên quan trong quá trình xây dựng chính sách và sự hài lòng của các bên về các chính sách

## **4. Mức đánh giá tiêu chí**

<b>Tiêu chuẩn/Tiêu chí</b>	<b>Tự đánh giá</b>
<b><i>Tiêu chuẩn 5</i></b>	<b>5,25</b>
Tiêu chí 5.1	6,0
Tiêu chí 5.2	5,0
Tiêu chí 5.3	5,0
Tiêu chí 5.4	5,0

## **Tiêu chuẩn 6: Quản lý nguồn lực**

**Tiêu chí 6.1: Nguồn nhân lực được quy hoạch để đáp ứng đầy đủ nhu cầu của hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng**

**Mô tả:** Trong quá trình thành lập và phát triển, nhà trường coi trọng công tác quy hoạch nguồn nhân lực đó là cơ sở cho các hoạt động nâng cao chất lượng nguồn nhân lực. Với mục tiêu đã đề ra, trường Đại học Kiến Trúc Đà Nẵng xác định việc quy hoạch đội ngũ cán bộ quản lý, phát triển nguồn nhân lực có năng lực và tâm huyết là mục tiêu tiên quyết nhằm đáp ứng nhu cầu của hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng. Tầm quan trọng của vấn đề nhân sự được Hội đồng trường (HĐT) nêu rõ trong “Chiến lược phát triển giáo dục Trường Đại học Kiến trúc Đà Nẵng giai đoạn 2017-2022 và tầm nhìn đến năm 2030” ban hành kèm theo Quyết định số 443/2017/QĐ-ĐHKTDN ngày 20/4/2017 của Chủ tịch Hội đồng trường và được điều chỉnh, bổ sung trong “Chiến lược phát triển giáo dục Trường Đại học Kiến trúc Đà Nẵng giai đoạn 2020-2025 và tầm nhìn đến năm 2030” ban hành kèm theo Quyết định số 304 /QĐ-ĐHKTDN ngày 15/7/2021 của Chủ tịch Hội đồng trường, Trường Đại học Kiến trúc Đà Nẵng. Hội đồng trường giao cho Hiệu trưởng chỉ đạo triển khai cho các đơn vị thực hiện và Hiệu trưởng đã giao nhiệm vụ cho Phòng Tổ chức – Nhân sự là đơn vị quản lý nguồn nhân lực của Trường, tham mưu cho lãnh đạo nhà trường xây dựng các mục tiêu, ban hành các chính sách, quy định phát triển nguồn nhân lực **[H6.06.01.01]**.

Có kế hoạch đánh giá nhu cầu về nguồn nhân lực của đơn vị đáp ứng hoạt động đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng. Nhà trường ban hành quy trình quy hoạch nhân lực với tiêu chuẩn, tiêu chí rõ ràng đối với từng vị trí cán bộ quản lý và gửi đến các đơn vị để thực hiện. Bên cạnh đó, tiêu chuẩn, tiêu chí đối với CBGV được quy định cụ thể trong Đề án vị trí việc làm và Bản mô tả vị trí việc làm của Nhà trường đã ban hành, Với kế hoạch năm học từng năm của Phòng luôn đưa ra chỉ tiêu kế hoạch năm học, công tác quy hoạch cán bộ quản lý các cấp và mức kinh phí dự kiến cho công tác bồi dưỡng nguồn nhân lực đảm bảo nhu cầu nguồn nhân lực đáp ứng hoạt động ĐT, NCKH và PVCĐ. Trên cơ sở các đề xuất của các đơn vị, P.TCNS xây dựng báo cáo nhu cầu nhân lực phục vụ hoạt động ĐT, NCKH và PVCĐ trình BGH và sử dụng làm cơ sở để tuyển dụng, bổ nhiệm, điều chuyển nhân sự cho phù hợp **[H6.06.01.02]**.

Có quy hoạch/kế hoạch phát triển nguồn nhân lực dựa trên việc đánh giá nhu cầu của hoạt động đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng, tuân thủ các quy định hiện hành

Để đảm bảo được đội ngũ và chất lượng nguồn nhân lực, nhà trường đã xây dựng các chính sách về nhân sự để thực hiện tốt công tác quy hoạch, trong đó thể hiện rõ các chính sách về tuyển dụng, bổ nhiệm, chế độ phúc lợi, môi trường làm việc và chính sách thu hút, giữ chân nhân tài. Nhà trường ban hành quy định, quy trình lựa chọn và bổ nhiệm nguồn nhân lực với tiêu chuẩn, tiêu chí rõ ràng đối với từng vị trí và gửi đến các đơn vị để thực hiện **[H6.06.01.03]** đề xuất nhân sự. Định kỳ trên cơ sở kế hoạch hằng

năm Nhà trường phối hợp với các đơn vị triển khai xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực của đơn vị [H6.06.01.04]. Nhà trường căn cứ kết quả đánh giá CBQL hằng năm để phân công, bổ nhiệm, điều chuyển, đào tạo, bồi dưỡng nhân sự theo hướng phù hợp với thực tiễn của yêu cầu về nhiệm vụ phát triển chung của Trường [H6.06.01.05]. Các khoa đào tạo, phòng ban chức năng và trung tâm trực thuộc căn cứ nhu cầu nhân lực cho hoạt động ĐT, NCKH và PVCĐ, triển khai đăng ký nhu cầu ĐT, BD và gửi về P.TCNS để tổng hợp và tham mưu BGH Nhà trường ban hành kế hoạch đào tạo bồi dưỡng cho CBGVNV hằng năm để triển khai thực hiện.

Nguồn nhân lực hiện nay được nhà trường quy hoạch đủ để đáp ứng nhu cầu của hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng, đảm bảo tỉ lệ sinh viên/GV theo quy định [H6.06.01.06]

#### **Tự đánh giá: 5/7**

**Tiêu chí 6.2: Các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn bao gồm cả các tiêu chí về đạo đức và tự do học thuật sử dụng trong việc đề bạt, bổ nhiệm và sắp xếp nhân sự được xác định và được phổ biến.**

**Mô tả:** Tuyển dụng nhân sự là quá trình tìm kiếm và lựa chọn nhân sự để thỏa mãn nhu cầu sử dụng của nhà trường và bổ sung lực lượng lao động cần thiết nhằm thực hiện mục tiêu của nhà trường. Công tác tuyển dụng là yếu tố đóng vai trò hết sức quan trọng trong việc nâng cao chất lượng nguồn nhân lực. Nếu công tác tuyển dụng được thực hiện tốt thì sẽ tuyển được những người thực sự có năng lực, trình độ và phẩm chất đạo đức tốt. Việc tuyển dụng cần đảm bảo nguyên tắc như: căn cứ vào nhu cầu công việc để tuyển dụng; công tác tuyển dụng phải đảm bảo khách quan, công bằng; phải thực hiện trên cơ sở xác định số lượng cần tuyển trong đó cần phân tích các vị trí, công việc để đưa ra các điều kiện, tiêu chuẩn khi tuyển dụng. Căn cứ các văn bản quy định của Luật Giáo dục, Bộ GD&ĐT và Quy chế hoạt động của nhà trường [H6.06.02.01], nhà trường ban hành quy định, quy trình tuyển dụng, đề bạt CBGV trong đó có các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn bao gồm cả các tiêu chí về đạo đức và tự do học thuật [H6.06.02.02]. Quy định tuyển dụng, sử dụng và quản lý CBQL đã được gửi đến các đơn vị để thông báo, phổ biến đến CBGVNV đồng thời, được đăng tải trên website của Trường [H6.06.02.03].

Công tác tuyển dụng và lựa chọn được thực hiện theo quy trình rõ ràng, bao gồm tiến trình thực hiện, trách nhiệm các bên liên quan và các biểu mẫu áp dụng được mã hóa nhằm tạo tính chuyên nghiệp và đạt hiệu quả cao trong quá trình thực hiện. Việc bổ nhiệm cán bộ quản lý được thực hiện theo quy định bổ nhiệm, được thông qua bởi HĐT,



BGH và Hội đồng tuyển dụng để đảm bảo việc bổ nhiệm các cán bộ quản lý có năng lực chuyên môn và phẩm chất đạo đức phù hợp, đồng thời tuân thủ chặt chẽ quy trình bổ nhiệm. Hàng năm, công tác tự đánh giá và đánh giá năng lực quản lý, phẩm chất đạo đức và khả năng hoàn thành nhiệm vụ được giao đối với đội ngũ cán bộ quản lý vẫn được thực hiện một cách minh bạch, rõ ràng và công bằng theo các tiêu chuẩn nhất định.

Để đảm bảo được nhân sự đáp ứng nhu cầu nhân lực giai đoạn 2018 – 2022 và cụ thể cho từng năm học, Phòng TC-NS đề xuất tuyển dụng, tuyển chọn CBGV đúng tiêu chí và quy trình đã ban hành theo kế hoạch hằng năm [H6.06.02.04],[H6.06.02.05]. Thông báo tuyển dụng từng năm đã được đăng tải lên Website Trường, các Fanpage Đoàn và các Website đăng tuyển thông tin nhu cầu việc làm. Kết quả tuyển dụng và lựa chọn CBQL được tổng hợp và báo cáo hằng năm [H6.06.02.06].

Trong hoạt động quản lý, công tác lựa chọn và bổ nhiệm CBQL được cụ thể hóa với tiêu chí và quy trình. Trên cơ sở đề xuất của các đơn vị, BGH họp với các đơn vị có nhu cầu sắp xếp, bổ nhiệm CBQL xem xét và ra thống nhất về bổ nhiệm, sắp xếp nhân sự đáp ứng yêu cầu, nhu cầu nguồn nhân lực giai đoạn 2018-2022 [H6.06.02.05]

#### **Tự đánh giá: 5/7**

#### **Tiêu chí 6.3: Xác định và xây dựng được tiêu chuẩn năng lực (bao gồm cả kỹ năng lãnh đạo) của các nhóm cán bộ, giảng viên, nhân viên khác nhau**

**Mô tả:** Tiêu chuẩn năng lực của các nhóm cán bộ, giảng viên, nhân viên (CBGVNV) khác nhau được xác định và xây dựng là yếu tố quan trọng để nhà trường lựa chọn và xây dựng đội ngũ nguồn nhân lực chất lượng cao, giỏi về chuyên môn, giàu kinh nghiệm công tác và phẩm chất đạo đức tốt. Cán bộ quản lý là lực lượng đầu tàu trong việc định hướng và thực hiện các hoạt động chung của nhà trường. Cán bộ quản lý có tư cách đạo đức tốt thì mới tạo được sự đồng thuận trong sự cộng tác của nhân viên. Bên cạnh đó, có năng lực chuyên môn vững vàng thì đội ngũ lãnh đạo mới nắm bắt và chỉ đạo được thông suốt.

Bên cạnh quy chế tổ chức hoạt động của trường, mục tiêu chiến lược phát triển của từng giai đoạn cùng [H6.06.03.01], nhà trường đã ban hành đề án vị trí việc làm với việc xác định tiêu chuẩn năng lực, xây dựng quy định tiêu chuẩn năng lực đối với các nhóm CBGVNV khác nhau bao gồm các yêu cầu về phẩm chất, bằng cấp, năng lực, kỹ năng, kinh nghiệm trong đó đặc biệt chú ý đến phẩm chất đạo đức và năng lực quản lý [H6.06.03.02] và được cụ thể hóa qua Bản mô tả vị trí công việc của mỗi CBGVNV nhằm thông báo, phổ biến cụ thể đến từng cá nhân CBGVNV hiểu rõ về những năng lực cần có và cần bổ sung, hoàn thiện trong quá trình thực thi công việc. Bên cạnh đó, trong

các văn bản tuyển dụng hằng năm, Nhà trường xác định và mô tả rõ năng lực cần có đối với các vị trí CBGVNV cần tuyển dụng [H6.06.03.03], Ngoài ra, trong văn bản hướng dẫn lựa chọn và bổ nhiệm cán bộ quản lý của Nhà trường ban hành có mô tả rõ năng lực đối với từng vị trí chọn lựa và bổ nhiệm [H6.06.03.04].

Trong khâu tuyển chọn GV khi xem xét hồ sơ ứng viên, nhà trường chú trọng, ưu tiên cho những GV đạt tối thiểu các yêu cầu thuộc các nhóm: (i) Chức danh, học vị: Tốt nghiệp đại học loại giỏi, khá, đúng ngành đang tuyển dụng, ưu tiên các GV đã là tiến sĩ, thạc sĩ và tốt nghiệp ở nước ngoài; (ii) Ngoại ngữ và Tin học: đạt chuẩn theo khung tham chiếu ngôn ngữ chung Châu Âu (CEFR) hoặc chứng chỉ ngoại ngữ tương đương, có khả năng giảng dạy bằng tiếng Anh, thành thạo tin học văn phòng và tin học chuyên ngành; (iii) Kinh nghiệm và kỹ năng làm việc: Trung thực, tâm huyết với công tác giảng dạy, ham học hỏi, say mê nghiên cứu khoa học và nhiệt tình trong công việc, có kỹ năng lập kế hoạch, làm việc nhóm, thuyết trình và có kinh nghiệm giảng dạy ở các trường đại học, cao đẳng trong nước hoặc nước ngoài [H6.06.03.05]. Trong giai đoạn 2018 – 2022, nhà trường đã thực hiện công tác tuyển dụng nhiều vị trí khác nhau, đào tạo và bổ nhiệm nhiều nhân sự trong công tác giảng dạy và quản lý [H6.06.03.06]

#### **Tự đánh giá: 5/7**

**Tiêu chí 6.4: Nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng, phát triển đội ngũ cán bộ, giảng viên, nhân viên được xác định và có các hoạt động triển khai để đáp ứng các nhu cầu đó.**

**Mô tả:** Giảng viên cơ hữu là lực lượng nòng cốt để thực hiện công tác giảng dạy và NCKH vì vậy công tác bồi dưỡng nâng cao trình độ và chuyên môn cho đội ngũ giảng viên được đặc biệt coi trọng. Nhằm nâng cao trình độ cho Giảng viên, Nhà trường đã thông báo và khuyến khích cho GV đăng ký các chương trình học bổng có sử dụng và không sử dụng ngân sách nhà nước từ Bộ Giáo dục và Đào tạo, các chương trình học bổng theo dạng Hiệp định, các đề án đào tạo tiến sĩ ở nước ngoài....Để hỗ trợ cho GV học tập nâng cao trình độ, nhà trường đã đưa ra các chính sách hỗ trợ học phí, bố trí thời gian để giảng viên học cao học và làm NCS [H6.06.04.01]. Đối với các trường hợp giảng viên tham gia xét tuyển học bổng ngân sách Nhà nước theo đề án 599 hoặc 911 thì nhà trường hỗ trợ học phí để các giảng viên bồi dưỡng nâng cao trình độ ngoại ngữ để đáp ứng yêu cầu xét tuyển. Giảng viên đi học tập nâng cao trình độ đều được nhà trường đảm bảo về thủ tục pháp lý và quyền lợi trong quá trình học tập, riêng các trường hợp học tập nâng cao trình độ ở nước ngoài đều phải thực hiện các nghĩa vụ dành cho giảng viên học tập ở nước ngoài: chế độ báo cáo, các thủ tục đi học và tiếp nhận trở lại

trường công tác sau khi tốt nghiệp. Giảng viên tốt nghiệp Thạc sỹ hoặc Tiến sỹ sẽ được nhận hàng tháng mức phụ cấp tùy theo trình độ theo quy định của Trường [H6.06.04.02]

Song song với quá trình củng cố đội ngũ giảng viên, trường cũng đã có kế hoạch phát triển đội ngũ CBQL cả về số lượng và chất lượng. Với môi trường là giáo dục nói chung và giáo dục đại học nói riêng thì ngoài những kỹ năng tối thiểu cần phải có của một người quản lý thì cán bộ quản lý (CBQL) cần phải có thêm các kiến thức về giáo dục cụ thể là các Luật, Quy chế, Quy định, Thông tư,...trong hoạt động dạy và học. Với kế hoạch hàng năm [H6.06.04.03], Phòng Tổ chức – Nhân sự đã tham mưu cho BGH về công tác quy hoạch cán bộ, công tác tuyển dụng và bồi dưỡng cho CBGVNV về chuyên môn nghiệp vụ và nâng cao trình độ. Hằng năm nhà trường đã cử nhiều lượt CBQL và GV tham gia các hoạt động bồi dưỡng chuyên môn, nâng cao nghiệp vụ với các khóa tập huấn ở trong và ngoài nước [H6.06.04.04].

**Tự đánh giá: 5/7**

**Tiêu chí 6.5: Hệ thống quản lý việc thực hiện nhiệm vụ (bao gồm chế độ khen thưởng, ghi nhận và kế hoạch bồi dưỡng) được triển khai để thúc đẩy và hỗ trợ hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng.**

**Mô tả:** Hội đồng Thi đua – Khen thưởng (TĐ-KT) Trường là đơn vị triển khai công tác đánh giá kết quả thực hiện công việc hằng năm của CBGVNV thuộc Trường và phân công cán bộ thuộc Phòng Tổ chức – Nhân sự chuyên trách công tác thi đua khen thưởng [H6.06.05.01]. Hằng năm, Hội đồng tư vấn tham mưu cho BGH ban hành văn bản hướng dẫn công tác thi đua khen thưởng theo các nhiệm vụ trọng tâm trong năm học. Nhà trường gửi văn bản hướng dẫn công tác thi đua khen thưởng đến các đơn vị và CBGVNV để lấy ý kiến đóng góp, Hội đồng Thi đua – Khen thưởng Trường thực hiện tổng hợp các ý kiến đóng góp, chỉnh sửa và ban hành chính thức để thực hiện. Kế hoạch đánh giá, phân loại CBGVNV và xét thi đua khen thưởng của Nhà trường thông qua việc đăng ký theo các tiêu chuẩn đã ban hành.

Trên cơ sở các tiêu chí đã được thống nhất, lãnh đạo các đơn vị thông báo, phổ biến để CBGVNV đăng ký thực hiện. Dữ liệu đăng ký thi đua khen thưởng hàng năm của CBGVNV được lưu trữ để làm cơ sở bình xét danh hiệu thi đua cuối năm học [H6.06.05.02].

Hằng năm, căn cứ kế hoạch thực hiện và trên cơ sở hướng dẫn đã được ban hành mà các đơn vị tiến hành tổ chức bình xét các danh hiệu thi đua cho CBGVNV trực thuộc. Kết quả bình xét thi đua của các đơn vị được gửi về Hội đồng TĐ-KT Trường nhằm tổng hợp và phân loại [H6.06.05.03]. Hội đồng Thi đua – Khen thưởng Trường tổng hợp kết

quả của các đơn vị, tổ chức họp bình xét và bầu chọn các danh hiệu thi đua cho cá nhân và tập thể trong trường theo kế hoạch hoạt động của năm học và công bố kết quả bình xét cho toàn thể CBGVNV được biết [H6.06.05.04].

Nhằm nâng cao hiệu quả các hoạt động ĐT, NCKH, PVCĐ, nhà trường đã xây dựng hệ thống quy định đánh giá, phân loại (KPI) CBGVNV làm cơ sở đánh giá, xây dựng các chính sách đào tạo bồi dưỡng cho CBGVNV. Mặt khác trên cơ sở tiêu chí tuyển dụng CBGVNV, nhà trường có được đội ngũ chất lượng cao, ưu tiên đầu tư tài chính, tạo điều kiện để học tập, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ cho CBGVNV nhằm phục vụ tốt hơn hoạt động ĐT, NCKH, PVCĐ. Quy chế chi tiêu nội bộ của Trường có quy định cụ thể về định mức đầu tư cho đào tạo, bồi dưỡng cũng như các chính sách khác của nhà trường luôn hỗ trợ cho CBGVNV trong hoạt động đào tạo và bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn [H6.06.05.05].

**Tự đánh giá: 5/7**

**Tiêu chí 6.6: Các chế độ, chính sách, quy trình và quy hoạch về nguồn nhân lực được rà soát thường xuyên.**

**Mô tả:** Phòng Tổ chức – Nhân sự (TC-NS) là đơn vị tham mưu, theo dõi, rà soát việc thực hiện các chế độ chính sách, quy trình và quy hoạch về nguồn nhân lực của Trường. Trên cơ sở đó, Phòng TC-NS đã xây dựng một ứng dụng Quản lý Nhân sự phục vụ cho công tác quản lý nhân sự và các chế độ, chính sách phục vụ công tác quy hoạch nguồn nhân lực của Trường [H6.06.06.01]. Kết quả thực hiện các chế độ, chính sách, quy trình và quy hoạch về nguồn nhân lực của Trường cũng như cơ cấu và số lượng được thể hiện trong báo cáo tổng kết hằng năm của Phòng và của Trường [H6.06.06.02]. Hằng năm nhà trường cũng có những thay đổi về chính sách, chế độ phù hợp với thực tiễn. Nhà trường tiến hành khảo sát mức độ hài lòng cũng như góp ý xây dựng và thực hiện các chế độ chính sách phục vụ công tác quy hoạch và đào tạo nguồn nhân lực của Trường và kết quả khảo sát ý kiến của CBGVNV được Nhà trường nghiên cứu, tham khảo để làm cơ sở điều chỉnh, cải tiến các chính sách, chế độ [H6.06.06.03] phục vụ cho công tác quy hoạch cơ cấu nhân sự trong các kế hoạch hàng năm [H6.06.06.04].

**Tự đánh giá: 5/7**

**Tiêu chí 6.7: Các chế độ, chính sách, quy trình và quy hoạch nguồn nhân lực được cải tiến để hỗ trợ đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng.**

**Mô tả:** Hằng năm Nhà trường thực hiện việc rà soát đánh giá về các chế độ, chính sách, quy trình và quy hoạch về nguồn nhân lực nhằm hỗ trợ hoạt động ĐT, NCKH, PVCĐ [H6.06.07.01], [H6.06.07.02], [H6.06.07.03], [H6.06.07.04]. Trên cơ sở kết quả

khảo sát lấy ý kiến của CBGVNV về chế độ chính sách và đề xuất kiến nghị của các đơn vị mà nhà trường đã thực hiện những cải tiến về chính sách hỗ trợ hoạt động đào tạo, các chế độ phục vụ cho công tác quy hoạch nguồn nhân lực cũng như nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng [H6.06.07.05]. Các nội dung thay đổi về chế độ, chính sách để hỗ trợ ĐT, NCKH, PVCĐ sau khi cải tiến đều được Nhà trường thông báo đến các đơn vị để thực hiện và phổ biến đến CBGVNV biết và thực hiện. Trong giai đoạn 2018-2022, Nhà trường ban hành và áp dụng nhiều chế độ, chính sách để hỗ trợ tốt hoạt động ĐT, NCKH, PVCĐ của Trường [H6.06.07.06].

**Tự đánh giá: 5/7**

## **Đánh giá chung về tiêu chuẩn 6**

### **1. Tóm tắt các điểm mạnh**

- Nhà trường đã đánh giá nhu cầu nguồn nhân lực của các đơn vị trực thuộc; ban hành chiến lược phát triển đội ngũ, kế hoạch phát triển nguồn nhân lực cho từng thời kỳ, từng năm; xây dựng đề án vị trí việc làm; ban hành đầy đủ các quy trình, quy định, tiêu chí tuyển chọn CB, NV và hằng năm đều thực hiện đầy đủ công tác này.
- Nhà trường thực hiện đều đặn hàng năm quy trình tuyển dụng với các tiêu chí và đầy đủ các quy trình, quy định, tiêu chí tuyển chọn CB, NV.
- Hằng năm, Nhà trường triển khai đánh giá nhu cầu về nguồn nhân lực của đơn vị đáp ứng hoạt động ĐT, NCKH và PVCĐ, từ đó xây dựng kế hoạch phát triển nguồn nhân lực và triển khai thực hiện.
- Căn cứ chiến lược phát triển giáo dục Trường Đại học Kiến trúc Đà Nẵng giai đoạn 2017-2022 và tầm nhìn đến năm 2030 nhà trường đã ban hành Kế hoạch chiến lược về công tác nhân sự.
- Nhà trường phân công P.TCNS là đơn vị quản lý công tác nhân sự của Trường và phân công trách nhiệm cụ thể cho lãnh đạo các đơn vị trong công tác nhân sự.
- Trong kế hoạch năm học hằng năm của Nhà trường, của P.TCNS và các đơn vị luôn có nội dung về phát triển nguồn nhân lực.
- Nhà trường ban hành và áp dụng hệ thống văn bản quản lý nguồn nhân lực dựa trên các văn bản quy định của Bộ GD&ĐT, Quy chế hoạt động của Trường, đồng thời phổ biến đến đội ngũ CBGVNV.

- Hệ thống văn bản phục vụ công tác quản lý và phát triển nguồn nhân lực được đăng tải và thường xuyên cập nhật trên website của Trường.

- Nhà trường ban hành Đề án vị trí việc làm, Bản mô tả vị trí việc làm và thông báo, phổ biến đến toàn thể CBGVNV.

- Nhà trường xây dựng kế hoạch tuyển dụng, bồi dưỡng, phát triển đội ngũ CBGVNV và triển khai nhằm đảm bảo số lượng và chất lượng đội ngũ phục vụ hoạt động ĐT, NCKH, PVCĐ.

- Hằng năm, Nhà trường triển khai công tác tuyển dụng, đào tạo và bồi dưỡng CBGVNV theo đúng quy định.

- Nhà trường triển khai nhiều hoạt động bồi dưỡng CBGV và cử CBGV tham gia các khóa đào tạo, bồi dưỡng trong và ngoài nước. Trong giai đoạn 2018-2022, nhiều lượt CBGV của Trường đã tham gia học tập nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ và tham gia các khóa tập huấn trong và ngoài nước.

- Công tác quy hoạch nhân sự của Nhà trường được thực hiện theo đúng quy định với tiêu chuẩn, tiêu chí rõ ràng đối với từng vị trí nhân sự.

- Đội ngũ CBGVNV của Trường có đủ năng lực, trình độ chuyên môn nghiệp vụ đáp ứng nhu cầu hoạt động ĐT, NCKH, PVCĐ của Nhà trường.

- Hằng năm, Nhà trường triển khai đánh giá hiệu quả công việc của CBGVNV phục vụ cho công tác thi đua, khen thưởng cũng như đầu tư phát triển CBGVNV.

- Hoạt động thi đua, khen thưởng của CBGVNV được Nhà trường triển khai hằng năm và nhiều CBGVNV của Trường đạt được các danh hiệu thi đua, nhận nhiều hình thức khen thưởng các cấp.

- Hằng năm, Nhà trường rà soát các chế độ, chính sách, quy trình và quy hoạch về nguồn nhân lực và trên cơ sở ban hành các chế độ, chính sách phù hợp với điều kiện thực tiễn, động viên, khuyến khích CBGVNV hoàn thành tốt nhiệm vụ.

- Ý kiến khảo sát CBGVNV thể hiện sự hài lòng đối với chế độ, chính sách, quy trình và quy hoạch về nguồn nhân lực của Trường.

## **2. Tóm tắt các điểm tồn tại**

- Trong các quy định tuyển dụng, bổ nhiệm các tiêu chí chưa được lượng hóa nên việc tuyển dụng, phân bổ chưa thật hoàn toàn chính xác.

- Cần tăng cường tần suất thông tin tuyển dụng để đảm bảo tuyển đạt được số lượng CBGV theo yêu cầu đặt ra.

- Trong năm học 2022 – 2023 Nhà trường cần thực hiện góp ý cho các văn bản để thay đổi chế độ hỗ trợ học tập, bồi dưỡng chuyên môn cho CBGV.

- Nhà trường cần sớm có ban hành chính sách chế độ cho CBGVNV hỗ trợ cho hoạt động ĐT, NCKH và PVCĐ trên cơ sở hệ thống đánh giá, phân loại hiệu quả công việc (KPI).

### 3. Kế hoạch cải tiến

- Lượng hóa các quy định, tiêu chí tuyển dụng bổ nhiệm

- Cần tăng cường tần suất thông tin tuyển dụng để đảm bảo tuyển đạt được số lượng CBGV theo yêu cầu đặt ra.

- Trong năm học 2022 – 2023 Nhà trường cần thực hiện góp ý cho các văn bản để thay đổi chế độ hỗ trợ học tập, bồi dưỡng chuyên môn cho CBGV.

- Nhà trường cần sớm có ban hành chính sách chế độ cho CBGVNV hỗ trợ cho hoạt động ĐT, NCKH và PVCĐ trên cơ sở hệ thống đánh giá, phân loại hiệu quả công việc (KPI).

- Nhà trường chưa triển khai lấy ý kiến của các bên liên quan bên ngoài về công tác phát triển nhân sự của Trường.

### 4. Mức đánh giá

<b>Tiêu chuẩn/ Tiêu chí</b>	<b>Tự đánh giá</b>
<b><i>Tiêu chuẩn 6</i></b>	<b><i>5,0</i></b>
Tiêu chí 6.1	5,0
Tiêu chí 6.2	5,0
Tiêu chí 6.3	5,0
Tiêu chí 6.4	5,0
Tiêu chí 6.5	5,0
Tiêu chí 6.5	5,0
Tiêu chí 6.7	5,0

## **Tiêu chuẩn 7: Quản lý tài chính và cơ sở vật chất**

**Tiêu chí 7.1: Hệ thống lập kế hoạch, triển khai, kiểm toán, tăng cường các nguồn lực tài chính của CSGD để hỗ trợ việc thực hiện tầm nhìn, sứ mạng, các mục tiêu chiến lược trong đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng được thiết lập và vận hành.**

**Mô tả:** Trường Đại học Kiến trúc Đà Nẵng là trường tư thục, tự chủ về tài chính, chủ động xây dựng và quyết định mức thu học phí, mức chi cho các hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng. Việc thực hiện chế độ quản lý tài chính, kế toán, kiểm toán, kê khai thuế và công khai tài chính theo quy định của Luật giáo dục, các nghị định, thông tư của chính phủ. Tại trường Đại học Kiến trúc công tác quản lý tài chính được thực hiện bởi Hội đồng Trường, Ban Giám hiệu, Hiệu trưởng đồng thời là ủy viên Hội đồng Trường là chủ tài khoản. Để giúp việc cho Hội đồng Trường và Ban Giám hiệu, năm 2012, Nhà trường thành lập Phòng Tài chính Kế toán [H7.07.01.01] gồm 5 cán bộ và nhân viên được mô tả công việc và phân công nhiệm vụ cụ thể [H7.07.01.02], [H7.07.01.03]. Phòng Tài chính Kế toán có trách nhiệm ghi chép sổ sách kế toán, lập kế hoạch tài chính trung hạn, ngắn hạn theo dõi, giám sát việc phát triển các nguồn lực tài chính nhằm phục vụ hoạt động Đào tạo, Nghiên cứu khoa học, Phục vụ cộng đồng [H7.07.01.04], tham mưu, giúp việc cho Hội đồng Trường và Hiệu trưởng trong công tác quản lý tài chính [H7.07.01.05], [H7.07.01.06] đảm bảo các hoạt động của trường được thông suốt trên cơ sở đúng quy định của pháp luật. Các nhân sự thực hiện công tác tài chính của Nhà trường tốt nghiệp chuyên ngành kế toán, tài chính, hàng năm được Nhà trường cử tham dự các khóa tập huấn ngắn hạn nhằm cập nhật các quy định về tài chính kế toán, thuế [H7.07.01.07], [H7.07.01.08]. Trong thành phần Ban Giám hiệu Nhà trường phân công một Phó Hiệu trưởng phụ trách về công tác tài chính kế toán của Nhà trường để theo dõi, giám sát việc phát triển các nguồn lực tài chính nhân sự nhằm phục vụ hoạt động Đào tạo, Nghiên cứu khoa học, Phục vụ cộng đồng của Trường [H7.07.01.09].

Trong Kế hoạch chất lượng Trường Đại học Kiến trúc Đà Nẵng giai đoạn 2018-2022 tầm nhìn 2030, luôn có các mục tiêu, chỉ tiêu cụ thể về tài chính, trong đó tập trung phát triển các nguồn thu, đa dạng nguồn thu nhằm phục vụ việc thực hiện các hoạt động Đào tạo, Nghiên cứu khoa học, Phục vụ cộng đồng theo Sứ mạng, Tầm nhìn và các mục tiêu chiến lược của Trường [H7.07.01.10]. Đặc biệt, Nhà trường đã ban hành Kế hoạch chất lượng về tài chính của Trường Đại học Kiến trúc Đà Nẵng giai đoạn 2018-2022 [H7.07.01.11], kế hoạch tài chính hàng năm từ 2018 đến 2022 với các mục tiêu, chỉ tiêu trong đó tập trung phát triển nguồn tài chính hợp pháp để phục vụ các hoạt



động Đào tạo, Nghiên cứu khoa học, Phục vụ cộng đồng của Trường [H7.07.01.12], [H7.07.01.13], [H7.07.01.14], [H7.07.01.15], [H7.07.01.16].

Căn cứ các văn bản quy định về hoạt động tài chính và các nghị quyết của HĐT, hàng năm, Phòng Tài chính Kế toán căn cứ nhu cầu tài chính của các đơn vị về hoạt động ĐT, NCKH, PVCĐ cũng như cân đối dự kiến nguồn thu để tham mưu HĐT, BGH Nhà trường về kế hoạch tài chính hàng năm, trình Chủ tịch HĐT ký ban hành, sau đó thông báo đến các đơn vị để thực hiện [H7.07.01.17], [H7.07.01.18], [H7.07.01.19], [H7.07.01.20]. Để quản lý hoạt động tài chính của Trường, Nhà trường đã ban hành Quy chế chi tiêu nội bộ [H7.07.01.21], quy chế chi tiêu nội bộ được xem xét và cải tiến thường xuyên cho phù hợp với tình hình kinh tế xã hội nói chung và các hoạt động nói riêng của nhà trường [H7.07.01.22]. Như vậy kế hoạch tài chính của nhà trường được xây dựng từ nhu cầu thực tế của các đơn vị trên cơ sở quy chế chi tiêu nội bộ nên thường sát đúng với thực tế.

Hoạt động tài chính của nhà trường thường xuyên được giám sát bởi Ban Giám hiệu, Ban Kiểm soát thuộc hội đồng trường [H7.07.01.23], công ty kiểm toán và tư vấn thuế Atax [H7.07.01.24], ban thanh tra nhân dân... Tuy nhiên trong những năm qua hoạt động tài chính của trường được đánh giá tốt, chưa ghi nhận sai sót trọng yếu nào.

Để phù hợp với thực tế và đẩy mạnh các nguồn lực cho các phòng ban, khoa và các đơn vị thuộc trường thực hiện Kế hoạch chất lượng các năm từ 2018 đến 2022 đã ban hành, hàng năm nhà trường lập Báo cáo thực hiện công tác tài chính [H7.07.01.24] thông qua các đơn vị trực thuộc nhằm lấy ý kiến đóng góp của các đơn vị, rà soát những tiêu chí chưa hợp lý để cải tiến công tác tài chính năm tới được tốt hơn [H7.07.01.25]. Phòng Tài chính Kế toán thực hiện thống kê cơ cấu thu chi của Nhà trường [H7.07.01.26], báo cáo Quyết toán tài chính hàng năm [H7.07.01.27], và báo cáo đánh giá về hiệu quả đầu tư tài chính cho các hoạt động của Trường [H7.07.01.28]. Trong giai đoạn 2018-2022, nguồn thu của Trường qua các năm phát triển tăng đều cả về số lượng và chất lượng, tuy nhiên nguồn thu chưa được đa dạng [H7.07.01.29].

#### **Tự đánh giá: 5/7**

**Tiêu chí 7.2: Hệ thống lập kế hoạch, bảo trì, đánh giá, nâng cấp cơ sở vật chất và cơ sở hạ tầng như các phương tiện dạy và học, các phòng thí nghiệm, thiết bị và công cụ để đáp ứng các nhu cầu về đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng được thiết lập và vận hành..**

**Mô tả:** Năm 2007, Nhà trường thành lập Ban Quản lý dự án xây dựng với chức năng quản lý dự án, triển khai xây dựng CSVC, đáp ứng yêu cầu phát triển của Trường.

Đến năm 2015, nhà trường chuyển chuyên các cán bộ Ban Quản lý dự án xây dựng về phòng Hành chính Tổng hợp để kiêm nhiệm quản lý trang thiết bị dạy học [H7.07.02.01]; [H7.07.02.02].

Đến năm 2018, phòng Quản lý dự án & Quản trị Thiết bị (QLDA&QTTB) được tái lập, phụ trách xây dựng CSVC và QTTB [H7.07.02.03]. Nhân sự phòng QLDA&QTTB có chuyên môn, kinh nghiệm và thường xuyên tham dự các khóa tập huấn, cập nhật các quy định về đấu thầu, an toàn lao động, quản lý CSVC, PCCC&CNCH...[H7.07.02.04]; [H7.07.02.05]; [H7.07.02.06]. Hiệu trưởng kiêm nhiệm trưởng phòng QLDA&QTTB trực tiếp chỉ đạo thực hiện lập kế hoạch đầu tư, bảo trì, đánh giá, nâng cấp CSVC và hạ tầng các phương tiện dạy và học, các phòng thí nghiệm, thiết bị phục vụ hoạt động ĐT, NCKH, PVCĐ của Trường [H7.07.02.07].

Trong KHCL phát triển giáo dục Trường Đại học Kiến trúc Đà Nẵng giai đoạn 2017 – 2022 và 2020 - 2025 tầm nhìn đến 2030 của Nhà trường có các mục tiêu, chỉ tiêu cụ thể về CSVC, trang thiết bị nhằm phục vụ các hoạt động ĐT, NCKH, PVCĐ theo SM, TN và các mục tiêu chiến lược của Trường [H7.07.02.08]; [H7.07.02.09]; [H7.07.02.10], [H7.07.02.11].

Bên cạnh đó, trong nội dung kế hoạch trung hạn giai đoạn 2017-2020 cũng như kế hoạch năm học hàng năm của Nhà trường luôn có các nội dung về phát triển CSVC, trang thiết bị để phục vụ các hoạt động ĐT, NCKH, PVCĐ của Trường [H7.07.02.12], [H7.07.02.13]. Đặc biệt, Nhà trường đã ban hành KHCL về CSVC của Trường Đại học Kiến trúc Đà Nẵng giai đoạn 2017-2025 với các mục tiêu, chỉ tiêu về cơ sở hạ tầng được xây dựng mô hình đại học thông minh theo định hướng ứng dụng. Trong đó ưu tiên sử dụng nguồn kinh phí thường xuyên vào trang bị cơ sở vật chất, điều chỉnh lại quy hoạch không gian, xây dựng thêm phòng học, phòng thí nghiệm, tiếp tục đầu tư nâng cấp thư viện, tham gia mạng lưới các thư viện trong nước và quốc tế... với các trang thiết bị dạy học hiện đại [H7.07.02.14].

Đến nay, Trường ĐH Kiến Trúc Đà Nẵng có diện tích 51.802 m<sup>2</sup> đất dành cho việc xây dựng và phát triển cơ sở giáo dục. Có đủ phòng học, giảng đường lớn, phòng thực hành, thí nghiệm phục vụ cho dạy, học và nghiên cứu khoa học đáp ứng yêu cầu của từng ngành. Trường lớp được đầu tư xây dựng khang trang, hiện đại theo chuẩn quốc gia với tổng diện tích sàn xây dựng trên 17.952 m<sup>2</sup>. Tạo không gian học tập hiện đại, năng động, thoải mái, phục vụ cho công tác giảng dạy. Trường có 89 phòng học, 05 hội trường lớn và 11 phòng thí nghiệm, thực hành.

Trong nghị quyết HĐT của Nhà trường luôn chỉ đạo các đơn vị tập trung xây dựng, nâng cấp, bảo trì CSVC, trang thiết bị nhằm phát triển và đảm bảo phục vụ các hoạt

động ĐT, NCKH, PVCĐ của Trường [H7.07.02.14]; [H7.07.02.15]. Tại các cuộc họp của HĐT cũng như các cuộc họp giao ban định kỳ, HĐT, BGH quán triệt các đơn vị tập trung cho công tác đầu tư, bảo trì, bảo quản CSVC, trang thiết bị của Trường [H7.07.02.16].

Mỗi đầu năm học, các đơn vị khoa phòng lập đề xuất nhu cầu CSVC và trang thiết bị phục vụ hoạt động ĐT, NCKH và PVCĐ, gửi về phòng QLDA&QTTB. Trên cơ sở đó, phòng QLDA&QTTB tổng hợp, trình BGH kế hoạch đầu tư và bảo trì CSVC, các phương tiện dạy và học hằng năm [H7.07.02.17]; [H7.07.02.18]; [H7.07.02.19].

Hàng năm, Nhà trường luôn dành kinh phí chi cho hoạt động nâng cấp, bảo trì CSVC, trang thiết bị của Trường [H7.07.02.20], [H7.07.02.21]. Nhà trường ban hành các quy định quản lý CSVC, trang thiết bị, trong đó có quy định về việc nâng cấp, bảo trì CSVC, trang thiết bị của Trường [H7.07.02.22]. Nhà trường thông báo quy định quản lý CSVC, trang thiết bị đến các đơn vị để thực hiện và phổ biến đến CB, GV, NV, SV biết để thực hiện [H7.07.02.23]. Hoạt động nâng cấp, bảo trì CSVC, trang thiết bị của Trường trong giai đoạn 2018 - 2022 luôn được thực hiện đúng quy định và kế hoạch đã ban hành [H7.07.02.24], [H7.07.02.25].

Theo quy định, cuối tháng 12 hằng năm, phòng QLDA&QTTB kết hợp phòng TCKT triển khai kiểm kê số lượng, trang thiết bị của Trường [H7.07.02.26].

Căn cứ nhật ký sử dụng phòng thực hành, phòng máy, mượn và trả trang thiết bị của Trường, phòng QLDA&QTTB thực hiện báo cáo theo dõi đánh giá sử dụng trang thiết bị phục vụ hoạt động ĐT, NCKH, PVCĐ của Trường [H7.07.02.27]; [H7.07.02.29]; [H7.07.02.30], [H7.07.02.31], [H7.07.02.32]; [H7.07.02.33]; [H7.07.02.34].

Tất cả phòng học, phòng thực hành, phòng làm việc luôn có số điện thoại khẩn cấp để CB, GV, SV liên hệ trong trường hợp cần sự hỗ trợ [H7.07.02.28].

Trong nội dung khảo sát ý kiến phản hồi của các bên liên quan có nội dung khảo sát mức độ đáp ứng của CSVC, trang thiết bị của Trường đối với hoạt động ĐT, NCKH, PVCĐ [H7.07.02.35], [H7.07.02.36]. Trong giai đoạn 2018-2022, ý kiến của CB, GV, NV, SV Nhà trường hài lòng về mức độ đáp ứng của CSVC, trang thiết bị của Trường đối với hoạt động ĐT, NCKH, PVCĐ [H7.07.02.32], [H7.07.02.37], [H7.07.02.38].

Căn cứ kết quả kiểm kê, rà soát, đánh giá hàng năm về CSVC và cơ sở hạ tầng, trang thiết bị phục vụ hoạt động ĐT, NCKH, PVCĐ, nhà trường áp dụng nhiều biện pháp tăng cường, cải thiện CSVC, cơ sở hạ tầng và trang thiết bị phục vụ hoạt động ĐT, NCKH, PVCĐ của Trường và được thể hiện trong kế hoạch năm học [H7.07.02.13], [H7.07.02.26], [H7.07.02.29], [H7.07.02.32], [H7.07.02.34], [H7.07.02.37],

[H7.07.02.38]. Nguồn kinh phí Nhà trường chi cho việc, nâng cấp CSVN, cơ sở hạ tầng và trang thiết bị tăng qua từng năm [H7.07.02.20], [H7.07.02.29].

Trong giai đoạn 2018-2022, Nhà trường đã cải tạo, nâng cấp hệ thống mạng Lan & wifi, bổ sung thêm nhiều thiết bị thực hành [H7.07.02.33], [H7.07.02.39]

**Tự đánh giá: 5/7**

**Tiêu chí 7.3: Hệ thống lập kế hoạch, bảo trì, kiểm toán, nâng cấp các thiết bị công nghệ thông tin và cơ sở hạ tầng như máy tính, hệ thống mạng, hệ thống dự phòng, bảo mật và quyền truy cập để đáp ứng các nhu cầu về đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng được thiết lập và vận hành.**

**Mô tả:** Hệ thống công nghệ thông tin (CNTT) và cơ sở hạ tầng nghệ thông tin trong trường đại học đóng vai trò rất quan trọng đến việc hoạt động như: Quản lý, giảng dạy, học tập, nghiên cứu khoa học (NCKH) và phục vụ cộng đồng vv...

Trường Đại học Kiến trúc Đà Nẵng quan tâm, chú trọng đẩy mạnh ứng dụng CNTT trong công tác quản lý, giảng dạy, học tập, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng của cán bộ, giảng viên và sinh viên. Do đó, Trường Đại học Kiến Trúc Đà Nẵng đã thành lập Tổ Công nghệ thông tin [H7.07.03.01] để giao nhiệm vụ phụ trách công tác Công nghệ thông tin của toàn trường được thể hiện qua chức năng và nhiệm vụ của Tổ CNTT [H7.07.03.02], các thành viên có đủ năng lực thực hiện nhiệm vụ được giao [H7.07.03.03]. Tổ CNTT có chức năng tham mưu và giúp Hiệu trưởng trong việc thực hiện công tác hoạch định, phát triển hệ thống công nghệ thông tin CNTT; quản lý, tư vấn, hỗ trợ vận hành, ứng dụng và phát triển hệ thống CNTT; quản lý cổng thông tin điện tử của trường; tổ chức đào tạo trực tuyến (e-learning) vv..

Thực hiện kế hoạch 5 năm [H7.07.03.04] có báo cáo thực hiện nhiệm vụ hằng năm [H7.07.03.05] cho đến nay hệ thống CNTT và cơ sở hạ tầng CNTT tương đối hoàn chỉnh thông qua bảng kê cụ thể sau:

Hạ tầng CNTT

STT	Hạ tầng CNTT	Nội dung
1	Phòng Server	- 04 Server cấu hình mạnh ( 02 Cloud server) cài đặt hệ thống phần mềm. - 01 File Server phục vụ hoạt động giảng dạy và thực hành tại phòng máy tính

STT	Hạ tầng CNTT	Nội dung
		<p>- 01 Router firewall Vigor 3900 :</p> <p><b>Firewall</b></p> <p>Vigor3900 cung cấp một cơ chế phòng thủ toàn diện, bao gồm <b>chống DoS/DDoS</b> và lọc các gói tin IP một cách linh hoạt. Vigor3900 cung cấp một số phương pháp <b>lọc nội dung</b> để kiểm soát nội dung truy cập của người dùng. Điều này giúp đảm bảo an toàn dữ liệu của hệ thống mạng và năng suất làm việc của các nhân viên của nhà Trường.</p> <p><b>- Hiện nay nhà Trường đang thi công lắp đặt hệ thống mới có độ an toàn, bảo mật cao hơn. [H7.07.03.10]</b></p> <p>- Tủ rack, Switch, ổ cứng máy chủ, hệ thống điều hòa không khí, thiết bị phòng cháy chữa cháy</p>
2	Phòng máy thực hành	<p>- 06 Phòng máy thực hành</p> <p>- Số lượng 304 máy trong đó 250 máy thay mới năm 2021 và 2022 [H7.07.03.11]</p>
3	Máy tính các phòng ban, khoa	<p>- 150 máy có cấu hình mạnh và đáp ứng đủ nhu cầu làm việc của nhân viên [H7.07.03.12]</p>
4	Hệ thống mạng	<p>Hệ thống mạng nội bộ được xây dựng từ năm 2007 và <b>hiện nay đang thi công lắp mới với độ an toàn và tốc độ cao. [H7.07.03.10]</b></p>
5	Hệ thống Wifi	<p>- Từ năm 2022 trở về trước trường có 25 điểm phát Wifi phục vụ giảng viên và sinh trong đó 10 điểm phát wifi do công ty SPT lắp đặt miễn phí</p> <p><b>- Hiện nay đang thi công lắp mới Wifi tốc độ cao có thể phục vụ 5000 conection cùng lúc đáp ứng tốt nhu cầu giảng dạy, học tập và nghiên cứu khoa học [H7.07.03.13]</b></p>

Hệ thống phần mềm quản lý và trang tin điện tử

STT	Phần mềm quản lý [H7.07.03.14]	Nội dung
1	Trang tin điện tử	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Cổng thông tin trường Đại học Kiến Trúc Đà Nẵng (dau.edu.vn) [H7.07.03.15]</li> <li>- Cổng thông tin Giảng viên, nhân viên (giangvien.dau.edu.vn) [H7.07.03.16]</li> <li>- Cổng thông tin Sinh viên (sinhvien.dau.edu.vn) [H7.07.03.17]</li> <li>- Cổng thông tin tuyển sinh (tuyensinh.dau.edu.vn) [H7.07.03.18]</li> <li>- Trang hướng nghiệp (hntt.dau.edu.vn), Trường tự xây dựng [H7.07.03.19]</li> <li>- Web các khoa [H7.07.03.20]</li> <li>- Web thư viện (thuvien.dau.edu.vn), Trường tự xây dựng [H7.07.03.21]</li> <li>- Web thư viện số (<a href="http://117.3.71.125:8080/dspace/">http://117.3.71.125:8080/dspace/</a>) Trường tự xây dựng [H7.07.03.22]</li> </ul>
2	Phần mềm quản lý [H7.07.03.14]	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Quản lý tuyển sinh</li> <li>- Quản lý sinh viên - lớp học</li> <li>- Quản lý chương trình đào tạo</li> <li>- Quản lý thời khóa biểu</li> <li>- Quản lý tài chính học vụ</li> <li>- Quản lý điểm số</li> <li>- Xét tiến độ - tốt nghiệp và QL văn bằng chứng chỉ</li> <li>- Phần mềm kế toán [H7.07.03.23]</li> <li>- Quản lý hồ sơ nhân sự</li> </ul>

## Giảng dạy và học tập trực tuyến

STT	Link học trực tuyến	Nội dung
1	Google met	Google hỗ trợ giáo dục, Trường Đại học Kiến Trúc Đà Nẵng được cấp 10.000 tài khoản sử dụng miễn phí tất cả các dịch vụ của Google với tên miền riêng dau.edu.vn [H7.07.03.24]
2	Microsoft Team	Microsoft hỗ trợ giáo dục, Trường Đại học Kiến Trúc Đà Nẵng được cấp 10.000 tài khoản sử dụng miễn phí tất cả các dịch vụ của Microsoft với tên miền riêng mi.dau.edu.vn [H7.07.03.25]
3	LMS	dau.smartlms.vn hợp đồng với công ty Viettel [H7.07.03.26]

Mọi hoạt động liên quan đến CNTT đều được Tổ CNTT hướng dẫn rõ ràng, kèm biểu mẫu để dễ theo dõi bảo trì bảo dưỡng [H7.07.03.27]. Khi phát sinh các vấn đề về CNTT, các đơn vị viết giấy đề xuất nâng cấp hay thay mới thiết bị, được tổ CNTT xác nhận. Dựa trên giấy đề xuất Nhà trường duyệt thay mới hoặc nâng cấp.

Với mục tiêu chung là ứng dụng nhanh và hiệu quả công nghệ thông tin trong giảng dạy, học tập, nghiên cứu khoa học, phục vụ cộng đồng và hiện đại hóa công tác quản lý của nhà trường đáp ứng yêu cầu của một trường Đại học tiên tiến. Vì vậy, hệ thống CNTT luôn nâng cấp, bảo trì, backup [H7.07.03.28] và hằng năm Tổ CNTT tổ chức các khóa bồi dưỡng bảo mật, an toàn dữ liệu cho nhân viên và giảng viên [H7.07.03.29]

Mỗi cán bộ, giảng viên và sinh viên đều được cung cấp tài khoản cá nhân cho việc truy cập vào cổng thông tin điện tử chính thức của Trường. Nhà trường đã cấp cho mỗi CB, GV, SV tài khoản Email Google, Microsoft office 365 mang tên miền của Trường (@dau.edu.vn, @mi.dau.edu.vn) [H7.07.03.30] và tài khoản LMS [H7.07.03.26] để sử dụng các dịch vụ Google Education, Microsoft office 365, LMS phục vụ học tập nghiên cứu, backup và trao đổi thông tin ... Nét nổi bật trong việc ứng dụng CNTT trong giảng dạy và học tập của Nhà trường là việc ứng dụng hệ thống hỗ trợ giảng dạy và học tập trực tuyến LMS E-learning [H7.07.03.31], hệ thống dạy và học trực tuyến qua MS Teams [H7.07.03.32], hệ thống dạy và học trực tuyến qua Google meet, Google Classrom. [H7.07.03.33]

Nhà trường có hệ thống tiếp nhận các ý kiến phản hồi từ các cán bộ, giảng viên và sinh viên về hệ thống và sự cố qua email [support@dau.edu.vn](mailto:support@dau.edu.vn) và hotline 090355011 [H7.07.03.34]. Bên cạnh việc kiểm tra thường xuyên về cơ sở hạ tầng và trang thiết bị CNTT. Để nhận biết nhu cầu và đánh giá mức độ đáp ứng nhu cầu của người sử dụng, Tổ CNTT thường xuyên phối hợp với Trung tâm Đảm bảo chất lượng và Khảo thí tiến hành khảo sát về nhu cầu và mức độ hài lòng của người sử dụng trong Trường, tổ chức, lấy ý kiến bằng phương khảo sát online được tiến hành định kỳ hàng năm. Số liệu gần đây cho thấy mức độ hài lòng đối với hoạt động phục vụ của TTCNTT có mức phản hồi ngày càng tốt hơn [H7.07.03.35] Trên cơ sở các ý kiến phản hồi, kết quả kiểm tra thường xuyên và định kỳ của Tổ CNTT. Nhà trường đã đầu tư và mua sắm các máy tính bổ sung cho các phòng học [H7.07.03.12]. Đặc biệt là năm học 2021-2022 Nhà trường đã đầu tư nâng cấp hệ thống Wifi [H7.07.03.13], mạng LAN nối các phòng ban [H7.07.03.10].

**Tự đánh giá: 5/7**

**Tiêu chí 7.4: Hệ thống lập kế hoạch, bảo trì, đánh giá và tăng cường các nguồn lực học tập như nguồn học liệu của thư viện, thiết bị hỗ trợ giảng dạy, CSDL trực tuyến để đáp ứng các nhu cầu về đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng được thiết lập và vận hành.**

**Mô tả:** Thư viện trường được thành lập vào năm 2007 với chức năng, nhiệm vụ quản trị nguồn lực học tập với tổng diện tích 942m<sup>2</sup>, bố trí hợp lý, thoáng mát, đầy đủ ánh sáng, gồm: 01 phòng máy tính với hơn 70 máy tính được nối mạng nội bộ; 1 phòng đọc mở với sức chứa 100 chỗ ngồi và 01 phòng tự học 150 chỗ ngồi [H7.07.04.01]. [H7.07.04.02], [H7.07.04.03]. Hiện nay, Thư viện có 3 nhân sự, tất cả nhân sự của Thư viện được đào tạo về chuyên môn nghiệp vụ và hàng năm được Nhà trường cử tham gia các khóa tập huấn, các hội nghị, hội thảo về công tác thư viện [H7.07.04.04]. [H7.07.04.05], [H7.07.04.06].

Trong KHCL, cũng như kế hoạch năm học của trường giai đoạn 2020 - 2025 tầm nhìn 2030 đã được ban hành và thực hiện luôn có các mục tiêu, chỉ tiêu đầu tư về thư viện và nguồn học liệu của thư viện, thiết bị hỗ trợ giảng dạy, cơ sở dữ liệu trực tuyến [H7.07.04.07], [H7.07.04.08].

Hàng năm, Nhà trường xây dựng kế hoạch đầu tư, bảo trì và mua sắm các nguồn lực học tập. Theo đó mỗi năm học, Thư viện gửi thông báo đến các đơn vị về việc bổ sung nguồn tài liệu phục vụ hoạt động giảng dạy và học tập, NCKH [H7.07.04.09]. Căn cứ đề xuất của các đơn vị và dự kiến nhu cầu nguồn tài liệu phục vụ hoạt động giảng dạy và học tập, NCKH, Thư viện tổng hợp thành kế hoạch đầu tư, bảo trì các nguồn lực



học tập, trình Hiệu trưởng phê duyệt và triển khai thực hiện [H7.07.04.10], [H7.07.04.11]. Ngoài ra, thư viện còn nhận được nguồn sách tặng từ các tổ chức, các cá nhân trong và ngoài trường; chương trình từ nguồn tài trợ tài nguyên của “Quỹ Châu Á”. Đây cũng là một nguồn tài liệu tham khảo bổ sung cho đơn vị được đồng đảo bạn đọc trong và ngoài trường hưởng ứng [H7.07.04.12]. Hàng năm, Nhà trường luôn dành kinh phí cho việc mua sắm, đầu tư, bảo trì các nguồn lực học tập của Trường [H7.07.04.13], [H7.07.04.14]. Nhằm mở rộng và đa dạng hóa các nguồn thông tin, Nhà trường thiết lập mối quan hệ liên kết với thư viện của nhiều trường đại học trong nước [H7.07.04.15].

Để công tác quản lý hiệu quả, Thư viện sử dụng 02 phần mềm quản lý thư viện: Phần mềm quản lý tài liệu in Vemis.Library và phần mềm quản lý tài liệu điện tử Dspace [H7.07.04.16]. CNTT được ứng dụng trong tất cả các hoạt động của thư viện: mượn-trả, bổ sung, thống kê, tra cứu tài liệu, quản lý độc giả. Thêm vào đó, Thư viện áp dụng nhiều quy trình nghiệp vụ trong quản trị nguồn lực học tập của Trường [H7.07.04.17], [H7.07.04.18], [H7.07.04.19], [H7.07.04.20]. Hàng năm, Nhà trường tiến hành bảo trì và nâng cấp hệ thống báo cháy để đảm bảo an toàn về PCCC tại đơn vị [H7.07.04.21].

Trong giai đoạn 2018-2022, Thư viện liên tục bổ sung số lượng sách giáo trình, sách tham khảo. Tính đến tháng 11/2022 thư viện trường có 21.064 bản sách in; trong đó tài liệu ngoại văn có 2.343 bản, sách giáo trình có 11.202 bản, sách tham khảo có 7.511 bản, sách chuyên khảo có 08 bản; có 8.723 tài liệu điện tử các ngành bao gồm sách giáo trình, sách ngoại văn và sách tham khảo; các loại đĩa, CD-Rom có 2.000 cái. Có tất cả 30 tên báo, tạp chí chuyên ngành và không chuyên ngành [H7.07.04.22], [H7.07.04.23], [H7.07.04.24]. Có 323 khóa luận tốt nghiệp của sinh viên các khóa, 250 luận văn thạc sĩ và 150 đề tài nghiên cứu khoa học cấp trường [H7.07.04.25].

Hàng năm, Thư viện tiến hành kiểm kê nguồn tài liệu học tập của Trường [H7.07.04.26], [H7.07.04.27], [H7.07.04.28]. Thư viện là đơn vị thực hiện lưu trữ CSDL về nguồn lực học tập và dữ liệu theo dõi, đánh giá hiệu quả sử dụng các nguồn lực học tập như nguồn học liệu của thư viện, thiết bị hỗ trợ giảng dạy, CSDL trực tuyến [H7.07.04.29]. Hàng năm, Nhà trường ban hành kế hoạch khảo sát ý kiến phản hồi của các bên liên quan, trong đó có nội dung khảo sát mức độ đáp ứng của các nguồn lực học tập đối với hoạt động đào tạo, NCKH, PVCĐ [H7.07.04.30], [H7.07.04.31]. Trong giai đoạn 2018-2022, căn cứ báo cáo đánh giá về hiệu quả đầu tư, bảo trì các nguồn lực học tập như nguồn học liệu của thư viện, thiết bị hỗ trợ giảng dạy, CSDL trực tuyến phục vụ ĐT, NCKH, PVCĐ, Nhà trường xác định các hoạt động cải tiến, cập nhật nguồn lực học tập [H7.07.04.32] thể hiện tại báo cáo tổng kết hết năm học hằng năm.

**Tự đánh giá: 5/7**

**Tiêu chí 7.5: Hệ thống lập kế hoạch, thực hiện, đánh giá và cải tiến môi trường, sức khỏe, sự an toàn và khả năng tiếp cận của những người có nhu cầu đặc biệt được thiết lập và vận hành.**

**Mô tả:** Nhà trường phân công P.TH là đơn vị chịu trách nhiệm về hoạt động quản lý môi trường và sức khỏe thông qua tổ vệ sinh và bộ phận y tế học đường; P. QLDA&QTTB chịu trách nhiệm về an toàn của những người có nhu cầu đặc biệt [H7.07.05.01], [H7.07.05.02]. P.TH, P. QLDA&QTTB phân công nhân sự của phòng để triển khai và phối hợp triển khai các hoạt động quản lý môi trường, sức khỏe, an toàn và khả năng tiếp cận của những người có nhu cầu đặc biệt của Trường. Nhà trường có 02 nhân sự đảm nhiệm chăm sóc y tế cho GV- NV-SV, 06 nhân sự đảm nhiệm công tác vệ sinh, 06 nhân sự bảo vệ và 01 nhân sự theo dõi sự an toàn và khả năng tiếp cận của những người có nhu cầu đặc biệt [H7.07.05.03], [H7.07.05.04], [H7.07.05.05]. Hằng năm, các nhân sự quản lý môi trường, sức khỏe, an toàn và khả năng tiếp cận của những người có nhu cầu đặc biệt của Trường được cử tham dự các khóa bồi dưỡng, tập huấn, hội nghị, hội thảo về quản lý môi trường, sức khỏe, an toàn và khả năng tiếp cận của những người có nhu cầu đặc biệt. [H7.07.05.06].

Trong Chiến lược phát triển Trường đến năm 2025, tầm nhìn 2030, Nhà trường luôn đề cập đến việc đầu tư về môi trường, sức khỏe, an toàn của người học nói chung và khả năng tiếp cận của những người có nhu cầu đặc biệt nói riêng [H7.07.05.07]. Bên cạnh đó, trong nội dung kế hoạch năm học hằng năm của Nhà trường có các nội dung đầu tư về môi trường, sức khỏe, an toàn của người học nói chung và khả năng tiếp cận của những người có nhu cầu đặc biệt nói riêng [H7.07.05.08]. Kế hoạch y tế năm học có các nội dung tăng cường đầu tư về môi trường, sức khỏe, an toàn của người học nói chung và khả năng tiếp cận của những người có nhu cầu đặc biệt riêng [H7.07.05.9].

Nhà trường đầu tư trang thiết bị hiện đại phục vụ các hoạt động đào tạo, lắp đặt hệ thống điều hòa toàn bộ khu hành chính và giảng đường, có thiết kế lối đi riêng và nhà vệ sinh riêng cho người học có nhu cầu đặc biệt [H7.07.05.10] [H7.07.05.11]. Bên cạnh đó, Nhà trường lắp đặt hệ thống camera trong khuôn viên Trường để tăng cường an ninh, an toàn tài sản của Trường và toàn thể GV-NV- SV của Trường [H7.07.05.12]. Hệ thống PCCC được trang bị đầy đủ, được kiểm tra định kỳ và lối thoát hiểm rõ ràng, Ban phòng chống cháy nổ định kỳ kiểm tra vệ sinh, an toàn PCCC tại các xưởng thực hành, các phòng thí nghiệm của trường, xây dựng môi trường thực hành an toàn, vệ sinh cho người học [H7.07.05.13]. Cảnh quan của Trường sạch sẽ, thân thiện và đảm bảo môi trường sư phạm.

Hàng năm, Nhà trường rà soát và tăng cường nhu cầu về môi trường, sức khỏe, an toàn của người học nói chung và khả năng tiếp cận của những người có nhu cầu đặc biệt riêng và được thể hiện trong cuộc họp đầu năm học của BGH với lãnh đạo các đơn vị [H7.07.05.14]. Bên cạnh đó, BGH Nhà trường luôn chỉ đạo các đơn vị chú trọng về môi trường, sức khỏe, an toàn của người học và khả năng tiếp cận của những người có nhu cầu đặc biệt tại các cuộc họp giao ban định kỳ hằng tháng [H7.07.05.15]. Hàng năm, căn cứ nhu cầu đề xuất về kinh phí của P.TH, P.QLDA &QTTB về đầu tư về môi trường, sức khỏe, an toàn của người học và khả năng tiếp cận của những người có nhu cầu đặc biệt, Nhà trường dành kinh phí đầu tư cho môi trường, sức khỏe, sự an toàn của GV-NV-SV nói chung và những người có nhu cầu đặc biệt nói riêng [H7.07.05.16].

Nhà trường ký cam kết với Công an Phường Hòa Cường Nam về thực hiện công tác đảm bảo an ninh trật tự nhằm đảm bảo an toàn cho GV-NV-SV của Trường [H7.07.05.17]. Việc đánh giá về môi trường, sức khỏe, an toàn của người học và khả năng tiếp cận của những người có nhu cầu đặc biệt được thể hiện trong báo cáo y tế hằng năm [H7.07.05.18].

P.TH là đơn vị thực hiện lưu trữ CSDL về người học có nhu cầu đặc biệt, đồng thời lưu trữ dữ liệu theo dõi, đánh giá, cải thiện hiệu quả đầu tư cải tiến môi trường, sức khỏe, an toàn của người học và khả năng tiếp cận của những người có nhu cầu đặc biệt, thống kê số lượng người học có nhu cầu đặc biệt của Trường [H7.07.05.19]. Nhà trường ban hành kế hoạch khảo sát ý kiến phản hồi của các bên liên quan, trong đó có nội dung khảo sát về môi trường, sức khỏe, an toàn của người học và khả năng tiếp cận của những người học có nhu cầu đặc biệt [H7.07.05.20].

Hàng năm, dựa trên kết quả khảo sát, đánh giá về môi trường, sức khỏe, sự an toàn của người học nói chung và khả năng tiếp cận của những người có nhu cầu đặc biệt nói riêng, Nhà trường xác định các chỉ tiêu về môi trường, sức khỏe, sự an toàn của người học được thể hiện trong kế hoạch năm học hằng năm và triển khai nhiều hoạt động cải tiến về môi trường, sức khỏe, sự an toàn và khả năng tiếp cận của người học như: ban hành kịp thời các văn bản liên quan đến công tác sức khỏe, môi trường, dịch bệnh theo mùa, dịch COVID-19, phun thuốc diệt côn trùng gây hại sức khỏe, khai thông cống rãnh,... [H22.07.05.21]. Nguồn kinh phí Nhà trường chi cho việc tăng cường, cải tiến về môi trường, sức khỏe, sự an toàn và khả năng tiếp cận của người học tăng qua từng năm [H7.07.05.22]

**Tự đánh giá: 5/7**

**Đánh giá chung về tiêu chuẩn 7**

**1. Tóm tắt các điểm mạnh**

- Hàng năm, Nhà trường luôn dành kinh phí cho các hoạt động Đào tạo, Nghiên cứu khoa học và Phục vụ cộng đồng. Trong nội dung hợp giao ban với lãnh đạo các đơn vị, Hội đồng trường và Ban Giám hiệu luôn quán triệt và yêu cầu các đơn vị tích cực triển khai các hoạt động nhằm phát triển nguồn tài chính hợp pháp để thực hiện các hoạt động Đào tạo, Nghiên cứu khoa học, Phục vụ cộng đồng của Trường. Đặc biệt với sự nỗ lực của Trung tâm gắn kết cộng đồng mặc dù trải qua 2 năm dịch bệnh trung tâm đã đem về nhiều dự án giá trị kinh tế tuy nhỏ nhưng có ý nghĩa rất lớn với cộng đồng, thông qua các dự án này sinh viên được trải nghiệm các kiến thức tiếp thu được từ nhà trường áp dụng vào thực tế mang lại lợi ích cho cộng đồng, bảo tồn nét văn hóa truyền thống vùng miền như Triển lãm vườn khơi.

- Nhà trường đã hợp đồng với Công ty TNHH Kiểm toán và tư vấn thuế ATAX để thực hiện công tác tư vấn, kiểm toán hoạt động tài chính của Trường. Hàng năm Công ty TNHH Kiểm toán và tư vấn thuế ATAX thực hiện giám sát việc kiểm kê tiền mặt tồn quỹ, tài sản cố định, CCDC, tiến hành kiểm toán báo cáo tài chính bao gồm việc kiểm tra chứng từ, xác nhận công nợ với các bên liên quan và phát hành báo cáo kiểm toán tài chính năm. Báo cáo kiểm toán nêu rõ: Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Trường Đại học Kiến trúc Đà Nẵng tại ngày 31/12 hàng năm, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Hoạt động tài chính của Nhà trường luôn rõ ràng và còn được sự giám sát của Ban kiểm soát thuộc Hội đồng Trường. Bên cạnh đó, trong các báo cáo tổng kết năm học, báo cáo kết quả tài chính năm học, Nhà trường luôn rà soát, đánh giá hoạt động quản lý tài chính để từ đó điều chỉnh cơ cấu nguồn thu, chi của năm học tiếp theo được hợp lý nhằm phục vụ tốt hoạt động Đào tạo, Nghiên cứu khoa học, Phục vụ cộng đồng. Trong giai đoạn 2018-2022, Nhà trường thực hiện tốt công tác tài chính và quản lý tài chính của Trường.

- Nhà trường đáp ứng đầy đủ phòng học tiện nghi, trang thiết bị phục vụ dạy và học. Các kế hoạch nâng cấp, cải tạo, bổ sung cơ sở vật chất và trang thiết bị được triển khai cụ thể và tăng dần theo từng năm

- Nhà trường đã liên tục ban hành và cập nhật các văn bản liên quan môi trường, sức khỏe, sự an toàn của người học và khả năng tiếp cận của những người có nhu cầu đặc biệt. Kinh phí đầu tư cho môi trường, sức khỏe tăng hằng năm. Môi trường sinh thái và môi trường học tập, công tác y tế học đường, phòng cháy chữa cháy... luôn được nhà trường quan tâm, đánh giá và cải tiến.

- Thư viện Trường có nguồn tài liệu phong phú, đa dạng đáp ứng nhu cầu về đào tạo và nghiên cứu khoa học.

## 2. Tóm tắt các điểm tồn tại

- Kế hoạch tài chính dài hạn, trung hạn, ngắn hạn của trường luôn được lập và phân bổ hợp lý cho các hoạt động Đào tạo, Nghiên cứu khoa học và Phục vụ cộng đồng trên cơ sở hướng dẫn các văn bản của nhà nước, quy chế chi tiêu nội bộ của nhà trường. Tuy nhiên hoạt động nghiên cứu khoa học của giảng viên và sinh viên nhà trường còn nhiều hạn chế nên tỉ lệ phần trăm thực hiện kế hoạch kinh phí cho hoạt động nghiên cứu khoa học đạt rất thấp.

- Cần triển khai đầu tư hạng mục sân tập thể thao đáp ứng bộ môn thể dục thể chất.

- Công tác cử cán bộ đi tập huấn về môi trường, sức khỏe còn hạn chế do yếu tố khách quan.

- Thư viện trường chưa triển khai liên kết thư viện điện tử với các thư viện đại học nước ngoài.

## 3. Kế hoạch cải tiến

- Nhà trường tiếp tục chú trọng đầu tư đến công tác môi trường, sức khỏe, an toàn của người học và khả năng tiếp cận của những người có nhu cầu đặc biệt và có chính sách và biện pháp giám sát đánh giá định kỳ việc thực hiện công tác này.

- Triển khai liên kết thư viện điện tử với các thư viện đại học nước ngoài.

## 4. Mức đánh giá

Tiêu chuẩn/ Tiêu chí	Tự đánh giá
<i>Tiêu chuẩn 7</i>	<b>5,2</b>
Tiêu chí 7.1	6,0
Tiêu chí 7.2	5,0
Tiêu chí 7.3	5,0
Tiêu chí 7.4	5,0
Tiêu chí 7.5	5,0

## **Tiêu chuẩn 8: Các mạng lưới và quan hệ đối ngoại**

### **Tiêu chí 8.1: Có kế hoạch phát triển các đối tác, mạng lưới và quan hệ đối ngoại để đạt được tầm nhìn, sứ mạng và mục tiêu chiến lược của CSGD**

**Mô tả:** Trường Đại học Kiến trúc Đà Nẵng đánh giá cao vai trò của các đối tác, mạng lưới và quan hệ đối ngoại trong mọi hoạt động đối ngoại của Nhà trường. Vì vậy, vào năm 2015, Phòng Khoa học Công nghệ và Hợp tác Quốc tế (KH-CN & HTQT) được thành lập với chức năng quản lý các hoạt động nghiên cứu khoa học công nghệ và chịu trách nhiệm xây dựng kế hoạch, theo dõi giám sát, quản lý các hoạt động đối ngoại của Nhà trường [H8.08.01.01]. Đến năm 2022, Nhà trường tách bộ phận Hợp tác Quốc tế (HTQT) từ Phòng KH-CN & HTQT, sáp nhập cùng bộ phận Truyền thông để thành lập Phòng Hợp tác Quốc tế và Truyền thông (HTQT & TT) với chức năng tham mưu và chịu trách nhiệm trước Ban Giám hiệu trong việc xây dựng kế hoạch, quản lý và tổ chức các hoạt động Hợp tác quốc tế và Truyền thông. Cụ thể là: (1) thực hiện các chương trình liên kết đào tạo, chương trình trao đổi sinh viên với các cơ sở giáo dục quốc tế; (2) xây dựng chiến lược tổ chức và quản lý hội nghị, hội thảo quốc tế (3) thực hiện các công tác liên quan đến người nước ngoài đến các cơ quan, sở ban ngành; (4) truyền thông hiệu quả, quảng bá tuyển sinh và các hoạt động truyền thông khác theo Quy chế hoạt động của Nhà trường. Phòng HTQT & TT hiện có 05 (năm) nhân sự, bao gồm: 01 Trưởng phòng, 04 chuyên viên, trong đó phân công 02 chuyên viên quản lý công tác đối ngoại của Trường theo quy định chung của Bộ Giáo dục và Đào tạo (GD & ĐT) và Nhà trường; 02 chuyên viên phụ trách công tác truyền thông [H8.08.01.02]. Nhân sự của P. HTQT & TT thường xuyên được Nhà trường cử tham dự các khóa tập huấn về hoạt động đối ngoại để kịp thời cập nhật quy định về công tác đối ngoại cũng như các hội nghị, hội thảo liên quan đến hoạt động hợp tác quốc tế, các sự kiện kết nối truyền thông do các đơn vị tổ chức [H8.08.01.03].

Trong giai đoạn 2018 – 2022, hoạt động HTQT của Nhà trường được thực hiện theo các văn bản quy định về quản lý hoạt động đối ngoại của của Bộ GD & ĐT, Bộ Ngoại giao, Bộ Công an, UBND TP. Đà Nẵng, Sở Ngoại vụ TP. Đà Nẵng và các nội dung quy định về HTQT [H8.08.01.04]. Bên cạnh đó, Nhà trường đã xây dựng kế hoạch, định hướng hoạt động hằng năm trong đó có hoạt động HTQT nhằm thực hiện các chủ trương về giáo dục và đào tạo hướng đến mục tiêu phát triển Đại học ứng dụng của Nhà trường, cũng như bám sát tầm nhìn phát triển của Bộ phận chuyên trách công tác HTQT, các quy định trong Luật Giáo dục đại học 2012 và Chiến lược phát triển giáo dục của Việt Nam giai đoạn 2021 – 2030 [H8.08.01.05]. Trong Kế hoạch chiến lược đến năm 2025, tầm nhìn 2030, và kế hoạch năm học của Nhà trường cũng đề cập đến các định

hướng và chỉ tiêu về phát triển các hoạt động HTQT bám sát tầm nhìn, sứ mệnh và các mục tiêu chiến lược của Trường [H8.08.01.06].

Bên cạnh đó, Nhà trường đã tích cực kết nối, triển khai và phát triển các quan hệ hợp tác các cơ sở giáo dục, tổ chức và doanh nghiệp trong và nước ngoài dựa trên cơ sở sứ mệnh, tầm nhìn và các mục tiêu chiến lược của Trường thông qua việc ký kết các Biên bản ghi nhớ, Thỏa thuận hợp tác [H8.08.01.07]. Ngoài ra, năm 2022, Nhà trường đã ban hành Quy chế quản lý các hoạt động HTQT nhằm thống nhất quy trình làm việc giữa các đơn vị thuộc trường trong việc triển khai, tổ chức và quản lý các hoạt động liên quan đến HTQT từng bước đạt được các mục tiêu mà Nhà trường đã đề ra. [H8.08.01.08].

Trong giai đoạn 2018 - 2022, Trường Đại học Kiến trúc Đà Nẵng đã ký kết nhiều Biên bản Ghi nhớ hợp tác, Thỏa thuận hợp tác và thực hiện dự án với các đối tác nước ngoài về hoạt động đào tạo và phục vụ cộng đồng [H8.08.01.09].

Ngoài ra, Trường Đại học Kiến trúc Đà Nẵng cũng chú trọng thắt chặt quan hệ hợp tác với các đối tác là cơ sở giáo dục, tổ chức, doanh nghiệp, cộng đồng và cá nhân trong nước thông qua các hoạt động hợp tác đào tạo, bồi dưỡng kỹ năng cũng như chuyên môn cho sinh viên, hướng đến mục tiêu chiến lược, sứ mệnh và tầm nhìn của Nhà trường [H8.08.01.10].

Để đảm bảo chất lượng đào tạo, Trường đã ban hành Quy định tổ chức chương trình thực tập tại Nhật Bản. [H8.08.01.11].

**Tự đánh giá: 5/7**

**Tiêu chí 8.2: Các chính sách, quy trình và thỏa thuận để thúc đẩy các đối tác, mạng lưới và quan hệ đối ngoại được triển khai thực hiện**

**Mô tả:** Trên cơ sở chỉ đạo của Nhà trường trong Nghị quyết Đảng ủy về việc phát triển mạng lưới đối tác và các hoạt động HTQT, kế hoạch định hướng của Nhà trường cũng như kế hoạch hoạt động năm học của P. HTQT luôn có các hoạt động đối ngoại, hợp tác với các đối tác trong khu vực và thế giới. Các đơn vị thuộc Trường tích cực triển khai các hoạt động HTQT và khai thác có hiệu quả các văn bản đã ký kết. Trong giai đoạn 2018 – 2022, Nhà trường triển khai nhiều hoạt động đối ngoại, thiết lập quan hệ hợp tác với các cơ sở giáo dục, tổ chức và doanh nghiệp trong và ngoài nước như: Đại học Dân tộc Quảng Tây – Trung Quốc, Đại học Mahasarakham – Thái Lan, Tổ chức Giáo dục QTS – Úc, Tập đoàn Takara – Nhật Bản, Tập đoàn Sun Group... [H8.08.02.01].

Nhằm tạo điều kiện cho các hoạt động HTQT (tiếp nhận và quản lý đoàn ra, đoàn vào; tổ chức hội nghị/hội thảo quốc tế; triển khai các chương trình/dự án...) diễn ra thuận lợi và chặt chẽ, Nhà trường ban hành Quy chế quản lý hoạt động HTQT áp dụng cho toàn trường. **[H8.08.02.02]**. Quy chế này cũng được đăng tải trên website của Trường và P. HTQT & TT đồng thời được gửi đến các Phòng ban, Khoa và Trung tâm thuộc trường để biết và triển khai. Trên cơ sở đó, các đơn vị của Trường tích cực phối hợp triển khai các hoạt động đối ngoại với các đơn vị có liên quan và đối tác. Trong những năm gần đây, Nhà trường đã triển khai các chương trình liên kết đào tạo, trao đổi học thuật và giao lưu văn hóa dành cho giảng viên và sinh viên cũng như phối hợp tổ chức các chương trình tuyển dụng thực tập sinh với đối tác trong và ngoài nước dựa trên các văn bản hợp tác đã ký kết **[H8.08.02.03]**. Đối với giảng viên, Nhà trường đã tạo điều kiện cho nhóm giảng viên Khoa Kiến trúc tham gia chương trình đào tạo Cao học tại trường Đại học Mahasarakham nhằm nâng cao nghiệp vụ chuyên môn cho giảng viên cũng như cải tiến chất lượng giáo dục của Nhà trường **[H8.08.02.04]**. Đối với sinh viên, Nhà trường đã triển khai chương trình trao đổi theo mô hình 3+1 cho sinh viên ngành Ngôn ngữ Trung Quốc với Trường Đại học Dân tộc Quảng Tây – Trung Quốc, tạo điều kiện cho sinh viên có cơ hội tiếp xúc, học tập trong nền giáo dục hiện đại cũng như trải nghiệm văn hóa bản địa; Chương trình thực tập tại Nhật Bản dành cho sinh viên Khoa Kinh tế, Du lịch và Ngoại ngữ giúp sinh viên có cơ hội rèn luyện kỹ năng chuyên môn và tích lũy kinh nghiệm nghề nghiệp **[H8.08.02.05]**. Bên cạnh đó, Nhà trường cử nhiều cán bộ, giảng viên tham gia các khóa tập huấn, hội thảo trong nước (Hà Nội, TP. Hồ Chí Minh, ...) và nước ngoài (Thái Lan, Trung Quốc, Anh, New Zealand...) nhằm cập nhật kiến thức và bồi dưỡng năng lực chuyên môn **[H8.08.02.06]**. Nhà trường đã đón nhiều chuyên gia, sinh viên và tình nguyện viên đến từ Cộng Hòa Liên bang Đức, Hoa Kỳ... tham gia vào các khóa học, hội nghị/hội thảo tại trường nhằm mục đích giao lưu học thuật và văn hoá. **[H8.08.02.07]**.

Trong giai đoạn 2018 – 2022, Nhà trường đã ký kết hợp tác với 12 đối tác trong nước **[H8.08.02.08]**. Trên cơ sở đó, Nhà trường và các đơn vị triển khai nhiều hoạt động với các đối tác trong khuôn khổ các văn bản đã ký kết. Nhà trường hợp tác với các đối tác trong nước là các trường đại học, tổ chức, doanh nghiệp nhằm triển khai các hội nghị/ hội thảo, khóa tập huấn, workshop, ... dành cho giảng viên và sinh viên. Thông qua đó, tạo điều kiện để giảng viên Nhà trường cập nhật thông tin kịp thời, nâng cao kiến thức chuyên môn phục vụ cho công tác giảng dạy đồng thời giúp sinh viên có cơ hội học hỏi, giao lưu và định hướng công việc sau khi tốt nghiệp **[H8.08.02.09]**. Chẳng hạn như trong năm học 2018 – 2019, Nhà trường phối hợp với Công ty TNHH Saint



Gobain Việt Nam tổ chức Hội thảo “Ứng dụng các vật liệu mới trong xây dựng”; năm học 2019 - 2020, Nhà trường phối hợp với Công ty INSEE Việt Nam tổ chức Workshop “Ngày hội công trình xanh cho sinh viên Kiến trúc, Xây dựng và giới thiệu về giải thưởng INSEE PRIZE 2020”; năm 2020 – 2021, Nhà trường phối hợp với Quỹ Hỗ trợ Phát triển Cộng đồng Sống bền vững (Sống Foundation) tổ chức Tọa đàm “Kiến trúc thích ứng với thiên tai”; năm 2021 – 2022 Nhà trường phối hợp với VNES – Mạng lưới Học giả Kết nối Cộng đồng Việt Nam tổ chức Hội thảo quốc gia “Phục vụ cộng đồng trong hệ thống đào tạo của Giáo dục bậc cao”; năm học 2022 – 2023, Nhà trường phối hợp với Tổ chức Trả lại tuổi thơ tổ chức Khóa tập huấn Kỹ năng mềm cho sinh viên năm học 2022 – 2023. Ngoài ra, Nhà trường đã liên kết với các đối tác triển khai các Chương trình Internship tại Nhật Bản cho sinh viên. [H8.08.02.10]. [H8.08.02.11]. [H8.08.02.12]. [H8.08.02.13]. [H8.08.02.14].

Nhìn chung, trong giai đoạn 2018 – 2022, hoạt động hợp tác của Nhà trường đã được đẩy mạnh và có chuyển biến tích cực, thể hiện rõ không những trong các mối quan hệ với các đối tác trong nước mà còn ở các đối tác là các cơ sở giáo dục, tổ chức và doanh nghiệp nước ngoài. Cụ thể là Nhà trường ký kết với 05 đối tác nước ngoài trong việc triển khai các hoạt động giao lưu, trao đổi sinh viên; tổ chức các hội nghị, hội thảo có yếu tố nước ngoài; chương trình Internship cho sinh viên. [H8.08.02.15]. Trên cơ sở đó, Nhà trường và các đơn vị triển khai nhiều hoạt động với các đối tác nước ngoài đã ký kết. Nhà trường hợp tác với Trường Đại học Dân tộc Quảng Tây – Trung Quốc triển khai chương trình trao đổi sinh viên theo mô hình 2+2 và 3+1 các ngành Kinh tế, Kế toán, Ngôn ngữ Hán... [H8.08.02.16]. Nhà trường phối hợp tổ chức AT-Verband và Trường Đại học Frankfurt – CHLB Đức tổ chức Khóa học mùa hè 2019 và 2022 với sự tham gia của các giáo sư, giảng viên, sinh viên Đức và Việt Nam [H8.08.02.17]. Đồng thời, Nhà trường đã hợp tác với các đối tác nước ngoài tổ chức các hội nghị, hội thảo, khóa tập huấn bồi dưỡng năng lực cho giảng viên Nhà trường [H8.08.02.18].

**Bảng 8.1. Bảng tổng hợp các MoU, MoA và Thỏa thuận tài trợ giai đoạn 2018 - 2022**

Năm	MoU	MoA	Thỏa thuận tài trợ
2018	2	1	1
2019	3	3	0

2020	0	0	0
2021	0	4	1
2022	2	2	1

Kể từ khi ký kết Thỏa thuận hợp tác với Công ty TNHH Việt Nam Agency trong tổ chức Chương trình Internship tại Nhật Bản cho sinh viên vào năm 2021, Nhà trường đã cùng công ty tạo cho nhiều sinh viên cơ hội được học hỏi và trải nghiệm tại nước ngoài [H8.08.02.19].

Nhà trường chủ động đưa tin tức về việc tiếp đón các đoàn khách và các thông tin về các Hội thảo có sự hợp tác trong nước và quốc tế, các hoạt động triển khai các MoU, MoA, các thay đổi về hoạt động HTQT được đưa lên trang thông tin điện tử của Trường nhằm đảm bảo các bên liên quan được biết và thống nhất trong công tác thực hiện [H8.08.02.20].

**Tự đánh giá: 5/7**

### **Tiêu chí 8.3: Các đối tác mạng lưới và quan hệ đối ngoại được rà soát**

**Mô tả:** Hằng năm, Nhà trường tiến hành rà soát, đánh giá hiệu quả hợp tác với các đối tác và các mối quan hệ đối ngoại cũng như hệ thống văn bản quản lý về đối ngoại của Trường đã ban hành để từ đó tăng cường triển khai các hoạt động dựa trên văn bản hợp tác đã ký kết, tiếp tục hoặc gia hạn với các hợp tác đã hết hạn, đặc biệt là ký mới các hợp tác nhằm thực hiện tốt nhất sứ mệnh, tầm nhìn và các mục tiêu chiến lược của Trường. [H8.08.03.01].

Phòng HTQT & TT được phân công là đơn vị rà soát, cập nhật hệ thống văn bản, các quy định về đối ngoại của Trường. Theo đó, Phòng HTQT & TT phân công các nhân sự thuộc mảng HTQT thường xuyên cập nhật văn bản quản lý, các quy định về đối ngoại của Bộ GD&ĐT, UBND TP. Đà Nẵng, Sở Ngoại vụ TP. Đà Nẵng nhằm cập nhật thông tin và thực hiện các công tác có liên quan một cách chính xác và kịp thời. Trong giai đoạn 2018 – 2022, Nhà trường triển khai nhiều hoạt động đối ngoại và phát triển mạng lưới, quan hệ đối ngoại thông qua các văn bản đã ký kết đồng thời Nhà trường cũng tiến hành rà soát hiệu quả các chương trình đã tổ chức thông qua các đối tượng là doanh nghiệp, khoa chủ quản và sinh viên tham gia chương trình. Ý kiến đánh giá của các bên liên quan sẽ là cơ sở đánh giá chính xác mức độ hiệu quả của hoạt động hợp tác.

Nhà trường định kỳ báo cáo các hoạt động HTQT cho các đơn vị quản lý, sở ban ngành có liên quan theo định kỳ hoặc đột xuất khi có yêu cầu đồng thời thực hiện tốt

chế độ báo cáo kết quả thực hiện các hoạt động hội nghị, hội thảo có yếu tố nước ngoài theo đúng thời hạn quy định của cơ quan chủ quản quản lý đề án tổ chức hội nghị hội thảo nước ngoài.

Định kỳ báo cáo đánh giá các hoạt động HTQT thông qua các buổi giao ban HTQT, trong đó đại diện lãnh đạo Phòng HTQT & TT đã báo cáo những nội dung đạt được về các hoạt động HTQT và đưa ra các kế hoạch cho giai đoạn tiếp theo [H8.08.03.02]

#### **Tự đánh giá: 5/7**

**Tiêu chí 8.4: Các đối tác, mạng lưới và quan hệ đối ngoại được cải thiện để đạt được tầm nhìn, sứ mệnh và các mục tiêu chiến lược của CSGD.**

**Mô tả:** Được sự quan tâm và chỉ đạo của Ban Giám hiệu, sự phối hợp của các đối tác, các hoạt động đối ngoại của Nhà trường phát triển với số lượng tăng dần qua từng năm, đồng thời đạt được các mục tiêu chiến lược đã đề ra. Trong giai đoạn 2018 – 2021, mặc dù chịu ảnh hưởng nặng nề của dịch bệnh viêm đường hô hấp cấp nhưng số lượng đối tác tiềm năng là các cơ sở giáo dục, tổ chức và doanh nghiệp nước ngoài quan tâm, đặt vấn đề hợp tác với Nhà trường có xu hướng tăng. [H8.08.04.01].

Hàng năm, căn cứ kết quả rà soát, đánh giá kết quả thực hiện hoạt động đối ngoại so với mục tiêu, chỉ tiêu đã xác định Nhà trường áp dụng các biện pháp cải thiện và nâng cao các quan hệ hợp tác với các đối tác, mạng lưới và quan hệ đối ngoại góp phần đạt được tầm nhìn, sứ mệnh và các mục tiêu chiến lược của Nhà trường. Trên cơ sở đó, căn cứ KHCL đến năm 2025, tầm nhìn 2030, Phòng HTQT & TT ban hành KHCL đến năm 2025, tầm nhìn 2030 về công tác HTQT, trong đó thể hiện định hướng chiến lược, chính sách để phát triển đối tác, mạng lưới và quan hệ đối ngoại để đạt được tầm nhìn, sứ mệnh và các mục tiêu chiến lược của Trường [H8.08.04.02]. Bên cạnh đó, Nhà trường dành kinh phí chi cho hoạt động đối ngoại, đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị và đội ngũ phụ trách công tác HTQT để tăng cường các quan hệ hợp tác với các đối tác, mạng lưới và quan hệ đối ngoại của Trường [H8.08.04.03].

Về các thỏa thuận hợp tác đã ký kết giữa Nhà trường với các đối tác trong và ngoài nước, nhận thức rõ được tầm quan trọng của việc mở rộng các quan hệ hợp tác với các đối tác trong nước và quốc tế, Nhà trường đã đẩy mạnh công tác ký kết các biên bản ghi nhớ hợp tác cũng như thỏa thuận hợp tác với các đối tác cả về số lượng và sự đa dạng của đối tác. Điều này được phản ánh thông qua số lượng Biên bản ghi nhớ hợp tác, Thỏa thuận hợp tác được ký kết tăng mạnh và mở rộng phạm vi các đối tác từ Châu Á đến Châu Âu [H8.08.04.04].

Nhằm tìm kiếm, tìm hiểu và phát triển các mối quan hệ với các đối tác hiện có cũng như đối tác tiềm năng, Trường Đại học Kiến trúc Đà Nẵng chú trọng trang bị kiến thức về các quốc gia trên thế giới, trong đó có Nhật Bản thông qua dự án sách READ JAPAN Project [H8.08.04.05].

**Tự đánh giá: 5/7**

## **Đánh giá chung về tiêu chuẩn 8**

### **1. Tóm tắt các điểm mạnh**

- Căn cứ vào tình hình và sự thống nhất của các đơn vị thuộc trường, Nhà trường ban hành Quy chế quản lý hoạt động HTQT và triển khai áp dụng trong toàn trường.
- Trong Quy chế quản lý hoạt động HTQT do Trường ban hành có quy định rõ ràng về cơ chế quản lý, kiểm tra, giám sát, phân cấp giữa các đơn vị trong hoạt động đối ngoại, trách nhiệm của các đơn vị trong công tác đối ngoại của Trường.
- Nhà trường phân công P. HTQT & TT là đơn vị chịu trách nhiệm chính trong xây dựng kế hoạch, theo dõi, giám sát các hoạt động đối ngoại của Trường đúng theo quy định.
- Nhà trường xây dựng và ban hành KHCL đến năm 2025, tầm nhìn 2035 về công tác HTQT, trong đó thể hiện định hướng chiến lược, chính sách để phát triển đối tác, mạng lưới và quan hệ đối ngoại để đạt được SM, TM và các mục tiêu chiến lược của Trường.
- Trong kế hoạch năm học hằng năm của Nhà trường và của P. HTQT & TT có các nội dung về hoạt động đối ngoại và trên cơ sở đó, các đơn vị của Trường triển khai nhiều hoạt động hợp tác với các đối tác, mạng lưới và quan hệ đối ngoại của Trường.
- Nhà trường áp dụng nhiều biện pháp phát triển đối tác, phát triển mạng lưới và quan hệ đối ngoại với các đối tác là các cơ sở giáo dục, tổ chức và doanh nghiệp có uy tín trong và ngoài nước.
- Trong giai đoạn 2018-2022, số lượng đối tác, mạng lưới và quan hệ đối ngoại, số lượng các hội nghị, hội thảo đồng tổ chức của Nhà trường với các trường đại học, tổ chức, doanh nghiệp trong và ngoài nước tăng qua từng năm.
- Hằng năm, Nhà trường rà soát, đánh giá hiệu quả hợp tác với các đối tác, mạng lưới và quan hệ đối ngoại, các văn bản quản lý, các quy định về đối ngoại thuộc Trường ban hành.

- Kết quả rà soát, đánh giá hiệu quả hợp tác với các đối tác, mạng lưới và quan hệ đối ngoại, các văn bản quản lý, các quy định về đối ngoại thuộc Trường ban hành thể hiện trong báo cáo tổng kết năm học.

- Các đơn vị trực thuộc và đội ngũ giảng viên, cán bộ các Khoa, Phòng ban và Trung tâm thực hiện đúng quy định về việc đi công tác ở nước ngoài. Nhà trường không có bất kỳ vi phạm nào trong hoạt động đối ngoại trong 05 năm của chu kỳ đánh giá.

- Dựa trên kết quả rà soát, đánh giá hiệu quả hợp tác với các đối tác, mạng lưới và quan hệ đối ngoại, Nhà trường thực hiện biện pháp nhằm cải thiện và đẩy mạnh hoạt động đối ngoại của Trường.

- Trong giai đoạn 2018 – 2022, Nhà trường cải thiện các quan hệ hợp tác với các đối tác, mạng lưới và quan hệ đối ngoại, góp phần đạt được tầm nhìn, sứ mệnh và các mục tiêu chiến lược.

## 2. Tóm tắt các điểm tồn tại:

- Nhân sự chuyên trách về hoạt động HTQT của Trường còn hạn chế, phải kiêm nhiệm nhiều vị trí công việc khác nhau và còn nhiều hạn chế về khả năng chuyên môn gây ảnh hưởng đến việc phát triển công tác HTQT

- Việc thay đổi quy trình nộp hồ sơ xin cấp giấy phép lao động có sự thay đổi gây nhiều khó khăn và hạn chế cho công tác tiếp nhận người nước ngoài làm việc tại trường

- Quy định mới về Tổ chức Hội nghị, hội thảo quốc tế gây khó khăn và hạn chế trong hoạt động liên kết nước ngoài của trường.

## 3. Kế hoạch cải tiến:

Đề xuất tuyển dụng và bổ sung nhân sự chuyên trách về hoạt động HTQT của Trường, đồng thời, bố trí đội ngũ cộng tác viên là những giảng viên giỏi ngoại ngữ để hỗ trợ hoạt động HTQT của P. HTQT & TT

## 4. Mức đánh giá

Tiêu chuẩn/ Tiêu chí	Tự đánh giá
<i>Tiêu chuẩn 8</i>	<b>5,00</b>
Tiêu chí 8.1	5,0
Tiêu chí 8.2	5,0

Tiêu chí 8.3	5,0
Tiêu chí 8.4	5,0

### **Tiêu chuẩn 9: Hệ thống ĐBCL bên trong**

**Tiêu chí 9.1: Cơ cấu, vai trò, trách nhiệm và trách nhiệm giải trình của hệ thống đảm bảo chất lượng bên trong được thiết lập để đáp ứng các mục tiêu chiến lược và đảm bảo chất lượng của cơ sở giáo dục.**

**Mô tả:** Hệ thống đảm bảo chất lượng bên trong là nhân tố quyết định cho thành công của công tác đảm bảo chất lượng trong trường. Mọi hoạt động đảm bảo chất lượng trong trường ĐH Kiến Trúc Đà Nẵng đều được thực hiện dựa trên sự hỗ trợ của hệ thống đảm bảo chất lượng bên trong của trường ĐH Kiến Trúc Đà Nẵng và được thể hiện qua sơ đồ sau [H09.09.01.01].

Hệ thống đảm bảo chất lượng nội bộ của trường ĐH Kiến Trúc Đà Nẵng được thiết kế, xây dựng, và phát triển nhằm hướng đến liên tục đánh giá, đo lường, kiểm soát, duy trì và cải thiện chất lượng của mọi hoạt động chính yếu của nhà trường như đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng. Hệ thống đảm bảo chất lượng hướng đến đáp ứng tốt sứ mệnh, tầm nhìn, đạt các mục tiêu chiến lược của nhà trường và đáp ứng tốt yêu cầu của các bên liên quan.

Cấu trúc tổ chức và nhân sự: cấu trúc tổ chức về hoạt động đảm bảo chất lượng đã được thống nhất từ cấp trường và đến cấp đơn vị. Cấu trúc này thể hiện rất rõ sự quan tâm, cam kết của HĐT, BGH đối với hoạt động đảm bảo chất lượng. Ở trường ĐH Kiến Trúc Đà Nẵng, hiệu trưởng là người trực tiếp phụ trách công tác đảm bảo chất lượng và cũng là đại diện lãnh đạo về chất lượng của toàn trường [H09.09.01.02].

Trường có bộ phận chuyên trách về công tác đảm bảo chất lượng là Phòng đảm bảo chất lượng mà tiền thân là Phòng đảm bảo chất lượng và thanh tra, được thành lập vào tháng năm 200. Qua phát triển, ngày .... hiệu trưởng ký quyết định số ... thành lập Phòng ĐBCL. Trưởng phòng là người được cục khảo thí và KĐCLGD giáo dục cấp thẻ kiểm định viên KĐCL giáo dục. Các cán bộ chuyên viên, phụ trách công tác đảm bảo chất lượng của các đơn vị cũng được tham gia các khóa tập huấn, bồi dưỡng về công tác đảm bảo chất lượng [H09.09.01.03], [H09.09.01.04], [H09.09.01.05].

Ở từng đơn vị chức năng (phòng/trung tâm) và các đơn vị đào tạo (khoa/ bộ môn) đều có các thành viên kiêm nhiệm, nằm trong mạng lưới ĐBCL của nhà trường.

Trách nhiệm và trách nhiệm giải trình của hệ thống đảm bảo chất lượng bên trong của trường ĐH Kiến Trúc Đà Nẵng như sau: hiệu trưởng có trách nhiệm điều phối, giám sát và thúc đẩy công tác đảm bảo chất lượng nhằm thực hiện cam kết của lãnh đạo về việc xây dựng, áp dụng và cải tiến thường xuyên hệ thống đảm bảo chất lượng [H09.09.01.06], [H09.09.01.07].

Phòng đảm bảo chất lượng điều phối, giám sát và thúc đẩy công tác đảm bảo chất lượng với chức năng và nhiệm vụ rõ ràng. Phòng Đảm bảo chất lượng có chức năng tham mưu, giúp hiệu trưởng trực tiếp tổ chức thực hiện các hoạt động liên quan đến việc quản lý nhà trường theo tiêu chuẩn iso 9001; thực hiện công tác khảo sát, đánh giá chất lượng giáo dục trong nội bộ nhà trường, giám sát việc sử dụng các kết quả khảo sát để cải tiến chất lượng nhà trường; điều phối công tác đánh giá, KĐCL giáo dục ở cấp độ trường và cấp độ CTĐT theo các tiêu chuẩn của Bộ Giáo dục và Đào tạo [H09.09.01.08], [H09.09.01.09].

Bộ phận đảm bảo chất lượng ở các đơn vị đào tạo và chức năng có trách nhiệm tư vấn, hỗ trợ, thúc đẩy và triển khai công tác đảm bảo chất lượng tại các đơn vị. Các thông tin, các kế hoạch hoạt động về công tác đảm bảo chất lượng được chuyển tải đến các bên liên quan thông qua trang mạng chính của Trường [H09.09.01.10].

#### **Tự đánh giá: 5/7**

**Tiêu chí 9.2: Xây dựng kế hoạch chiến lược về đảm bảo chất lượng (bao gồm chiến lược, chính sách, sự tham gia của các bên liên quan, các hoạt động trong đó có việc thúc đẩy công tác đảm bảo chất lượng và tập huấn nâng cao năng lực) để đáp ứng các mục tiêu chiến lược và đảm bảo chất lượng của cơ sở giáo dục.**

**Mô tả:** Trường ĐH Kiến Trúc Đà Nẵng xác định 5 mục tiêu chiến lược cơ bản cần thực hiện: (i) chiến lược về phát triển đào tạo; (ii) chiến lược phát triển KHCN ; (iii) chiến lược phát triển đội ngũ và tổ chức bộ máy; (iv) chiến lược về công tác đảm bảo chất lượng; (v) chiến lược phát triển tài chính. Để đáp ứng các mục tiêu chiến lược trên và đảm bảo chất lượng nhà trường, trường ĐH Kiến Trúc Đà Nẵng xây dựng kế hoạch chất lượng về công tác đảm bảo chất lượng và xây dựng chính sách chất lượng [H09.09.02.01].

Theo quy trình xây dựng kế hoạch chất lượng, kế hoạch chất lượng về công tác đảm bảo chất lượng được Phòng đảm bảo chất lượng xây dựng dựa trên mục tiêu chung của nhà trường qua từng giai đoạn với các nội dung: duy trì hiệu quả hệ thống quản lý chất lượng iso 9001; rà soát, hoàn thiện hệ thống văn bản về đảm bảo chất lượng và KĐCL giáo dục; tăng cường năng lực và phát triển đội ngũ cán bộ phụ trách công tác đảm bảo chất lượng; đẩy mạnh hoạt động đánh giá và công nhận đạt tiêu chuẩn chất

lượng giáo dục cấp cơ sở và cấp CTĐT; khảo sát ý kiến các bên liên quan về chất lượng giáo dục nhà trường; tăng cường truyền thông về đảm bảo chất lượng và KĐCL giáo dục nhằm nâng cao nhận thức, tạo văn hóa chất lượng cho thầy và trò trường ĐH Kiến Trúc Đà Nẵng. Trên kế hoạch chất lượng về công tác đảm bảo chất lượng từng giai đoạn, hàng năm các đơn vị và nhà trường cụ thể hóa bằng nghiên cứu khoa học và kế hoạch thực hiện nghiên cứu khoa học năm học, với bộ chỉ số KPI rõ ràng. Chính sách chất lượng được cụ thể trong các chính sách về đào tạo, chính sách nghiên cứu và chính sách phục vụ cộng đồng. Nhà trường ban hành sổ tay chất lượng – là tài liệu mô tả hệ thống quản lý chất lượng của trường và cách thức mà nhà trường đáp ứng yêu cầu của các tiêu chuẩn để được chứng nhận là phù hợp với các tiêu chuẩn kiểm định **[H09.09.02.02]**.

Kế hoạch chất lượng và chính sách chất lượng của trường được hiệu trưởng phê duyệt và công bố rộng rãi đến toàn thể CB-GV-NV trong trường qua website. Tất cả các trường đơn vị có trách nhiệm truyền đạt nhằm đảm bảo tất cả cán bộ viên chức đều thấu hiểu và triển khai thực hiện. Kế hoạch chất lượng và chính sách chất lượng được trường xem xét định kỳ, đảm bảo phù hợp với chiến lược phát triển của trường. Nhà trường cam kết luôn lắng nghe và giải quyết các yêu cầu của người học, của các bên liên quan một cách chu đáo và tin cậy, đồng thời cam kết cải tiến liên tục hệ thống quản lý chất lượng và chính sách chất lượng. Mọi hoạt động của trường đều nhằm đáp ứng và đáp ứng tốt hơn các yêu cầu của các bên liên quan vì chất lượng cần được thiết kế, phản chiếu, kiểm soát từ nhiều góc nhìn khác nhau. Hệ thống đảm bảo chất lượng của trường là một hệ thống mở, sẵn sàng lắng nghe và khuyến khích sự tham dự của tất cả các bên có liên quan như sinh viên, cựu sinh viên, NTD, GV, nhân viên, các khoa, các phòng ban, các đối tác trong và ngoài nước. Hệ thống này cũng có đầu vào là các hướng dẫn, qui định, yêu cầu của pháp luật, của Bộ Giáo dục và Đào tạo và các tổ chức kiểm định uy tín mà nhà trường lựa chọn. Hàng năm, Phòng đảm bảo chất lượng tổ chức các loại khảo sát ý kiến các bên liên quan: (i) khảo sát ý kiến sinh viên về hoạt động giảng dạy của GV; (ii) khảo sát ý kiến sinh viên năm cuối về khóa học; (iii, vi) khảo sát ý kiến GV và sinh viên về chất lượng đội ngũ nv hỗ trợ; (v) khảo sát ý kiến GV, (vi) ý kiến NTD và (vii) khảo sát ý kiến cựu sinh viên về CTĐT và CĐR. Sử dụng kết quả khảo sát để cải tiến chất lượng hoạt động nhà trường **[H09.09.02.03]**, **[H09.09.02.04]**.

Để thực hiện chính sách chất lượng, nhà trường thực hiện, duy trì các hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn iso 9001. Đây là một hệ thống hợp thức hóa các quy trình, thủ tục và trách nhiệm để đạt được những chính sách và mục tiêu về chất lượng **[H09.09.02.05]**.

Nhằm đảm bảo năng lực các cán bộ làm công tác đảm bảo chất lượng và đẩy mạnh hơn nữa văn hóa chất lượng trong trường, hàng năm các CB-GV-NV phụ trách công tác



đảm bảo chất lượng của các đơn vị được nhà trường tạo điều kiện cho tham gia các hội nghị/hội thảo, các khóa tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn. Các khóa học có nội dung liên quan tới nâng cao kỹ năng lãnh đạo, quản lý, học tập nâng cao trình độ, bồi dưỡng chuyên môn; cập nhật hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn iso 9001; xây dựng hệ thống đảm bảo chất lượng bên trong; tham gia viết báo cáo tự đánh giá phục vụ cho công tác kiểm định trường. Trường còn lên kế hoạch cử 2 cán bộ sang thái lan tham gia khóa học Tire 1 về công tác KĐCL theo bộ tiêu chuẩn của AUN-QA [H09.09.02.06] , [H09.09.02.07] .

Kết quả của các đợt tập huấn, hội thảo về công tác đảm bảo chất lượng là năng lực đội ngũ CB-GV-NV làm công tác này được nâng lên. Một số CB-GV-NV phụ trách công tác tự đánh giá và viết báo cáo tự đánh giá cấp CSGD và CTĐT. Một hệ thống ĐBCL vận hành rất hiệu quả trong trường là nỗ lực của tất cả các CB-GV-NV – là những người đã qua nhiều lớp tập huấn, hội thảo về công tác đảm bảo chất lượng.

**Tự đánh giá: 5/7**

**Tiêu chí 9.3: Kế hoạch chiến lược về đảm bảo chất lượng được quán triệt và chuyển tải thành các kế hoạch ngắn hạn và dài hạn để triển khai thực hiện.**

**Mô tả:** Kế hoạch chiến lược về đảm bảo chất lượng được chuyển tải thành các kế hoạch dài hạn qua từng giai đoạn và kế ngắn hạn hàng năm được hiệu trưởng phê duyệt và công bố rộng rãi đến toàn thể CB-GV-NV trong trường qua website [H09.09.03.01].

Hàng năm, nhà trường công bố nghiên cứu khoa học và kế hoạch thực hiện nghiên cứu khoa học năm học cho năm học mới. Trên cơ sở đó, tất cả các đơn vị trong trường xây dựng nghiên cứu khoa học và kế hoạch thực hiện nghiên cứu khoa học năm học của đơn vị. Nghiên cứu khoa học được cụ thể bằng kế hoạch thực hiện, lượng hoá với các KPI rõ ràng, cá nhân/bộ phận chịu nào trách nhiệm/phối hợp và kết quả đạt được là gì (kèm minh chứng rõ ràng) và được chi tiết hoá trong công tác tháng [H09.09.03.02].

Tất cả các trường đơn vị có trách nhiệm truyền đạt nhằm đảm bảo tất cả cán bộ viên chức đều thấu hiểu và triển khai thực hiện. Với văn hóa “chất lượng là trách nhiệm của mọi người”, trường ĐH Kiến Trúc Đà Nẵng khẳng định bốn thành phần chính trong hệ thống đảm bảo chất lượng là: (i) tất cả mọi người đều có trách nhiệm duy trì chất lượng sản phẩm/dịch vụ; (ii) tất cả mọi người đều có trách nhiệm củng cố chất lượng của sản phẩm/dịch vụ; (iii) tất cả mọi người hiểu, sử dụng, thấy mình là chủ hệ thống; (iv) người hưởng lợi (nhà quản lý/người học/các bên liên quan khác) thường xuyên kiểm tra hệ thống và chất lượng sản phẩm/dịch vụ của nhà trường [H09.09.03.03].

Các nghiên cứu khoa học, kế hoạch thực hiện nghiên cứu khoa học và tất cả các quy trình nghiệp vụ iso được công bố công khai trên website để mọi người thực hiện, theo dõi giám sát, góp ý và đánh giá [H09.09.03.04].

**Tự đánh giá: 5/7**

**Tiêu chí 9.4: Hệ thống lưu trữ văn bản, rà soát, phổ biến các chính sách, hệ thống, quy trình và thủ tục đảm bảo chất lượng được triển khai.**

**Mô tả:** Nhà trường xây dựng một hệ thống lưu trữ văn bản, rà soát, phổ biến các chính sách, hệ thống và các quy trình đảm bảo chất lượng. Với mỗi loại hoạt động, nhà trường đều có các văn bản, các quy trình nghiệp vụ iso, các hướng dẫn và các biểu mẫu đính kèm, giúp cho việc thực hiện thuận tiện và dễ dàng. Ngoài ra, nhà trường đã xây dựng tài liệu sổ tay chất lượng. Tài liệu này mô tả hệ thống quản lý chất lượng của nhà trường và cách thức mà nhà trường đáp ứng yêu cầu của tiêu chuẩn để được chứng nhận là phù hợp với tiêu chuẩn iso 9001. Sổ tay chất lượng bao gồm: cam kết về chính sách chất lượng của nhà trường, bộ máy tổ chức và phương pháp quản lý công tác giảng dạy và quản lý sinh viên, các quy trình nghiệp vụ phục vụ cho sự phối hợp công tác của các đơn vị; mô tả sự tương tác giữa các quá trình trong hệ thống quản lý chất lượng giúp cho việc thực hiện, duy trì và liên tục cải tiến hệ thống quản lý chất lượng của trường có hiệu quả, nhằm đảm bảo chất lượng cho các bên liên quan của nhà trường; hướng dẫn CB-GV-NV và sinh viên thực hiện theo đúng chính sách chất lượng mà BGH nhà trường cam kết thông qua việc áp dụng đúng các nguyên tắc quản lý chất lượng, đáp ứng các yêu cầu của tiêu chuẩn [H09.09.04.01]

Về mặt hành chính, trường có đầy đủ hệ thống văn bản để tổ chức, quản lý tất cả các hoạt động của nhà trường. Phòng HCTH đã xây dựng một quy trình nghiệp vụ để quản lý toàn bộ hệ thống văn bản trong trường: quy trình quản lý văn bản đi – đến, vì vậy tất cả các văn bản ban hành đều được kiểm soát chặt chẽ về nội dung và tính pháp lý đồng thời được phòng HCTH và các đơn vị lưu trữ nhằm tránh sự xung đột hoặc chòng chéo về nội dung giữa các văn bản. Việc quản lý văn bản còn được phòng HCTH số hóa và lưu trữ trên hệ thống. Về các chính sách, định hướng phát triển, nhà trường có các văn bản về kế hoạch chất lượng, chương trình hàng động của BGH từng nhiệm kỳ, các nghị quyết của HĐT ... được lưu trữ ở phòng HC-TH. Văn bản quy chế tổ chức và hoạt động của nhà trường là cơ sở pháp lý trong công tác tổ chức và quản lý các hoạt động của trường. Các văn bản quy định về chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị của trường được ban hành và tạo thuận lợi trong công tác điều hành hoạt động của trường [H09.09.04.02], [H09.09.04.03]. Về tài chính, trường xây dựng quy chế chi tiêu nội bộ, được điều chỉnh cho phù hợp với tình hình cụ thể của nhà trường và công khai thực hiện

tốt quy chế này trong các đơn vị. Về tổ chức, quản lý các hoạt động đào tạo, nhà trường ban hành các văn bản về thực hiện quy chế học vụ, quy trình xây dựng thẩm định và ban hành CTĐT và CĐR, quy trình lập kế hoạch và xếp TKB, quy trình mời giảng và quản lý hoạt động giáo dục của GV, quy trình xếp lịch thi học kỳ, quy trình tổ chức thi học kỳ, quy trình hướng dẫn và chấm đồ án tốt nghiệp; quy trình xét tốt nghiệp, quy trình quản lý văn bằng chứng chỉ quốc gia, quy trình giám sát hoạt động đào tạo. Ngoài ra, Phòng Đào tạo đã xây dựng kế hoạch năm học cụ thể bằng biểu đồ, nhằm sơ đồ hóa nhiệm vụ công tác đào tạo trong năm học, giúp các đơn vị chuyên môn thuận lợi hơn trong công tác điều hành.

Về hoạt động KHCN, Phòng KHCN đã ban hành quy trình quản lý đề tài KHCN của CB-GV-NV, quy trình quản lý đề tài nghiên cứu khoa học của sinh viên. Ngoài ra, trường còn các hệ thống văn bản về quản lý người học, hệ thống văn bản về hoạt động đảm bảo chất lượng, hệ thống văn bản về hoạt động hợp tác quốc tế. Bên cạnh đó, tổ chức Đảng và các tổ chức đoàn thể thuộc trường cũng có hệ thống các văn bản để tổ chức và quản lý hoạt động của tổ chức.

Nhà trường đã thành lập tổ CNTT, hỗ trợ các đơn vị xây dựng các phần mềm chuyên dụng (bên cạnh phần mềm quản lý chính), quản trị website nhằm ứng dụng tốt CNTT vào các lĩnh vực hoạt động của nhà trường. Việc tin học hóa hệ thống văn bản, hệ thống quản lý đã được nhà trường triển khai từ rất sớm [H09.09.04.04].

Hệ thống văn bản về tổ chức, quản lý và hoạt động của nhà trường được triển khai thực hiện có hiệu quả. Các văn bản pháp quy và các văn bản quản lý được nhà trường phổ biến rộng rãi trong toàn trường qua các kênh thông tin: hệ thống văn bản đi đến của phòng HCTH, website nhà trường, hệ thống email cá nhân. Tất cả các chủ trương, chính sách, định hướng của nhà trường đều được triển khai đến tất cả các CB-GV-NV trong trường thực hiện, thảo luận đóng góp ý kiến thông qua các cuộc họp định kỳ và không định kỳ: họp HĐT, họp giao ban lãnh đạo (hàng tháng), giao ban BGH (hàng tuần), giao ban công tác sinh viên (hàng tháng), họp đơn vị của các phòng/ khoa/ trung tâm ... Với sự chỉ đạo luôn kịp thời, điều hành, triển khai công việc có hệ thống, nhất quán từ HĐT, BGH đến các đơn vị, từ đó công việc được hoàn thành theo đúng tiến độ và kế hoạch đề ra. Đồng thời, các công việc, các chính sách kế hoạch, các quy trình nghiệp vụ cũng được rà soát, điều chỉnh và đảm bảo nhất quán trong toàn trường [H09.09.04.05], [H09.09.04.06], [H09.09.04.07].

**Tự đánh giá: 5/7**

**Tiêu chí 9.5: Các chỉ số thực hiện chính và các chỉ tiêu phấn đấu chính được thiết lập để đo lường kết quả công tác đảm bảo chất lượng của cơ sở giáo dục.**

**Mô tả:** Kế hoạch chất lượng và chính sách chất lượng được nhà trường xem xét định kỳ, đảm bảo phù hợp với chiến lược phát triển của trường [H09.09.05.01].

Hàng năm, nhà trường lên thông báo cho tất cả các cá nhân và đơn vị trong trường chuẩn bị cho công tác đảm bảo chất lượng năm học mới, trong đó có việc góp ý, hiệu chỉnh các quy trình nghiệp vụ đã ban hành; xây dựng nghiên cứu khoa học và kế hoạch thực hiện nghiên cứu khoa học năm học (theo biểu mẫu đính kèm). Căn cứ các kế hoạch năm học, các đơn vị xây dựng nghiên cứu khoa học và kế hoạch thực hiện nghiên cứu khoa học năm học, gồm các nội dung của các mảng công tác: giáo dục chính trị tư tưởng và công tác sinh viên; tổ chức cán bộ và quản lý; công tác đảm bảo chất lượng; khảo thí; nghiên cứu khoa học và quan hệ quốc tế; tài chính và đào tạo [H09.09.05.02].

Với mỗi mảng công tác, các đơn vị phải xây dựng kế hoạch thực hiện để đạt mục tiêu đề ra, có bộ chỉ số KPI rõ ràng; cá nhân/ đơn vị nào chịu trách nhiệm chính/ phối hợp để thực hiện; thời gian nào thì hoàn thành. Khi xây dựng các chỉ số KPI cần đạt được, các đơn vị phải đảm bảo nguyên tắc smart: phải khả thi, phải đo lường được, sát với thực tế để tất cả các thành viên trong đơn vị có thể thực hiện được và phải có thời hạn hoàn thành. Trường còn lập sổ theo dõi việc thực hiện mục tiêu chất lượng năm học, ngoài các nội dung: nghiên cứu khoa học và kế hoạch hành động để đạt mục tiêu, đến thời điểm đánh giá, các kế hoạch đề ra đã đạt được những gì, so với kế hoạch thì tỷ lệ hoàn thành là bao nhiêu % (kèm hồ sơ minh chứng), nếu có mục tiêu nào chưa đạt thì đơn vị phải giải trình [H09.09.05.03].

Đối với các cá nhân, nhà trường ban hành quy định về chế độ làm việc của GV, quy chế trả lương cho CB-GV-NV, quy định thù lao giảng dạy năm học với các chỉ số rõ ràng mà mỗi CB-GV-NV phải thực hiện để hoàn thành khối lượng công việc theo các kế hoạch đề ra. Trên căn cứ đó, nhà trường đánh giá xếp loại thi đua cá nhân với những mức khen thưởng hoặc kỷ luật hợp lý. Lãnh đạo các đơn vị có trách nhiệm tổ chức theo dõi ngày giờ công, khối lượng và chất lượng công việc của CB-GV-NV thuộc đơn vị và gửi về phòng TCKT làm cơ sở thanh toán tiền lương hàng tháng [H09.09.05.04].

Cuối mỗi năm học, từng cá nhân, đơn vị đều làm báo cáo tổng kết công tác năm học, dựa trên các chỉ số được thiết lập (mức độ hoàn thành công tác, kế hoạch năm học) các cá nhân/ tập thể đối sánh với các kết quả đạt được của năm học để xếp loại thi đua, giúp nhà trường và các đơn vị rà soát lại các khối lượng công việc đã thực hiện, các chỉ tiêu phấn đấu chính mà các đơn vị đã đăng ký để đo lường các kết quả công tác đảm bảo chất lượng của nhà trường [H09.09.05.05].

**Tự đánh giá: 5/7**

**Tiêu chí 9.6: Quy trình lập kế hoạch, các chỉ số thực hiện chính và các chỉ tiêu phân đầu chính được cải tiến để đáp ứng các mục tiêu chiến lược và đảm bảo chất lượng của cơ sở giáo dục.**

**Mô tả:** Nhằm đảm bảo các kế hoạch, các chỉ số và các chỉ tiêu phân đầu đề ra đáp ứng mục tiêu chiến lược, phù hợp với sứ mạng và định hướng phát triển đã đề ra, nhà trường liên tục hoàn thiện và cải tiến hệ thống đảm bảo chất lượng bên trong sau mỗi đợt đánh giá nội bộ, ĐGN bởi các tổ chức KĐCL và cuối mỗi năm học [H09.09.06.01].

Hàng năm, nhà trường định kỳ hoặc không định kỳ tổ chức các cuộc họp đề rà soát, phân tích và kết luận về tình hình hoạt động của hệ thống quản lý chất lượng, xem xét tính phù hợp, tính đầy đủ, tính hiệu lực và không ngừng nâng cao hiệu quả của hệ thống quản lý chất lượng của nhà trường. Các hoạt động xem xét được thực hiện thông qua các cuộc họp: họp HĐT hàng quý; họp giao ban hàng tháng của hội đồng trường gồm HĐT, BGH và lãnh đạo của tất cả các đơn vị; hội ý BGH hàng tuần; họp giao ban công tác sinh viên; các cuộc họp của các đơn vị phòng/ khoa/ trung tâm định kỳ; họp về các đợt đánh giá nội bộ CSGD hoặc CTĐT; họp hội đồng thi đua khen thưởng cuối năm học [H09.09.06.02].

Các nội dung được BGH đưa ra xem xét gồm một số vấn đề sau: việc thực hiện và kết quả của các đợt đánh giá; kết quả khảo sát ý kiến của các bên liên quan (cán bộ quản lý, GV, sinh viên, cựu sinh viên, NTD); tình hình thực hiện công tác quản lý, dạy học và nghiên cứu khoa học đáp ứng yêu cầu người học; tình trạng thực hiện các biện pháp khắc phục phòng tránh rủi ro; kết quả thực hiện các quyết định của cuộc họp trước; mức độ đạt được các nghiên cứu khoa học; những thay đổi có liên quan đến hệ thống chất lượng; các đề nghị cải tiến chất lượng ... . Cụ thể với 3 mảng công việc chính như sau [H09.09.06.03]:

- Công tác quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn iso 9001: thực hiện kiểm soát, cập nhật các quy trình, biểu mẫu đã được phê duyệt; định kỳ báo cáo kết quả đánh giá nội bộ và các điểm không phù hợp đã xảy ra trong năm học và đề xuất cải tiến. Thông qua sổ theo dõi việc thực hiện nghiên cứu khoa học năm học, các chỉ số đề ra được rà soát, chỉ số nào chưa đạt được, các đơn vị phải giải trình kèm minh chứng. Kết quả thực hiện các chỉ số (đạt hay không đạt) là cơ sở để các đơn vị xây dựng kế hoạch nghiên cứu khoa học năm học tiếp theo, đồng thời các quy trình nghiệp vụ cũng được cập nhật theo hướng cải tiến cho phù hợp; thực hiện đầy đủ các báo cáo sơ kết/ tổng kết năm học và các báo cáo khác về hoạt động của đơn vị.

- Công tác khảo sát, đánh giá chất lượng giáo dục trong nội bộ trường: thực hiện khảo sát ý kiến của các bên liên quan về chất lượng giảng dạy và phục vụ của nhà trường;

xử lý, phân tích dữ liệu thu được và đưa ra các đề xuất cải tiến; tiến hành thường xuyên và định kỳ các hoạt động đảm bảo chất lượng theo hướng dẫn và quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, báo cáo hiện trạng công tác đảm bảo chất lượng định kỳ hàng năm.

- Công tác đánh giá, KĐCL giáo dục CTĐT, CSGD theo tiêu chuẩn của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Thông qua hoạt động rà soát, cải tiến hệ thống đảm bảo chất lượng, nhà trường đã đạt nhiều kết quả trong công tác đảm bảo chất lượng.

Về hệ thống quản trị chất lượng theo iso 9001: Trường ĐH Kiến Trúc Đà Nẵng đã quyết định sử dụng hệ thống quản lý chất lượng iso 9001 để duy trì, cải tiến chất lượng trong mọi hoạt động của nhà trường thông qua các cơ chế, các quy trình nghiệp vụ.

KĐCL CSGD: năm 2017 trường ĐH Kiến Trúc Đà Nẵng hoàn tất báo cáo tự đánh giá gửi Bộ Giáo dục và Đào tạo và kiểm định nội bộ CSGD theo bộ tiêu chuẩn của MOET. Năm 2018 nhà trường đã đăng ký ĐGN và đã được kiểm định, cấp giấy chứng nhận.

Khảo sát ý kiến các bên liên quan: Gắn kết với đầu ra đáp ứng yêu cầu các bên liên quan là xu thế tất yếu trong giáo dục đại học ngày nay. Vì vậy, tầm nhìn và sứ mạng trường ĐH Kiến Trúc Đà Nẵng là duy trì hoạt động khảo sát ý kiến các bên liên quan. Hàng năm, trường ĐH Kiến Trúc Đà Nẵng tổ chức khảo sát lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan phục vụ công tác nâng cao chất lượng toàn diện trong nhà trường. Kết quả của các loại khảo sát sau khi được xử lý được gửi đến các đơn vị liên quan trong nhà trường, các đơn vị này báo cáo việc sử dụng kết quả khảo sát cho việc nâng cao chất lượng của đơn vị thông qua một quy trình nghiệp vụ iso. Các kết quả khảo sát sau đó được Phòng đảm bảo chất lượng xử lý và gửi đến HĐT, BGH và các đơn vị có liên quan. Các đơn vị sẽ phân tích dữ liệu và lập một báo cáo về việc sử dụng các kết quả khảo sát cho việc cải tiến như thế nào tại đơn vị [H09.09.06.04], [H09.09.06.05].

**Tự đánh giá: 5/7**

## **Đánh giá chung về tiêu chuẩn 9**

### **1. Tóm tắt các điểm mạnh**

Nhà trường đã có nhiều năm kinh nghiệm áp dụng hệ thống quản lý chất lượng iso 9001. Hiện đang duy trì hiệu quả hệ thống này. Lãnh đạo nhà trường quan tâm và chỉ đạo sâu sát hoạt động đảm bảo chất lượng giáo dục. Mạng lưới đảm bảo chất lượng bên trong bao gồm tất cả các đơn vị trong trường được thành lập. Một hệ thống các quy trình nghiệp vụ được xây dựng và chuyển đến các bên liên quan nhằm triển khai, kiểm soát tất cả các hoạt động trong trường, nâng cao chất lượng đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng cũng như các lĩnh vực chiến lược khác. Các kế hoạch chất lượng đã

được chuyển tải thành các nghiên cứu khoa học với các chỉ số KPI rõ ràng, được rà soát và đánh giá nội bộ và ĐGN định kỳ và được khắc phục, cải tiến kịp thời.

## 2. Tóm tắt các điểm tồn tại

Đội ngũ nhân sự làm công tác đảm bảo chất lượng của đơn vị chuyên trách còn mỏng, còn tại các đơn vị khác phần lớn làm công tác kiêm nhiệm, do đó mức đầu tư chuyên sâu về công tác này còn hạn chế. Việc thay đổi nhân sự đảm trách công tác đảm bảo chất lượng của một số khoa/ trung tâm ít nhiều ảnh hưởng đến công tác này. Sau các cuộc họp, một số biên bản chưa được công bố lên website để các bên liên quan tiện theo dõi.

## 3. Kế hoạch cải tiến

Kiện toàn nhân sự phụ trách công tác đảm bảo chất lượng giáo dục của các khoa/ phòng/ trung tâm còn mỏng. Phòng Đảm bảo chất lượng tổ chức tốt công tác huấn luyện, bồi dưỡng nghiệp vụ đảm bảo chất lượng nhằm tạo tính chuyên nghiệp. Cử một số CB-GV-NV làm công tác đảm bảo chất lượng giáo dục tham gia học tập các lớp bồi dưỡng về nghiệp vụ chuyên môn, đạt yêu cầu về chuẩn đảm bảo chất lượng giáo dục. Mở thêm trang thông tin trên website nội bộ để đưa tất cả biên bản các cuộc họp cho mọi người theo dõi.

## 4. Mức đánh giá

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Tự đánh giá
<b>Tiêu chuẩn 9</b>	<b>5,0</b>
Tiêu chí 9.1	5,0
Tiêu chí 9.2	5,0
Tiêu chí 9.3	5,0
Tiêu chí 9.4	5,0
Tiêu chí 9.5	5,0
Tiêu chí 9.6	5,0

## Tiêu chuẩn 10: Tự đánh giá và đánh giá ngoài

**Tiêu chí 10.1: Kế hoạch tự đánh giá và chuẩn bị cho việc đánh giá ngoài được thiết lập.**

**Mô tả:** Nhà trường xây dựng chính sách chất lượng và hệ thống đánh giá chất lượng bao gồm tự đánh giá (đánh giá bên trong) và KĐCL (đánh giá bên ngoài) và đây là một hoạt động cần thiết để đảm bảo các chính sách, hệ thống, các quy trình vẫn phù

hợp và có hiệu quả trong việc thực hiện các mục tiêu chiến lược của nhà trường [H10.10.01.01].

Hoạt động tự đánh giá nhằm kiểm soát và cải tiến chất lượng nhà trường bao gồm: tự đánh giá đề KĐCL CTĐT và CSGD (theo bộ tiêu chuẩn của Bộ Giáo dục và Đào tạo). Đối với mỗi hoạt động, nhà trường đều xây dựng kế hoạch tự đánh giá rõ ràng, chi tiết và được đề cập trong kế hoạch công tác đảm bảo chất lượng năm học [H10.10.01.02].

Để chuẩn bị cho công tác ĐGN về CTĐT hay CSGD, nhà trường thực hiện công tác tự đánh giá theo quy trình và chu kỳ KĐCL của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định (thông tư 38/2013 BGDĐT). Mời chuyên gia về báo cáo chuyên đề về công tác đảm bảo chất lượng nhằm nâng cao văn hóa chất lượng trong trường, giúp CB-GV-NV nhận thức đúng về KĐCL, hiểu rõ bản chất, quy trình, cách triển khai tự đánh giá, cập nhật thường xuyên, đầy đủ các văn bản chỉ đạo của các cấp có liên quan đến giáo dục để vận dụng trong quá trình triển khai nhiệm vụ [H10.10.01.03] ... Nhà trường còn gửi người tham dự các đợt tập huấn ngoài trường và tổ chức tập huấn đội ngũ CB-GV-NV cho công tác tự đánh giá [H10.10.01.04].

Theo hướng dẫn của Bộ Giáo dục và đào tạo, nhà trường đã tiến hành thành lập hội đồng tự đánh giá; xây dựng kế hoạch tự đánh giá, thành lập ban thư ký và các nhóm công tác chịu trách nhiệm một số tiêu chuẩn, viết báo cáo tự đánh giá; xác định nguồn lực (nhân lực, vật lực, kinh phí); lập thời gian biểu, ứng với mỗi công việc phải có đơn vị chịu trách nhiệm chính, trách nhiệm phối hợp, thời gian thực hiện. Sản phẩm chính của công tác chuẩn bị ĐGN là báo cáo tự đánh giá và hệ thống minh chứng kèm theo [H10.10.01.05], [H10.10.01.06].

#### **Tự đánh giá: 5/7**

**Tiêu chí 10.2: Việc tự đánh giá và đánh giá ngoài được thực hiện định kỳ bởi các cán bộ và/ hoặc các chuyên gia độc lập đã được đào tạo.**

**Mô tả:** Định kỳ, nhà trường thực hiện tự Tự đánh giá CSGD và các CTĐT. Hiệu trưởng ký quyết định thành lập Hội đồng tự đánh giá, ban hành kèm nội dung và lịch trình thực hiện [H10.10.02.01]. Trưởng hội đồng là một đại diện lãnh đạo phụ trách công tác đảm bảo chất lượng. ĐGN được thực hiện bởi các Trung tâm kiểm định thuộc sự quản lý, cho phép của Bộ GDĐT và Nhà nước. Các thành viên trong đoàn ĐGN được trung tâm lựa chọn kỹ càng, là những kiểm định viên có kinh nghiệm, có chuyên môn sâu tương ứng với CSĐT hoặc CTĐT [H10.10.02.02].



Tất cả các đợt đánh giá nội bộ hoặc ĐGN đều được công bố công khai về kế hoạch đánh giá, nội dung đánh giá và danh sách các đánh giá viên trên website của trường, trên lịch công tác tuần để mọi người biết và triển khai thực hiện [H10.10.02.03].

**Tự đánh giá: 5/7**

**Tiêu chí 10.3: Các phát hiện và kết quả của việc tự đánh giá và đánh giá ngoài được rà soát.**

**Mô tả:** Trong quá trình tự đánh giá, tất cả các đơn vị chức năng cũng như các đơn vị đào tạo đã tiến hành rà soát các hoạt động của đơn vị, báo cáo tiến độ thực hiện so với kế hoạch đề ra, hoàn tất hồ sơ minh chứng về tất cả các hoạt động: dạy và học; tỷ lệ sinh viên lên lớp, sinh viên bỏ học; hoạt động nghiên cứu khoa học; nguồn nhân lực; quan hệ quốc tế; phục vụ cộng đồng; sự hài lòng của các bên liên quan về chất lượng đào tạo, về CTĐT và CĐR, về chất lượng đội ngũ nhân viên hỗ trợ và về chất lượng sinh viên tốt nghiệp [H10.10.03.01].

Sau các đợt đánh giá nội bộ và ĐGN, các đoàn đánh giá đã chỉ ra các mặt mạnh, phát hiện điểm không phù hợp, gửi về các đơn vị. Theo chức năng nhiệm vụ đã được hiệu trưởng phê duyệt, các sự không phù hợp liên quan đến chức năng, nhiệm vụ của bộ phận nào thì bộ phận đó có trách nhiệm đề ra biện pháp xử lý ghi vào biểu mẫu liên quan [H10.10.03.02]. Trong trường hợp ngoài quyền hạn thì xin ý kiến và hướng giải quyết của BGH. Cuối mỗi đợt đánh giá, Phòng đảm bảo chất lượng làm báo cáo tổng hợp gửi HĐT và BGH. Trên cơ sở đó, hàng năm, BGH tổ chức một cuộc họp lãnh đạo để xem xét hệ thống quản lý chất lượng của nhà trường, để đảm bảo hệ thống luôn thích hợp, thỏa đáng, có hiệu lực và thống nhất với định hướng chiến lược của nhà trường [H10.10.03.03].

**Tự đánh giá: 5/7**

**Tiêu chí 10.4: Quy trình tự đánh giá và quy trình chuẩn bị cho việc đánh giá ngoài được cải tiến để đáp ứng các mục tiêu chiến lược của cơ sở giáo dục.**

**Mô tả:** Hàng năm, nhà trường tiến hành rà soát lại tất cả các quy trình nghiệp vụ trong đó có quy trình đánh giá nội bộ để đảm bảo các quy trình vận hành có hiệu quả và phù hợp với thực tế của nhà trường [H10.10.04.01].

Sau các đợt đánh giá nội bộ và ĐGN, các đơn vị tiến hành hành động khắc phục/phòng ngừa để giảm thiểu các tác động không mong muốn và cải tiến để đáp ứng mục tiêu chiến lược của nhà trường. Đồng thời, Phòng đảm bảo chất lượng tổ chức cuộc họp tất cả các đơn vị, phân tích nguyên nhân, lưu ý những lỗi gặp lại nhiều lần yêu cầu các đơn vị đưa vào quản lý rủi ro và tư vấn biện pháp xử lý, các cơ hội cải tiến [H10.10.04.02].

Về mặt hệ thống, sau mỗi cuộc họp lãnh đạo, đối sánh với các cuộc họp trước, với các chỉ số xây dựng trong kế hoạch của các mặt hoạt động, nhà trường nhìn nhận được các thay đổi bên trong và bên ngoài của hệ thống quản lý chất lượng, nhìn nhận cơ hội và thách thức đề ra các biện pháp cải tiến phù hợp và kịp thời [H10.10.04.03].

Ngoài ra, căn cứ các tiêu chí đánh giá chất lượng của các bộ tiêu chuẩn của Bộ Giáo dục và đào tạo, nhà trường tiến hành rà soát, đối sánh, nhìn nhận những điểm còn hạn chế, để từ đó đưa ra các biện pháp khắc phục cải tiến hợp lý, hiệu quả để đáp ứng các mục tiêu chiến lược của nhà trường. Nhờ kết quả công tác cải tiến chất lượng các mặt công tác của nhà trường mà uy tín, thương hiệu của trường ĐH Kiến Trúc Đà Nẵng đối với xã hội và đối với các cơ quan quản lý (Bộ Giáo dục và đào tạo, Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng) ngày càng tăng [H10.10.04.04].

**Tự đánh giá: 5/7**

### **Đánh giá chung về tiêu chuẩn 10**

#### **1. Tóm tắt các điểm mạnh**

Nhà trường đã xây dựng một hệ thống đánh giá nội bộ có hiệu quả thông qua các quy trình đánh giá nội bộ; quy trình kiểm soát sự không phù hợp; quy trình tiến hành hành động khắc phục/phòng ngừa. Các quy trình này và các biểu mẫu đính kèm được rà soát và cải tiến hàng năm cho phù hợp với mục tiêu chiến lược nhà trường trong từng giai đoạn. Quản lý sự rủi ro được đưa vào sổ tay chất lượng và các quy trình nghiệp vụ là một bước cải tiến mới của hệ thống đánh giá chất lượng bên trong nhà trường. Các điểm mạnh và những điểm tồn tại được phát hiện sau mỗi đợt đánh giá nội bộ và ĐGN được phân tích, theo dõi hành động khắc phục cải tiến chặt chẽ.

#### **2. Tóm tắt các điểm tồn tại**

Một số kế hoạch đánh giá nội bộ để KĐCL CTĐT còn bị gián tiến độ do thay đổi nhân sự. Số lượng thành viên tham gia các đợt đánh giá nội bộ còn chưa đồng bộ, làm cho thời gian đánh giá kéo dài.

#### **3. Kế hoạch cải tiến**

Phòng đảm bảo chất lượng tăng cường rà soát kế hoạch tự đánh giá của các CTĐT đã lên kế hoạch, hỗ trợ tối đa nhân sự và tìm kiếm thông tin minh chứng giúp các khoa hoàn thành tiến độ kiểm định để ít nhất có 50% CTĐT được ĐGN vào cuối giai đoạn 2026.

#### **4. Mức đánh giá**

<b>Tiêu chuẩn, tiêu chí</b>	<b>Tự đánh giá</b>
<i>Tiêu chuẩn</i>	<b>5,0</b>

Tiêu chí 10.1	5,0
Tiêu chí 10.2	5,0
Tiêu chí 10.3	5,0
Tiêu chí 10.4	5,0

### **Tiêu chuẩn 11: Hệ thống thông tin đảm bảo chất lượng bên trong**

**Tiêu chí 11.1: Kế hoạch quản lý thông tin đảm bảo chất lượng bên trong bao gồm việc thu thập, xử lý, báo cáo, nhận và chuyển thông tin từ các bên liên quan nhằm hỗ trợ hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng được thiết lập.**

**Mô tả:** Nhà trường duy trì hệ thống thông tin liên lạc bên trong thông suốt giữa các đơn vị có liên quan đến các quá trình của hệ thống đảm bảo chất lượng. Thông tin được thực hiện thông qua các cuộc họp giao ban; các công văn, chỉ thị, báo cáo dạng văn bản (tồn tại dưới 2 dạng là văn bản dạng giấy và văn bản dạng điện tử); các quy trình điều hành trong hệ thống; thông qua điện thoại; gặp trao đổi trực tiếp, góp ý qua hòm thư; hệ thống mạng nội bộ; email cá nhân **[H11.11.01.01]**.

Các văn bản về tổ chức, quản lý các hoạt động của nhà trường được giao cho các đơn vị chức năng soạn thảo, hiệu trưởng ký duyệt ban hành, phổ biến và lưu trữ theo 2 quy trình nghiệp vụ “quy trình trình ký văn bản” và “quy trình quản lý văn bản đi – đến” do phòng HC-TH biên soạn **[H11.11.01.02]**. Phòng HC-TH cũng là đơn vị tiếp nhận thông tin, xử lý và chuyển thông tin đến các bên liên quan trong trường. Với mỗi hoạt động của nhà trường đều có các văn bản, hướng dẫn giúp cho việc thực hiện được thuận tiện và dễ dàng. Để hỗ trợ cho các hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng, nhà trường thiết lập hệ thống các văn bản như sau: về đào tạo, quản lý sinh viên, đã xây dựng được các quy trình, quy định rõ ràng nhằm hướng dẫn và quản lý người học, thông tin các chủ trương chính sách đến người học, hướng dẫn người học thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ trong thời gian học tập tại trường. Bên cạnh đó, về công tác giảng dạy, nhà trường có quy định về chế độ làm việc của GV; quy chế chi tiêu nội bộ; các quy trình iso có liên quan như mời giảng, khảo sát ý kiến người học, thao giảng dự giờ .... Về nghiên cứu khoa học, nhà trường cũng đã xây dựng các quy trình, quy định rõ ràng nhằm phát huy kết quả nghiên cứu khoa học, phân bổ nguồn kinh phí dành cho nghiên cứu khoa học hợp lý, quy định rõ ràng về các quyền lợi và nghĩa vụ của GV và sinh viên khi tham gia nghiên cứu khoa học nhằm giúp thúc đẩy hoạt động

nghiên cứu khoa học của trường. Các hoạt động phục vụ cộng đồng chủ yếu được chuyển tải đến các đối tượng là sinh viên và được phòng CTSV chủ trì thực hiện qua hệ thống văn bản của phòng [H11.11.01.03].

Các hoạt động khảo sát ý kiến các bên liên quan, được Phòng đảm bảo chất lượng và các đơn vị đào tạo triển khai thu thập dữ liệu, xử lý, viết báo cáo và chuyển đến các bên liên quan trong trường dưới các dạng khác nhau: dạng thống kê (gửi lãnh đạo khoa/BM, GV), dạng tổng hợp (gửi HĐT, BGH và báo cáo Bộ Giáo dục và đào tạo). Các thông tin thu được qua các kênh góp ý bằng các đối thoại, hòm thư góp ý, bằng điện thoại, đường dây nóng..., nhà trường giao trách nhiệm cho từng đơn vị chủ trì xử lý, báo cáo và lưu trữ [H11.11.01.04].

Ngoài ra, nhà trường thành lập tổ CNTT có trách nhiệm hỗ trợ việc quản lý CNTT tại các cơ sở trong trường; tham mưu về ứng dụng CNTT trong quản lý đào tạo; giúp quản lý và điều hành các lĩnh vực thuộc CNTT trong nhà trường. Nhà trường cũng đã xây dựng một hệ thống thông tin điện tử áp dụng trong việc quản lý thông tin đảm bảo chất lượng bên trong nhằm hỗ trợ hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng rất hiệu quả. Nhà trường đã xây dựng mạng nội bộ để quản lý và sử dụng tài nguyên CNTT. Xác định rõ nghiên cứu khoa học dịch vụ là tiêu chí để phục vụ, nhà trường đã trang bị hệ thống mạng wifi giúp cho CB-GV-NV và sinh viên có thể tiện lợi truy cập internet và sử dụng tài nguyên CNTT vào hoạt động dạy và học cũng như công tác quản lý, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng. Được bố trí ở những vị trí thuận lợi nhất giúp cho người dùng có thể dễ dàng sử dụng dịch vụ wifi của nhà trường. Ngoài các phần mềm do các cán bộ của nhà trường phát triển, nhà trường cũng đã đầu tư mua những phần mềm quản lý, phục vụ việc dạy và học. Đây là kênh quản lý sinh viên của nhà trường đồng thời còn giúp sinh viên có thể cập nhật thông tin liên quan học vụ, đăng ký môn học, TKB, điểm thi.... Về công tác quản lý, nhà trường đã phát triển cổng thông tin nội bộ dau.edu.vn. Tại đây CB-GV-NV sẽ được cấp 1 tài khoản để truy cập thông tin liên quan cá nhân và để truyền đạt thông tin nội bộ của nhà trường đến CB-GV-NV nhanh nhất và chính xác nhất từ đó phục vụ tốt hơn trong công việc [H11.11.01.05].

Các văn bản pháp quy và các văn bản quản lý được nhà trường phổ biến rộng rãi trong toàn trường qua các kênh thông tin như website của nhà trường; hệ thống hộp thư điện tử của các đơn vị; hệ thống email cá nhân của tất cả CB-GV-NV, sinh viên. Nhờ vậy mà tất cả các chủ trương, định hướng của nhà trường đều được phổ biến và triển khai đầy đủ và tạo sự hiểu biết và đồng thuận cao trong tập thể CB-GV-NV trong trường.

**Tự đánh giá: 5/7**

**Tiêu chí 11.2: Thông tin về đảm bảo chất lượng bên trong bao gồm kết quả phân tích dữ liệu phải phù hợp, chính xác và sẵn có để cung cấp kịp thời cho các bên liên quan nhằm hỗ trợ cho việc ra quyết định; đồng thời, đảm bảo sự thống nhất, bảo mật và an toàn.**

**Mô tả:** Nhằm đảm bảo tính thống nhất, kịp thời, bảo mật và an toàn hệ thống trao đổi thông tin, đồng thời thông tin phải được phân tích, đảm bảo tính chính xác và sẵn có để cung cấp kịp thời cho các bên liên quan, bên cạnh quy trình trình ký văn bản và quy trình quản lý văn bản đi – đến” do phòng HC-TH quản lý, nhà trường còn ban hành 2 thủ tục: “thủ tục kiểm soát tài liệu” và “thủ tục kiểm soát hồ sơ”. Theo đó, tất cả các tài liệu, hồ sơ của hệ thống quản lý chất lượng đều có dấu hiệu nhận biết riêng như tên tài liệu, mã số, nơi nhận, nơi lưu, ngày ban hành, người có thẩm quyền xem xét và phê duyệt trước khi ban hành, tình trạng thay đổi tài liệu ... trước khi ban hành [H11.11.02.01]. Với các thông tin thu được, các đơn vị có liên quan đến thông tin có trách nhiệm phân loại, xử lý, sắp xếp, đánh mã số để dễ quản lý và thuận tiện cho việc tra cứu và sử dụng. Hồ sơ chất lượng phải nêu rõ nơi lưu giữ, thời hạn lưu giữ và phương pháp huỷ bỏ và nhận biết khi quá hạn. Việc thay thế, sửa đổi các tài liệu được biên soạn, xem xét và được người có thẩm quyền phê duyệt. Người kiểm soát tài liệu chịu trách nhiệm cập nhật vào danh mục tài liệu nội bộ, nhân bản (photo), đóng dấu thích hợp, tham khảo ý kiến của BGH và tiến hành phân phối đến người sử dụng. Khi phân phối tài liệu, tất cả các đơn vị phải có sổ theo dõi văn bản đi, đến nhằm đảm bảo tất cả các thông tin nhà trường được phân phối đến các bên liên quan để nhận biết và triển khai thực hiện thống nhất trong toàn trường [H11.11.02.02].

Đối với các loại khảo sát ý kiến các bên liên quan, nhằm đảm bảo tính khách quan, chính xác, minh bạch, bảo mật và an toàn dữ liệu, nhà trường tăng cường ứng dụng CNTT vào các khâu: tổ chức khảo sát, xử lý và phân tích dữ liệu, lập báo cáo tổng hợp, gửi kết quả đến các bên liên quan. Ví dụ: khảo sát ý kiến sinh viên về hoạt động giảng dạy của GV, sau khi Phòng đảm bảo chất lượng tổ chức khảo sát, xử lý dữ liệu, kết quả sẽ được gửi đến từng GV và lãnh đạo các khoa/ BM biết để phát huy những mặt mạnh, cải tiến những tồn tại nhằm nâng cao chất lượng hoạt động dạy học. Các lãnh đạo sẽ sử dụng kết quả khảo sát này để có kế hoạch phân tiết giảng dạy, họp đồng mời giảng, xếp loại thi đua hàng năm... Đối với các loại khảo sát ý kiến khác, lãnh đạo các khoa/ BM nhận kết quả khảo sát nhằm hỗ trợ cho việc ra các quyết định cho sự phát triển nguồn nhân lực, vật lực, CTĐT và CĐR ... . Phòng đảm bảo chất lượng còn tiến hành so sánh kết quả khảo sát ý kiến các bên liên quan qua các năm và phân tích nguyên nhân và kết

quả, góp phần cung cấp thêm thông tin giúp nhà trường có biện pháp nâng cao chất lượng hoạt động các mặt công tác [H11.11.02.03].

Ngoài ra, các đơn vị đã tiến hành đối sánh các kết quả hoạt động (về số lượng và chất lượng) qua hàng năm, phân tích kết quả, tìm nguyên nhân để từ đó tư vấn cho lãnh đạo nhà trường có các biện pháp ra các quyết định quản lý hợp lý và kịp thời. Khi ban hành các quy trình nghiệp vụ, nhà trường đã đề cập đến những rủi ro có thể gặp phải và đề ra biện pháp khắc phục nhằm hạn chế/ tránh những rủi ro có thể gặp phải.

Các thông tin về nhà trường, về đào tạo như: CTĐT, đề cương môn học, đăng ký học phần, TKB, lịch thi, kết quả học tập rèn luyện ... cũng như các thông tin về nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng luôn có sẵn và được cung cấp kịp thời cho người học và các bên liên quan khác qua nhiều kênh thông tin khác nhau. Tất cả các thông tin về đảm bảo chất lượng bên trong nhà trường bao gồm các thông tin sơ cấp và thông tin thứ cấp (các kết quả phân tích dữ liệu) đều được ban hành và tổ chức lưu trữ theo đúng các quy định hành chính của nhà nước, phù hợp, chính xác và luôn sẵn có để cung cấp kịp thời cho các bên liên quan, đồng thời hỗ trợ cho việc ra các quyết định giúp cho việc điều hành và quản lý của nhà trường thuận lợi và hiệu quả [H11.11.02.04].

Nhà trường còn xây dựng hệ thống thông tin dự phòng đáng tin cậy và hiệu quả. Để tránh mất mát dữ liệu thông tin, tất cả các đơn vị trong trường đều phải có cơ chế sao lưu dữ liệu. Mỗi đơn vị đều trang bị ít nhất một ổ cứng rời với dung lượng lớn (trên 1t) bên cạnh server lưu trữ chung do tổ CNTT quản lý tập trung. Phân người cập nhật, lưu giữ thông tin để đảm bảo thông tin dữ liệu luôn sẵn sàng để sử dụng [H11.11.02.05].

#### **Tự đánh giá: 5/7**

**Tiêu chí 11.3: Thực hiện rà soát hệ thống quản lý thông tin đảm bảo chất lượng bên trong, số lượng, chất lượng, sự thống nhất, bảo mật, an toàn của dữ liệu và thông tin.**

**Mô tả:** Hệ thống thông tin đảm bảo chất lượng bên trong của nhà trường được rà soát chặt chẽ và thể hiện trong các quy trình và thủ tục quản lý: quy trình trình ký văn bản, quy trình quản lý văn bản đi – đến, thủ tục kiểm soát tài liệu và thủ tục kiểm soát hồ sơ. Việc rà soát được thực hiện từ khâu kiểm soát thể thức văn bản (do phòng HC-TH chịu trách nhiệm), tính nhất quán trong nội dung thông tin, tiến độ thực hiện, phát hành, lưu trữ... (do đơn vị ra văn bản và phòng HC-TH chịu trách nhiệm). Nhà trường giao trách nhiệm cho từng đơn vị chức năng chịu trách nhiệm về tính chính xác, tính bảo mật và an toàn dữ liệu, thông tin thuộc đơn vị mình quản lý. Lập “danh mục theo dõi sửa đổi tài liệu”, “danh mục theo dõi tài liệu lỗi thời” nhằm đảm bảo thông tin trao đổi luôn được rà soát, cập nhật và không lỗi thời. Tất cả các đơn vị trong trường đều

phải có cơ chế sao lưu dự phòng (backup) dữ liệu, đảm bảo không để mất mát thông tin dữ liệu và được kiểm soát trong mỗi đợt đánh giá nội bộ [H11.11.03.01].

Các thông tin dạng số lượng, các đơn vị phải đảm bảo tính thống nhất dữ liệu lưu trữ và báo cáo (thông tin sinh viên, GV, đào tạo, nghiên cứu khoa học...) Để dựa vào đó nhà trường sử dụng cho việc ra các quyết định, và lập các kế hoạch có liên quan.

Để đáp ứng tốt nhu cầu truy cập và kết nối internet, cũng như đảm bảo tốt khả năng đáp ứng việc dạy và học nhà trường đã đầu tư trang bị đường truyền chất lượng cao, bằng kỹ thuật cân bằng tải tiên tiến giúp cân bằng hệ thống và tối ưu hóa băng thông, giảm tối đa rủi ro về sự cố đường truyền. Hệ thống mạng wifi được kiểm soát bằng bộ giám sát tập trung (wireless controller), giúp quản lý và kiểm soát tốt hơn. Đối với những phần mềm quản lý, phục vụ việc dạy và học, cổng thông tin nội bộ dau.edu.vn, CB-GV-NV sẽ được cấp 1 tài khoản để truy cập thông tin liên quan cá nhân và để truyền đạt thông tin nội bộ của nhà trường đến CB-GV-NV nhanh và chính xác, đảm bảo tính thống nhất, bảo mật, an toàn của dữ liệu và thông tin [H11.11.03.02], [H11.11.03.03].

**Tự đánh giá: 5/7**

**Tiêu chí 11.4: Việc quản lý thông tin đảm bảo chất lượng bên trong cũng như các chính sách, quy trình và kế hoạch quản lý thông tin đảm bảo chất lượng bên trong được cải tiến để hỗ trợ đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng.**

**Mô tả:** Việc quản lý thông tin đảm bảo chất lượng bên trong cũng như các chính sách, quy trình và kế hoạch quản lý thông tin đảm bảo chất lượng bên trong nhà trường luôn được rà soát và cải tiến nhằm hỗ trợ tích cực trong mọi hoạt động của nhà trường và trong công tác đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng [H11.11.04.01].

Hàng năm, nhà trường tiến hành cải tiến các quy trình, các biểu mẫu đính kèm (trong đó có các quy trình quản lý văn bản đi đến, quản lý tài liệu, quản lý hồ sơ) cho phù hợp với thực tế công tác quản lý và của các phòng, khoa/trung tâm trong trường. Tài liệu mới thay đổi, được ban hành và cập nhật kịp thời; tài liệu hết hiệu lực được thu hồi ngay hoặc cắt góc để nhận biết. Vào đầu mỗi năm học, nhà trường công bố danh mục sửa đổi tài liệu, hồ sơ, biểu mẫu để các đơn vị luôn sử dụng các thông tin mới [H11.11.04.02].

Hàng loạt các phần mềm được cải tiến nâng cấp theo hướng hỗ trợ tích cực người dùng và quản lý thông tin hiệu quả; các phần mềm đem lại nhiều lợi ích thiết thực như tiết kiệm chi phí, thời gian, thông tin chính xác, cập nhật thông tin nhanh nhất và được GV, sinh viên đánh giá cao. Nhiều phần mềm mới được xây dựng trong những năm về sau nhằm hỗ trợ cho người dùng nhận và chuyển thông tin nhanh chóng, chính xác, an toàn, thống nhất và bảo mật. Đảm bảo thông tin của nhà trường được bảo vệ toàn vẹn

trước các nguy cơ xâm nhập trái phép, hàng năm, nhà trường tiến hành bảo trì và nâng cấp kênh truyền internet [H11.11.04.03]. Nhìn lại chặn đường phát triển của nhà trường trong những năm đầu còn gặp nhiều khó khăn, song với quyết tâm xác định việc ứng dụng CNTT là đòn bẩy cho sự phát triển xuyên suốt của nhà trường, trong những năm qua nhà trường đã chú trọng đầu tư cơ sở hạ tầng. Từ một hệ thống đơn giản chỉ có khả năng đáp ứng nhu cầu cơ bản, nhà trường đã có các dự án đầu tư trang bị cơ sở hạ tầng CNTT được đầu tư đúng hướng và kịp thời. Gần đây nhất năm 2021-2011 với sự phát triển của hệ thống, nhà trường đã xác định rõ cơ sở dữ liệu là tài sản cần được bảo vệ và nâng cao tính an toàn cho toàn bộ hệ thống, một dự án nâng cấp khả năng bảo mật và an toàn dữ liệu đã được triển khai. Đến nay nhu cầu sử dụng tài nguyên CNTT đã được đáp ứng toàn diện, nâng cao khả năng an toàn, tiện lợi, sẵn sàng [H11.11.04.04], [H11.11.04.05].

**Tự đánh giá: 5/7**

## **Đánh giá chung về tiêu chuẩn 11**

### **1. Tóm tắt các điểm mạnh**

Nhà trường thiết lập hệ thống quản lý thông tin đảm bảo chất lượng bên trong đa dạng, đảm bảo việc thu nhận, xử lý, báo cáo và chuyển thông tin đến các bên liên quan kịp thời, đảm bảo sự thống nhất, bảo mật và an toàn. Hàng năm, Phòng đảm bảo chất lượng đã tổ chức có hệ thống các loại khảo sát ý kiến các bên liên quan về chất lượng giảng dạy môn học, chất lượng khóa học, chất lượng quản lý phục vụ, chất lượng đào tạo của chương trình. Việc tổ chức khảo sát và sử dụng có hiệu quả các kết quả khảo sát để nâng cao chất lượng nội bộ đã đi vào nề nếp và tạo thành văn hóa chất lượng trong trường. Tin học hóa toàn bộ hệ thống thông tin trong trường, cùng hệ thống thông tin điện tử với các phần mềm chuyên nghiệp, áp dụng trong việc quản lý thông tin đảm bảo chất lượng bên trong đã hỗ trợ các hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng rất hiệu quả. Hệ thống quản lý thông tin đảm bảo chất lượng bên trong luôn được rà soát, cải tiến về số lượng, chất lượng, sự thống nhất và tính bảo mật, an toàn của dữ liệu và thông tin.

### **2. Tóm tắt các điểm tồn tại**

Trong suốt quá trình thực hiện khảo sát ý kiến các bên liên quan, nhà trường gặp không ít những khó khăn chủ quan và khách quan, điển hình như: với các đối tượng khảo sát là cựu sinh viên và NTD, số phản hồi thu lại thấp, tỷ lệ phản hồi có giá trị thống kê chưa cao. Trách nhiệm tổ chức khảo sát của các khoa/BM chưa cao, còn ý lại Phòng đảm bảo chất lượng. Vấn đề tin học hóa quản lý hệ thống thông tin của các đơn vị đào tạo còn lúng túng, chưa đồng bộ.



### 3. Kế hoạch cải tiến

BGH phân công trách nhiệm rõ ràng về việc khảo sát ý kiến cựu sinh viên và NTD giữa các đơn vị phòng đảm bảo chất lượng, phòng CTSV, bộ phận truyền thông, rà soát để cải tiến việc triển khai khảo sát sao cho có hiệu quả đối với 2 đối tượng này. BGH sẽ ban hành văn bản chỉ đạo các đơn vị đào tạo áp dụng triệt để việc tin học hóa quản lý hệ thống thông tin của đơn vị. Phòng đảm bảo chất lượng tư vấn BGH đầu tư phần mềm phục vụ công tác ĐGN nhằm hỗ trợ tối đa cho các đánh giá viên.

### 4. Mức đánh giá

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Tự đánh giá
<b><i>Tiêu chuẩn 11</i></b>	<b>5,0</b>
Tiêu chí 11.1	5,0
Tiêu chí 11.2	5,0
Tiêu chí 11.3	5,0
Tiêu chí 11.4	5,0

### Tiêu chuẩn 12: Nâng cao chất lượng

**Tiêu chí 12.1: Xây dựng kế hoạch liên tục nâng cao chất lượng của cơ sở giáo dục bao gồm các chính sách, hệ thống, quy trình, thủ tục và nguồn lực để thực hiện tốt nhất hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng.**

**Mô tả:** Nâng cao chất lượng là một hoạt động có tính chiến lược và có kế hoạch trong trường ĐH Kiến Trúc Đà Nẵng. Được thực hiện thông qua việc không ngừng cải tiến, không ngừng nâng cao chất lượng các mặt hoạt động trong trường về chính sách, hệ thống, quy trình, thủ tục, nguồn lực... nhằm thực hiện tốt nhất các hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng. Nhà trường ban hành các thủ tục đánh giá nội bộ, thủ tục khắc phục/phòng ngừa và cải tiến, nhằm qui định các hoạt động đánh giá, rà soát, cách tiến hành các biện pháp phòng ngừa và không ngừng cải tiến chất lượng công tác quản lý, công tác giảng dạy, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng. Theo đó, tất cả các sự không phù hợp hoặc không đáp ứng theo yêu cầu, quy định của nhà trường đề ra được phát hiện sau mỗi đợt đánh giá, lãnh đạo các đơn vị chịu trách nhiệm phân tích nguyên nhân, đề ra biện pháp khắc phục, phòng ngừa và cải tiến [H12.12.01.01], [H12.12.01.02] .

Chính sách: các chính sách về đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng được rà soát hàng năm, sau đó được cải tiến cho năm học mới thông qua hệ thống các quy chế như quy chế học vụ, quy chế chi tiêu nội bộ, quy chế lương ... ; các quy định như quy định về chế độ làm việc của GV, quy định về thù lao giảng dạy năm học, quy định về mức học phí năm học ...; các chính sách về tài chính ngày càng tăng cho các hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng.

Hệ thống: toàn bộ hệ thống hoạt động của trường ĐH Kiến Trúc Đà Nẵng đều được rà soát, cải tiến sau những đợt đánh giá nội bộ và sau những đợt KĐCL CTĐT và KĐCL CSGD. Đây là những đợt rà soát tổng thể hệ thống, giúp nhà trường nhìn nhận được những tồn tại để từ đó có biện pháp khắc phục cải tiến khả thi nhằm đáp ứng tầm nhìn, sứ mạng và kế hoạch chất lượng đề ra.

Quy trình, thủ tục: để quản lý tất cả các hoạt động một cách có hiệu quả, nhà trường ban hành một hệ thống các quy trình nghiệp vụ, các thủ tục bắt buộc kèm các hướng dẫn và biểu mẫu rõ ràng. Tuy nhiên, toàn bộ các quy trình và thủ tục này cũng thường xuyên được rà soát, cải tiến sao cho phù hợp với hệ thống và không ngừng nâng cao chất lượng quản lý các mặt hoạt động trong trường.

Nguồn lực: hệ thống đào tạo cũng như thương hiệu của trường ĐH Kiến Trúc Đà Nẵng ngày càng được xã hội biết đến. Trong những năm gần đây, nhà trường mở thêm các ngành học mới mang tính bức phá, vì vậy kế hoạch nâng cao chất lượng nguồn lực mà đặt biệt là nguồn nhân lực đào tạo và tài chính luôn là vấn đề được HĐT và BGH đề cập trong các cuộc họp. Về nguồn nhân lực, nhà trường xây dựng quy chế mới về tuyển dụng CB-GV-NV, bồi dưỡng đội ngũ, thu hút nhân tài, xác lập quỹ đầu tư cho hoạt động này nhằm tăng về số lượng và chất lượng đội ngũ. Về tài chính, kế hoạch tăng cường nguồn lực tài chính, đa dạng hoá các nguồn thu cũng được đề cập đến trong nghị quyết của HĐT về chiến lược gia tăng các nguồn lực tài chính; chiến lược phát triển các nguồn thu của trường; kế hoạch tài chính hàng năm. Nhà trường không ngừng nâng cao chất lượng các mặt hoạt động trong trường về chính sách, hệ thống, quy trình, thủ tục, nguồn lực ... nhằm thực hiện tốt nhất các hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng [H12.12.01.03], [H12.12.01.04].

**Tự đánh giá: 5/7**

**Tiêu chí 12.2: Các tiêu chí lựa chọn đối tác, các thông tin so chuẩn và đối sánh để nâng cao chất lượng hoạt động được thiết lập.**

**Mô tả:** Chất lượng mọi hoạt động trong trường đại học trường ĐH Kiến Trúc Đà Nẵng ngày càng được nâng cao là nhờ nhà trường đã thiết lập các quy trình và tiêu chí lựa chọn đối tác hợp tác rõ ràng và nhờ các đơn vị luôn sử dụng các thông tin so chuẩn

và đối sánh để đưa ra các biện pháp, kế hoạch và cải tiến mọi hoạt động của đơn vị mình **[H12.12.02.01]**.

Các tiêu chí lựa chọn đối tác: chọn đối tác hợp tác “tốt” là việc vô cùng quan trọng đối với nhà trường, bởi nó quyết định 50% tỷ lệ thành công. Quy trình lựa chọn đối tác hợp tác của trường ĐH Kiến Trúc Đà Nẵng được thực hiện qua các bước sau: (i) liệt kê các tiêu chí lựa chọn; (ii) tìm kiếm các đối tác thực tế; (iii) sàng lọc danh sách sơ khảo ban đầu (thông qua trao đổi thông tin ban đầu, các mối quan tâm ...); (iv) lựa chọn đối tác hợp tác từ danh sách sơ khảo; (v) đạt tới thỏa thuận về tiếp cận nội dung hợp tác **[H12.12.02.02]**.

Các đối tác hợp tác trong nước và quốc tế của đại học trường ĐH Kiến Trúc Đà Nẵngbao gồm các doanh nghiệp trong nước; các trường và tổ chức nước ngoài; hội cựu sinh viên; các tổ chức chính phủ/phi chính phủ... . Các đối tác này hoặc do nhà trường tìm kiếm hoặc các tổ chức tự tìm đến đặt vấn đề hợp tác với nhà trường hoặc thông qua các cơ quan ngoại giao để cùng trường ĐH Kiến Trúc Đà Nẵng hợp tác trong các lĩnh vực đào tạo, nghiên cứu và phát triển, trao đổi nguồn nhân lực (học giả, sinh viên và chuyên gia), thương mại hóa kết quả nghiên cứu và phát triển, xây dựng và phổ biến CTĐT, học tập suốt đời... **[H12.12.02.03]** . Nhà trường xây dựng các tiêu chí rõ ràng để lựa chọn đối tác hợp tác: (i) đối với các trường là trường đại học lớn có CTĐT tương thích để có thể trao đổi sinh viên; học phí phù hợp; đảm bảo tính pháp lý của văn bằng được cấp; có kinh nghiệm chăm sóc và hỗ trợ sinh viên quốc tế, đặc biệt là sinh viên Việt nam; có các chương trình hỗ trợ việc làm cũng như các dịch vụ tiện ích; có nhiều chính sách học bổng hữu ích ... ; (ii) đối với các doanh nghiệp: đối tác phải vững mạnh, nổi tiếng, đáng tin cậy; có nguồn tài chính vững chắc... . Trường ĐH Kiến Trúc Đà Nẵng có một danh sách những việc cần phải làm để không bỏ qua chi tiết nào khi lựa chọn đối tác, để đảm bảo hiệu các đối tác của mình thông qua các chuyến tham quan hai chiều, gặp gỡ BGH hai bên và đảm bảo các trường hợp tác phải được công nhận **[H12.12.02.04]**.

Các thông tin so chuẩn: hướng đến cải tiến liên tục và nâng cao chất lượng, ngoài đánh giá nội bộ, nhà trường còn tự đánh giá CSGD và CTĐT dựa trên bộ tiêu chuẩn của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Trên cơ sở các thông tin so chuẩn từ các tiêu chí của các bộ tiêu chuẩn KĐCL, nhà trường đối sánh với chính mình, để từ đó đưa ra những nhận định về những điểm mạnh, điểm tồn tại chung của hệ thống, đưa ra các kế hoạch cải tiến, xác định những thực tiễn tốt và rút ra những bài học kinh nghiệm để giúp trường nâng cao chất lượng và vị thế trong hệ thống giáo dục đại học **[H12.12.02.05]**.

**Tự đánh giá: 5/7**

**Tiêu chí 12.3: Thực hiện việc so chuẩn và đối sánh nhằm tăng cường các hoạt động đảm bảo chất lượng và khuyến khích đổi mới, sáng tạo.**

**Mô tả:** So chuẩn và đối sánh là quy trình mang tính tích cực, cung cấp các đo lường khách quan nhằm phục vụ cho việc đưa ra các giá trị mang tính sáng tạo, đặt ra mục đích và phương hướng cải tiến dẫn đến việc đổi mới trong giáo dục [H12.12.03.01].

Các thông tin so chuẩn: việc tự đánh giá và tham gia ĐGN đã thực sự có tác dụng thúc đẩy chất lượng đào tạo của nhà trường. Qua quá trình tự đánh giá, nhà trường đã tự xem xét, nghiên cứu dựa trên các tiêu chuẩn đánh giá chất lượng giáo dục để báo cáo về thực trạng chất lượng giáo dục, hiệu quả hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học, nhân lực và các vấn đề liên quan khác, để từ đó tiến hành điều chỉnh các nguồn lực và quá trình thực hiện nhằm đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục. Thông qua việc đối sánh kết quả (bảng điểm) của trường với mốc chuẩn của Bộ GDĐT, trường ĐH Kiến Trúc Đà Nẵng hoàn toàn có đủ tự tin để khẳng định thương hiệu và có đủ sức để cạnh tranh với các nước trong khu vực nếu được quan tâm đầu tư hơn nữa. Qua mỗi đợt kiểm định, văn hóa chất lượng của tập thể CB-GV-NV và sinh viên trường ĐH Kiến Trúc Đà Nẵng ngày được nâng lên. Mọi người ý thức được rằng, chất lượng không phải là trách nhiệm của lãnh đạo mà là của từng thành viên, mỗi người là một viên gạch xây nên ngôi nhà vững chắc trường ĐH Kiến Trúc Đà Nẵng. Thông qua các hoạt động tuyên truyền trên website; tập huấn nâng cao năng lực đội ngũ; viết báo cáo tự đánh giá; đánh giá nội bộ và ĐGN... . Số đợt tập huấn cũng như số người tham dự các lớp tập huấn về công tác đảm bảo chất lượng ngày càng tăng [H12.12.03.02].

Đối sánh trong tuyển sinh: hàng năm, bộ phận tuyển sinh tổng kết tình hình tuyển sinh năm học; đối sánh và phân tích các kết quả tuyển sinh đạt được so với năm trước (điểm đầu vào, chỉ tiêu tuyển sinh, kết quả tuyển sinh; vùng tuyển, ...); đối sánh với các trường đại học khác (cùng khối ngành) của các trường tư thục và trường công lập; dựa trên kết quả việc làm của sinh viên tốt nghiệp ra trường; bộ phận tuyển sinh điều chỉnh, cải tiến, cập nhật chính sách và xây dựng kế hoạch tuyển sinh hàng năm cho phù hợp nhằm duy trì số lượng đầu vào ít nhất là bằng hoặc tăng lên so với năm trước [H12.12.03.03].

Đối sánh CTĐT của một số trường trong nước và quốc tế khi xây dựng CTĐT để mở một ngành học mới với quy trình như sau: hội đồng khoa lựa chọn, đề xuất một số CTĐT trong nước và quốc tế được xem là tốt; bỏ phiếu thăm dò ý kiến lựa chọn của các thành viên; và lựa chọn CTĐT để đối sánh. Khi đối sánh, các khoa/BM căn cứ một số tiêu chí như CTĐT đã được KĐCL; cùng/tương đương với ngành đào tạo mà nhà trường muốn mở; có những điểm tương đồng trong CTĐT của 2 bên về mục tiêu, CĐR, thời

gian đào tạo, khối lượng kiến thức toàn khóa, đối tượng tuyển sinh, quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp [H12.12.03.04].

Đối sánh với CDR: Phòng đào tạo và Phòng đảm bảo chất lượng tiến hành lập bảng tổng hợp các chỉ số về tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp, thời học hàng năm; thời gian tốt nghiệp trung bình; tỷ lệ sinh viên có việc làm sau khi tốt nghiệp, kèm với báo cáo phân tích tình hình gửi HĐT và BGH.

Đối sánh mức độ hài lòng của các bên liên quan: sau khi tiến hành khảo sát ý kiến các bên liên quan về mức độ hài lòng về chất lượng giảng dạy của GV, về CTĐT và CDR, về chất lượng dịch vụ nhà trường và về chất lượng của đội ngũ nhân viên hỗ trợ, Phòng đảm bảo chất lượng tiến hành báo cáo và gửi kết quả các loại khảo sát về cho HĐT, BGH và tất cả các đơn vị trong trường. Các đơn vị sẽ lập một báo cáo về việc sử dụng các kết quả khảo sát cho việc xây dựng kế hoạch, có các hoạt động cải tiến để nâng cao chất lượng các hoạt động của đơn vị mình theo biểu mẫu.

Đối sánh trong quản trị: khi xây dựng kế hoạch hoạt động các mặt công tác năm học và trong các giai đoạn phát triển, nhà trường yêu cầu các đơn vị phải căn cứ các kết quả đạt được của các mặt công tác đó của các tháng, năm, giai đoạn trước để điều chỉnh, cải tiến và xây dựng kế hoạch hoạt động của đơn vị. Phương pháp này giúp HĐT và BGH nắm được những thông tin nhanh về hoạt động của các đơn vị và có kế hoạch, biện pháp điều chỉnh kịp thời.

Ngoài ra, hàng năm, nhà trường còn cử nhiều đoàn CB-GV-NV đi tham quan học tập trong và ngoài nước để học tập về mô hình quản lý, về chuyên môn nghiệp vụ, về công tác đảm bảo chất lượng, KHCN... Sau khi về, các CB-GV-NV đã áp dụng những gì mình học hỏi được trong công việc hoặc tập huấn lại cho mọi người, nhằm nâng cao chất lượng hoạt động nhà trường. Việc so chuẩn và đối sánh, ngoài việc giúp nhà trường tăng cường các hoạt động đảm bảo chất lượng, còn giúp các đơn vị xác định những điểm mạnh của mình (để phát triển chúng hơn nữa) cũng như những điểm yếu của người khác để biến chúng thành cơ hội của mình; khuyến khích đổi mới và sáng tạo và tạo điều kiện cho những thay đổi trong quản lý [H12.12.03.05].

**Tự đánh giá: 5/7**

**Tiêu chí 12.4: Quy trình lựa chọn, sử dụng các thông tin so chuẩn và đối sánh được rà soát.**

**Mô tả:** Trường ĐH Kiến Trúc Đà Nẵng xem so chuẩn và đối sánh là phương pháp mang tính liên tục dùng để đánh giá, cải tiến sản phẩm, dịch vụ và thói quen để đạt được vị trí dẫn đầu trong hệ thống giáo dục. Vì vậy, quy trình lựa chọn, sử dụng thông tin so

chuẩn và đối sánh luôn được rà soát, điều chỉnh cho phù hợp, tránh rủi ro và luôn đem lại kết quả tốt nhất [H12.12.04.01].

Phòng HTQT và các đơn vị có đối tác hợp tác thường xuyên rà soát quy trình lựa chọn đối tác hợp tác đào tạo, rà soát các tiêu chí lựa chọn, khảo sát mức độ hài lòng của người học, theo dõi và phát triển tất cả những thỏa thuận hợp tác, cũng như các bảng xếp hạng có liên quan để củng cố đối tác thích hợp. Hàng năm, phòng HTQT đều lập danh sách các đối tác được rà soát chọn lọc theo từng tiêu chí cụ thể. Việc rà soát lựa chọn đối tác của các đơn vị còn được thể hiện rõ thông qua các báo cáo tổng kết công tác tháng, năm và thông qua các cuộc họp rà soát đối tác hợp tác [H12.12.04.02].

Các thông tin so chuẩn và đối sánh trong tất cả các hoạt động tuyển sinh, đào tạo, KHCN, đảm bảo chất lượng, tài chính ... luôn được rà soát để xem quy trình, tiêu chí có ổn hay chưa, có gì cần thay đổi nhằm điều chỉnh, cải tiến kịp thời. Nhà trường luôn rà soát các hoạt động của mình với các mốc chuẩn của hệ thống quản lý chất lượng iso, của Bộ Giáo dục và Đào tạo với những điều chỉnh, bổ sung cần thiết để không ngừng nâng cao chất lượng các mặt hoạt động nhà trường. Về KĐCL CSGD, trường cũng tiến hành tự đánh giá theo tiêu chuẩn đánh giá chất lượng giáo dục qua 2 phiên bản: phiên bản theo VBHN06/VBHN-BGDĐT, ngày 04/3/2014 (10 tiêu chuẩn, 61 tiêu chí) và phiên bản theo TT12/2017/TT-BGDĐT, ngày 19/5/2017 (25 tiêu chuẩn, 111 tiêu chí). Qua mỗi phiên bản, ứng với mỗi tiêu chuẩn, tiêu chí, nhà trường lại rà soát các thông tin so chuẩn, đối sánh lại các yêu cầu của nội hàm tiêu chí, xem có những thay đổi gì để cập nhật kịp thời. Ngoài ra, trong quá trình hoạt động, tất cả các quy trình, các quy định, chức năng nhiệm vụ của các đơn vị, cơ cấu tổ chức nhà trường ... luôn được rà soát nhằm đảm bảo mọi hoạt động được đi đúng hướng, phù hợp với chức năng nhiệm vụ và kế hoạch chất lượng phát triển của trường qua từng giai đoạn [H12.12.04.03].

**Tự đánh giá: 5/7**

**Tiêu chí 12.5: Quy trình lựa chọn, sử dụng các thông tin so chuẩn và đối sánh được cải tiến để liên tục đạt được các kết quả tốt nhất trong đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng.**

**Mô tả:** Hệ thống đảm bảo chất lượng bên trong của trường ĐH Kiến Trúc Đà Nẵng luôn vững mạnh là nhờ được theo dõi thường xuyên, định kỳ rà soát và cải tiến. Các quy trình lựa chọn, sử dụng các thông tin so chuẩn và đối sánh sau khi được rà soát, nhà trường tiến hành cải tiến nhằm luôn đảm bảo có một hệ thống các quy trình tối ưu nhất [H12.12.05.01]. Phòng HTQT và các đơn vị có đối tác hợp tác sau khi rà soát quy trình lựa chọn đối tác hợp tác đào tạo, rà soát các tiêu chí lựa chọn, xem còn phù hợp với đối tác hay không, tiến hành cải tiến quy trình với các tiêu chuẩn phù hợp hơn, nhằm củng

cô đối tác thích hợp hay loại bỏ đối tác không thích hợp, lập danh sách các đối tác được rà soát chọn lọc theo từng tiêu chí cụ thể. Các thông tin so chuẩn và đối sánh các mặt hoạt động của nhà trường với những yêu cầu mới của các tiêu chí, tiêu chuẩn của Bộ GDĐT luôn được cải tiến cho phù hợp. Kết quả công tác cải tiến liên tục hệ thống đảm bảo chất lượng của trường ĐH Kiến Trúc Đà Nẵng đã được tổ chức ĐGN công nhận đạt chuẩn chất lượng.

Trong các cuộc họp giao ban của HĐT, của BGH và của lãnh đạo các đơn vị hàng tuần, hàng tháng và hàng năm, các quy trình, các quy định, các chính sách... sau khi các rà soát được trao đổi và cuối cùng đưa ra các nghị quyết, quy chế, quy định, quyết định, các chính sách mới đã được cải tiến nhằm đạt được các kết quả tốt nhất trong đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng [H12.12.05.02]. Trong giai đoạn phát triển hiện nay, tất cả các đơn vị trong trường đều phải tập trung triển khai thực hiện các nội dung: (i) đảm bảo chất lượng giáo dục toàn diện; tăng sinh viên khá giỏi, giảm sinh viên yếu kém, sinh viên bị buộc thôi học. Đảm bảo thực hiện tốt công tác kiểm định; (ii) đẩy mạnh hoạt động nghiên cứu khoa học trong toàn trường; ban hành quy chế chính thức về hoạt động nghiên cứu khoa học. Xác lập quỹ hoạt động nghiên cứu khoa học; (iii) hoàn thiện quy hoạch sử dụng, nâng cấp toàn diện đào tạo, tiếp tục tăng cường đầu tư trang thiết bị theo yêu cầu tiên tiến, hiện đại và đồng bộ đáp ứng yêu cầu CDR; (iv) xây dựng quy chế mới về tuyển dụng, đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ, thu hút nhân tài. Xác lập quỹ đầu tư cho hoạt động này; (v) xây dựng quy chế chính thức về công tác chăm sóc, hỗ trợ sinh viên, động viên sinh viên tự giác, chủ động nỗ lực phấn đấu, rèn luyện, tu dưỡng, học tập và phát triển toàn diện; (vi) nghiên cứu xây dựng quy chế về hoạt động khởi nghiệp, sáng tạo, việc làm, cựu sinh viên và liên kết doanh nghiệp. Lập quỹ hỗ trợ cho các hoạt động này; (vii) triển khai mạnh mẽ phong trào thi đua dạy tốt, học tốt, đẩy mạnh công tác truyền thông nội bộ, xây dựng và phát hiện các gương điển hình người tốt việc tốt [H12.12.05.03].

**Tự đánh giá: 5/7**

## **Đánh giá chung về tiêu chuẩn 12**

### **1. Tóm tắt các điểm mạnh**

Nâng cao chất lượng nhà trường là một quyết tâm cao của HĐT và BGH trong giai đoạn hiện nay. Vì vậy, trường ĐH Kiến Trúc Đà Nẵng đã xây dựng một hệ thống đảm bảo chất lượng bên trong bền vững, bao gồm các chính sách, các quy trình, thủ tục và các nguồn lực. Được theo dõi thường xuyên, định kỳ rà soát, cải tiến, đảm bảo tính hiệu quả liên tục. Nhà trường xây dựng quy trình lựa chọn đối tác, sử dụng các thông tin so chuẩn và đối sánh nhằm nâng cao chất lượng các hoạt động trong trường. Các tiêu chí

quy trình lựa chọn đối tác thường xuyên được rà soát và cải tiến sao cho phù hợp với từng bối cảnh phát triển nhà trường.

## 2. Tóm tắt các điểm tồn tại

Đối tác hợp tác của trường ĐH Kiến Trúc Đà Nẵng về đào tạo, nghiên cứu khoa học, việc làm sinh viên chủ yếu do Phòng HTQT và TT HNTT đảm nhận. Tùy loại đối tác hợp tác mà 2 đơn vị này xây dựng các tiêu chí lựa chọn khác nhau; vì vậy chưa có quy trình thống nhất chung. Chưa có biện pháp chế tài nên các đơn vị thực hiện hành động khắc phục cải tiến điểm tồn tại sau đợt đánh giá nội bộ, ĐGN còn chậm.

## 3. Kế hoạch cải tiến

Từ năm học 2022, Phòng HTQT và TT HNTT sẽ thống nhất xây dựng một quy trình nghiệp vụ chung kèm biểu mẫu rõ ràng để tiện theo dõi, kiểm soát và quản lý. Cuối mỗi đợt đánh giá, phòng ĐBCL báo cáo tiến độ cho BGH, kiến nghị BGH và phòng TC có biện pháp chế tài trong thi đua khen thưởng đối với các đơn vị còn chậm trễ việc thực hiện hành động khắc phục cải tiến sau ĐGN.

## 4. Mức đánh giá

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Tự đánh giá
<i>Tiêu chuẩn</i>	<b>5,0</b>
Tiêu chí 12.1	5,0
Tiêu chí 12.2	5,0
Tiêu chí 12.3	5,0
Tiêu chí 12.4	5,0
Tiêu chí 12.5	5,0

### Tiêu chuẩn 13: Tuyển sinh và nhập học

**Tiêu chí 13.1: Xây dựng kế hoạch, chính sách và truyền thông để tuyển sinh cho các CTĐT khác nhau của CSGD.**

**Mô tả:** Nhà trường hiện đang tuyển sinh các trình độ đại học với các CTĐT khác nhau. Tương ứng với mỗi CTĐT, Nhà trường xây dựng kế hoạch tuyển sinh, chính sách tuyển sinh và kế hoạch truyền thông phù hợp.

#### *Về kế hoạch tuyển sinh:*

Hàng năm, trên cơ sở Quy chế tuyển sinh và các văn bản liên quan của Bộ GD&ĐT [H.13.13.01.01], chiến lược và kế hoạch phát triển của Trường, năng lực hiện có, phương hướng tuyển sinh được Hội đồng Trường thông qua [H.13.13.01.02], nghiên



ứu về các phương thức đánh giá đối tượng NH hướng tới nhằm đáp ứng mục tiêu phát triển chiến lược [H.13.13.01.03], phân tích kết quả tuyển sinh của những năm trước [H.13.13.01.04], Trường xây dựng đề án/phương án tuyển sinh và thông báo xét tuyển cho các trình độ/hình thức đào tạo [H.13.13.01.05], [H.13.13.01.06]. Đề án, kế hoạch tuyển sinh đều nêu rõ đối tượng tuyển sinh, phạm vi tuyển sinh, phương thức tuyển sinh, chỉ tiêu tuyển sinh, tổ hợp môn xét tuyển/thi tuyển, các chính sách ưu tiên và kế hoạch xét tuyển.

Với mỗi hình thức đào tạo khác nhau, Nhà trường xây dựng kế hoạch tuyển sinh, chính sách tuyển sinh và kế hoạch truyền thông khác nhau, đồng thời thành lập Hội đồng tuyển sinh và các ban giúp việc cho Hội đồng để thực hiện nhiệm vụ này [H.13.13.01.07], [H.13.13.01.08]. Hội đồng tuyển sinh sẽ thông qua Đề án/kế hoạch tuyển sinh, trong đó xác định cụ thể các chính sách tuyển sinh. Các chính sách này được bổ sung, và điều chỉnh qua các năm để phù hợp với tình hình thực tế. Hội đồng tuyển sinh dưới sự chỉ đạo của Hiệu trưởng sẽ tiến hành họp để xây dựng kế hoạch, phương án tuyển sinh, chỉ tiêu tuyển sinh cho từng ngành đào tạo [H.13.13.01.09]. Trên cơ sở chính sách tuyển sinh được đưa ra tại Đề án/phương án tuyển sinh và các văn bản hướng dẫn liên quan của Bộ GD&ĐT, Trường xây dựng Kế hoạch tuyển sinh. Kế hoạch tuyển sinh hàng năm theo từng trình độ, hình thức đào tạo được xây dựng chi tiết, có các mốc thời gian cụ thể, xác định rõ trách nhiệm, nhiệm vụ của các đơn vị bao gồm đơn vị chủ trì là các đơn vị quản lý đào tạo, các đơn vị chức năng phối hợp, các đơn vị chuyên môn và thời gian thực hiện các nội dung liên quan tới tuyển sinh. [H.13.13.01.08]

#### ***Về chính sách tuyển sinh:***

Nhà trường xây dựng và công bố công khai các chính sách tuyển sinh thông qua Đề án/phương án/kế hoạch tuyển sinh, cụ thể bao gồm các nội dung: đối tượng tuyển sinh, phạm vi tuyển sinh, phương thức và tiêu chí tuyển sinh, chỉ tiêu tuyển sinh, ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào, tổ chức tuyển sinh, nguyên tắc xét tuyển, chính sách ưu tiên, lệ phí xét tuyển, học phí dự kiến và các thông tin khác. Các chính sách này tuân thủ quy định của Bộ GD&ĐT, các quy định của pháp luật có liên quan, các chủ trương của Nhà trường và được điều chỉnh cho phù hợp hàng năm. Đề án/phương án tuyển sinh được thông qua tại Hội đồng tuyển sinh [H.13.13.01.05].

Từ năm 2017 trở về trước, Nhà trường tuyển sinh đại học chính quy chủ yếu dựa trên kết quả kỳ thi THPT quốc gia do Bộ GD&ĐT tổ chức. Từ năm 2018 đến nay, Nhà trường tuyển sinh trên cơ sở kết hợp giữa phương thức xét tuyển dựa trên kết quả thi THPT quốc gia và các phương thức xét tuyển theo kết quả học bạ THPT với số lượng

cách thức ngày càng đa dạng hơn, đảm bảo lựa chọn được thí sinh có chất lượng và phù hợp với từng CTĐT [H.13.13.01.05].

***Về truyền thông tuyển sinh:***

Kế hoạch tư vấn và truyền thông tuyển sinh được xây dựng nhằm truyền tải các thông tin về giá trị cốt lõi, triết lý giáo dục, ngành nghề đào tạo, CTĐT, chính sách tuyển sinh, kế hoạch tuyển sinh và các thông tin khác có liên quan. Truyền thông tuyển sinh được xác định là nhiệm vụ thường xuyên được cải tiến và được thực hiện trên nhiều kênh truyền thông và được thể hiện trên nhiều ấn phẩm truyền thông. Để thông tin tuyển sinh được truyền tải chính xác và rộng rãi với thí sinh cả nước, thậm chí với cả thí sinh là người nước ngoài, Nhà trường chú trọng truyền thông trên tất cả các kênh thông tin [H.13.13.01.08], [H.13.13.01.10]. Phòng Đào tạo, Phòng HTQT – Truyền thông là các đơn vị chủ trì, phối hợp với Khoa chuyên môn và các Phòng chức năng liên quan trong việc lập kế hoạch, tổ chức triển khai và giám sát công tác truyền thông cho tuyển sinh tất cả các ngành đào tạo. [H.13.13.01.11].

Căn cứ vào kế hoạch tuyển sinh hàng năm, các Phòng Đào tạo sẽ xây dựng và triển khai kế hoạch tổng thể và chi tiết cho công tác tư vấn tuyển sinh [H13.13.01.12] qua các kênh thông tin - truyền thông như: Tổ chức các buổi Livestream trên fanpage của Trường, qua đó từng khoa sẽ giới thiệu về thông tin ngành học và cơ hội việc làm trong tương lai đến thí sinh và phụ huynh trên cả nước [H13.13.01.13]; tham gia các sự kiện Ngày hội tư vấn tuyển sinh hàng năm tại các trường THPT ở địa bàn thành phố Đà Nẵng [H13.13.01.14]; tham gia các buổi tư vấn, hướng nghiệp, gửi thông tin tờ rơi tuyển sinh đến các học sinh tại các địa phương (như Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Bình, Quảng Trị, Thừa Thiên Huế, Đà Nẵng, Quảng Nam, Quảng Ngãi, Bình Định, Phú Yên, Gia Lai, KonTum, Đăk-Lak, Đăk Nông... ..). Nhà trường cũng tổ chức tư vấn trực tiếp tại các trường THPT để giới thiệu cho học sinh về các ngành đào tạo của trường cũng như các chính sách tuyển sinh cụ thể [H13.13.01.15]. Ngoài việc truyền thông và tư vấn trực tiếp, Nhà trường cũng khai thác hiệu quả các kênh tư vấn trực tuyến như đăng tải thông tin tuyển sinh hàng năm lên các phương tiện truyền thông xã hội như website, fanpage để cập nhật liên tục các thông tin liên quan đến tuyển sinh như: phương thức tuyển sinh, các mốc thời gian tuyển sinh, các ngành đào tạo, cơ hội nghề nghiệp,...; và thông qua các hoạt động tiếp cận cộng đồng, các tài liệu quảng bá, các flyer, brochure, clip và các bộ sản phẩm phục vụ công tác truyền thông [H13.13.01.06], [H13.13.01.16].

**Tiêu chí 13.2: Xây dựng các tiêu chí để lựa chọn người học có chất lượng cho mỗi CTĐT.**

**Mô tả:** Hằng năm, để xác định chi tiêu cụ thể các ngành tuyển sinh, HĐTS của Trường hợp để xác định các tiêu chí, chỉ tiêu tuyển sinh của các ngành đào tạo của toàn Trường [H13.13.02.01]. Căn cứ các văn bản hướng dẫn về công tác tuyển sinh của Bộ GD&ĐT, báo cáo công tác tuyển sinh của Trường cũng như báo cáo thanh tra, kiểm tra công tác tuyển sinh của năm học trước, Nhà trường xác định các tiêu chí, điều kiện tuyển sinh, các chính sách ưu tiên tuyển sinh, chỉ tiêu tuyển sinh của các ngành đào tạo và được thể hiện trong Đề án tuyển sinh của Trường [H13.13.02.02]. Trên cơ sở đó, BGH Nhà trường ban hành Kế hoạch tuyển sinh hằng năm [H13.13.02.03]. Các tiêu chí, điều kiện tuyển sinh của Trường bên cạnh việc tuân thủ quy chế tuyển sinh của Bộ GD&ĐT, Nhà trường đã xác định tiêu chí, điều kiện tuyển sinh cụ thể đối với CTĐT từng ngành của Trường, đồng thời, đăng tải trên website của Trường và thông báo đầy đủ đến thí sinh [H13.13.02.04]. Trên cơ sở căn cứ năng lực của đội ngũ GV của Trường và của các ngành đào tạo, HĐTS Trường xác định chỉ tiêu tuyển sinh chung của Trường và của từng ngành đào tạo. Trong giai đoạn 2018-2022, chỉ tiêu tuyển sinh của Trường được xác định đúng theo quy định. Đối với khối ngành Kiến trúc, Quy hoạch vùng và đô thị, Thiết kế nội thất, Thiết kế đồ họa Nhà trường xét tuyển các tổ hợp môn kết hợp kiến thức thuộc khối kỹ thuật với môn năng khiếu: V00 (Toán, Vật lý, Vẽ Mỹ thuật), V01 (Toán, Ngữ văn, Vẽ Mỹ thuật), V02 (Toán, Tiếng Anh, Vẽ Mỹ thuật), A01 (Toán, Lý, Tiếng Anh), H00 (Văn, Vẽ mỹ thuật, Bó cục màu) [H13.13.02.02]. Đối với khối ngành kỹ thuật, công nghệ và khối ngành kinh tế như: ngành Kỹ thuật xây dựng, Quản lý xây dựng, Kỹ thuật cơ sở hạ tầng, Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông, Công nghệ thông tin, Công nghệ kỹ thuật điện - điện tử, Quản trị kinh doanh, Tài chính Ngân hàng, Kế toán, Logistic và quản lý chuỗi cung ứng. Nhà trường xét tuyển các tổ hợp môn thuộc khối kiến thức tự nhiên: A00 (Toán, Vật lý, Hóa học), A01 (Toán, Vật lý, Tiếng Anh), B00 (Toán, Hóa, Sinh), D01 (Toán, Văn, Tiếng Anh) [H13.13.02.02]. Đối với khối ngành ngôn ngữ Nhà trường xét tuyển các tổ hợp môn thuộc khối xã hội: D01 (Toán, Văn, Tiếng Anh), A01 (Toán, Lý, Tiếng Anh), D14 (Văn, Sử, Tiếng Anh), D15 (Văn, Địa, Tiếng Anh) [H13.13.02.02]. Ngoài các tổ hợp xét tuyển trên Nhà trường cho phép thí sinh đăng ký xét theo điểm trung bình cả năm lớp 12 hoặc điểm trung bình 5 học kỳ (trừ học kỳ II lớp 12) [H13.13.02.02].

Từ năm 2018 đến năm 2022, Nhà trường áp dụng đồng thời nhiều phương thức xét tuyển cho trình độ ĐH hệ chính quy cụ thể: (i) Phương thức 1: Xét tuyển dựa và kết quả kỳ thi tốt nghiệp THPT; (ii) Phương thức 2: Xét tuyển dựa vào kết quả học tập ghi trong học bạ THPT; [H40.13.02.02]. Trong đó, nếu thí sinh đăng ký xét tuyển các tổ hợp có môn năng khiếu phải tham dự kỳ thi các môn năng khiếu do Trường tổ chức hoặc tham

gia thi tại các Cơ sở giáo dục trên cả nước có tổ chức vào năm tuyển sinh và điểm thi môn năng khiếu phải lớn hơn hoặc bằng 4.0, điểm [H13.13.02.05]. Theo quy trình xét tuyển, trước khi công bố mức điểm chuẩn cho từng ngành, HĐTS họp thống nhất và thông báo ngưỡng đảm bảo chất lượng để nhận hồ sơ xét tuyển cho từng ngành trên tất cả các kênh thông tin của Trường [H13.13.02.04]. Điểm chuẩn của từng đợt có thể thay đổi để phù hợp với tình hình số lượng và chất lượng thí sinh nộp hồ sơ xét tuyển. Hằng năm, Nhà trường tổ chức họp tổng kết công tác tuyển sinh, trong đó đánh giá các hình thức xét tuyển là phù hợp và đúng theo quy định [H13.13.02.06].

**Tự đánh giá: 6/7**

### **Tiêu chí 13.3: Có quy trình giám sát công tác tuyển sinh và nhập học**

**Mô tả:** Căn cứ kế hoạch tuyển sinh hằng năm, P.ĐT là đơn vị giám sát công tác tuyển sinh và nhập học [H13.13.03.01], [H40.13.03.02]. Ngoài ra, BGH Nhà trường phân công 01 Phó Hiệu trưởng phụ trách công tác tuyển sinh và nhập học của Trường. Công tác tuyển sinh và nhập học còn thực hiện việc giám sát báo cáo theo quy định của Bộ GDĐT [H13.13.03.03].

Căn cứ văn bản hướng dẫn của Bộ GD&ĐT, nhằm đảm bảo tính thống nhất trong công tác tuyển sinh và nhập học, Nhà trường giao P.ĐT xây dựng dự thảo quy trình giám sát công tác tuyển sinh và nhập học, thông qua cuộc họp của giữa BGH và trưởng các đơn vị, trình Hiệu trưởng ký ban hành [H13.13.03.04]. Thực hiện quy trình giám sát công tác TS, P.ĐT giám sát về tính chính xác, đúng quy định trong công tác TS, trong đó tập trung vào các nội dung: xác định chỉ tiêu TS hằng năm, xây dựng và công bố ĐATS theo các quy định chung trong Quy chế TS của Bộ GDĐT, quy trình tổ chức thi tuyển và xét tuyển, lệ phí xét tuyển và thi tuyển ... [H13.13.03.05]. Đối với công tác nhập học, P.ĐT thực hiện quy trình giám sát về hồ sơ nhập học của SV, số lượng SV nhập học so với quyết định trúng tuyển... [H13.13.03.06]. Trong quá trình giám sát, P.ĐT lập các báo cáo về công tác tuyển sinh của Nhà trường [H40.13.03.07].

**Tự đánh giá: 6/7**

### **Tiêu chí 13.4: Có các biện pháp giám sát việc tuyển sinh và nhập học.**

**Mô tả:** BGH, HĐTS Nhà trường thường xuyên quán triệt các đơn vị có liên quan triển khai giám sát công tác tuyển sinh theo quy trình giám sát công tác tuyển sinh đã được ban hành. Tại cuộc họp của HĐTS, Nhà trường luôn yêu cầu đơn vị chức năng thực hiện công tác tuyển sinh đúng theo quy định và đề án tuyển sinh, kế hoạch tuyển

sinh đã được phê duyệt **[H13.13.04.01]**. Đối với việc giám sát chất lượng tuyển sinh, sau khi Bộ GD&ĐT công bố điểm sàn, HĐTS công bố ngưỡng ĐBCL đầu vào **[H13.13.04.02]**. Tiêu chí để xác định điểm sàn của Nhà trường, đó là đầu tiên là tiêu chí về chất lượng, sau đó căn cứ vào kết quả thi của thí sinh, chỉ tiêu Bộ GD&ĐT cho phép tuyển cho từng khối thi và năng lực đào tạo tối đa của Nhà trường và số lượng thí sinh đăng ký xét tuyển ĐH hàng năm. Tiêu chuẩn xét tuyển của Nhà trường đảm bảo điều kiện xét tuyển của Bộ GD&ĐT (Điểm sàn và điểm sàn tính theo thang điểm 30, điểm trúng tuyển của Trường không được thấp hơn điểm sàn). Từ năm 2018, P.ĐT tổng hợp ý kiến góp ý của các phòng, khoa và tân sinh viên về công tác tuyển sinh và nhập học để thực hiện báo cáo tổng kết công tác tuyển sinh của Trường **[H13.13.04.03]**. Căn cứ CSDL về tuyển sinh và nhập học, kết quả tuyển sinh và nhập học hằng năm của các CTĐT của Trường, báo cáo phân tích tỷ lệ dự tuyển và nhập học, phòng chức năng phân tích chất lượng đầu vào của người học, trên cơ sở đó, Nhà trường rà soát quy trình và đưa ra chính sách và kế hoạch tuyển sinh cho năm học mới **[H13.13.04.04]**. Trong giai đoạn 2018-2022, công tác tuyển sinh của Trường luôn đảm bảo đúng các quy định của Bộ GD&ĐT. Công tác giám sát quá trình nhập học được Nhà trường thực hiện chặt chẽ ngay từ khâu gửi giấy báo trúng tuyển đến thí sinh và đúng theo quy trình nhập học đã được Nhà trường ban hành và được thể hiện qua báo cáo thanh tra, kiểm tra công tác tuyển sinh hằng năm của Trường **[H13.13.04.05]**. P.ĐT tham mưu BGH về kế hoạch nhập học hằng năm **[H13.13.04.06]**. Kết thúc mỗi ngày nhập học và cả quá trình nhập học, P.ĐT báo cáo BGH về số lượng thí sinh trúng tuyển nhập học. Kết thúc công tác nhập học, P.ĐT kết hợp P.CTSV tiến hành công tác hậu kiểm hồ sơ nhập học của thí sinh. Trong giai đoạn 2018-2022, Nhà trường triển khai công tác nhập học đúng theo các quy định.

Căn cứ hướng dẫn của Bộ GD&ĐT và Kế hoạch tuyển sinh của Trường, hằng năm kết thúc tuyển sinh hằng năm, P.ĐT phối hợp P.CTSV xây dựng báo cáo công tác tuyển sinh và nhập học để báo cáo Bộ GD&ĐT theo quy định, đồng thời báo cáo HĐTS Trường **[H13.13.04.07]**. Trong báo cáo tổng kết công tác tuyển sinh và nhập học hằng năm, Nhà trường luôn có sự đối sánh kết quả tuyển sinh và nhập học so với chỉ tiêu đã xác định cũng như so sánh mức điểm so với các trường ĐH trên địa bàn TP. Đà Nẵng **[H13.13.04.07]**. Hằng năm, Nhà trường tổ chức họp tổng kết công tác tuyển sinh để đánh giá công tác tuyển sinh của Trường và đề xuất các biện pháp cải tiến công tác tuyển sinh **[H13.13.04.08]**. Trong tuần sinh hoạt công dân đầu khóa, P.CTSV tiến hành khảo sát ý kiến của tân SV về lý do chọn Trường, về sở thích chọn trường ĐH của thí sinh, khoanh vùng khu vực có thí sinh nhập học nhiều tại Trường, mức độ thu hút thí sinh của

các ngành học của Trường, hiệu quả của công tác tuyển sinh, truyền thông, mức độ hấp dẫn về học bổng, học phí, tổ hợp xét tuyển được lựa chọn nhiều nhất [H40.13.04.09]. Trên cơ sở đó, P.ĐT có những phân tích, đánh giá để kịp thời đề xuất những giải pháp, tham mưu BGH những thay đổi phù hợp cho công tác tuyển sinh và thể hiện trong đề án tuyển sinh của năm tiếp theo.

**Tự đánh giá: 6/7**

**Tiêu chí 13.5: Công tác tuyển sinh và nhập học được cải tiến để đảm bảo tính phù hợp và hiệu quả.**

**Mô tả:** Hằng năm, nhằm đánh giá công tác tuyển sinh, nhập học và chuẩn bị cho kế hoạch tuyển sinh, nhập học năm tiếp theo, Nhà trường tổ chức tổng kết công tác tuyển sinh, trong đó đánh giá kết quả đạt được về công tác tuyển sinh và nhập học so với các chỉ tiêu phấn đấu chính về công tác tuyển sinh và nhập học của Trường [H13.13.05.01], [H13.13.05.02]. Trong báo cáo tổng kết công tác tuyển sinh và nhập học của Trường, Nhà trường luôn đề cập đến kết quả phân tích, đo lường các chỉ số về công tác tuyển sinh và nhập học như: mức điểm, kết quả học tập THPT, tinh thành nhiều thí sinh nhất, xuất thân của thí sinh, phương thức xét tuyển được thí sinh chọn nhiều nhất, tổ hợp được thí sinh yêu thích nhất, ngành học được thí sinh chọn nhiều nhất, các kênh truyền thông thí sinh chú ý nhất [H13.13.05.02]. Bên cạnh đó, kết quả khảo sát ý kiến của tân SV về công tác tuyển sinh và nhập học đồng thời được Nhà trường xem xét để từ đó kết hợp với kết quả phân tích, đo lường các chỉ số về công tác tuyển sinh và nhập học hằng năm để điều chỉnh, cải tiến công tác tuyển sinh và nhập học [H13.13.05.03].

Căn cứ báo cáo tổng kết công tác tuyển sinh và nhập học, kết quả phân tích, đo lường các chỉ số về công tác tuyển sinh và nhập học, kết quả khảo sát ý kiến của SV năm thứ nhất về công tác tuyển sinh và nhập học, đơn vị chức năng tham mưu đề xuất các nội dung cải tiến công tác tuyển sinh và nhập học, thông qua cuộc họp của HĐTS và áp dụng cho năm học tiếp theo, thể hiện trong đề án tuyển sinh và kế hoạch tuyển sinh của Trường [H13.13.05.01], [H13.13.05.02], [H13.13.05.03]. Nhà trường xác định và áp dụng các điều chỉnh, cải tiến về chính sách tuyển sinh như: bổ sung nhiều phương thức tiếp cận với các SV tiềm năng thông qua mạng xã hội và các công cụ trực tuyến [H40.13.05.04]. Từ năm 2018, Nhà trường đẩy mạnh mảng truyền thông trực tuyến nhằm mở rộng kênh tư vấn TS thông qua website, fanpage Trường, Group thông tin tuyển sinh, trang tuyển sinh chuyên, group chat Zalo, hotline, thành lập nhóm chuyên trách hỗ trợ công tác truyền thông tuyển sinh ... [H13.13.05.05]. Ngoài ra, căn cứ kết quả phân tích, đo lường về tuyển sinh và nhập học. Cũng trong năm 2019, Hội đồng

tuyển sinh bổ sung tổ hợp xét tuyển A01 đối với sinh viên xét tuyển vào ngành Kiến trúc, Quy hoạch vùng và đô thị. Đặc biệt năm 2020, Nhà trường có nhiều thay đổi trong công tác tuyển sinh: bổ sung thêm 02 cách xét tuyển dựa vào điểm trung bình học bạ 05 học kỳ THPT, bổ sung tổ hợp xét tuyển A01 đối với sinh viên xét tuyển vào ngành Thiết kế nội thất ... **[H13.13.05.06]**. Kết thúc năm 2020 sang năm 2021, sau khi đánh giá kết quả tuyển sinh 2020, Nhà trường đã rút bớt cách xét tuyển theo tổng điểm 3 môn 5 học kỳ theo học bạ THPT để đơn giản hơn cho việc đăng ký xét tuyển của thí sinh **[H13.13.05.07]**. Năm 2022 là năm mà công tác tuyển sinh giáo dục Đại học nói chung và Trường đại học Kiến trúc Đà Nẵng nói riêng có sự thay đổi đột phá ở nhiều khâu mang lại kết quả tích cực cho tất cả các cơ sở đào tạo. Cụ thể số lượng thí sinh ảo so với các năm trước giảm rõ rệt. Công tác tổ chức kỳ thi môn năng khiếu (Vẽ mỹ thuật) để xét tuyển vào các ngành có sử dụng môn năng khiếu (Kiến trúc, Thiết kế nội thất, Quy hoạch vùng và đô thị, Thiết kế đồ họa) trong giai đoạn từ năm 2020 đến năm 2022 có bước thay đổi đột phá trong cách thức tổ chức thi. Từ năm 2018 đến năm 2019 Kỳ thi Vẽ mỹ thuật được tổ chức tương tự các Cơ sở giáo dục trên cả nước. Tuy nhiên từ năm 2020 đến năm 2022 "Kỳ thi vẽ mỹ thuật" được đổi tên thành "Kỳ thi đánh giá năng lực mỹ thuật". Qua đó thí sinh tham gia kỳ thi phải hoàn thành đầy đủ hai nội dung thi, bao gồm bài thi vẽ chì và bài thi trắc nghiệm nhằm đánh giá tư duy về hình học của thí sinh. Việc thay đổi này đã giúp nhà trường đánh giá đúng năng lực thực sự của thí sinh, từ đó nâng cao chất lượng đào tạo của Nhà trường. Thủ tục nộp hồ sơ đăng ký xét tuyển qua các năm cũng được nhà trường cải tiến nhằm mang đến sự thuận tiện cho thí sinh và phụ huynh. Từ năm 2020, ngoài các cách thức nộp hồ sơ như nộp trực tiếp, nộp qua bưu điện, Thí sinh có thể nộp hồ sơ trực tuyến qua hệ thống đăng ký xét tuyển của Nhà trường. Qua đó giúp tiết kiệm chi phí cho thí sinh và phụ huynh, đồng thời rút ngắn thời gian cho công tác xét tuyển. Kết quả tuyển sinh được thông báo kịp thời, nhanh chóng qua trang web của Trường, fanpage và email, SMS, thư gửi qua bưu điện **[H13.13.05.08]**. Trong công tác nhập học, Nhà trường có nhiều cải tiến để mang lại hiệu quả tối ưu nhất, trong đó với việc ứng dụng CNTT hỗ trợ nên quá trình nhập học của thí sinh dễ dàng, thuận lợi. Trong bối cảnh dịch bệnh Covid diễn biến phức tạp trong các năm 2020, 2021, Nhà trường đã triển khai thành công việc nhập học và đào tạo trực tuyến **[H13.13.05.09]**. Với những biện pháp cải tiến trong công tác tuyển sinh và nhập học những năm qua, số liệu của công tác tuyển sinh, nhập học của Trường ở một số lĩnh vực có chiều hướng tăng qua từng năm **[H13.13.05.02]**. Nhà trường có những đối sánh về số liệu điểm xét tuyển, ngành nghề đào tạo, chỉ tiêu tuyển sinh và nhập học hằng năm nhằm đánh giá năng lực cạnh tranh của Trường so với các trường ĐH để có những cải tiến phù hợp nâng cao hiệu quả tuyển sinh **[H13.13.05.02]**. Nhà trường đảm bảo kinh

phí cho công tác tuyển sinh và nhập học nhằm đảm bảo các yêu cầu của công tác tuyển sinh và nhập học của Trường [H13.13.05.10]. Trong giai đoạn 2018-2022, công tác tuyển sinh và nhập học của Trường luôn được cải tiến qua từng năm, góp phần nâng cao học hiệu của Trường [H13.13.05.02].

**Tự đánh giá: 6/7**

### **Đánh giá chung về tiêu chuẩn 13**

#### **1. Tóm tắt các điểm mạnh**

- Hằng năm, căn cứ các văn bản hướng dẫn của Bộ GD&ĐT, Nhà trường thành lập HĐTS để chỉ đạo, tổ chức, giám sát, kiểm tra xuyên suốt quá trình tuyển sinh và nhập học của Trường.

- Hằng năm, Nhà trường xây dựng đề án tuyển sinh, kế hoạch tuyển sinh, trong đó có phân công trách nhiệm cụ thể cho các đơn vị và các cá nhân, xác định các mốc thời gian cùng kết quả đạt được trong công tác tuyển sinh.

- Nhà trường phân công Phòng đào tạo chịu trách nhiệm chính trong công tác tuyển sinh và nhập học, các phòng ban, khoa có trách nhiệm phối hợp với Phòng đào tạo để thực hiện công tác tuyển sinh và nhập học của Trường.

- Trong Đề án tuyển sinh của Nhà trường thể hiện đầy đủ, rõ ràng những thông tin về tiêu chí, chỉ tiêu xét tuyển cho từng ngành đào tạo phù hợp, đúng theo quy định và được công bố công khai rộng rãi trên các phương tiện truyền thông.

- Nhà trường áp dụng đa dạng các hình thức tư vấn tuyển sinh hiệu quả, chủ động và hỗ trợ liên tục thí sinh trong công tác tuyển sinh và nhập học, đồng thời áp dụng linh hoạt, hiệu quả các hình thức tuyển sinh phù hợp.

- Nhà trường xây dựng và ban hành quy trình tuyển sinh và nhập học, triển khai áp dụng trong công tác tuyển sinh và nhập học của Trường.

- Năm 2020, Nhà trường thành lập Trung tâm hướng nghiệp và truyền thông với chức năng nhiệm vụ được phân công cụ thể về công tác truyền thông và quảng bá thương hiệu của Trường, trong đó có công tác tuyển sinh.

- Tất cả các đơn vị, CB&CNV của Nhà trường tích cực tham gia công tác tuyển sinh và nhập học hằng năm của Trường.

- Nhà trường xây dựng và ban hành quy trình tuyển sinh và nhập học, triển khai áp dụng trong công tác tuyển sinh và nhập học của Trường, đảm bảo theo đúng quy định đồng thời tạo điều kiện thuận lợi cho thí sinh.



- Nhà trường triển khai thực hiện nghiêm túc quy trình tuyển sinh và nhập học cũng như giám sát công tác tuyển sinh và nhập học hằng năm theo đúng quy định của Bộ GD&ĐT.

- Hằng năm, Nhà trường tổ chức Hội nghị tổng kết công tác tuyển sinh và nhập học, trong đó tiến hành phân tích, đo lường kết quả tuyển sinh và nhập học để từ đó có những điều chỉnh, cải tiến công tác tuyển sinh và nhập học của Trường. Trong giai đoạn 2018-2022, Nhà trường không có sai phạm trong công tác tuyển sinh và nhập học.

- Nhà trường xây dựng CSDL về tuyển sinh và nhập học để có thể trích xuất kịp thời để phục vụ báo cáo khi cần thiết; làm cơ sở để áp dụng các biện pháp điều chỉnh, cải tiến công tác tuyển sinh và nhập học của Trường.

- Nhà trường triển khai khảo sát ý kiến của tân SV về công tác tuyển sinh và nhập học của Trường và thông báo đến các đơn vị để có thể điều chỉnh theo các ý kiến góp ý của tân SV.

- Trong giai đoạn 2018-2022, Nhà trường áp dụng nhiều biện pháp cải tiến công tác tuyển sinh và nhập học của Trường với kết quả thí sinh tuyển sinh và nhập học vào Trường tăng qua từng năm.

## **2. Tóm tắt các điểm tồn tại**

Điểm đầu vào của một số ngành đào tạo tại các cơ sở đào tạo của Nhà trường chưa cao bằng các trường Đại học công lập uy tín có đào tạo các ngành học tương đương.

## **3. Kế hoạch cải tiến**

Từ năm học 2022-2023 và những năm học tiếp theo, Nhà trường tiến hành phân tích, đánh giá toàn diện công tác tuyển sinh và nhập học nhằm cải thiện điểm đầu vào của các ngành đào tạo của Nhà trường tương đương với các cơ sở giáo dục Đại học công lập uy tín trong nước.

## **4. Mức đánh giá**

<b>Tiêu chuẩn / Tiêu chí</b>	<b>Tự đánh giá</b>
<b><i>Tiêu chuẩn 13</i></b>	<b><i>6,0</i></b>
Tiêu chí 13.1	6,0
Tiêu chí 13.2	6,0

Tiêu chí 13.3	6,0
Tiêu chí 13.4	6,0
Tiêu chí 13.5	6,0

**Tiêu chuẩn 14: Thiết kế và rà soát chương trình dạy học**

**Tiêu chí 14.1: Xây dựng hệ thống để thiết kế, phát triển, giám sát, rà soát, thẩm định, phê duyệt và ban hành các chương trình dạy học cho tất cả các CTĐT và các môn học/học phần có sự đóng góp và phản hồi của các bên liên quan.**

**Mô tả:** Theo Quy chế về tổ chức và hoạt động của Trường, Phòng Đào tạo là đơn vị đầu mối phối hợp với phòng Đảm bảo chất lượng và các bộ môn quản lý ngành chịu trách nhiệm trong công tác phát triển chương trình dạy học (CTDH) của Nhà trường [H.14.14.01.01], [H.14.14.01.02]. Căn cứ các văn bản quy định về đào tạo trình độ đại học, Thông tư quy định về khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp đối với mỗi trình độ đào tạo của Giáo dục đại học và quy trình xây dựng, thẩm định, ban hành chương trình dạy học trình độ đại học, phòng Đào tạo biên soạn Quy định về xây dựng, rà soát, điều chỉnh CTDH, trình Hiệu trưởng ký ban hành năm 2019 và năm 2022 [H.14.14.01.03]. Trong Quy định xây dựng, rà soát, điều chỉnh CTDH Nhà trường ban hành có quy định cụ thể về trách nhiệm của Tổ biên soạn rà soát, điều chỉnh CTDH [H.14.14.01.04]. Phòng Đào tạo có trách nhiệm lập kế hoạch xây dựng, rà soát, điều chỉnh CTDH; triển khai để các khoa xây dựng, rà soát, điều chỉnh CTDH; thành lập hội đồng nghiệm thu CTDH được điều chỉnh và tổ chức họp, chuẩn bị hồ sơ họp Hội đồng KH&ĐT thông qua CTDH được xây dựng, rà soát, điều chỉnh; trình Hiệu trưởng ban hành quyết định CTDH. Trong giai đoạn 2017-2019 ban hành 17 CTDH và giai đoạn năm 2019 - 2022 ban hành 19 CTDH [H.14.14.01.05].

Trong quá trình xây dựng, rà soát, điều chỉnh CTDH các khoa, bộ môn lập danh sách các giảng viên tham gia Tổ biên soạn xây dựng, rà soát và điều chỉnh CTDH cho tất cả các CTĐT gửi về Hiệu trưởng thông qua phòng Đào tạo. Theo Quy định xây dựng, rà soát và điều chỉnh Đề cương chi tiết học phần của Trường ban hành [H.14.14.02.01], các tổ biên soạn phân công thành viên trong tổ phụ trách biên soạn ĐCCT học phần đảm bảo đúng tiến độ quy định của Kế hoạch, đồng thời Hội đồng khoa học cấp khoa tổ chức thông qua ĐCCT học phần, tại đây thành viên Hội đồng góp ý kiến về ĐCCT học phần để tiếp tục cập nhật, điều chỉnh và trình Hiệu trưởng ký ban hành [H.14.14.02.03].

Trong quá trình biên soạn CTDH, các Khoa trình Hiệu trưởng trong việc lập kế hoạch lấy ý kiến góp ý của GV, cựu sinh viên và nhà tuyển dụng. Kết quả khảo sát ý kiến của các bên liên quan được tham khảo, sử dụng trong quá trình điều chỉnh CĐR, CTDH, ĐCCT học phần của Trường [H.14.14.01.06]. Tất cả CĐR, CTDH, ĐCCT học phần của Trường được điều chỉnh đều tham khảo ý kiến của các bên liên quan.

**Tự đánh giá: 5/7**

**Tiêu chí 14.2: Có hệ thống xây dựng, rà soát, điều chỉnh chuẩn đầu ra của CTĐT và các môn học/học phần để phù hợp với nhu cầu của các bên liên quan.**

**Mô tả:** Phòng Đào tạo trình Hiệu trưởng ký ban hành Quy định xây dựng rà soát, điều chỉnh CĐR, CTĐT và ĐCCT năm 2019 và 2022, trong Quy định xây dựng CĐR, CTĐT và ĐCCT của Trường có quy định cụ thể về trách nhiệm của Tổ xây dựng, rà soát, điều chỉnh CĐR, CTĐT, ĐCCT; phòng Đào tạo và phòng Đảm bảo chất lượng phối hợp các Khoa trong quá trình xây dựng, rà soát, điều chỉnh CĐR, CTĐT và ĐCCT. Phòng Đào tạo có trách nhiệm trình Hiệu trưởng ký ban hành kế hoạch xây dựng, rà soát, điều chỉnh CĐR, CTĐT và ĐCCT học phần [H.14.14.02.01]; triển khai để các khoa xây dựng, rà soát, điều chỉnh CĐR, CTĐT và ĐCCT học phần; Phòng Đào tạo trình Hiệu trưởng ký quyết định thành lập Hội đồng rà soát, điều chỉnh CĐR, CTĐT và ĐCCT và Tổ xây dựng, rà soát, điều chỉnh CĐR, CTĐT và ĐCCT. Các Khoa có trách nhiệm triển khai xây dựng, điều chỉnh CĐR, CTĐT và ĐCCT theo quy trình. Bên cạnh đó, GV có trách nhiệm góp ý CĐR CTĐT và thực hiện xây dựng, điều chỉnh ĐCCT học phần [H.14.14.02.02]. Trong giai đoạn 2017-2019, Nhà trường ban hành 17 CĐR, CTĐT, ĐCCT và giai đoạn 2019-2022, Nhà trường ban hành 19 CĐR, CTĐT và ĐCCT [H.14.14.02.03].

Theo Quy định xây dựng CĐR, CTĐT và ĐCCT của Trường ban hành, khi triển khai xây dựng, rà soát, điều chỉnh CĐR, CTĐT và ĐCCT Hiệu trưởng ban hành kế hoạch lấy ý kiến của các bên liên quan. Trên cơ sở đó, các Khoa tiến hành khảo sát ý kiến của các bên liên quan trong quá trình điều chỉnh CĐR, CTĐT và ĐCCT. Kết quả khảo sát ý kiến của các bên liên quan được tham khảo, sử dụng trong quá trình điều chỉnh CĐR, CTĐT và ĐCCT của Trường [H.14.14.01.06]. Tất cả CĐR CTĐT và ĐCCT của Trường được điều chỉnh đều tham khảo ý kiến của các bên liên quan.

**Tự đánh giá: 5/7**

**Tiêu chí 14.3: Các đề cương môn học/học phần, kế hoạch giảng dạy của CTĐT và các môn học/học phần được văn bản hóa, phổ biến và thực hiện dựa trên chuẩn đầu ra.**

**Mô tả:** Để triển khai hiệu quả việc xây dựng, rà soát, điều chỉnh ĐCCT của CTĐT, Nhà trường thông báo đến lãnh đạo các khoa, phòng và GV toàn trường trên hệ thống email nội bộ các văn bản hướng dẫn về việc biên soạn ĐCCT dựa trên CĐR của CTĐT [H.14.14.01.03]. Theo Quy định xây dựng ĐCCT của CTĐT và Quy trình biên soạn, hiệu chỉnh, thẩm định ĐCCT của Trường có yêu cầu các Khoa và GV phải dựa trên CĐR của CTĐT khi xây dựng ĐCCT. Bên cạnh đó, tại các cuộc họp Khoa và trong quá trình triển khai xây dựng ĐCCT, lãnh đạo Khoa luôn hướng dẫn, yêu cầu GV phải dựa trên CĐR của CTĐT [H.14.14.02.01], [H.14.14.02.02]. Trong quá trình họp xem xét, thông qua ĐCCT và lịch trình giảng dạy, các Khoa và bộ môn luôn chú trọng đến việc dựa trên CĐR của ĐCCT. Nhà trường ban hành và công bố chính thức tất cả ĐCCT [H.14.14.02.03], đối với lịch trình giảng dạy của giảng viên sẽ nộp về phòng Thanh tra - Pháp chế, trong đó đều dựa trên CĐR [H.14.14.03.01].

Theo Quy định xây dựng CĐR, CTĐT và ĐCCT của Trường và Quy trình biên soạn, hiệu chỉnh, thẩm định ĐCCT của Trường đã ban hành, Quy định đào tạo trình độ đại học chính quy theo hệ thống tín chỉ của Trường, trong đó Nhà trường giao trách nhiệm các Khoa, GV có trách nhiệm giới thiệu, phổ biến đầy đủ về ĐCCT, lịch trình giảng dạy đến người học. Tại các cuộc họp giữa BGH Nhà trường với lãnh đạo các đơn vị, BGH yêu cầu lãnh đạo các Khoa quán triệt GV phổ biến đầy đủ về ĐCCT và lịch trình giảng dạy đến người học trong buổi học đầu tiên. Trên cơ sở đó, tại cuộc họp của các Khoa, lãnh đạo Khoa thường xuyên nhắc nhở, lưu ý GV phổ biến đầy đủ về ĐCCT đến người học trong buổi học đầu tiên và GV tổ chức phổ biến đến người học về ĐCCT ngay tại buổi học đầu tiên. ĐCCT được đăng tải trên website Trường và trên công thông tin sinh viên [H.14.14.03.02], lịch trình giảng dạy của mỗi GV được nộp về phòng Thanh tra – Pháp chế ngay từ đầu mỗi học kỳ. Ngoài ra, trong nội dung tuần sinh hoạt công dân đầu khóa học, SV Trường được phổ biến đầy đủ về nhiều nội dung, trong đó có kế hoạch giảng dạy, CĐR và CTĐT [H.14.14.03.03].

Định kỳ hằng năm, nhằm chuẩn bị tốt hoạt động dạy và học, thông qua cuộc họp giao ban đầu năm học, BGH luôn quán triệt, yêu cầu các đơn vị, đặc biệt là các Khoa phổ biến đến GV triển khai các hoạt động dạy học và đào tạo theo kế hoạch năm học đã phê duyệt [H.14.14.03.04]. Các Khoa triển khai hoạt động đào tạo theo kế hoạch năm học và giảng dạy theo thời khóa biểu đã xác định [H.14.14.03.05]. Tất cả GV của

Trường thực hiện hoạt động giảng dạy theo đúng thời khóa biểu và ĐCCT cũng như lịch trình giảng dạy đã được xác định để đạt CĐR. Hoạt động đào tạo và giảng dạy của Nhà trường được giám sát, theo dõi bởi phòng Thanh tra – Pháp chế [H.14.14.03.06]. Trong giai đoạn 2018-2022, các hoạt động dạy và học của Trường được triển khai theo đúng kế hoạch, hướng tới đạt CĐR [H.14.14.03.07].

#### **Tự đánh giá: 5/7**

#### **Tiêu chí 14.4: Việc rà soát quy trình thiết kế, đánh giá và rà soát chương trình dạy học được thực hiện.**

**Mô tả:** Phòng Đào tạo và phòng Đảm bảo chất lượng là hai đơn vị phối hợp với các khoa rà soát quy trình thiết kế và quy trình đánh giá CTDH của Trường được thể hiện trong Kế hoạch và Quy định xây dựng, rà soát, điều chỉnh CTDH của CTĐT [H.14.14.01.03], [H.14.14.01.04]. Năm 2019, Nhà trường áp dụng thông tư 07/2015/TT-BGDĐT, ngày 16/4/2015 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo "Quy định về khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học phải đạt được sau khi tốt nghiệp đối với mỗi trình độ đào tạo của giáo dục đại học và quy trình xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ" để xây dựng, rà soát, điều chỉnh CTĐT. Năm 2022, căn cứ Thông tư 17/2021/TT-BGDĐT, ngày 22/6/2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo "Quy định về chuẩn đầu ra CTĐT; xây dựng, thẩm định và ban hành CTĐT các trình độ của giáo dục đại học", Quy định xây dựng, rà soát, điều chỉnh CTDH của CTĐT Hiệu trưởng ban hành và gửi đến các Khoa, trong đó có quy trình thiết kế và quy trình đánh giá CTDH [H.14.14.01.03]. Dựa trên cập nhật các văn bản của Bộ GD&ĐT, quy trình thiết kế và quy trình đánh giá CTDH được quy định trong Quy định xây dựng, rà soát, điều chỉnh CĐR, CTĐT và ĐCCT của Trường, thông qua cuộc họp của Hội đồng KH&ĐT, ban hành Kế hoạch rà soát, điều chỉnh CĐR, CTĐT và ĐCCT của Trường và thông báo đến các đơn vị để triển khai thực hiện từ năm 2022 [H.14.14.01.05].

Nhà trường thực hiện việc rà soát, điều chỉnh, CTDH của CTĐT định kỳ vào năm năm 2022, [H.14.14.01.05]. Trong kế hoạch rà soát, điều chỉnh CTDH của CTĐT, Nhà trường yêu cầu các Khoa tham khảo các CTĐT tiên tiến của các trường ĐH trong nước và quốc tế [H.14.14.04.01], đồng thời lấy kiến phản hồi của các bên liên quan về CĐR của CTĐT và ĐCCT. Kết quả khảo sát ý kiến của các bên liên quan về CTĐT tham khảo và sử dụng trong quá trình điều chỉnh CTĐT [H.14.14.01.06]. Tất cả CTDH của Trường đều tham khảo các CTDH tiên tiến của các trường ĐH trong nước khi điều chỉnh CTDH của Trường [H.14.14.04.02]. Năm 2022, Nhà trường tiến hành điều chỉnh CTDH của

17 CTĐT và thông báo đến các khoa, GV, SV biết để thực hiện. CTDH của CTĐT được đăng tải trên website của Nhà trường [H.14.14.03.02].

**Tự đánh giá: 5/7**

**Tiêu chí 14.5: Quy trình thiết kế, đánh giá và chương trình dạy học được cải tiến để đảm bảo sự phù hợp và cập nhật nhằm đáp ứng nhu cầu luôn thay đổi của các bên liên quan.**

**Mô tả:** Năm 2019, Nhà trường áp dụng thông tư 07/2015/TT-BGDĐT, ngày 16/4/2015 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo "Quy định về khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học phải đạt được sau khi tốt nghiệp đối với mỗi trình độ đào tạo của giáo dục đại học và quy trình xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ" để xây dựng, rà soát, điều chỉnh CTĐT, năm 2022, căn cứ Thông tư 17/2021/TT-BGDĐT, ngày 22/6/2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo "Quy định về chuẩn đầu ra CTĐT; xây dựng, thẩm định và ban hành CTĐT các trình độ của giáo dục đại học" [H.14.14.04.01]. Lãnh đạo các Khoa phổ biến Quy định về xây dựng, rà soát và điều chỉnh CTDH của CTĐT đến GV biết tại các cuộc họp của Khoa và thông báo lên trang Website của khoa [H.14.14.05.01], [H.14.14.05.02].

Năm 2019 và năm 2022, Nhà trường thành lập Tổ xây dựng, rà soát và điều chỉnh CTDH của CTĐT và triển khai thực hiện [H.14.14.02.02]. Các Khoa là đơn vị chủ yếu thực hiện. Ngoài ra, còn tổ chức khảo sát sinh viên sau khi hoàn thành ĐATN về CTĐT. Kết quả khảo sát ý kiến của các bên liên quan về CTĐT được tham khảo và sử dụng trong quá trình điều chỉnh CTDH nhằm đáp ứng nhu cầu của các bên liên quan [H.14.14.01.06]. Hội đồng KH&ĐT Nhà trường thông qua CTDH của CTĐT được điều chỉnh sau khi tham khảo ý kiến phản hồi của các bên liên quan [H.14.14.01.05]. Các CTDH của CTĐT được điều chỉnh và ban hành đáp ứng nhu cầu của các bên liên quan [H.14.14.01.06].

**Tự đánh giá: 5/7**

**Đánh giá chung về tiêu chuẩn 14**

### **1. Tóm tắt các điểm mạnh**

- Căn cứ các quy định của Bộ GD&ĐT, Nhà trường ban hành Quy định xây dựng, rà soát, điều chỉnh CTDH của CTĐT, trong đó thể hiện quy trình xây dựng, rà soát, điều chỉnh CTDH và phân công trách nhiệm cụ thể cho các đơn vị, cá nhân thực hiện.

- Nhà trường thông báo Quy định về xây dựng, rà soát, điều chỉnh ĐCCT đến các Khoa để thực hiện và phổ biến GV biết để thực hiện.

- Nhà trường có kế hoạch phương pháp triển khai lấy ý kiến đóng góp, phản hồi của các bên liên quan khi xây dựng và phát triển CTDH và ĐCCT.

- Tất cả các CTĐT CĐR, ĐCCT của Nhà trường được ban hành chính thức và đăng tải trên website của Nhà trường, được phổ biến vào các buổi sinh hoạt công dân – Sinh viên đầu khóa, đầu năm và buổi học đầu tiên của học phần.

- Nhà trường thành lập Tổ xây dựng, rà soát, điều chỉnh CĐR, CTĐT, ĐCCT để triển khai rà soát, điều chỉnh CĐR, CTĐT, ĐCCT của Trường.

- Nhà trường ban hành kế hoạch rà soát, điều chỉnh CĐR, CTĐT, ĐCCT vào năm 2019, 2022 và triển khai thực hiện.

- Các CĐR, CTĐT, ĐCCT của Nhà trường đều tham khảo ý kiến phản hồi của các bên liên quan trong quá trình rà soát, điều chỉnh nhằm đáp ứng nhu cầu của các bên liên quan.

- Tất cả CTĐT của Trường được xây dựng, điều chỉnh, cải tiến dựa trên sự tham khảo các CTDH tiên tiến của các trường ĐH trong nước.

- Các CTDH của CTĐT sau khi điều chỉnh đáp ứng được nhu cầu của các bên liên quan.

## **2. Tóm tắt các điểm tồn tại**

Việc lấy ý kiến các bên liên quan của các nhà tuyển dụng không nhiều, vì vậy việc tham khảo ý kiến của nhà tuyển dụng còn hạn chế.

## **3. Kế hoạch cải tiến**

Từ năm học 2022-2023 và những năm tiếp theo, Nhà trường tăng cường khảo sát ý kiến phản hồi của các nhà tuyển dụng và nghiên cứu, tiếp thu để có kế hoạch rà soát, điều chỉnh CTDH của CTĐT đáp ứng tối đa nhu cầu của các nhà tuyển dụng.

## **4. Mức đánh giá**

<b>Tiêu chuẩn, tiêu chí</b>	<b>Tự đánh giá</b>
<b><i>Tiêu chuẩn 14</i></b>	<b><i>5,0</i></b>
Tiêu chí 14.1	5,0

Tiêu chí 14.2	5,0
Tiêu chí 14.3	5,0
Tiêu chí 14.4	5,0
Tiêu chí 14.5	5,0

**Tiêu chuẩn 15: Giảng dạy và học tập**

**Tiêu chí 15.1: Thiết lập được hệ thống lựa chọn các hoạt động dạy và học phù hợp với triết lý giáo dục và để đạt được chuẩn đầu ra.**

**Mô tả:** Căn cứ Luật Giáo dục đại học ban hành năm 2012 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học ban hành năm 2018 [H15.15.01.01], tầm nhìn, sứ mạng và định hướng phát triển của Nhà trường kết hợp với việc phân tích, tổng hợp xu thế phát triển chung của cả nước, khu vực và của Thế giới, Nhà trường xây dựng Triết lý giáo dục (TLGD) của Trường. Trên cơ sở đó, dự thảo được triển khai lấy ý kiến trong cuộc họp Đảng ủy và tại cuộc họp giữa BGH và lãnh đạo các đơn vị trước khi triển khai lấy ý kiến toàn thể người lao động (NLD) thuộc Trường. Kết quả tổng hợp ý kiến các bên liên quan được phòng Tổng hợp tham khảo, hoàn chỉnh dự thảo và trình Ban Giám hiệu ký ban hành [H15.15.01.02]. TLGD được Nhà trường triển khai đến các đơn vị để thông báo, phổ biến đến toàn thể NLD, SV biết và thực hiện [H15.15.01.03]. Bên cạnh đó, tại các cuộc họp giữa BGH với lãnh đạo các đơn vị, BGH Nhà trường luôn yêu cầu các đơn vị chú trọng phổ biến đến toàn thể NLD, SV hiểu biết về Triết lý giáo dục của Trường. Tại các cuộc họp của các đơn vị lãnh đạo các đơn vị phổ biến, giải thích để NLD hiểu biết về TLGD của Trường [H15.15.01.04]. Đối với SV, tại tuần sinh hoạt công dân đầu khóa học, Nhà trường phổ biến, giải thích để SV hiểu biết về TLGD của Trường [H.14.14.03.03]. Ngoài ra, TLGD của Trường được đăng tải trên website Trường [H.14.14.03.02].

Trong Quy định xây dựng CĐR của các CTĐT yêu cầu GV khi xác định hoạt động dạy học phải phù hợp với TLGD [H.14.14.02.01]. Tại cuộc họp giữa BGH với lãnh đạo các đơn vị, BGH Nhà trường luôn yêu cầu các Khoa quán triệt, triển khai để GV khi xác định hoạt động dạy học phải phù hợp với TLGD [H15.15.01.04]. Tại các cuộc họp Khoa, lãnh đạo Khoa yêu cầu GV lưu ý lựa chọn, xác định hoạt động dạy học phù hợp với TLGD của Trường [H15.15.01.05]. Trong giai đoạn 2017 - 2019 và 2019 - 2022, các



hoạt động dạy học của GV Nhà trường phù hợp với TLGD và đạt được CĐR [H.14.14.01.06].

Nhà trường gửi các văn bản hướng dẫn cho GV về việc xây dựng, điều chỉnh CĐR và đề cương học phần dựa trên CĐR, trong đó có hướng dẫn GV xác định các hoạt động dạy học phù hợp để đạt được CĐR [H15.15.01.06]. Bên cạnh đó, trong Quy định xây dựng ĐCCT của Trường có đề cập đến yêu cầu về việc xác định, lựa chọn các hoạt động dạy học phù hợp với CĐR [H.14.14.02.01]. Trên cơ sở đó, GV của Nhà trường xác định, lựa chọn hoạt động dạy học phù hợp với CĐR đã ban hành. Khi thông qua ĐCCT do GV xây dựng, điều chỉnh, bộ môn và Khoa luôn chú trọng, xem xét việc xác định các hoạt động dạy học phù hợp để đạt được CĐR [H.14.14.02.03]. Trong giai đoạn 2019-2022, các hoạt động dạy học của GV phù hợp với CĐR đã xác định [H.14.14.01.06].

**Tự đánh giá: 5/7**

**Tiêu chí 15.2: Triển khai được hệ thống thu hút, tuyển chọn đội ngũ giảng viên, phân công nhiệm vụ dựa trên trình độ chuyên môn, năng lực, thành tích chuyên môn và kinh nghiệm.**

**Mô tả:** Nhà trường căn cứ các văn bản của Luật Giáo dục, Luật Giáo dục ĐH và quy định của Bộ GD&ĐT và Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường, Nhà trường để triển khai công tác tuyển dụng, đào tạo phát triển đội ngũ GV. Bên cạnh đó, Nhà trường có các chính sách thu hút GV giỏi, có học hàm học vị cao được thể hiện trong Quy chế chi tiêu nội bộ của Trường [H15.15.02.01]. Căn cứ Chiến lược phát triển giáo dục Trường Đại học Kiến trúc Đà Nẵng giai đoạn 2017-2022 và tầm nhìn đến năm 2030, trong kế hoạch năm học, phương hướng nhiệm vụ hằng năm P.TCNS xây dựng kế hoạch phát triển nguồn nhân lực nhằm đáp ứng nhu cầu quản lý và giảng dạy [H15.15.02.02] và đó là cơ sở để Nhà trường ban hành kế hoạch tuyển dụng, thực hiện quy trình đào tạo bồi dưỡng giảng viên theo quy định đã ban hành [H15.15.02.03]. Đồng thời, hằng năm căn cứ nhu cầu thực tiễn về nhân sự lãnh đạo, quản lý của Trường, BGH Nhà trường xem xét điều động, bổ nhiệm và thực hiện các chính sách bồi dưỡng nhân sự quản lý dựa trên cơ sở đánh giá năng lực về trình độ, lãnh đạo, quản lý và hiệu quả công việc [H6.03.04.04].

Tại các cuộc họp với lãnh đạo các đơn vị, BGH Nhà trường luôn yêu cầu các Khoa phân công nhiệm vụ đối với GV phải dựa trên trình độ chuyên môn, năng lực, thành tích chuyên môn và kinh nghiệm. Tại các cuộc họp Khoa, BCN Khoa đồng thời thông báo, phổ biến đến GV về chủ trương, ưu tiên của Nhà trường đối với việc phân công giảng

dạy [H15.15.02.05]. Trên cơ sở đó, các Khoa phân công giảng dạy đối với GV trong từng học kỳ, từng năm học luôn dựa trên trình độ chuyên môn, năng lực, thành tích chuyên môn và kinh nghiệm của GV đạt được [H15.15.02.06]. Ngoài ra, việc xét duyệt các đề tài NCKH hằng năm dựa trên trình độ chuyên môn, năng lực, thành tích chuyên môn và kinh nghiệm của CB, GV đề xuất [H15.15.02.07]. Trong giai đoạn 2018-2022, Nhà trường thực hiện tốt công tác phân công nhiệm vụ đối với GV phải dựa trên trình độ chuyên môn, năng lực, thành tích chuyên môn và kinh nghiệm của GV

#### **Tự đánh giá: 6/7**

**Tiêu chí 15.3: Các hoạt động dạy và học thúc đẩy việc học tập suốt đời được tổ chức phù hợp để đạt được chuẩn đầu ra.**

**Mô tả:** Trong Nghị quyết của Đảng ủy Nhà trường luôn chỉ đạo về việc quan tâm tạo dựng môi trường học tập đa dạng, tạo thuận lợi cho việc đạt được CDR, cho việc học tập, nghiên cứu và thúc đẩy người học tìm tòi và khám phá kiến thức [H15.15.03.01]. Trong nội dung kế hoạch năm học, phương hướng nhiệm vụ của Trường và của các đơn vị luôn chú trọng và có nhiều hoạt động tạo dựng môi trường học tập đa dạng, tạo thuận lợi cho việc đạt được CDR đã xác định [H15.15.03.02]. Trong tuần sinh hoạt công dân đầu khoá, các khoa hướng dẫn cho SV về kỹ năng tự học, phương pháp học tập đại học nhằm thúc đẩy việc học tập suốt đời của SV [H.14.14.03.03]. Trong nội dung CDR các CTĐT của Trường luôn nêu rõ về khả năng tiếp tục học tập lên những bậc học cao hơn nhằm tạo động lực để SV học tập suốt đời và đạt CDR [H.14.14.02.03]. Nhà trường tích cực mở rộng ngành nghề đào tạo và đến nay đã mở thêm hai ngành Quản trị Khách sạn và ngành Logistics và Quản trị chuỗi cung ứng vào năm 2021 [H.14.14.02.03]. Nhà trường hợp tác với nhiều doanh nghiệp nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho SV trong việc thực tập tốt nghiệp tại các doanh nghiệp phù hợp với ngành nghề đào tạo như: Công ty CP Vận tải và Thuê tàu Đà Nẵng, Khách sạn Mường Thanh, Bà Nà Hill, Công ty TNHH Việt Nam Agency [H15.15.03.03] Bên cạnh đó, Nhà trường ký kết hợp tác với các trường đại học quốc tế để giảng viên và SV có cơ hội trao đổi học tập trong môi trường quốc tế như: Trường Đại học dân tộc Quảng Tây - Trung Quốc [H15.15.03.04]. Trong giai đoạn 2017-2019, 2019 - 2022, Nhà trường đã trao đổi SV tham gia học tập tại nhiều quốc gia như: Nhật Bản, Trung Quốc [H15.15.03.05], đồng thời tiếp nhận các hoạt động tình nguyện viên tham gia giảng dạy Tiếng Anh tại Trường [H15.15.03.06]. Ngoài ra, Nhà trường thành lập nhiều câu lạc bộ học thuật như: CLB Mỹ thuật, CLB Đồ Họa, CLB Tiếng Anh, Đội tình nguyện và công tác Xã hội khoa Kinh tế, CLB Ngân hàng máu nóng – DAU, qua đó nhằm động viên,

khuyến khích SV rèn luyện kỹ năng học tập suốt đời cũng như tích cực học tập nhằm đạt được CĐR [H15.15.03.07].

Định kỳ hằng năm, phòng Đào tạo tham mưu BGH ban hành kế hoạch đào tạo năm học và từng học kỳ, trên cơ sở đó Nhà trường ban hành thời khóa biểu, trong đó thể hiện tiến độ đào tạo và các học phần của SV từng khóa học [H.14.14.03.04], [H.14.14.03.05]. Các học phần được GV triển khai giảng dạy một cách đa dạng, hướng tới đạt CĐR thông qua các hoạt động dạy học đã được xác định trong đề cương học phần [H.14.14.02.03]. GV Nhà trường áp dụng đa dạng các hoạt động dạy học và tiếp cận các xu thế hiện đại như: dạy học theo thuyết trình, thực tập công nhân, học tập gắn kết cộng đồng được thể hiện trong đề cương học phần [H.14.14.02.03], [H15.15.03.08]. Bên cạnh đó, Nhà trường tạo điều kiện cho SV có cơ hội gắn liền việc học với thực tiễn thông qua việc tham quan các doanh nghiệp, các công trình thực tế [H15.15.03.09]. Định kỳ hằng năm, Nhà trường tổ chức Hội nghị NCKH trong SV nhằm tạo điều kiện để SV có cơ hội thực hiện và báo cáo kết quả sản phẩm NCKH, đồng thời khuyến khích khả năng tự học, tự nghiên cứu của SV [H15.15.03.10]. Trong giai đoạn 2019-2022, Nhà trường triển khai các hoạt động học tập đa dạng trong toàn Trường.

Trong Nghị quyết của Đảng ủy Nhà trường, kế hoạch năm học hằng năm của Trường luôn quan tâm triển khai để GV ứng dụng các phương pháp, công nghệ giảng dạy hiện đại, phù hợp để đạt CĐR của học phần [H.14.14.03.04]. Trong giai đoạn 2020-2022, tình hình dịch bệnh Covid 19 diễn biến phức tạp, Nhà trường tổ chức tập huấn, bồi dưỡng GV về việc ứng dụng công nghệ trong giảng dạy trực tuyến (online), 100% giảng viên hưởng ứng và triển khai giảng dạy thành công [H15.15.03.11]. Đầu năm học ngoài việc triển khai công tác đào tạo nói chung, BGH còn yêu cầu lãnh đạo các Khoa phổ biến, quán triệt GV tăng cường ứng dụng các phương pháp, công nghệ giảng dạy hiện đại, phù hợp để đạt CĐR, [H.14.14.03.04]. Tại các cuộc họp Khoa, lãnh đạo Khoa đồng thời phổ biến, quán triệt GV tăng cường ứng dụng các phương pháp, công nghệ giảng dạy hiện đại, phù hợp để đạt CĐR [H.14.14.03.05]. Trên cơ sở đó, tất cả các Khoa triển khai GV tăng cường ứng dụng các phương pháp, công nghệ giảng dạy hiện đại, phù hợp để đạt CĐR của tất cả học phần. Trong giai đoạn 2020-2022, GV của Nhà trường ứng dụng các phương pháp, công nghệ giảng dạy hiện đại, phù hợp để đạt CĐR của học phần [H15.15.03.11].

**Tự đánh giá: 5/7**

**Tiêu chí 15.4: Các hoạt động dạy và học được giám sát và đánh giá để đảm bảo và cải tiến chất lượng.**

**Mô tả:** Nhà trường thực hiện việc giám sát các hoạt động dạy học của giảng viên theo Quy định về chức năng, nhiệm vụ và chế độ làm việc của giảng viên và trợ giảng trường Đại học Kiến trúc Đà Nẵng [H15.15.04.01].

Bộ phận Thanh tra thuộc Phòng Thanh tra – Pháp chế là đơn vị thực hiện việc theo dõi, giám sát hoạt động dạy học của GV trong toàn trường [H15.15.04.02].

Căn cứ kế hoạch đào tạo năm học, Phòng Đào tạo thực hiện báo giảng và cập nhật thời khoá biểu lên hệ thống phần mềm quản lý tác nghiệp và gửi trực tiếp đến tài khoản của từng GV, SV để GV, SV có thể truy cập, triển khai thực hiện và theo dõi [H15.15.04.03]. Phòng Thanh tra - Pháp chế theo dõi, giám sát nề nếp giảng dạy theo lịch trình giảng dạy, báo cáo Ban giám hiệu và thông báo đến các Khoa việc thực hiện của GV. Các trường hợp GV không lên lớp vì các lý do khác nhau phải thực hiện việc báo nghỉ, báo bù trên hệ thống quản lý đào tạo [H15.15.04.04]. Tình trạng đi trễ, về sớm đã giảm đáng kể, việc báo vắng, báo bù được thực hiện thuận lợi, nhanh chóng và chính xác trên hệ thống quản lý đào tạo. Định kỳ hằng tháng, Bộ phận thanh tra thực hiện tổng hợp kết quả, sau đó gửi báo cáo cho BGH, cho các Khoa để rút kinh nghiệm và có kế hoạch cải tiến chất lượng hoạt động dạy và học của GV và SV thuộc Khoa quản lý [H15.15.04.05]. Trên cơ sở kết quả thanh tra, mỗi năm học các Khoa sẽ tổ chức buổi họp tổng kết rà soát những hạn chế đã được phòng Thanh tra- pháp chế báo cáo, yêu cầu GV tiếp tục đổi mới phương pháp giảng dạy, tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong giảng dạy, đồng thời đưa ra những giải pháp để cải tiến những điểm hạn chế trong những học kỳ tiếp theo [H15.15.04.06].

Bên cạnh đó, Trường còn tổ chức giám sát chất lượng giảng dạy và học tập do các Khoa quản lý chịu trách nhiệm chính. Các đề cương chi tiết, kế hoạch giảng dạy đều được các Khoa phê duyệt trước khi thực hiện và được công bố đến người học trong buổi học đầu tiên. Đối với người học, GV phụ trách học phần thực hiện giám sát hoạt động học của SV bằng nhiều hình thức như điểm danh, làm bài kiểm tra, bài tập về nhà, thuyết trình nhóm...

Để đánh giá chất lượng GV, mỗi năm học Nhà trường ban hành Hướng dẫn về đăng ký và các danh hiệu thi đua để GV, CBNV thực hiện. Căn cứ vào quy định của Nhà trường, từ đầu năm học, các Khoa triển khai đến CB, GV để đăng ký danh hiệu thi đua. Đối với đánh giá xếp loại hàng năm của GV, nội dung đánh giá tập trung vào các tiêu chuẩn thể hiện đã thực hiện nhiệm vụ giảng dạy, nghiên cứu khoa học, tham gia công tác quản lý đào tạo và quản lý khoa học công nghệ, học tập, bồi dưỡng nâng cao trình độ [H15.15.04.07]. Quy trình đánh giá được thực hiện theo trình tự: GV tự đánh giá kết quả hoạt động cá nhân trong năm và tự xếp loại; sau đó Khoa tiến hành họp đóng

góp ý kiến và biểu quyết kết quả đánh giá cuối cùng; tổng hợp kết quả báo cáo của tất cả GV trong khoa gửi về Phòng TCNS tổng hợp, thông qua cuộc họp của Hội đồng thi đua khen thưởng Trường thống nhất kết quả đánh giá **[H15.15.04.08]**. Trong giai đoạn 2017-2022, các GV của Nhà trường được đánh giá hoàn thành nhiệm vụ trở lên.

Từ học kỳ 1 năm học 2021-2022, nhà trường đã đưa vào sử dụng Hệ thống giảng dạy trực tuyến LMS với nhiều công cụ hỗ trợ việc giảng dạy trực tuyến, tổ chức thi trực tuyến kết nối với phần mềm quản lý đào tạo của trường kèm nhiều chức năng hỗ trợ khác đáp ứng được yêu cầu ứng dụng công nghệ thông tin vào dạy học **[H15.15.04.09]**.

Ngoài ra, việc đánh giá GV còn được thực hiện thông qua khảo sát ý kiến các bên liên quan. Hằng năm, Phòng ĐBCL là đơn vị chủ trì thực hiện xây dựng kế hoạch khảo sát lấy ý kiến SV đang học về hoạt động giảng dạy và SV năm cuối trước khi tốt nghiệp về chất lượng chương trình đào tạo của Nhà trường. Hình thức khảo sát được thực hiện bằng hình thức trực tuyến thông qua tài khoản cá nhân của từng SV ở Cổng thông tin SV [sinhvien.dau.edu.vn](http://sinhvien.dau.edu.vn). Thông tin thu thập được phân loại và xử lý số liệu để xác định được sự hài lòng của SV về hoạt động dạy học của GV. Dữ liệu khảo sát được Phòng ĐBCL thu nhận, xử lý số liệu và tổng hợp, chuyển cho lãnh đạo nhà trường, các đơn vị, cán bộ giảng dạy để xem xét, đánh giá, rút kinh nghiệm và điều chỉnh trong công tác giảng dạy **[H15.15.04.10]**. Ngoài ra, Nhà trường cũng tiến hành khảo sát ý kiến sinh viên tốt nghiệp về chương trình đào tạo trong đó có hoạt động giảng dạy của giảng viên, hoạt động này được tiến hành hàng năm ngay sau mỗi đợt xét công nhận tốt nghiệp **[H15.15.04.11]**. Trong thời gian từ năm 2017-2022 đa phần SV đều hài lòng với hoạt động giảng dạy của Nhà trường. Như vậy, nhà trường đã thực hiện việc đánh giá GV qua nhiều kênh thông tin khác nhau đảm bảo kết quả đánh giá được chính xác, công bằng và khách quan.

Đối với hoạt động học tập của sinh viên, Nhà trường giám sát, đánh giá thông qua nhiều biện pháp khác nhau dựa trên phần mềm quản lý đào tạo và các đơn vị theo nhiệm vụ được phân công. Nhà trường ban hành Quy định công tác SV trong đó có nội dung phục vụ, hỗ trợ, giám sát người học nhằm giám sát hoạt động học tập và rèn luyện của SV **[H15.15.04.12]**. Theo đó, PĐT giám sát về kết quả học tập của SV; P.CTSV giám sát kết quả rèn luyện của SV; các Khoa đồng thời giám sát kết quả học tập và rèn luyện của SV do Khoa quản lý. GVCN đồng thời là CVHT giám sát kết quả học tập và rèn luyện của SV trong lớp được phân công phụ trách **[H15.15.04.13]**. Mỗi học kỳ, Nhà trường đều ban hành Hướng dẫn xử lý kết quả học tập và rèn luyện của SV để xét học vụ SV, đưa ra cảnh báo học vụ đối với những sinh viên có kết quả học tập thấp nhằm nâng cao chất lượng học tập của SV **[H15.15.04.14]**. Bên cạnh việc giám sát kết quả

học tập, SV còn được đánh giá điểm rèn luyện theo Quy định đánh giá điểm rèn luyện. **[H15.15.04.15]**. Nội dung đánh giá bao gồm: Ý thức học tập; ý thức và kết quả chấp hành nội quy, quy chế; ý thức và kết quả tham gia các hoạt động chính trị - xã hội, văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao; phẩm chất công dân và quan hệ với cộng đồng; ý thức tham gia phụ trách lớp, các đoàn thể. Điểm rèn luyện của sinh viên được đánh giá mỗi học kì, năm học và toàn khóa học và là một trong những tiêu chí quan trọng để bình xét danh hiệu thi đua cũng như xét cấp học bổng khuyến khích học tập mỗi năm học. **[H15.15.04.16]**. Để giám sát hoạt động học tập của SV, Nhà trường còn tiến hành gửi kết quả học tập về gia đình SV mỗi học kỳ. Những SV có xếp hạng học lực yếu hoặc rơi vào diện cảnh báo học tập, buộc thôi học đều có 1 thư ngỏ đi kèm để gia đình nắm rõ tình trạng thực tập của SV **[H15.15.04.17]**. Đây là việc làm thiết thực với mục đích gia đình cùng đồng hành với Nhà trường trong quá trình giám sát việc học của SV. Việc giám sát thường xuyên kết quả học tập của sinh viên bằng nhiều phương thức khác nhau đã góp phần nâng cao chất lượng học tập của SV, những SV thường xuyên không lên lớp đều được Ban cán sự lớp và GVCN theo dõi lập danh sách đề nghị Hội đồng thi đua khen thưởng và kỷ luật SV xóa tên SV khỏi danh sách SV của trường. Việc làm này giúp GVCN-CVHT có thể theo dõi chính xác số lượng sinh viên thực học trong lớp, có kế hoạch đôn đốc sinh viên hoàn thành chương trình đào tạo đúng kế hoạch **[H15.15.04.18]**.

**Tự đánh giá: 5/7**

**Tiêu chí 15.5: Triết lý giáo dục cũng như hoạt động dạy và học được cải tiến để đạt được chuẩn đầu ra, đảm bảo dạy và học có chất lượng, học tập suốt đời.**

**Mô tả:** Năm 2020, Nhà trường rà soát điều chỉnh TLGD trên cơ sở lấy ý kiến của các đơn vị. Các ý kiến góp ý của các đơn vị về TLGD của Trường được gửi về phòng ĐBCL để tổng hợp. Trên cơ sở đó, BGH Nhà trường họp với lãnh đạo các đơn vị để điều chỉnh, ban hành TLGD của Trường, phù hợp với xu thế, định hướng phát triển của Trường cũng như xu hướng mới của giáo dục đại học **[H15.15.01.02]**. Các đơn vị thông báo, phổ biến đến nhân viên và giảng viên về TLGD được điều chỉnh của Nhà trường **[H15.15.01.03]**.

Năm 2019 và năm 2022, Nhà trường ban hành kế hoạch rà soát, điều chỉnh hoạt động giảng dạy phù hợp với TLGD và CĐR, gửi đến các khoa để thực hiện **[H15.15.05.01]**. Trên cơ sở đó, các Khoa tiến hành họp GV để rà soát, điều chỉnh hoạt động dạy học phù hợp với TLGD và CĐR. Nhà trường gửi tài liệu hướng dẫn cho GV về đổi mới phương pháp dạy học, hoạt động dạy học theo CĐR **[H15.15.05.02]**.

Hàng năm, Nhà trường ban hành kế hoạch và triển khai khảo sát ý kiến phản hồi của các bên liên quan về hoạt động giảng dạy của Trường, trong đó có khảo sát ý kiến của SV, cựu SV về mức độ hài lòng đối với các hoạt động dạy học. Kết quả khảo sát ý kiến của SV, cựu SV thể hiện mức độ hài lòng đối với các hoạt động dạy học của Trường [H.14.14.05.06]. Bên cạnh đó, vào cuối mỗi học kỳ, Nhà trường tổ chức các buổi đối thoại giữa sinh viên với BGH, lãnh đạo các khoa, bộ môn và lãnh đạo các phòng, qua đó để lắng nghe ý kiến của SV về sự hài lòng đối với các hoạt động dạy học của Trường [H15.15.05.03].

**Tự đánh giá: 5/7**

## **Đánh giá chung về tiêu chuẩn 15**

### **1. Tóm tắt các điểm mạnh**

- Nhà trường ban hành văn bản chính thức tuyên bố TLGD và áp dụng đa dạng các hình thức để phổ biến đến các bên liên quan bên trong và bên ngoài Trường.

- Các CĐR của Nhà trường ban hành phù hợp với TLGD và các hoạt động dạy học được triển khai phù hợp TLGD, hướng đến đạt CĐR đã xác định.

- Trong Quy định về xây dựng, rà soát, cập nhật CĐR, CTĐT của Trường ban hành yêu cầu GV khi xác định hoạt động dạy học phải phù hợp với TLGD.

- Nhà trường thực hiện chiến lược, chính sách về thu hút, tuyển dụng, bổ nhiệm và phát triển đội ngũ GV, đặc biệt là GV có trình độ chuyên môn cao, có học hàm học vị và giàu kinh nghiệm trong giảng dạy và NCKH, cam kết gắn bó lâu dài với Trường.

- Nhà trường thực hiện tốt công tác phân công nhiệm vụ đối với GV phải dựa trên trình độ chuyên môn, năng lực, thành tích chuyên môn và kinh nghiệm của GV.

- Trong giai đoạn 2020 - 2022, các hoạt động dạy học của GV Nhà trường phù hợp với CĐR đã xác định. Hầu hết các ý kiến khảo sát của SV hài lòng về hoạt động giảng dạy GV của Nhà trường.

- Nhà trường triển khai đa dạng các hoạt động đào tạo nhằm tạo môi trường học tập đa dạng, tạo thuận lợi cho việc đạt CĐR, cho việc học tập, nghiên cứu và thúc đẩy người học tìm tòi học hỏi và khám phá tri thức.

- Trong giai đoạn 2020-2022, GV của Nhà trường ứng dụng các phương pháp, công nghệ giảng dạy hiện đại, phù hợp để đạt CĐR của học phần.

- Nhà trường triển khai nghiêm túc việc giám sát GV, đánh giá GV hằng năm thông qua nhiều hình thức khác nhau. Kết quả khảo sát GV, SV, cựu SV thể hiện mức độ hài lòng đối với TLGD và các hoạt động dạy học của Trường.

- Nhà trường triển khai khảo sát ý kiến phản hồi của SV năm cuối trước khi tốt nghiệp và khảo sát cựu SV về chất lượng hoạt động của Trường, từ đó có cơ sở áp dụng các biện pháp nâng cao chất lượng hoạt động của Trường.

- Trong giai đoạn 2020 - 2022, Nhà trường và các Khoa tổ chức nhiều hội thảo về đổi mới PPDH, KTĐG kết quả học tập của người học.

- Căn cứ kết quả khảo sát ý kiến của SV về hoạt động giảng dạy của GV, lãnh đạo Khoa tổ chức gặp mặt các GV được SV góp ý và yêu cầu thực hiện cải tiến phương pháp giảng dạy, kiểm tra, đánh giá người học.

## **2. Tóm tắt các điểm tồn tại**

Nhà trường chưa khảo sát đánh giá mức độ của các bên liên quan bên ngoài về TLGD của Trường.

## **3. Kế hoạch cải tiến**

Từ năm học 2020-2022, định kỳ hằng năm, Nhà trường tiến hành khảo sát đánh giá mức độ của các bên liên quan bên ngoài về TLGD của Trường.

## **4. Mức đánh giá**

<b>Tiêu chuẩn, tiêu chí</b>	<b>Tự đánh giá</b>
<b>Tiêu chuẩn 15</b>	<b>5,2</b>
Tiêu chí 15.1	5,0
Tiêu chí 15.2	6,0
Tiêu chí 15.3	5,0
Tiêu chí 15.4	5,0
Tiêu chí 15.5	5,0



## **Tiêu chuẩn 16: Đánh giá người học**

### **Tiêu chí 16.1: Thiết lập được hệ thống lập kế hoạch và lựa chọn các loại hình đánh giá người học phù hợp trong quá trình học tập.**

**Mô tả:** Đánh giá kết quả học tập của người học là một trong những hoạt động có tầm quan trọng trong hệ thống đào tạo. Hoạt động này đòi hỏi sự chính xác, khách quan, công bằng, đồng thời có tác dụng khuyến khích người học hướng đến mục tiêu học tập suốt đời. Vì vậy việc đa dạng hóa các phương pháp và quy trình kiểm tra đánh giá luôn được nhà trường quan tâm và chỉ đạo các đơn vị thực hiện đúng các quy chế, quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Việc đánh giá sinh viên được thực hiện trong suốt quá trình đào tạo, từ khâu tuyển sinh đầu vào (do hội đồng tuyển sinh chịu trách nhiệm), đánh giá qua quá trình học tập các môn học cho đến đánh giá đầu ra của một khóa học (do Phòng đào tạo và các đơn vị đào tạo chịu trách nhiệm).

Tuyển sinh đầu vào: Tuân thủ quy chế tuyển sinh của Bộ Giáo dục và Đào tạo, nhà trường xây dựng phương án tuyển sinh với các phương thức tuyển sinh khác nhau, đưa ra các tiêu chí để lựa chọn đầu vào phù hợp. Tiêu chuẩn xét tuyển của trường ĐH Kiến Trúc Đà Nẵng là đảm bảo điều kiện xét tuyển của Bộ GDĐT (điểm sàn không nhân hệ số; điểm trúng tuyển của trường không được thấp hơn điểm sàn), đối với các ngành khối Kiến trúc nhà trường tổ chức thi tuyển sinh đầu vào Đánh giá năng lực mỹ thuật gồm 2 phần: trắc nghiệm kiến thức liên quan về Mỹ thuật trên máy và bài thi vẽ tĩnh vật bằng bút chì, điểm để xét là trung bình cộng của 2 phần với mức sàn là  $\geq 4$ .

Trường ĐH Kiến Trúc Đà Nẵng đã xây dựng Quy chế 12/2014/QĐ-ĐHKT căn cứ Quy chế 43 quyết định số 43/2007/QĐ-BGDĐT ngày 15/08/2007 và Thông tư 57/2012/TT.BGDĐT ngày 27/12/2012 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, theo Quyết định 562/2019/QĐ-ĐHKTĐN Về việc ban hành Văn bản hợp nhất “Quy định về đào tạo đại học hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ của Trường Đại học Kiến trúc Đà Nẵng”(Ban hành kèm theo Quyết định số 845/2018/QĐ-ĐHKTĐN ngày 03/12/2018, được sửa đổi và bổ sung tại Quyết định số 561/2019/QĐ-ĐHKTĐN của Hiệu trưởng Trường Đại học Kiến trúc Đà Nẵng); “Quy định về đào tạo đại học hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ của Trường Đại học Kiến trúc Đà Nẵng”, áp dụng đối với SV từ khóa tuyển sinh năm 2019, ban hành kèm theo Quyết định số: 356/QĐ-ĐHKTĐN ngày 16 tháng 09 năm 2020 được sửa đổi bổ sung bởi Quyết định số 591/QĐ-ĐHKTĐN ngày 31/12/2020 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kiến trúc Đà Nẵng; Quyết định số 347/QĐ-ĐHKTĐN ngày 11 tháng 8 năm 2021 và Quy định số 12/2014/QĐ-ĐHKT ngày 15 tháng 01 năm 2014 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kiến trúc Đà Nẵng. Quy chế được công

bộ công khai trên Cổng thông tin sinh viên và Sổ tay sinh viên. Quy chế nêu rõ các hình thức đánh giá học phần, đánh giá bộ phận đối với các học phần có nội dung khác nhau: lý thuyết, thực hành, thí nghiệm, thực tập, các hình thức đánh giá tự luận, trắc nghiệm, vấn đáp... và chấm thi theo từng hình thức đánh giá, cách tính điểm đánh giá bộ phận, điểm học phần **[H16.16.1.02]**... Việc lựa chọn các hình thức đánh giá quá trình và trọng số của các điểm đánh giá quá trình được quy định trong Quy chế đào tạo và được quy định trong Đề cương chi tiết của học phần và được giảng viên giảng dạy thông báo cho sinh viên trong buổi học đầu tiên. Việc tổ chức thi kết thúc học phần được nhà trường giao cho Phòng đào tạo, sau này là Phòng KT&ĐBCL chịu trách nhiệm, đảm bảo việc tổ chức thi học kỳ trong trường ĐH Kiến Trúc Đà Nẵng diễn ra rất nghiêm túc, chặt chẽ, tạo tính khách quan công bằng cho sinh viên, mỗi phòng thi được bố trí 2 cán bộ coi thi tránh các tiêu cực có thể xảy ra. Tất cả các đề thi đều phải có đáp án và xây dựng theo biểu mẫu thống nhất của Quy định mẫu đề thi kết thúc học phần đã được Hiệu trưởng ký ban hành.

Điểm đánh giá học phần với các HP lý thuyết có 4 điểm thành phần với HP có số tín chỉ  $\geq 3$  và 3 điểm thành phần cho các HP khác.

Đối với các HP đồ án môn học, học phần thực tập sinh viên phải bảo vệ trước 2 giảng viên chấm thi theo nội dung và đề cương thực tập đã giao cho sinh viên trước mỗi đợt thực tập, làm đồ án môn học.

Từ học kỳ 2 năm học 2017-2018 nhà trường tổ chức thi trắc nghiệm trên máy tính cho các học phần thuộc Bộ môn Lý luận chính trị giảng dạy nhằm giảm tải cho công tác coi thi, chấm thi, đa dạng hình thức đánh giá. Ngân hàng đề thi đủ lớn đảm bảo đánh giá một cách khách quan kết quả học tập của sinh viên **[H16.16.1.20]**.

Đánh giá thực tập tốt nghiệp: thực tập tốt nghiệp cuối khóa được tiến hành theo hình thức thực tập tại doanh nghiệp, văn phòng nhằm giúp sinh viên có điều kiện khảo sát thực tế, quan sát và ghi nhận thực tiễn của các kiến thức đã học tại giảng đường, tiếp cận các điều kiện kỹ thuật mà lý thuyết chưa đề cập đến do hạn chế thời gian. Các sinh viên sẽ được GV của khoa giao đề cương thực tập, hướng dẫn tìm hiểu, phân tích và đánh giá các vấn đề thực tế. Tại cơ sở, sinh viên cũng được hướng dẫn bởi cán bộ tại cơ sở. Cuối kỳ thực tập, sinh viên có nhiệm vụ viết báo cáo thực tập tốt nghiệp có sự xác nhận, đánh giá của cơ sở thực tập và GV trực tiếp hướng dẫn. Cuối đợt thực tập, sinh viên phải bảo vệ thực tập trước 2 giảng viên của Khoa/bộ môn chuyên môn. Thực tập tốt nghiệp là điều kiện cần để sinh viên có thể thực hiện tiếp đồ án, khoá luận tốt nghiệp.

Đánh giá đồ án/khoá luận tốt nghiệp: được áp dụng cho các sinh viên đạt mức quy định của trường có khối lượng không quá 14 tín chỉ, đồ án hoặc khoá luận tốt nghiệp được thực hiện vào học kỳ cuối cùng. Sinh viên có thể tự đăng ký chọn đề tài tốt nghiệp, chọn GV hướng dẫn hoặc bộ môn sẽ phân công GV hướng dẫn; một số đề tài thực tế có cán bộ hướng dẫn thỉnh giảng ở ngoài trường. Sinh viên làm việc theo sự hướng dẫn của cán bộ hướng dẫn để hoàn thiện đề tài tốt nghiệp. Sinh viên phải trải qua kỳ bảo vệ tốt nghiệp trước hội đồng chấm đồ án, khoá luận được thành lập theo quyết định của hiệu trưởng. Điểm đánh giá đồ án, khoá luận tốt nghiệp sinh viên là điểm trung bình chung của 5 thành viên, bao gồm 3 thành viên hội đồng, 1 GV phản biện và 1 GV hướng dẫn, được làm tròn đến một chữ số thập phân, và được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 [H16.16.1.02].

Học và thi một số học phần chuyên môn thay cho đồ án tốt nghiệp/khoá luận tốt nghiệp: Một số ngành học có thể lựa chọn học các học phần thay thế khoá luận tốt nghiệp cho toàn bộ sv thuộc khoá tốt nghiệp hoặc một vài SV của ngành đó để đủ số tín chỉ tích lũy theo quy định của Chương trình đào tạo [H16.16.1.02].

Công nhận tốt nghiệp và cấp bằng tốt nghiệp: để được công nhận tốt nghiệp, ngoài các điều kiện về đạo đức, chuẩn đầu ra ngoại ngữ và công nghệ thông tin, chứng chỉ giáo dục quốc phòng và hoàn thành các học phần giáo dục thể chất, mỗi sinh viên phải tích lũy đủ số học phần và khối lượng của CTĐT, điểm trung bình chung tích lũy của toàn khóa học đạt từ 2,00 trở lên [H16.16.1.02].

Trong thời gian bị dịch Covid 19, việc đánh giá học phần và Bảo vệ đồ án tốt nghiệp được tổ chức online theo Hướng dẫn số 70/HD-ĐHKTDN của Hiệu trưởng nhà trường, công cụ được sử dụng tổ chức thi là phần mềm Classroom. Đối với bảo vệ đồ án tốt nghiệp, nếu đủ điều kiện sẽ bảo vệ trực tiếp, trường hợp bảo vệ trực tuyến phải có sự đồng thuận giữa sinh viên và các thành viên hội đồng bằng văn bản [H16.16.1.23].

### **Tự đánh giá: 5/7**

**Tiêu chí 16.2: Các hoạt động đánh giá người học được thiết kế phù hợp với việc đạt được chuẩn đầu ra.**

**Mô tả:** Hàng năm nhà trường ban hành hướng dẫn, kế hoạch, quy trình xây dựng, thẩm định và ban hành CTĐT và CDR, năm 2021 nhà trường ban hành Quy định về việc xây dựng, thẩm định, đánh giá, cải tiến và ban hành Chương trình đào tạo số 353/QĐ-ĐHKTDN căn cứ vào Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22/6/2021 của Bộ Giáo dục và đào tạo. Tất cả các CTĐT của trường được xây dựng đều phải theo quy

trình này. Mỗi CTĐT đều được xây dựng bảng ma trận mối quan hệ giữa các học phần và CĐR của chương trình, mối quan hệ giữa mục tiêu đào tạo và chuẩn đầu ra. Căn cứ trên CĐR của CTĐT, các khoa/BM xây dựng CĐR ra của từng môn học. Và dựa trên CĐR của từng môn học, các đơn vị đào tạo xây dựng các hoạt động đánh giá phù hợp để đạt được CĐR về kiến thức, kỹ năng và thái độ của người học [H16.16.2.03].

Về kiến thức: tất cả các học phần mà sinh viên tích lũy trong suốt quá trình đào tạo (từ khối kiến thức giáo dục đại cương đến khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp) đều được GV tổ chức đánh giá điểm quá trình và nhà trường tổ chức thi cuối kỳ. Các yêu cầu về kiến thức trong các đề thi kiểm tra đánh giá và trong các bảng ma trận đề thi phải tuân thủ nghiêm ngặt các quy định của nhà trường như phải bám sát ĐCCT môn học, kiến thức cốt lõi và nâng cao... nhằm đáp ứng được CĐR của từng học phần, đảm bảo việc học tập các học phần tiếp theo và tích hợp kiến thức của sinh viên đối với chuyên ngành. Điểm đạt tối thiểu để đáp ứng CĐR của môn học là điểm D [H16.16.2.03].

Về kỹ năng: với các phương pháp kiểm tra đánh giá đa dạng mà GV áp dụng (bài kiểm tra trên lớp, thi tự luận, thi trắc nghiệm, thi trắc nghiệm trên máy, thi vấn đáp, bài tiểu luận, bài tập nhóm, bài báo cáo thực tập...) giúp sinh viên rèn luyện các kỹ năng cần thiết cho một kỹ sư/cử nhân như: kỹ năng giao tiếp hiệu quả, suy nghĩ tích cực; kỹ năng phân tích tình huống xuất hiện trong công việc; kỹ năng tổng hợp, đối chiếu, so sánh phân tích công nghệ, đề xuất phương án và phát triển sáng tạo; kỹ năng làm việc nhóm, giải quyết vấn đề phát sinh trong các tình huống công việc. Trên thực tế, ngay từ những giờ bài tập của năm đầu, sinh viên được khuyến khích tham gia tích cực vào việc thảo luận theo nhóm trong CTĐT, sinh viên cũng được học học phần kỹ năng mềm. Để tốt nghiệp được, sinh viên phải qua được các học phần này.

Về thái độ: việc điểm danh thường xuyên sẽ đánh giá thái độ lên lớp của sinh viên và kết quả điểm danh cũng là tiêu chuẩn để sinh viên được xem xét tham dự kỳ thi cuối kỳ. Ngoài ra, những sinh viên không trung thực trong các kỳ thi đều bị nhà trường xử lý nghiêm theo quy định của Bộ GDĐT và của trường.

Để đánh giá sinh viên tốt nghiệp có đạt được CĐR, các khoa/ BM dựa trên nhóm 3 tiêu chí: (i) tiêu chí về kiến thức chuyên môn và các kỹ năng bổ trợ (năng lực tìm tòi, tiếp cận giải quyết vấn đề, giao tiếp, thuyết trình), (ii) trình độ tiếng Anh đạt chuẩn, và (iii) trình độ tin học theo quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Kết quả của toàn khóa học (điểm trung bình tích lũy) và đồ án tốt nghiệp/khoá luận tốt nghiệp phản ánh tiêu chí (i) [H16.16.2.02].

**Tự đánh giá: 4/7**

**Tiêu chí 16.3: Các phương pháp đánh giá và kết quả đánh giá người học được rà soát để đảm bảo độ chính xác, tin cậy, công bằng và hướng tới đạt được chuẩn đầu ra.**

**Mô tả:** Để đảm bảo độ chính xác, tin cậy và công bằng trong kiểm tra, đánh giá, các phương pháp đánh giá và kết quả đánh giá người học được nhà trường thường xuyên rà soát. Rà soát: các quy chế quy định, hình thức thi, phần mềm quản lý, phần mềm thi, ngân hàng đề thi, chấm thi, công bố kết quả và các quy trình nghiệp vụ có liên quan,

Việc rà soát các quy chế quy định, phần mềm thi trắc nghiệm trên máy, phần mềm quản lý TKB do Phòng đào tạo chịu trách nhiệm. Các phương pháp đánh giá được rà soát bởi GV và tổ trưởng bộ môn khi rà soát ĐCCT hàng năm. Sau mỗi đợt thi học kỳ và trước khi tổ chức thi học kỳ, Phòng đào tạo đều thực hiện việc rà soát lại ngân hàng đề thi trắc nghiệm trên máy để đảm bảo độ chính xác, tin cậy, công bằng và hướng tới đạt được CĐR [H16.16.3.03]. Việc rà soát được thực hiện căn cứ vào việc phân tích chất lượng ngân hàng đề (độ khó dễ, độ phân cách và độ giá trị của từng câu hỏi), căn cứ trên thống kê và biểu đồ phân bố điểm của sinh viên của từng môn học, từ đó Phòng đào tạo gửi về khoa/ BM yêu cầu chỉnh sửa cho phù hợp. Những học phần có thống kê kết quả học tập của sinh viên mang tính bất thường đều được phân tích chi tiết để tìm hiểu nguyên nhân nhằm có biện pháp điều chỉnh phương pháp đánh giá người học cho phù hợp hơn với CĐR.

Tất cả các đề thi, đáp án sau khi GV biên soạn, phải được tổ trưởng/trưởng ngành rà soát về nội dung, thời lượng, hình thức thi và các thể thức theo quy định rồi mới được sử dụng. Các đề thi chưa có chữ ký phê duyệt sẽ không được nhân bản để tổ chức thi. Các hình thức thi được rà soát, đối sánh giữa ĐCCT với lịch thi bởi GV, Phòng đào tạo, bởi cán bộ coi thi và bởi sinh viên [H16.16.3.04].

Để đảm bảo tính chính xác, công bằng và độ tin cậy về kết quả thi của sinh viên, tất cả các hình thức thi đều được bố trí 2 cán bộ coi thi và 2 cán bộ chấm thi. Ngoài ra, theo quy trình tổ chức thi học kỳ, Phòng đào tạo sẽ kiểm tra ngẫu nhiên 5% tổng số bài thi do GV chấm. Điểm thi được nhập và lưu trữ trên website và phần mềm quản lý của nhà trường, GV và sinh viên có tài khoản sẽ truy cập được, vì vậy mọi sai sót đều được sinh viên phát hiện kịp thời. BGH đã ban hành chính sách về điều chỉnh điểm như hạn chế sửa điểm quá trình, mọi sự thay đổi điểm quá trình phải trình BGH phê duyệt... ; tất cả GV đều phải công bố điểm quá trình cho sinh viên biết trên web trước khi kết thúc môn học, việc này đã giúp cho nhà trường rà soát chặt chẽ tính chính xác, công bằng các kết quả kiểm tra và thi.

Bên cạnh việc rà soát kết quả thi sau mỗi đợt thi, Phòng Thanh tra – Pháp chế thanh tra định kỳ mỗi năm đều lên kế hoạch thanh kiểm tra quá trình tổ chức thi, kết quả đánh giá người học, kiểm tra kết quả xét công nhận tốt nghiệp. Các công việc rà soát của các khoa/ BM và của phòng Thanh tra – Pháp chế được thực hiện độc lập, nhằm mục đích thiết lập kênh giám sát đảm bảo cho công tác tổ chức thi, tổ chức chấm thi và công bố kết quả thi của phòng đào tạo đạt tính tin cậy, công bằng.

Nhà trường tuân thủ các quy định về chấm phúc khảo và khiếu nại điểm. Khi phát hiện có bất cứ sự khác biệt nào giữa bảng ghi điểm đã công bố và điểm được nhập, lưu trữ trong hệ thống quản lý học vụ, sinh viên có trách nhiệm thông báo và đề nghị Phòng đào tạo kiểm tra lại và trả lời cho sinh viên về kết quả kiểm tra. Để phúc tra, phúc khảo bài thi cuối kỳ, sinh viên nộp đơn cho khoa giảng dạy trong thời gian 5 ngày làm việc kể từ ngày khoa công bố bảng điểm học phần. Sinh viên nộp lệ phí phúc tra, phúc khảo theo qui định của trường. Việc tổ chức chấm phúc tra, phúc khảo bài thi được thực hiện theo qui trình ISO hiện hành của trường [H16.16.3.05] và Quy định về Đánh giá kết quả học tập của sinh viên [H16.16.3.01]

Quy trình tổ chức thi học kỳ cùng với các biểu mẫu đính kèm cũng được rà soát hàng năm cho phù hợp với các quy chế quy định. Mỗi năm 2 lần, nhà trường thực hiện tổ chức khảo sát và lấy ý kiến phản hồi của người học về phương pháp và quy trình thực hiện kiểm tra đánh giá. Việc này được thực hiện bởi Phòng đảm bảo chất lượng (trước đây là phòng Thanh tra – Đảm bảo chất lượng), thể hiện trong báo cáo chi tiết hàng năm. Căn cứ trên báo cáo của phòng đảm bảo chất lượng, nhà trường cũng tiến hành phân tích để rà soát các phương pháp đánh giá của tất cả các học phần có liên quan.

**Tự đánh giá: 4/7**

**Tiêu chí 16.4: Các loại hình và các phương pháp đánh giá người học được cải tiến để đảm bảo độ chính xác, tin cậy và hướng tới đạt được chuẩn đầu ra.**

**Mô tả:** Trên cơ sở kết quả nghiên cứu, đánh giá phổ điểm thi của các học phần, các hình thức đánh giá đối với đặc thù mỗi loại học phần, sự phù hợp về trọng số điểm trong đánh giá KQHT của người học, các Khoa điều chỉnh, cải tiến các loại hình, phương pháp KTĐG KQHT của người học và thông qua tại Hội đồng Khoa học. Các Khoa bổ sung áp dụng các loại hình, phương pháp đánh giá KQHT như: thi vấn đáp, tiểu luận, làm đồ án, kiểm tra online... Bên cạnh đó, các Khoa điều chỉnh trọng số điểm trong kiểm tra đánh giá kết quả học tập của người học cho phù hợp [H16.16.4.03]. Đối với công tác tuyển sinh, trong giai đoạn 2018-2022, Nhà trường bổ sung thêm thi cảm thụ mỹ thuật

bằng hình thức trắc nghiệm trên máy đối với khối ngành kiến trúc, đồ họa, với các hình thức, tổ hợp xét tuyển, phương thức xét tuyển, cụ thể: bổ sung thêm hình thức xét tuyển dựa vào điểm trung bình học bạ THPT.

Kết thúc mỗi học kỳ, mỗi năm học, căn cứ kết quả học tập của SV, Phòng Đào tạo, sau này là P.KT&ĐBCL tiến hành thống kê phổ điểm của các học phần và gửi các Khoa để nghiên cứu, đánh giá phổ điểm của các học phần, các hình thức đánh giá đối với đặc thù mỗi loại học phần cũng như sự phù hợp về trọng số điểm trong đánh giá KQHT của người học. Nhà trường còn tổ chức cho các Khoa Khoa có ý kiến về độ tin cậy và độ chính xác của những loại hình, phương pháp đánh giá KQHT của người học. Trong các buổi tiếp xúc giữa lãnh đạo nhà trường và sinh viên hằng năm, Nhà trường tiếp thu ý kiến góp ý, phản hồi của SV về các hình thức, phương pháp thi, đánh giá KQHT của người học [H16.16.4.03].

Nhà trường đã ban hành Quy định Đánh giá kết quả học tập của sinh viên, trong đó có tổ chức thi kết thúc học phần, quy định rõ các hình thức đánh giá, sau khi lấy ý kiến đóng góp của lãnh đạo các đơn vị cũng như toàn thể GV, NV trong nhà trường. [H16.16.4.01].

Quy định Đánh giá kết quả học tập có phân công trách nhiệm cụ thể cho các phòng, khoa trong việc giải quyết đơn xin phúc khảo, khiếu nại của sinh viên về kết quả thi cuối học kỳ, quy định cụ thể thời gian cho việc giải quyết phúc khảo, khiếu nại của SV về kết quả thi. Trong giai đoạn 2018-2022, Nhà trường xử lý đúng quy định các trường hợp phúc khảo về kết quả thi, KTĐG và không có tình trạng khiếu nại của người học về sự thiếu công bằng, minh bạch trong sử dụng các phương pháp đánh giá kết quả học tập của sinh viên [H16.16.4.01].

### **Tự đánh giá: 4/7**

### **Đánh giá chung về tiêu chuẩn 16**

#### ***1. Tóm tắt các điểm mạnh***

- Nhà trường xây dựng và ban hành Quy định Đánh giá kết quả học tập của sinh viên trường Đại học Kiến trúc Đà Nẵng, trong đó quy định tổ chức thi kết thúc học phần, có sự phân công nhiệm vụ cụ thể đối với các đơn vị, P.KT&ĐBCL là đơn vị xây dựng kế hoạch thi kết thúc học phần của toàn Trường, tổ chức thi, chấm thi thi theo quy định, tổ chức phúc khảo học phần; các Khoa cử cán bộ coi thi, chấm thi, nhập điểm lên hệ thống phần mềm quản lý đào tạo theo đúng thời gian quy định;

- Định kỳ từng học kỳ, từng năm học, P.KT&ĐBCL tiến hành phân tích phổ điểm thi của các học phần, các Khoa/Bộ môn tiến hành phân tích và có phương án đề xuất cải tiến, thay đổi các hình thức đánh giá đối với đặc thù mỗi loại học phần, sự phù hợp về trọng số điểm trong đánh giá KQHT của người học.

- Từ học kỳ 2 năm học 2022-2023, Nhà trường triển khai xây dựng ngân hàng câu hỏi thi và ban hành quy định về biên soạn, quản lý ngân hàng câu hỏi thi.

## **2. Tóm tắt các điểm tồn tại**

Nhà trường chưa có các công cụ để đánh giá, phân tích kết quả thi để có phương án cải tiến phương pháp đánh giá kết quả học tập một cách khoa học, chính xác.

## **3. Kế hoạch cải tiến**

Từ năm học 2022-2023, Nhà trường bắt đầu triển khai công tác phúc khảo học phần cho tất cả các học phần lý thuyết đủ điều kiện phúc khảo.

Nhà trường cùng với các Khoa tăng cường mối liên hệ với cựu SV để kịp thời lấy ý kiến phản hồi về về hoạt động thi, đánh giá kết quả học tập của người học.

Đầu tư kinh phí và yêu cầu các Khoa đẩy mạnh việc xây dựng ngân hàng câu hỏi thi cho tất cả học phần lý thuyết.

## **4. Mức đánh giá**

<b>Tiêu chuẩn, tiêu chí</b>	<b>Tự đánh giá</b>
<b><i>Tiêu chuẩn 16</i></b>	<b><i>4,0</i></b>
Tiêu chí 16.1	4,0
Tiêu chí 16.2	4,0
Tiêu chí 16.3	4,0
Tiêu chí 16.4	4,0

## **Tiêu chuẩn 17: Các hoạt động phục vụ và hỗ trợ người học**

**Tiêu chí 17.1: Có kế hoạch triển khai các hoạt động phục vụ và hỗ trợ người học cũng như hệ thống giám sát người học.**



**Mô tả:** Trường ĐHKTDN tổ chức các hoạt động phục vụ và hỗ trợ người học dựa trên các văn bản quy định, hướng dẫn của Bộ GD&ĐT và các bên liên quan **[H.17.17.01.01]**.

Với chủ trương lấy người học làm trung tâm trong tất cả các hoạt động đào tạo và phục vụ đào tạo, Nhà trường đã xác định rõ vị trí, vai trò của người học trong mô hình đào tạo theo học chế tín chỉ để xây dựng kế hoạch triển khai các hoạt động phục vụ và hỗ trợ người học từng bước đáp ứng nhu cầu của người học đồng thời xây dựng, củng cố hệ thống giám một cách hiệu quả nhất. Trường đã xây dựng và ban hành hệ thống các văn bản, quy định, kế hoạch để triển khai các hoạt động phục vụ và hỗ trợ người học cụ thể là Chương trình công tác SV mỗi năm học. **[H.17.17.01.02]**. Ngoài ra, Nhà trường đã ban hành Sổ tay sinh viên để thuận lợi cho sinh viên trong tìm kiếm thông tin phục vụ học tập **[H.17.17.01.03]**.

Để có một hệ thống hỗ trợ SV, nhà trường cũng có sự phân công, giao nhiệm vụ cụ thể cho các cá nhân, tập thể phụ trách hoạt động phục vụ, hỗ trợ và giám sát người học. Cụ thể: Trường đã phân công một Phó Hiệu trưởng trực tiếp chỉ đạo hoạt động công tác sinh viên trong toàn Trường **[H.17.17.01.04]**. Nhiệm vụ, quyền hạn của các đơn vị hỗ trợ, phục vụ sinh viên được quy định rõ trong Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn các Phòng chức năng, và Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường **[H.17.17.01.05]**. Từ đầu năm học, các khoa, phòng và tổ chức đoàn thể đều xây dựng kế hoạch năm học gồm tất cả các nội dung trong đó có các hoạt động phục vụ và hỗ trợ sinh viên để trình Hiệu trưởng phê duyệt làm căn cứ thực hiện.

Nhà trường giao nhiệm vụ cho Phòng Công tác sinh viên chủ trì các hoạt động giáo dục chính trị tư tưởng, hỗ trợ đời sống cho sinh viên, thực hiện các chế độ chính sách, miễn giảm học phí, xét cấp học bổng, đề xuất khen thưởng cho sinh viên Trường **[H.17.17.01.06]**. Nhiệm vụ hỗ trợ của từng chuyên viên trong Phòng được phân công cụ thể theo đầu công việc và công khai để sinh viên dễ dàng tìm hiểu và yêu cầu hỗ trợ **[H.17.17.01.07]**. Bên cạnh đó, Nhà trường cũng giao nhiệm vụ cho các Phòng chức năng và các tổ chức Đoàn Thanh niên – Hội sinh viên, Trung tâm Hỗ trợ sinh viên xây dựng kế hoạch hỗ trợ sinh viên theo nhiệm vụ, lĩnh vực do đơn vị phụ trách **[H.17.17.01.08]**.

Đối với cấp Khoa: Ban Chủ nhiệm khoa phân công một Phó Trưởng khoa phụ trách hoạt động sinh viên. Chỉ đạo Liên Chi đoàn và các Chi đoàn trong việc tạo ra môi trường, sân chơi cho sinh viên học tập và rèn luyện. Phân công giảng viên chủ nhiệm và cố vấn học tập theo dõi, hỗ trợ và tư vấn sinh viên trong suốt quá trình học tập **[H.17.17.01.09]**. Ở cấp lớp, Ban Cán sự lớp là lực lượng nòng cốt đảm nhiệm

vai trò cầu nối giữa Nhà trường và SV, hỗ trợ Nhà trường tổ chức các hoạt động học tập, rèn luyện và các hoạt động sinh hoạt khác theo kế hoạch; thường xuyên liên lạc với GVCN/cố vấn học tập nhằm đảm bảo các vấn đề phát sinh trong quá trình học tập và rèn luyện tại trường được giải quyết kịp thời **[H17.17.01.10]**.

Tổ chức Đoàn Thanh niên – Hội sinh viên đóng vai trò nòng cốt trong việc giáo dục chính trị tư tưởng cho sinh viên, tạo môi trường cho sinh viên sinh hoạt thông qua các Câu lạc bộ, đội nhóm (CLB) và các hoạt động phong trào. Số lượng các CLB được thành lập mới ngày càng nhiều, đáp ứng nhu cầu hoạt động của sinh viên **[H17.17.01.11]**.

Nhà trường chủ trương ứng dụng CNTT trong quản lý và điều hành hoạt động chung của Trường, bao gồm các hoạt động quản lý sinh viên. Trường đầu tư mua mới hệ thống phần mềm quản lý đào tạo EMS với nhiều modul thay thế cho phần mềm UIS trước đây nhằm liên thông dữ liệu và quản lý có hệ thống. Các phân hệ quản lý bao gồm phân hệ đào tạo, tài chính, hệ thống đánh giá người học, quản lý sinh viên, công thông tin sinh viên và thông tin các nhân của người học nhằm tối ưu hóa hiệu quả tiếp cận thông tin, giúp sinh viên quản lý lịch học, lịch thi và xây dựng kế hoạch học tập hiệu quả **[H.17.17.01.12]**. Để đảm bảo tính minh bạch và công bằng trong học tập và các hoạt động khác, Nhà trường thực hiện việc giám sát người học qua hệ thống các phần mềm trong đó mỗi phòng chức năng đều thông qua các modul đã được phân quyền theo chức năng nhiệm vụ, vừa có chức năng chuyển tải thông tin vừa giám sát người học. Phần mềm quản lý đào tạo giúp Nhà trường quản lý được toàn bộ cơ sở dữ liệu về quá trình học tập, rèn luyện của SV **[H.17.17.01.13]**.

Nhà trường đã xây dựng và triển khai hệ thống các hoạt động phục vụ và hỗ trợ SV từ tư vấn đào tạo, hoạt động ngoại khóa, các dịch vụ hỗ trợ khác như chăm sóc y tế, văn hóa văn nghệ, thể dục thể thao **[H.17.17.01.14]**. Ngoài ra, Nhà trường còn xây dựng một hệ thống giám sát người học chặt chẽ nhằm đánh giá ý thức trách nhiệm của SV trong quá trình học tập thông qua Quy chế đánh giá rèn luyện SV qua các năm học **[H.17.17.01.15]**.

Nhà trường cũng đã có các chính sách về xét cấp học bổng khuyến khích học tập của Trường cũng như các chế độ miễn giảm học phí dành cho SV có hoàn cảnh khó khăn hoặc gia đình neo đơn. Bên cạnh đó, thông qua mối quan hệ hợp tác với doanh nghiệp Nhà trường cũng đã kêu gọi được nguồn học bổng tài trợ từ các đơn vị này để hỗ trợ phần nào kinh phí học tập cho các SV có hoàn cảnh khó khăn. **[H.17.17.01.16]**.

Ngoài ra, Nhà trường giao trách nhiệm cho bộ phận Thanh tra, pháp chế kiểm tra tiến độ dạy và học của giảng viên và người học, kiểm tra tiến độ chấm thi, công tác coi thi kết thúc học phần...nhằm đảm bảo quyền lợi cho người học và nâng cao tính chuyên nghiệp trong quản lý Nhà trường [H.17.17.01.17].

Để công tác quản lý và hỗ trợ người học có hiệu quả, Nhà trường đã xây dựng và áp dụng bộ tiêu chí đánh giá CB-GV-NV để đánh giá thi đua, khen thưởng, đồng thời tạo điều kiện cho CB-GV-NV hoàn thành nhiệm vụ và phát huy khả năng của mình [H.17.17.01.18]. Mỗi năm học, Nhà trường tổ chức lấy ý kiến của người học về sự hài lòng trong công tác phục vụ của các bộ phận trực thuộc Nhà trường đối với SV tốt nghiệp; trên 87% SV hài lòng với chất lượng phục vụ của các đơn vị chức năng [H.17.17.01.19].

**Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7**

**Tiêu chí 17.2: Các hoạt động phục vụ và hỗ trợ người học cũng như hệ thống giám sát người học được triển khai để đáp ứng nhu cầu của các bên liên quan.**

**Mô tả:** Trong Quy định chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị thuộc Trường Đại học Kiến trúc Đà Nẵng, có xác định chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị trực thuộc; trong đó có phân công các đơn vị tham gia các hoạt động phục vụ và hỗ trợ người học, giám sát người học [H.17.17.02.01]. Trong đó, Phòng Công tác Sinh viên (CTSV) với chức năng và nhiệm vụ được Nhà trường giao là hỗ trợ tất cả mọi mặt của sinh viên ngoài việc học tập [H.17.17.02.02]. Từ khi nhập học, Nhà trường đã giao cho Phòng Công tác sinh viên và phòng Đào tạo phối hợp đón tiếp, hỗ trợ sinh viên nhập học. Đoàn Thanh niên phối hợp cùng hỗ trợ, hướng dẫn cho sinh viên tìm phòng trọ [H.17.17.02.03]. Nhà trường xây dựng lịch sinh hoạt chính trị đầu khóa nhằm giới thiệu cho sinh viên về Nhà trường, các địa chỉ sinh viên có thể liên hệ khi cần hỗ trợ; các quy định, quy chế của Trường và các đơn vị quản lý cấp trên; hướng dẫn sử dụng các phần mềm quản lý phục vụ học tập; phổ biến mục tiêu đào tạo, chương trình đào tạo và các chế độ chính sách liên quan đến người học [H.17.17.02.04].

Nhằm tạo điều kiện thuận tiện cho sinh viên được tiếp cận, nắm bắt những chủ trương, chính sách của Nhà trường, hiểu biết những quy trình, thủ tục, các quy định, quy chế cũng như những chương trình, sự kiện cấp Khoa, cấp Trường, Nhà trường đã thiết lập hệ thống thông tin trải rộng trong toàn trường với nhiều kênh thông tin đa dạng, phong phú. Trong đó, cổng thông tin website điện tử [www.dau.edu.vn](http://www.dau.edu.vn) là trang ngôn luận chính thống của Nhà trường, mọi thông tin liên quan đều được thể hiện một cách trực

quan, cụ thể, rõ ràng. Bên cạnh đó, còn có trang facebook Trường Đại học Kiến trúc Đà Nẵng, facebook Phòng Đào tạo và facebook Phòng Công tác Sinh viên với ứng dụng Chat box được tương tác thường xuyên bởi đội ngũ cố vấn theo khung giờ nhằm tối ưu hóa hiệu quả cung cấp thông tin cho sinh viên [H.17.17.02.05]. Mỗi SV của Trường ĐHKTDN còn được cung cấp 01 tài khoản hệ thống học tập và email cá nhân trong đó có đầy đủ bảng điểm, lịch học, lịch thi, cảnh báo học vụ, số tín chỉ tích lũy cũng như các điều cần biết thiết yếu dành cho sinh viên [H.17.17.02.06].

Đầu năm học, Phòng Công tác sinh viên chủ trì xây dựng Chương trình công tác sinh viên năm học, trong đó có kế hoạch phục vụ, hỗ trợ người học được Hiệu trưởng phê duyệt làm căn cứ thực hiện [H.17.17.02.07]. Mỗi đơn vị lớp học do giảng viên chủ nhiệm kiêm cố vấn học tập phụ trách, là đầu mối cung cấp thông tin sinh viên về các quy định, quy chế học vụ, CTĐT, kế hoạch đào tạo và kế hoạch đăng ký học phần trong học kỳ của Nhà trường đồng thời hướng dẫn sinh viên xây dựng kế hoạch học tập phù hợp với năng lực sinh viên dựa trên lịch trình học dự kiến của từng CTĐT, cách thức lựa chọn, đăng ký học phần từng học kỳ thông qua cổng thông tin điện tử Nhà trường, theo dõi quá trình học tập của sinh viên [H.17.17.02.08].

Hoạt động nghiên cứu khoa học, khởi nghiệp của sinh viên cũng được quan tâm đầu tư. Phòng KHCN chủ trì trong việc cung cấp thông tin, xây dựng kế hoạch và triển khai, đôn đốc để các khoa cử GV hướng dẫn, vận động và hỗ trợ sinh viên nghiên cứu, tham gia các giải thưởng học thuật. Từ năm 2018-2023, tuy số lượng đề tài NCKH của SV còn ở mức khiêm tốn nhưng SV của Trường đã dành được nhiều giải cao trong các cuộc thi liên quan đến chuyên môn của SV đặc biệt trong lĩnh vực kiến trúc xây dựng, khẳng định được uy tín của Nhà trường và năng lực của sinh viên trong hoạt động nghiên cứu, học thuật [H.17.17.02.09].

Thư viện Nhà trường là một không gian học tập mở được trang bị đầy đủ giáo trình, tài liệu học tập cập nhật với từng CTĐT. Việc ứng dụng CNTT, E-learning hay Thư viện số, Thư viện điện tử trong hoạt động thư viện được triển khai thườn xuyên và toàn diện. Cơ sở dữ liệu trực tuyến trên các nền tảng được cập nhật liên tục nhằm hỗ trợ tối đa cho sinh viên về nguồn tài liệu học tập và NCKH [H.17.17.02.10]. Thư viện Nhà trường với Thư viện số cũng chính là một nguồn hỗ trợ đắc lực trong công tác tra cứu tài liệu, tham khảo môn học, kiến thức chuyên ngành cho SV. Thư viện của Trường cũng đã được cải tạo, nâng cấp khang trang hiện đại với nhiều khu chức năng phục vụ nhu cầu học tập và nghiên cứu của SV. Sinh viên được cung cấp nguồn học liệu đầy đủ thông qua hệ thống thư viện được đầu tư, nâng cấp hiện đại, các đầu sách, giáo trình mới được cập nhật,

bổ sung hằng năm. Hệ thống tài liệu điện tử cũng được cập nhật liên tục để hỗ trợ sinh viên **[H.17.17.02.11]**.

Nhà trường đã dành sự quan tâm, đầu tư cho hoạt động chăm sóc sức khỏe sinh viên. Bố trí 01 cán bộ y tế để chăm sóc sức khỏe cho sinh viên và đầu tư phòng y tế để theo dõi, xử lý ban đầu các trường hợp sinh viên có vấn đề về sức khỏe **[H.17.17.02.12]**. Triển khai mua bảo hiểm và cấp phát thẻ BHYT cho sinh viên; Phối hợp khám sức khỏe cho sinh viên đầu khóa sau khi kết thúc thời gian nhập học **[H.17.17.02.13]**. **[H.17.17.02.14]**. Tư vấn và triển khai các biện pháp đảm bảo an toàn cho GV-NV và người học trong các đợt dịch bệnh. Hỗ trợ Đoàn thanh niên tổ chức Ngày hội sinh viên và các giải thể dục thể thao nhằm nâng cao sức khỏe và tăng cường thói quen tập thể dục cho sinh viên Nhà trường.

Nhằm mục đích đem lại cho SV một môi trường học tập khang trang, nhà trường cũng sửa chữa cải tạo phòng học, nhà vệ sinh, 100% phòng học được lắp điều hòa. Các trang thiết bị học tập cũng thường xuyên mua sắm bổ sung. Từ năm 2021 nhà trường đã lắp đặt hệ thống camera toàn trường, đây là một trong các hoạt động nằm trong kế hoạch chuyển đổi số của Trường **[H.17.17.02.15]**. Cơ sở vật chất của Nhà trường được nâng cấp thường xuyên nhằm hướng đến sự chuyên nghiệp trong phục vụ sinh viên từ giảng đường, phòng máy tính, phòng thực hành thí nghiệm, nhà xe... đều được nâng cấp thường xuyên và có quy trình vận hành phù hợp.

Trường đã có nhiều chính sách để khen thưởng cho sinh viên có thành tích cao trong các lĩnh vực học tập, NCKH và các hoạt động cộng đồng, mỗi năm học đều khen thưởng cho SV có kết quả học tập xếp loại Khá trở lên hoặc có thành tích xuất sắc trong các hoạt động tập thể trích từ nguồn kinh phí của Nhà trường **[H.17.17.02.16]**. Nhà trường đã xây dựng mạng lưới các Doanh nghiệp, các đơn vị bên ngoài có liên kết qua đó đã thu hút được một số lượng lớn học bổng hỗ trợ cho sinh viên nghèo có hoàn cảnh khó khăn. Để động viên, khích lệ SV đạt thành tích cao trong học tập, hoạt động, phong trào đồng thời hỗ trợ SV gặp hoàn cảnh khó khăn về tài chính **[H.17.17.02.17]**. Ngoài ra, tất cả các sinh viên thuộc diện chế độ chính sách đều được Phòng Công tác SV xác nhận để đảm bảo thụ hưởng các chế độ theo quy định của Nhà nước.

Hoạt động phong trào của Đoàn Thanh niên – Hội sinh viên cũng là điểm nhấn trong sự phát triển của Nhà trường. Phong trào đoàn hội đã thu hút hầu hết sinh viên tham gia với các chương trình tình nguyện, các phong trào Xuân tình nguyện... **[H.17.17.02.18]**. Đặc biệt, sự phát triển mạnh mẽ của các CLB sinh viên đã tạo môi trường phù hợp cho sinh viên tham gia học tập, trải nghiệm **[H.17.17.02.19]**. Số lượng

các câu lạc bộ được thành lập năm sau cao hơn năm trước, đạt được nhiều thành tích cao **[H.17.17.02.20]**.

Hằng năm, các Khoa phối hợp cùng với các doanh nghiệp lồng ghép tổ chức chương trình tư vấn, hướng nghiệp và giới thiệu việc làm, nơi thực tập cho sinh viên thông qua các ngày hội tư vấn việc làm theo từng ngành của Khoa. Qua đó, đảm bảo sinh viên có nhu cầu được tư vấn, giới thiệu hàng trăm vị trí thực tập cho sinh viên năm cuối mỗi năm, tham quan thực tế, việc làm bán thời gian và việc làm chuyên môn sau khi tốt nghiệp, trang bị cho sinh viên các kỹ năng cần thiết khi đi xin việc **[H.17.17.02.21]**. Công tác này được coi là một phần quan trọng trong định hướng đào tạo cho SV. Bên cạnh đó, nhà trường còn tổ chức nhiều buổi tọa đàm với các diễn giả đang làm việc trong lĩnh vực liên quan để định hướng nghề nghiệp cho SV trong tương lai **[H.17.17.02.22]**

Ngoài ra, Nhà trường cũng đã ký kết các biên bản ghi nhớ hợp tác giao lưu với các đối tác Nhật Bản để cử SV sang Nhật thực tập trong khoảng thời gian từ 6 tháng đến 01 năm và được quy đổi tín chỉ các học phần thực tập có trong chương trình đào tạo. SV tham gia các chương trình này có cơ hội trải nghiệm với môi trường công việc, tích lũy kiến thức và kỹ năng làm việc vô cùng quý giá trước khi ra trường **[H.17.17.02.23]**.

Hoạt động đánh giá sinh viên được tiến hành công khai, đúng quy trình và hoàn toàn minh bạch. Nhà trường đã xây dựng và ban hành Quy chế đánh giá kết quả rèn luyện SV và Hướng dẫn xử lý kết quả học tập của SV để triển khai, đánh giá kết quả học tập và rèn luyện của sinh viên theo từng học kỳ **[H.17.17.02.24]**.

Nhà trường xây dựng hệ thống giám sát người học lấy CNTT làm trọng tâm với phần mềm quản lý EMS với nhiều modul có thể tra cứu đầy đủ và nhanh chóng các thông tin lí lịch sinh viên, thời khóa biểu, lịch thi, số tín chỉ tích lũy, cảnh báo học vụ, nợ học phí **[H.17.17.02.25]**. Đối với hình thức học trực tuyến, Nhà trường sử dụng phần mềm LMS và lưu trữ lại toàn bộ dữ liệu dạy học nhằm phục vụ công tác kiểm tra đánh giá quá trình dạy và học của GV cũng như SV **[H.17.17.02.26]**.

Định kỳ mỗi năm học, Nhà trường và các Khoa tổ chức gặp gỡ SV tiêu biểu, trao giấy khen của Hiệu trưởng để động viên, khen ngợi các SV đã có thành tích cao trong học tập và hoạt động ngoại khóa **[H.17.17.02.27]**.

Để đánh giá các hoạt động phục vụ hỗ trợ sinh viên, Nhà trường tổ chức lấy ý kiến sinh viên thông qua khảo sát khóa học; thông qua các phiếu khảo sát về mức độ hài lòng với các chất lượng phục vụ các phòng ban, để làm căn cứ cho các biện pháp điều chỉnh cải tiến hoạt động hỗ trợ SV **[H.17.17.02.28]**.

### **Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7**

#### **Tiêu chí 17.3: Các hoạt động phục vụ và hỗ trợ người học cũng như hệ thống giám sát người học được rà soát.**

**Mô tả:** Hằng năm, Nhà trường có thống kê kết quả khảo sát các bên liên quan về hoạt động của Nhà trường, trong đó có nội dung khảo sát về hiệu quả của các hoạt động phục vụ, hỗ trợ và giám sát người học được báo cáo Ban Giám hiệu Nhà trường và gửi đến các đơn vị [H17.17.03.01]. Căn cứ vào kế hoạch của năm học, Phòng CTSV là đơn vị chủ trì soạn thảo và trình Hiệu ký ban hành Chương trình công tác sinh theo từng năm học [H17.17.03.02]. Bên cạnh đó, tại cuộc họp của các đơn vị, lãnh đạo các đơn vị tiến hành rà soát, đánh giá chất lượng các hoạt động phục vụ, hỗ trợ và giám sát người học của đơn vị và của CB, GV, NV [H17.17.03.04]. Tại hội nghị Người lao động hằng năm, Nhà trường tiếp thu ý kiến góp ý của Người lao động về chất lượng các hoạt động phục vụ, hỗ trợ và giám sát người học [H17.17.03.05]. Ngoài ra, Hội nghị "Đối thoại với sinh viên" là một kênh thông tin quan trọng để Nhà trường và các đơn vị tiếp nhận các ý kiến, đánh giá của SV trong hoạt động phục vụ và hỗ trợ người học để có kế hoạch khắc phục, cải tiến nâng cao chất lượng [H17.17.03.06]. Trong báo cáo tổng kết năm học của Trường và của các đơn vị luôn có nội dung rà soát, đánh giá chất lượng các hoạt động phục vụ, hỗ trợ và giám sát người học [H17.17.03.07]. Trên cơ sở đó, Nhà trường có các biện pháp cải tiến chất lượng các hoạt động phục vụ và hỗ trợ người học và được thể hiện trong kết luận cuộc họp cũng như trong kế hoạch năm học tiếp theo [H17.17.03.08]. Hằng năm, Nhà trường triển khai đánh giá Người lao động, trong đó có đánh giá năng lực của đội ngũ CB hỗ trợ của Trường [H17.17.03.09]. Kết quả khảo sát ý kiến phản hồi các bên liên quan thể hiện sự hài lòng về các hoạt động phục vụ, hỗ trợ và giám sát người học của Trường [H17.17.03.01]. Đội ngũ CB hỗ trợ của Trường được đánh giá từ hoàn thành nhiệm vụ trở lên trong hầu hết các năm học giai đoạn 2018-2022 [H17.17.03.10].

Hằng năm, thông qua cuộc họp giữa Ban Giám hiệu với lãnh đạo các khoa, phòng, trung tâm, Nhà trường thực hiện rà soát, đánh giá hiệu quả của hệ thống giám sát người học trong toàn Trường [H17.17.03.02]. Bên cạnh đó, trong báo cáo tổng kết năm học của Nhà trường và của Phòng Đào tạo, Phòng Công tác sinh viên, các Khoa luôn có nội dung đánh giá về hệ thống giám sát người học [H17.17.03.07]. Trong báo cáo tổng kết năm học, báo cáo định kỳ của Phòng Thanh tra pháp chế có nội dung kiểm tra hoạt động hỗ trợ, phục vụ, giám sát người học của các đơn vị [H17.17.03.07]. Ngoài ra, tại hội nghị Người lao động hằng năm, Nhà trường tiếp thu ý kiến góp ý của Người lao động

và tại Hội nghị "Đối thoại với sinh viên" hằng năm, Nhà trường tiếp thu góp ý của sinh viên về hệ thống giám sát người học của Trường [H17.17.03.04]. [H17.17.03.06]. Trên cơ sở đó, Nhà trường xác định các biện pháp cải tiến nhằm nâng cao hiệu quả của hệ thống giám sát người học và được thể hiện trong kết luận cuộc họp cũng như trong kế hoạch năm học tiếp theo [H17.17.03.02].

#### **Tự đánh giá: 6/7**

**Tiêu chí 17.4: Các hoạt động phục vụ, hỗ trợ người học cũng như hệ thống giám sát người học được cải tiến để đáp ứng nhu cầu và sự hài lòng của các bên liên quan.**

**Mô tả:** Hằng năm, Phòng Công tác sinh viên đối sánh kết quả thực hiện hoạt động phục vụ, hỗ trợ người học so với các chỉ số thực hiện chính và các chỉ tiêu phân đầu chính đã được xác định trong chương trình, kế hoạch năm học [H17.17.04.01]. Bên cạnh đó, Nhà trường đối sánh kết quả thực hiện hoạt động phục vụ và hỗ trợ người học của năm học so với năm học trước đó [H17.17.04.02]. Trên cơ sở đó, Nhà trường triển khai nhiều hoạt động phục vụ và hỗ trợ người học hiệu quả như: tổ chức hội thảo giao lưu với doanh nghiệp, tư vấn hướng nghiệp, tham quan thực tế doanh nghiệp,... nhằm nâng cao chất lượng hoạt động phục vụ và hỗ trợ người học [H17.17.04.03]. Trong giai đoạn 2018-2022, các khoa, phòng và các tổ chức đoàn thể tổ chức nhiều hoạt động phục vụ và hỗ trợ người học, góp phần nâng cao chất lượng hoạt động phục vụ và hỗ trợ người học của Trường [H17.17.04.04].

Căn cứ kết quả rà soát, đánh giá hiệu quả của hệ thống giám sát người học, Nhà trường đã đầu tư phần mềm quản lý đào tạo với nhiều tính năng ưu việt trong giám sát người học như: đánh giá điểm rèn luyện, kết quả học tập, đăng ký học phần,... Phần mềm quản lý đào tạo mới đã giúp cho việc lưu trữ CSDL về kết quả học tập và rèn luyện của người học nhanh chóng, thuận lợi, an toàn [H17.17.04.05]. Bên cạnh đó, mỗi SV của Nhà trường còn được cung cấp 01 tài khoản học tập trên cổng thông tin dành cho SV (<http://sinhvien.dau.edu.vn>) trong đó có đầy đủ bảng điểm, lịch học, lịch thi, cảnh báo học vụ, số tín chỉ tích lũy cũng như các điều cần biết thiết yếu dành cho sinh viên, cho phép SV truy cập và theo dõi một cách thuận lợi, hiệu quả [H17.17.04.06]. Ngoài ra, Nhà trường tăng cường tập huấn, trang bị nghiệp vụ cho đội ngũ GVCN-CVHT nhằm góp phần nâng cao hiệu quả công tác giám sát người học của Trường [H17.17.04.07]. Kinh phí Nhà trường chi cho tổ chức các hoạt động phục vụ và hỗ trợ người học, cải tiến hệ thống giám sát người học tăng qua từng năm [H17.17.04.08].



Hàng năm, Nhà trường triển khai khảo sát ý kiến các bên liên quan về hoạt động của Trường, trong đó có nội dung khảo sát hiệu quả của hoạt động phục vụ, hỗ trợ và giám sát đối với người học [H17.17.04.09]. Kết quả khảo sát ý kiến phản hồi của SV, cựu SV thể hiện mức độ hài lòng đối với hoạt động phục vụ, hỗ trợ và giám sát người học, với trên 70% ý kiến hài lòng đối với hoạt động phục vụ, hỗ trợ và giám sát người học của Nhà trường [H17.17.04.10]. Trong giai đoạn 2018-2022, Nhà trường tổ chức nhiều hoạt động hiệu quả hoạt động phục vụ và hỗ trợ người học [H17.17.04.11]. Ý kiến của Người lao động tại Hội nghị Người lao động hằng năm cũng như ý kiến của SV tại “Hội nghị đối thoại với sinh viên” hằng năm đều thể hiện sự hài lòng đối với hoạt động phục vụ, hỗ trợ và giám sát người học của Trường [H17.17.04.12].

**Tự đánh giá: 6/7**

**Đánh giá chung về tiêu chuẩn 17**

### ***1. Tóm tắt các điểm mạnh***

- Nhà trường ban hành hệ thống văn bản quản lý hoạt động phục vụ và hỗ trợ người học bao gồm: Quy chế công tác SV theo học chế tín chỉ; Quy định về đánh giá kết quả rèn luyện SV; Hướng dẫn về xét cấp học bổng khuyến khích học tập; Quy định về miễn giảm học phí cho SV.

- Nhà trường thông báo hệ thống văn bản quản lý hoạt động phục vụ và hỗ trợ người học đến các đơn vị để thực hiện và phổ biến đến cán bộ công nhân viên, người học biết để thực hiện.

- Trong chương trình công tác sinh viên mỗi năm học của Trường và của các đơn vị luôn có các hoạt động tư vấn, phục vụ, hỗ trợ và giám sát người học với sự phân công cụ thể cho các đơn vị thực hiện.

- Nhà trường phân công P.CTSV là đơn vị phụ trách chính về công tác phục vụ, hỗ trợ, giám sát người học, đồng thời phối hợp với Đoàn Thanh niên - Hội SV Nhà trường để tổ chức các hoạt động ngoại khóa nâng cao sức khỏe tinh thần cho sinh viên. Ở các khoa, Phó Trưởng khoa được phân công trực tiếp phụ trách CTSV và đội ngũ GVCN-CVHT thường xuyên thực hiện, triển khai các hoạt động phục vụ và hỗ trợ người học.

- Nhà trường xây dựng và triển khai hệ thống giám sát người học từ cấp trường đến cấp Khoa. P.ĐT là đơn vị giám sát về kết quả học tập của người học, P.CTSV là đơn vị chịu trách nhiệm chính giám sát về kết quả rèn luyện của người học, P.TTPC là đơn vị chịu trách nhiệm giám sát hoạt động giảng dạy của GV và học tập của SV. Lãnh đạo Khoa tham gia hoạt động giám sát kết quả học tập và rèn luyện của sinh viên thuộc Khoa

quản lý. Đội ngũ GVCN-CVHT giám sát kết quả học tập và rèn luyện của sinh viên thuộc lớp được phân công phụ trách.

- Trong Bản mô tả vị trí công việc do Nhà trường ban hành có các tiêu chí, yêu cầu về năng lực của cán bộ nhân viên.

- Đội ngũ nhân viên hỗ trợ của Nhà trường đảm bảo về chuyên môn, nghiệp vụ để triển khai các hoạt động phục vụ và hỗ trợ người học; được đánh giá theo bộ tiêu chí đánh giá năng lực của đội ngũ cán bộ, nhân viên hỗ trợ.

- Nhà trường và các đơn vị tích cực tổ chức các hoạt động phục vụ và hỗ trợ người học, góp phần nâng cao chất lượng học tập và nghiên cứu của người học.

- Hằng năm, Nhà trường thực hiện rà soát, đánh giá hiệu quả hoạt động phục vụ, hỗ trợ và giám sát người học của Trường thông qua khảo sát ý kiến của các bên liên quan về hoạt động của Trường, trong đó có nội dung đánh giá hoạt động phục vụ, hỗ trợ và giám sát người học; tiếp thu ý kiến góp ý của SV tại Hội nghị “Đối thoại với sinh viên” về chất lượng các hoạt động phục vụ, hỗ trợ và giám sát người học.

- Trong báo cáo tổng kết năm học của Trường và của các đơn vị luôn có nội dung rà soát, đánh giá chất lượng các hoạt động phục vụ, hỗ trợ và giám sát người học.

- Trong giai đoạn 2018-2022, kết quả khảo sát ý kiến phản hồi của SV, cựu SV thể hiện mức độ hài lòng đối với hoạt động phục vụ, hỗ trợ và giám sát người học của Trường.

## ***2. Tóm tắt các điểm tồn tại***

Đội ngũ GVCN-CVHT của Nhà trường là GV kiêm nhiệm nên chưa dành nhiều thời gian cho việc tư vấn, hỗ trợ và giám sát người học.

## ***3. Kế hoạch cải tiến***

Từ năm học 2022-2023, Nhà trường tăng cường phân bổ thời gian cho đội ngũ CVHT để nâng cao hiệu quả tư vấn, hỗ trợ và giám sát người học.

## ***4. Mức đánh giá***

<b>Tiêu chuẩn, tiêu chí</b>	<b>Tự đánh giá</b>
<b><i>Tiêu chuẩn 17</i></b>	<b><i>5,0</i></b>
Tiêu chí 17.1	5,0

Tiêu chí 17.2	5,0
Tiêu chí 17.3	6,0
Tiêu chí 17.4	5,0

### **Tiêu chuẩn 18: Quản lý nghiên cứu khoa học**

**Tiêu chí 18.1. Thiết lập được hệ thống chỉ đạo, điều hành, thực hiện, giám sát và rà soát các hoạt động nghiên cứu, chất lượng cán bộ nghiên cứu, các nguồn lực và các hoạt động liên quan đến nghiên cứu.**

**Mô tả:** Với sứ mệnh phát triển thành trường đại học thông minh theo định hướng ứng dụng, Trường Đại học Kiến trúc Đà Nẵng xác định Nghiên cứu khoa học là yếu tố quan trọng góp phần thực hiện thành công mục tiêu chuyển đổi số quốc gia, giúp gia tăng giá trị học thuật nhằm đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao phục vụ cho hoạt động đổi mới, sáng tạo, làm động lực thúc đẩy phát triển kinh tế, tri thức. Vì vậy, trong Chiến lược phát triển và kế hoạch năm học nhà trường luôn chú trọng triển khai các hoạt động NCKH của GV và SV.

Về cơ cấu tổ chức: Hệ thống chỉ đạo, điều hành, thực hiện, giám sát và rà soát các hoạt động nghiên cứu, chất lượng cán bộ nghiên cứu, các nguồn lực và các hoạt động liên quan đến nghiên cứu gồm BGH, Phòng KHCN và các đơn vị Khoa. Năm 2018, nhà trường đã thành lập Hội đồng khoa học và Đào tạo [H18.18.1.01], Hội đồng có nhiệm vụ tư vấn định hướng phát triển khoa học công nghệ, kế hoạch hoạt động khoa học công nghệ, giao nhiệm vụ NCKH, đánh giá công tác quản lý và thực hiện hoạt động KHCN của các đơn vị trong trường. Hiệu trưởng phụ trách chỉ đạo hoạt động KHCN của Trường, trực tiếp chỉ đạo việc triển khai công tác quản lý, giám sát và rà soát các hoạt động nghiên cứu của nhà trường nhằm đạt được các mục tiêu chiến lược đã xác định trong kế hoạch phát triển giáo dục của nhà trường [H18.18.1.01], [H18.18.1.02].

Nhà trường đã phân công nhiệm vụ cho phòng KHCN của Trường có chức năng tham mưu, giúp việc cho Hiệu trưởng trong công tác NCKH của GV, NV và SV; thực hiện các nghiệp vụ về KHCN trong Trường; chịu trách nhiệm chính trong việc triển khai, giám sát và rà soát các hoạt động KHCN, chất lượng cán bộ nghiên cứu, các nguồn lực và các hoạt động liên quan đến nghiên cứu trong Trường [H18.18.1.03]. Ngoài ra, mỗi Khoa phân công 01 thành viên phụ trách công tác nghiên cứu khoa học Khoa, giám

sát, rà soát các hoạt động nghiên cứu của Khoa và báo cáo phòng KHCN [H18.18.1.04]. Cơ cấu tổ chức các đơn vị quản lý và tham gia NCKH được thể hiện trong sơ đồ tổ chức các đơn vị của nhà trường [H18.18.1.05].

Để quản lý hiệu quả hoạt động KHCN tại trường Đại học Kiến trúc Đà Nẵng, Nhà trường ban hành các quy định, các hướng dẫn thực hiện công việc, các quy trình nghiệp vụ... liên quan đến hoạt động KHCN. Cụ thể là các quy định: Quy định quản lý hoạt động Khoa học công nghệ của trường Đại học Kiến trúc Đà Nẵng [H18.18.1.06], Quy định về hoạt động NCKH của sinh viên trường Đại học Kiến trúc Đà Nẵng [H18.18.1.07], Quy định về quản lý đề tài KHCN của trường Đại học Kiến trúc Đà Nẵng [H18.18.1.08].

Về khối lượng NCKH của GV; Nhà trường thực hiện các hoạt động KHCN theo Quy định quản lý hoạt động KHCN của Trường Đại học Kiến trúc Đà Nẵng; trong đó quy định rõ khối lượng giờ thực hiện NCKH các chức danh giảng viên, theo đó giảng viên có định mức là 600 giờ, giảng viên có học vị Tiến sĩ và giảng viên chính là 650 giờ, giảng viên chính có học vị Tiến sĩ và giảng viên cao cấp là 750 giờ, Phó giáo sư là 800 giờ, Giáo sư là 850 giờ. Đối với giảng viên giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý được quy định tỉ lệ % định mức khối lượng giờ thực hiện NCKH, cụ thể là 10 % đối với Chủ tịch Hội đồng trường, Hiệu trưởng; 20% đối với Phó Hiệu trưởng; 25% đối với Trưởng phòng; 30% đối với Phó Trưởng phòng; 55-60% đối với Trưởng khoa; 60-65% đối với Phó Trưởng khoa; 70-75% đối với Tổ trưởng Bộ môn; 70% đối với Bí thư Đảng ủy, Chủ tịch Công đoàn, Bí thư Đoàn trường; 80% đối với Phó Bí thư Đảng ủy, Phó Chủ tịch Công đoàn, Phó Bí thư Đoàn trường, Chủ tịch Hội sinh viên; 85% đối với Bí thư/ Phó Bí thư chi bộ, Chủ tịch/ Phó Chủ tịch Công đoàn khoa, Bí thư/ Phó Bí thư Đoàn khoa; 85% đối với Giảng viên phụ trách công tác NCKH cấp khoa... [H18.18.1.06].

Trong các cuộc họp giao ban giữa Ban giám hiệu nhà trường với lãnh đạo các đơn vị, Ban giám hiệu yêu cầu P. KHCN, lãnh đạo các đơn vị thực hiện nghiêm túc công tác giám sát, rà soát các hoạt động NCKH của Trường và của đơn vị [H18.18.1.09]. Kết quả giám sát, rà soát các hoạt động nghiên cứu của nhà trường được thể hiện trong báo cáo tổng kết năm học của Trường cũng như của P. KHCN [H18.18.1.10].

Các văn bản quy định về quy trình, hướng dẫn thực hiện các đề tài NCKH của GV và SV, quy định về khối lượng NCKH đối với GV được Nhà trường thông báo đến GV-NV, SV bằng văn bản thông qua địa chỉ email nội bộ hoặc qua hệ thống văn thư điện tử của Trường [H18.18.1.11]. Trong quá trình triển khai thực hiện, Nhà trường xem xét bổ sung, điều chỉnh các quy định, quy chế cho phù hợp với tình hình thực tế của đơn vị [H18.18.1.12].

Hàng năm, căn cứ kế hoạch hoạt động NCKH đã được phê duyệt, P. KHCN gửi thông báo hướng dẫn đăng ký đến các đơn vị để xây dựng và đề xuất các đề tài nghiên cứu phù hợp với chuyên môn, lĩnh vực quan tâm [H18.18.1.13]. Các đơn vị triển khai đề GV, SV đề xuất đề tài NCKH, tổng hợp gửi về P. KHCN [H18.18.1.14]. Trên cơ sở đó, P. KHCN tổng hợp, đề xuất, tham mưu Hiệu trưởng ký quyết định thành lập Hội đồng xét duyệt các đề xuất đề tài NCKH [H18.18.1.15]. Căn cứ kết quả xét duyệt đề tài NCKH của các Hội đồng, P. KHCN tham mưu Hiệu trưởng ban hành quyết định giao thực hiện đề tài NCKH trong năm học [H18.18.1.16], đồng thời nhà trường cấp kinh phí cho các chủ nhiệm đề tài theo Quy định quản lý KHCN của trường H18.18.1.06] và dự toán kinh phí thực hiện đề tài [H18.18.1.16].

Để đánh giá chất lượng đề tài NCKH, Nhà trường thành lập các Hội đồng nghiệm thu các kết quả và sản phẩm đề tài NCKH [H18.18.1.17]. Các đề tài NCKH được nghiệm thu theo các tiêu chí đánh giá chất lượng được xác định trong Quy định quản lý đề tài KHCN của Trường [H18.18.1.08]. Hoạt động thi đua khen thưởng của nhà trường gắn liền với hoạt động NCKH; để nâng cao chất lượng kết quả nghiên cứu, khuyến khích cá nhân đơn vị tăng cường tham gia hoạt động KHCN, Nhà trường đã có những quy định khen thưởng và động viên các cá nhân và tập thể có thành tích tốt trong NCKH [H18.18.1.18]. P. KHCN thường xuyên kiểm tra, giám sát tình hình thực hiện các nhiệm vụ KHCN định kỳ hàng năm và báo cáo kịp thời đến Hiệu trưởng về những khó khăn, vướng mắc phát sinh cũng như các hoạt động đã hoàn thành để xin ý kiến chỉ đạo và có biện pháp khắc phục kịp thời (nếu cần), tạo điều kiện cho các đơn vị, cá nhân hoàn thành tốt nhiệm vụ [H18.18.1.19].

Cuối mỗi năm học, P. KHCN thống kê các hoạt động KHCN của GV toàn trường thông qua trang web kê khai thông tin NCKH <https://qlnckh.dau.edu.vn> [H18.18.1.20] để báo cáo đến BGH, trên cơ sở đó Nhà trường báo cáo số lượng, chất lượng hoạt động NCKH trong báo cáo Tổng kết năm học hàng năm tại buổi tổng kết năm học [H18.18.1.10].

**Tự đánh giá:5/7**

**Tiêu chí 18.2. Chiến lược tìm kiếm nguồn kinh phí phục vụ nghiên cứu, thúc đẩy, nghiên cứu, phát kiến khoa học, hợp tác và nghiên cứu đỉnh cao được triển khai để đạt được tầm nhìn và sứ mạng của CSGD**

**Mô tả:** Nghiên cứu khoa học, phát triển và đổi mới là những nhiệm vụ cốt lõi được xác định trong sứ mạng và tầm nhìn của Trường ĐHKTDN. Sứ mạng đã tuyên bố Nhà

trường có nhiệm vụ phát triển thành trường đại học thông minh theo định hướng ứng dụng, xây dựng môi trường nghiên cứu khoa học ứng dụng hiện đại, làm động lực thúc đẩy phát triển kinh tế tri thức, góp phần nâng cao chất lượng cuộc sống của nhân dân. Trong tầm nhìn phát triển của Trường đến năm 2030, Trường ĐHKTDN trở thành trường đại học thông minh theo định hướng ứng dụng, là một trong những trường đại học hàng đầu về chuyên đổi số **[H18.18.2.01]**.

Từ năm 2020, nhà trường từng bước gắn liền hoạt động KHCN với thực tiễn, tạo hiệu quả thiết thực khi áp dụng các kết quả nghiên cứu vào quản lý và đào tạo. Từ năm 2025, triển khai hợp tác, phát triển mối quan hệ giữa trường với các tổ chức nghề nghiệp, doanh nghiệp có liên quan đến các ngành đào tạo của trường thông qua hoạt động hợp tác nghiên cứu, chuyển giao các kết quả nghiên cứu, góp phần đổi mới chương trình đào tạo, nâng cao năng lực quản lý và giảng dạy cho đội ngũ GV, thu hút các nguồn lực xã hội cho công tác NCKH và đóng góp tài chính vào ngân sách của nhà trường. Với định hướng phát triển như vậy, Nhà trường xác định trong giai đoạn 2018-2022 các hoạt động NCKH tập trung vào việc đổi mới và sáng tạo trong hoạt động đào tạo và hướng tới phục vụ phát triển và hội nhập; việc triển khai các hoạt động NCKH để có nguồn thu cho trường không phải là mục tiêu trọng tâm mà nhà trường hướng đến **[H18.18.2.01]**.

Hàng năm, nhà trường đã dành nguồn lực, đặc biệt là nguồn kinh phí cho hoạt động NCKH của Trường thể hiện qua Hội chị Mai Lan của Trường **[H18.18.2.02]**. Để triển khai chiến lược phát triển hoạt động NCKH, Nhà trường đã có chính sách thu hút cán bộ, giảng viên, sinh viên tham gia các hoạt động nghiên cứu thông qua việc ban hành hệ thống văn bản về hoạt động NCKH bao gồm: Quy định quản lý hoạt động Khoa học công nghệ của trường Đại học Kiến trúc Đà Nẵng **[H18.18.2.03]**, Quy định về hoạt động NCKH của sinh viên trường Đại học Kiến trúc Đà Nẵng **[H18.18.2.04]**; trong đó có các chế độ ưu tiên, hỗ trợ và khen thưởng đối với GV, SV tham gia hoạt động NCKH như công bố các bài báo quốc tế, bài báo được đăng ở các tạp chí được tính điểm của Hội đồng CDGSNN, báo cáo tại các hội nghị hội thảo... Với mục đích thúc đẩy hoạt động NCKH, đặc biệt là nghiên cứu sáng tạo, Nhà trường xây dựng và ban hành Quy định về quản lý hoạt động của Nghiên cứu viên **[H18.18.2.05]**. Nhà trường thông báo quy chế hoạt động của Nghiên cứu viên đến các đơn vị để thực hiện và phổ biến đến GV, SV biết để thực hiện **[H18.18.2.06]**. Trên cơ sở đó, Nhà trường thông báo đến toàn trường để đăng ký và thành lập các nhóm nghiên cứu phục vụ cho nhiệm vụ NCKH **[H18.18.2.07]**, **[H18.18.2.08]**. Trong Quy định về quản lý hoạt động của Nghiên cứu viên của Nhà trường ban hành có quy định tạo điều kiện cho hoạt động của các nhóm

nghiên cứu mạnh nhằm thúc đẩy nghiên cứu, phát triển khoa học, hợp tác và nghiên cứu đỉnh cao để đạt được chiến lược phát triển đã xác định.

Bên cạnh việc quan tâm tới nguồn tài chính dành cho hoạt động NCKH, hằng năm Nhà trường luôn chú trọng tổ chức các Hội nghị và Hội thảo khoa học, các khóa học, các buổi tập huấn, buổi nói chuyện chuyên đề cho GV, NV và SV. Nhà trường chú trọng mời những các chuyên gia có kinh nghiệm trong lĩnh vực NCKH tham gia trao đổi, báo cáo tại các hội thảo khoa học tại Trường nhằm nâng cao chất lượng đào tạo của trường và hỗ trợ phục vụ các đề tài NCKH [H18.18.2.09]. Số lượng các đề tài nghiệm thu, các giáo trình nội bộ được nhà trường công nhận, các bài báo khoa học được đăng trên tạp chí trong và ngoài nước được cải thiện trong giai đoạn 2018 – 2022 [H18.18.2.10].

Phòng KHCN và các đơn vị đã tích cực triển khai các hoạt động hợp tác NCKH, chuyên giao công nghệ với các doanh nghiệp, các trường đại học trong và ngoài nước; và đã ký kết nhiều văn bản hợp tác với các đối tác để triển khai các hoạt động NCKH [H18.18.2.11].

Tại các cuộc họp giữa BGH Nhà trường với lãnh đạo các đơn vị, BGH thường xuyên quán triệt, yêu cầu các đơn vị tập trung triển khai các hoạt động KHCN theo kế hoạch đã ban hành [H18.18.2.12]. Thực hiện kế hoạch NCKH hằng năm đã được ban hành, Phòng KHCN tổng hợp đề xuất, tổ chức xét duyệt, triển khai các đề tài NCKH, theo dõi tiến độ thực hiện, tổ chức nghiệm thu theo đúng Quy định quản lý hoạt động KHCN của Trường ban hành [H18.18.2.13]. Phòng KHCN phối hợp với Phòng TCKT hướng dẫn cụ thể để các chủ nhiệm đề tài NKCH thực hiện quyết toán kinh phí đã được cấp đối với đề tài NCKH cấp trường, chi phí hỗ trợ đăng bài trên các tạp chí chuyên ngành được hội đồng CDGSNN công nhận và các bài báo khoa học đăng trên các tạp chí quốc tế ISI thuộc nhóm Q1, Q2, Q3 theo Web of Science [H18.18.2.14]. Trong giai đoạn 2018-2022, số lượng hoạt động KHCN của trường tăng dần qua từng năm [H18.18.2.15]. GV Nhà trường đã thực hiện 02 đề tài cấp Bộ, 71 đề tài cấp Trường [H18.18.2.16]. Nhà trường tổ chức thành công nhiều hội nghị, hội thảo khoa học với các đối tác trong và ngoài nước [H18.18.2.09]. Trong giai đoạn 2018-2022, giảng viên và sinh viên Nhà trường đã đạt nhiều thành tích trong NCKH và được nhận nhiều hình thức khen thưởng các cấp [H18.18.2.17].

**Tự đánh giá: 5/7**

**Tiêu chí 18.3. Các chỉ số thực hiện chính được sử dụng để đánh giá số lượng và chất lượng nghiên cứu**

**Mô tả:** Căn cứ chiến lược phát triển giáo dục đào tạo của nhà trường [H18.18.3.01]; hàng năm, trong Báo cáo tổng kết năm học và nhiệm vụ trọng tâm cho năm học tiếp theo [H18.18.3.02], nhà trường xác định các định hướng phát triển về hoạt động khoa học cho năm học sau; từ đó phòng KHCN lập thông báo xác định các chỉ tiêu cụ thể về số lượng và chất lượng nghiên cứu cần đạt được để thực hiện mục tiêu phương hướng về NCKH do nhà trường đặt ra [H18.18.3.03]. Tại các cuộc họp giữa Ban giám hiệu và lãnh đạo các đơn vị, Ban giám hiệu yêu cầu P.KHCN và các đơn vị triển khai hoạt động KHCN để đạt được các chỉ tiêu cụ thể về số lượng chất lượng nghiên cứu của trường [H18.18.3.04].

Các chỉ số chính đã được Nhà trường xác định để đánh giá số lượng và chất lượng nghiên cứu bao gồm: 1/ Số bài báo ISI và Scopus; 2/ Số bài báo công bố ở các tạp chí uy tín trong và ngoài nước; 3/ Số đề tài khoa học công nghệ cấp cơ sở, cấp Bộ của giảng viên/năm; 4/ Số đề tài nghiên cứu khoa học sinh viên/năm; 5/ Số Hội nghị, Hội thảo khoa học tổ chức/năm [H18.18.3.03].

Từ chiến lược phát triển giáo dục đào tạo của nhà trường giai đoạn 2020-2025, Nhà trường đã lập kế hoạch xác định các chỉ số về số lượng, chất lượng NCKH cho giai đoạn 2020-2025, tầm nhìn đến năm 2030 như sau [H18.18.3.05]:

STT	Chỉ số mục tiêu	2020	2025	2030
1	Số bài báo ISI và Scopus/năm	25	45	50
2	Số bài báo công bố ở các tạp chí uy tín trong và ngoài nước	150	325	450
3	Số đề tài NCKH cấp cơ sở, cấp Bộ của GV/năm	10	27	30
4	Số đề tài NCKH sinh viên/năm	10	17	20
5	Số Hội nghị, Hội thảo khoa học /năm	25	38	45

Các chỉ số mục tiêu của giai đoạn này được phân bổ cho mục tiêu hằng năm cho giai đoạn 2020 - 2025 [H18.18.3.03]. Cụ thể như sau:

STT	Chỉ số thực hiện	2020	2021	2022	2023	2024	2025
1	Số bài báo ISI và Scopus/năm	5	7	8	9	10	11



2	Số bài báo công bố ở các tạp chí uy tín trong và ngoài nước	25	50	60	65	70	80
3	Số đề tài NCKH cấp cơ sở, cấp Bộ của GV/năm	2	2	5	5	6	7
4	Số đề tài NCKH sinh viên/năm	2	2	3	3	4	5
5	Số Hội nghị, Hội thảo khoa học /năm	5	6	7	7	8	10

Cuối mỗi năm học, Phòng KHCN tổng kết hoạt động NCKH của trường để có phương hướng điều chỉnh kế hoạch hoạt động NCKH sẽ triển khai vào năm tiếp theo cho phù hợp với thực tiễn. Số liệu thực tế về các chỉ số đã được thực hiện trong giai đoạn 2018-2022 như sau [H18.18.3.06]:

**Bảng 18.2. Bảng tổng hợp số lượng hoạt động KHCN thực tế thực hiện**

TT	Chỉ số thực hiện	2018	2019	2020	2021	2022
1	Số bài báo ISI và Scopus/năm	3	10	8	9	11
2	Số bài báo công bố ở các tạp chí uy tín trong và ngoài nước	6	12	28	57	61
3	Số đề tài NCKH cấp cơ sở, cấp Bộ của GV/năm	3	6	2	2	5
4	Số đề tài NCKH sinh viên/năm	0	4	1	2	0
5	Số Hội nghị, Hội thảo khoa học /năm	5	4	6	9	3

Trong giai đoạn 2018-2022, số lượng bài báo đăng trên các tạp chí chuyên ngành trong nước và quốc tế của GV, NV nhà trường tăng đáng kể, phù hợp với định hướng nghiên cứu ứng dụng và phát triển của Nhà trường [H18.18.3.07]. Các đề tài KHCN các cấp nghiệm thu đúng tiến độ và số lượng đề tài được phê duyệt hằng năm tăng đáng kể. Hoạt động SV NCKH của Nhà trường cũng phát triển mạnh, có rất nhiều tác phẩm, đề tài của sinh viên gửi đi tham gia các cuộc thi các cấp và đem về thành quả cao [H18.18.3.08].

Kết quả chất lượng hoạt động NCKH đồng thời được thể hiện trong các biên bản hội đồng nghiệm thu đề tài NCKH, các tiêu chí đánh giá được quy định trong Quy định

về quản lý hoạt động NCKH của trường để đánh giá chất lượng các đề tài [H18.18.3.09]. Nhà trường phân công P.KHCN chủ trì và phối hợp khảo sát các bên liên quan về hoạt động NCKH của Nhà trường [H18.18.3.10]. P. KHCN xây dựng kế hoạch khảo sát và triển khai lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan, từ kết quả khảo sát cho thấy những người được khảo sát thể hiện sự đánh giá rất tốt về chất lượng hoạt động NCKH của nhà trường [H18.18.3.11], [H18.18.3.12].

**Tự đánh giá: 5/7**

#### **Tiêu chí 18.4. Công tác quản lý nghiên cứu được cải tiến để nâng cao chất lượng nghiên cứu và phát kiến khoa học**

Nhằm cải tiến công tác quản lý nghiên cứu để nâng cao chất lượng nghiên cứu khoa học; năm học 2021 - 2022; Nhà trường tổ chức khảo sát ý kiến phản hồi các bên liên quan về hoạt động khoa học công nghệ. Nhà trường phân công nhiệm vụ cho P. KHCN chủ trì việc thực hiện khảo sát các bên liên quan về công tác quản lý NCKH của Trường [H18.18.4.01]. P.KHCN xây dựng kế hoạch khảo sát và phối hợp với các đơn vị triển khai lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan về công tác quản lý NCKH của Trường [H18.18.4.02]. Kết quả khảo sát ý kiến các bên liên quan được Phòng KH&HTQT dùng để tham khảo nhằm cải tiến công tác quản lý nghiên cứu để nâng cao chất lượng nghiên cứu và phát kiến khoa học [H18.18.4.03]. Bên cạnh đó, tại các cuộc họp giao ban định kỳ giữa BGH với lãnh đạo các đơn vị, các cuộc họp tổng kết năm học hàng năm; Nhà trường tiếp thu ý kiến của GV về công tác quản lý hoạt động NCKH và đưa ra những cải tiến để nâng cao hiệu quả quản lý hoạt động nghiên cứu của nhà trường [H18.18.4.04], [H18.18.4.05].

Căn cứ ý kiến phản hồi của bên liên quan về công tác quản lý hoạt động NCKH, Phòng KHCN tham mưu Nhà trường ban hành điều chỉnh, bổ sung các quy định mới gồm: Quy định quản lý hoạt động Khoa học công nghệ của trường Đại học Kiến trúc Đà Nẵng [H18.18.4.06], Quy định về hoạt động NCKH của sinh viên trường Đại học Kiến trúc Đà Nẵng [H18.18.4.07], Quy định về quản lý đề tài KHCN của trường Đại học KTĐN [H18.18.4.08], Quy chế hoạt động của Nghiên cứu viên [H18.18.4.09],.... Nhằm hỗ trợ GV, SV trong quá trình đăng ký đề tài, thực hiện nghiên cứu cũng như hỗ trợ về chi phí để khuyến khích GV, SV tích cực tham gia NCKH.

Việc ban hành và áp dụng các quy định mới đã góp phần nâng cao chất lượng và hiệu quả việc thực hiện đề tài cấp Trường, biên soạn giáo trình, thực hiện đề tài NCKH sinh viên, tổ chức hội nghị - hội thảo khoa học của Trường và đăng bài ở các tạp chí

khoa học uy tín trong và ngoài nước. Trong giai đoạn 2018-2022 GV, SV, cũng như P. KHCN nhà trường đã nhận được nhiều hình thức khen thưởng các cấp vì đã có thành tích xuất sắc trong các hoạt động NCKH quản lý hoạt động NCKH của Trường [H18.18.4.10].

**Tự đánh giá: 5/7**

### **Đánh giá chung Tiêu chuẩn 18**

#### **1. Tóm tắt các điểm mạnh**

Hệ thống và quy trình quản lý các hoạt động nghiên cứu ngày càng hoàn thiện, hệ thống văn bản quản lý được điều chỉnh, bổ sung chặt chẽ, đáp ứng tốt hơn nhu cầu thực tiễn. Nguồn kinh phí dành cho NCKH tăng lên, các kết quả NCKH có tính ứng dụng cao, đặc biệt là các sản phẩm nghiên cứu được ứng dụng trực tiếp trong hoạt động giảng dạy ở Nhà trường.

#### **2. Tóm tắt các điểm tồn tại:**

Sự phối hợp giữa Phòng KHCN và các Khoa trong việc quản lý hoạt động NCKH của GV và SV chưa thật sự đồng bộ.

#### **3. Kế hoạch cải tiến**

Tổ chức các cuộc họp giữa Lãnh đạo Phòng KHCN và GV phụ trách quản lý NCKH tại các Khoa để thống nhất hơn trong việc triển khai các hoạt động quản lý liên quan đến KHCN toàn Trường

Thường xuyên rà soát các hệ thống văn bản chỉ đạo, điều hành, giám sát hoạt động nghiên cứu đáp ứng tốt hơn nhu cầu thực tiễn. Tối ưu hoá khi sử dụng nguồn kinh phí dành cho NCKH nhằm mục đích nâng cao chất lượng sản phẩm nghiên cứu.

#### **4. Mức đánh giá**

<b>Tiêu chuẩn/Tiêu chí</b>	<b>Tự đánh giá</b>
<b>Tiêu chuẩn 18</b>	<b>5,0</b>
Tiêu chí 18.1	5,0
Tiêu chí 18.2	5,0
Tiêu chí 18.3	5,0

Tiêu chí 18.4	5,0
---------------	-----

### **Tiêu chuẩn 19: Quản lý Tài sản Trí tuệ**

#### **Tiêu chí 19.1. Thiết lập được hệ thống quản lý và bảo hộ các phát minh, sáng chế, bản quyền và kết quả nghiên cứu**

**Mô tả:** Trên cơ sở các quy định của Luật sở hữu trí tuệ năm 2005 sửa đổi bổ sung bổ sung 2009; Luật KHCN số 29/2013/QH13; Luật số 36/2009/QH12 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ; Luật số 42/2019/QH14 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ; Luật số 07/2022/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ; Nghị định số 103/2006/NĐ-CP về Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp; Luật chuyển giao công nghệ số 80/2006/QH11 **[H19.19.01.01]**, Trường Đại học Kiến trúc Đà Nẵng thành lập đơn vị chuyên trách và giao nhiệm vụ cho Phòng Khoa học Công nghệ (P. KHCN) phụ trách, tổ chức quản lý và triển khai thực hiện công tác nghiên cứu khoa học (NCKH), chuyển giao công nghệ và công tác sở hữu trí tuệ (SHTT) của Trường, đồng thời thực hiện nhiệm vụ phát hiện, ghi nhận các tài sản trí tuệ phát sinh, từ đó tiến hành các thủ tục để bảo vệ quyền SHTT **[H19.19.01.02]**.

Căn cứ các văn bản quy định về SHTT **[H19.19.01.01]**, P. KHCN tham mưu Ban Giám hiệu ban hành Quy định về quản lý hoạt động SHTT, trong quy định này ghi rõ về việc bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ, về các sáng chế, bản quyền và các kết quả nghiên cứu cũng như việc định giá các đối tượng sở hữu trí tuệ phù hợp với yêu cầu của quốc gia và quốc tế **[H19.19.01.03]**. Nhà trường thông báo Quy định quản lý hoạt động SHTT đến các đơn vị để thực hiện, đồng thời yêu cầu các đơn vị phổ biến đến giảng viên (GV), nhân viên (NV) và sinh viên (SV) biết để thực hiện. Trong Quy định quản lý hoạt động SHTT do Nhà trường ban hành có quy định về trách nhiệm của các đơn vị, GV và SV và các bên liên quan trong việc đăng ký, quản lý và sử dụng TSTT của Trường **[H19.19.01.03]**.

Trong Quy định về quản lý hoạt động KHCN và Quy định quản lý hoạt động SHTT của Nhà trường ban hành có ghi rõ các chính sách hỗ trợ trong giai đoạn chuẩn bị và giai đoạn khai thác thương mại các đề tài và sản phẩm nghiên cứu khoa học **[H19.19.01.03]**, **[H19.19.01.04]**. Phòng KHCN cũng tiến hành phân công cán bộ nhân viên hỗ trợ và phụ trách công tác quản lý NCKH cũng như quản lý và SHTT **[H19.19.01.05]**. Ngoài ra, Phòng KHCN còn là đơn vị giúp việc cho Hiệu trưởng làm đầu mối quản lý các chương trình, đề tài NCKH thuộc Bộ, cấp cơ sở và các cấp khác.

Đồng thời, Phòng KHCN làm đầu mối liên hệ với các cơ quan, ban ngành khác về các vấn đề có liên quan đến hoạt động khoa học, chuyển giao công nghệ, được quy định rõ trong các Quy định của trường [H19.19.01.06], [H19.19.01.07].

Quy định quản lý hoạt động SHTT do Nhà trường ban hành có quy định rõ về việc bảo vệ quyền SHTT, về các sáng chế bản quyền và các kết quả nghiên cứu khác của GV và SV; quy trình công bố, theo dõi và lưu trữ kết quả nghiên cứu; định giá các đối tượng SHTT phù hợp với yêu cầu của quốc gia và quốc tế [H19.19.01.03]. Bên cạnh đó, trong Quy định cũng nêu rõ quy trình đăng ký quyền SHTT và xác định quyền sở hữu tài sản trí tuệ (TSTT), trong đó quy định rõ về quyền chủ sở hữu, quyền tác giả và các quyền lợi khác liên quan đến sở hữu và khai thác TSTT [H19.19.01.03]. Nhà trường cũng ban hành các quy định về quản lý hoạt động KHCN đối với GVNV và SV; tiến hành phổ biến đến toàn bộ GV, NV và SV trong toàn trường để triển khai thực hiện [H19.19.01.06], [H19.19.01.07].

Trong Quy định quản lý hoạt động SHTT và Quy định về quản lý hoạt động KHCN của Trường, Nhà trường quy định rõ chính sách hỗ trợ, các mức kinh phí, các nguồn kinh phí hỗ trợ cho việc thực hiện các đề tài NCKH cũng như công bố các công trình khoa học, các bài báo trên các tạp chí trong và ngoài nước [H19.19.01.03], [H19.19.01.04].

Trong các Quy định quản lý đề tài khoa học công nghệ đã được ban hành đối với GV, NV, SV của Trường đã quy định cụ thể quy trình công bố, theo dõi và lưu trữ kết quả nghiên cứu [H19.19.01.06], [H19.19.01.07]. Các đề tài NCKH của GV, NV, SV Nhà trường đều đảm bảo thực hiện đúng theo quy trình công bố, theo dõi và lưu trữ kết quả nghiên cứu [H19.19.01.06], [H19.19.01.07]. Trong giai đoạn 2018-2022, Nhà trường thực hiện tốt công tác công bố, theo dõi và lưu trữ kết quả NCKH của GV, NV và SV [H19.19.01.08], [H19.19.01.09], [H19.19.01.10].

**Tự đánh giá: 5/7**

**Tiêu chí 19.2. Hệ thống ghi nhận lưu trữ và khai thác tài sản trí tuệ được triển khai**

**Mô tả:** Trong Quy định về quản lý hoạt động KHCN và Quy định về quản lý đề tài KHCN của Trường Đại học Kiến trúc Đà Nẵng đã hướng dẫn các quy trình thực hiện và lưu trữ các kết quả nghiên cứu, đề tài KHCN, các công trình khoa học và các công bố trên các tạp chí trong nước và quốc tế theo đúng các quy định của pháp luật hiện hành [H19.19.02.01], [H19.19.02.02]. Trong kế hoạch hoạt động NCKH hằng năm của P.

KHCN đều có nội dung về đăng ký SHTT [H19.19.02.04]. Bên cạnh đó, trong Quy định quản lý hoạt động SHTT của Trường ban hành nêu rõ yêu cầu các TSTT phải được đăng ký bảo hộ theo đúng quy định của pháp luật [H19.19.02.03]. Trong các cuộc họp giữa BGH Nhà trường với lãnh đạo các đơn vị, BGH yêu cầu Phòng KHCN chủ trì và phối hợp với các phòng, các khoa phổ biến cụ thể và theo dõi việc thực hiện đăng ký bảo hộ các TSTT theo đúng các quy định của pháp luật [H19.19.02.05].

Để triển khai hoạt động khoa học công nghệ và sở hữu trí tuệ, Nhà trường phổ biến nội dung quy định về hoạt động khoa học công nghệ, sở hữu trí tuệ cho toàn thể cán bộ, giảng viên thông qua hệ thống email và thông báo trực tiếp bằng văn bản đến trực tiếp các khoa, phòng ban và các đơn vị trong toàn trường [H19.19.02.07]. Các Khoa/ Bộ môn có trách nhiệm phổ biến, hướng dẫn, hỗ trợ cho giảng viên, cán bộ nghiên cứu và sinh viên của Trường các quy định về quyền sở hữu trí tuệ, đăng ký bản quyền, sở hữu công nghiệp, công nhận sản phẩm KHCN, khiếu nại hoặc khởi kiện hành vi xâm hại bản quyền của cán bộ nhà trường và của trường thông qua các kênh thông tin như các thông báo, các cuộc họp sinh hoạt chuyên môn, sinh hoạt giáo viên chủ nhiệm [H19.19.02.07].

Phòng KHCN thực hiện lưu trữ, rà soát và cập nhật dữ liệu các NCKH, các ấn phẩm khoa học, các bài báo và các công trình được công bố theo từng học kỳ [H19.19.02.06], [H19.19.02.10]. Nhà trường cũng yêu cầu GV, NV kê khai các công trình khoa học trên lý lịch khoa học nhằm chống đạo văn, xâm phạm quyền SHTT [H19.19.02.09]. Để đẩy mạnh phong trào NCKH, Nhà trường cho xuất bản ấn phẩm tập san kỷ yếu Khoa học công nghệ của trường hàng tháng, hằng quý, hầu hết các bài đăng trên kỷ yếu của Nhà trường được sinh viên, giảng viên các độc giả trong và ngoài trường sử dụng làm nguồn tài liệu để giảng dạy và học tập [H19.19.02.08].

**Việc đăng ký, thẩm định, đánh giá nghiệm thu đề tài NCKH các cấp** được thực hiện nghiêm túc theo đúng quy định/quy trình [H19.19.02.02]. Hàng năm, Phòng KHCN tham mưu cho Ban Giám hiệu thành lập Hội đồng xét duyệt các đề tài NCKH các cấp (từ cấp cơ sở cho đến cấp Nhà nước) cho GV [H19.19.02.02].

**Tự đánh giá: 5/7**

### **Tiêu chí 19.3. Hệ thống rà soát công tác quản lý tài sản trí tuệ được triển khai thực hiện**

**Mô tả:** Để thực hiện việc rà soát công tác quản lý Tài sản trí tuệ, định kỳ hàng năm, Phòng KHCN có trách nhiệm kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện nhiệm vụ KHCN theo các nhiệm vụ được giao, công bố chứng nhận kết quả nghiên cứu, lưu trữ bảo quản hồ

sơ đề tài đúng quy định. Phòng KHCN phối hợp với các đơn vị trực thuộc trường thực hiện các báo cáo, nghiệm thu đề tài, công nhận kết quả theo định kỳ hàng năm; nhằm hỗ trợ công tác chứng nhận kết quả, quyền sở hữu TSTT và lưu trữ kết quả cũng như đưa vào báo cáo tổng kết hàng năm của đơn vị [H19.19.03.05].

Trong báo cáo tổng kết hàng năm P. KHCN luôn thực hiện rà soát về công tác KHCN và SHTT, có những đánh giá về công tác quản lý TSTT của GV, NV trong toàn Trường. Phòng KHCN cũng là đơn vị có chức năng giúp Hiệu trưởng thực hiện các nhiệm vụ quản lý hoạt động KHCN và SHTT; định kỳ đơn vị thực hiện báo cáo các kết quả nhiệm vụ KHCN và SHTT với BGH và lãnh đạo nhà trường về tình hình thực hiện nhiệm vụ này, nhằm mục đích thông báo và kiểm tra rà soát quy trình thực hiện và công tác quản lý TSTT [H19.19.03.05].

Để đánh giá, hoàn thiện và khắc phục những vấn đề còn tồn tại trong công tác quản lý TSTT, Phòng KHCN đã thực hiện khảo sát lấy ý kiến phản hồi của các đối tượng liên quan về công tác SHTT [H19.19.03.02], thông qua đó đơn vị thực hiện báo cáo và rà soát công tác quản lý TSTT của đơn vị mình [H19.19.03.07]. Bên cạnh đó, trong các cuộc họp giao ban giữa BGH với các đơn vị và trong báo cáo tổng kết hàng năm, Phòng KHCN thường xuyên cập nhật và báo cáo các kết quả nhiệm vụ KHCN và SHTT để Nhà trường đưa vào các báo cáo tổng kết hàng năm [H19.19.03.04], [H19.19.03.07].

**Tự đánh giá: 5/7**

#### **Tiêu chí 19.4 Công tác quản lý tài sản trí tuệ được cải tiến để bảo hộ CSGD, cán bộ nghiên cứu và các lợi ích cộng đồng**

**Mô tả:** Căn cứ báo cáo tổng kết năm học của Trường và của P. KHCN trong đó có công tác quản lý TSTT hằng năm, BGH Nhà trường họp với các đơn vị để xác định các biện pháp cải tiến công tác quản lý TSTT của Trường [H19.19.04.04], [H19.19.04.05], [H19.19.04.06]. Các biện pháp cải tiến công tác quản lý TSTT của Trường được thể hiện trong Kế hoạch công tác năm học của Trường và của P. KHCN [H19.19.02.04], [H19.19.04.06]. Nhà trường cũng có văn bản phân công cho P. KHCN là đơn vị trực tiếp quản lý cải tiến TSTT, thông qua đó phòng chủ động thực hiện các chính sách, cơ chế quản lý đảm bảo lợi ích của cán bộ nghiên cứu cũng như phục vụ cộng đồng được hiệu quả [H19.19.04.02].

Nhằm mục đích lấy ý kiến và đánh giá mức độ hài lòng về công tác quản lý tài sản trí tuệ, P. KHCN chủ trì việc thực hiện khảo sát các bên liên quan về các hoạt động của Nhà trường trong đó có hoạt động quản lý TSTT của Trường [H19.19.04.09]. Thông

qua kết quả khảo sát, Phòng KHCN tiến hành tổng hợp đánh giá kết quả và rút ra những điểm mạnh, điểm còn tồn tại; qua đó, tiến hành khắc phục cải tiến các điểm tồn tại cũng như phát huy những điểm mạnh nhằm thực hiện công tác quản lý và đảm bảo TSTT ngày càng tốt hơn [H19.19.04.10].

**Tự đánh giá: 5/7**

## **Đánh giá chung về tiêu chuẩn 19**

### **1. Tóm tắt các điểm mạnh**

Nhà trường đã ban hành quy định và triển khai, kiểm tra, rà soát công tác quản lý tài sản trí tuệ cũng như hệ thống văn bản, biểu mẫu phục vụ công tác quản lý tài sản trí tuệ của Trường.

Quản lý tài sản trí tuệ tại Trường Đại học Kiến trúc Đà Nẵng được thiết lập nhằm mục tiêu bảo vệ các thành quả sáng tạo trí tuệ, bảo đảm rằng tài sản trí tuệ của GV-NV Trường ĐHKTDN không bị xâm phạm, không bị sử dụng, khai thác trái phép cũng như bảo đảm rằng họ không xâm phạm đến quyền SHTT của các chủ thể khác.

Quá trình quản lý tài sản trí tuệ của nhà trường được thường xuyên tiến hành, việc rà soát để đảm bảo kết quả quản lý tài sản trí tuệ được minh bạch, chính xác, bảo hộ quyền tác giả, tác phẩm trong nghiên cứu khoa học phát minh sáng chế.

### **2. Tóm tắt các điểm tồn tại**

Nhà trường chưa có đăng ký SHTT vì phần lớn các nghiên cứu của GV đề là các nhóm giải pháp đào tạo chưa phải là các phát minh, sáng chế.

### **3. Kế hoạch cải tiến**

Khuyến khích GV thực hiện các đề tài tạo ra các sản phẩm có thể đăng ký SHTT từ năm 2024

Hàng năm, tiếp tục rà soát, điều chỉnh các quy trình, biểu mẫu quản lý hoạt động sở hữu trí tuệ, tin hóa học quy trình thực hiện. Theo dõi và hỗ trợ tác giả đảm bảo không bị vi phạm bản quyền.

### **4. Mức đánh giá**

<b>Tiêu chuẩn/Tiêu chí</b>	<b>Tự đánh giá</b>
<b>Tiêu chuẩn 19</b>	<b>5,0</b>
Tiêu chí 19.1	5,0



Tiêu chí 19.2	5,0
Tiêu chí 19.3	5,0
Tiêu chí 19.4	5,0

### **Tiêu chuẩn 20: Hợp tác và đối tác nghiên cứu khoa học**

#### **Tiêu chí 20.1: Xây dựng hệ thống để thiết lập các mối quan hệ hợp tác và đối tác trong nghiên cứu nhằm đáp ứng các mục tiêu nghiên cứu**

**Mô tả:** Trong Quy định quản lý, tổ chức, thực hiện công tác đối ngoại và HTQT của Trường ban hành có nội dung quy định cụ thể về thiết lập các mối quan hệ hợp tác trong nghiên cứu nhằm đáp ứng các mục tiêu nghiên cứu [H20.20.1.01]. Bên cạnh đó, trong Quy định quản lý, tổ chức, thực hiện công tác đối ngoại và HTQT của Nhà trường ban hành có quy định lựa chọn đối tác hợp tác, trong đó thể hiện các bước cụ thể từ khâu tìm kiếm thông tin về các đối tác, hợp tác, lựa chọn đối tác, tiến hành liên hệ, ký kết hợp tác với các đối tác nhằm đáp ứng mục tiêu nghiên cứu [H20.20.1.01]. Nhà trường thông báo Quy định quản lý, tổ chức, thực hiện công tác đối ngoại và HTQT, trong đó có quy trình lựa chọn đối tác hợp tác của Trường ban hành đến các đơn vị để thực hiện.

Theo Chiến lược phát triển giáo dục Trường Đại học Kiến trúc Đà Nẵng giai đoạn 2020-2025 và tầm nhìn đến 2030, kế hoạch chiến lược về HTQT giai đoạn 2020-2025 của Phòng HTQT&TT và kế hoạch năm học của Nhà trường có nội dung chiến lược phát triển khoa học - công nghệ, hợp tác với các cơ sở giáo dục trong và ngoài nước trong các lĩnh vực đào tạo, nghiên cứu khoa học, chuyên giao công nghệ, đào tạo bồi dưỡng giảng viên, cán bộ khoa học và quản lý giáo dục [H20.20.1.02], [H20.20.1.03], [H20.20.1.04]. Nhà trường thông báo KHCL giai đoạn 2020-2025 và tầm nhìn đến 2030 về hoạt động HTQT, kế hoạch năm học đến các đơn vị để thực hiện. Ngoài ra, công tác phát triển hợp tác, đối tác được thể hiện trong kế hoạch năm học hằng năm của Phòng KHCN và Phòng HTQT&TT [H20.20.1.05].

Nhà trường cũng đã phân công trách nhiệm cụ thể cho các phòng, các khoa, các trung tâm trong việc quản lý công tác phát triển hợp tác và đối tác. Phòng HTQT&TT là đơn vị được giao chịu trách nhiệm chính và phối hợp các phòng, các khoa, các trung tâm để phát triển hợp tác và các đối tác của Trường [H20.20.1.07]. Bên cạnh đó, Nhà trường khuyến khích các GV và NV tham gia có trách nhiệm kết nối, giới thiệu về trường nhằm phát triển các hợp tác, đối tác của Trường. Trên website của Trường thường xuyên

cập nhật và thông báo đến các đơn vị để phổ biến đến GV NV và SV trong toàn trường các hoạt động hợp tác, các lễ ký kết đào tạo cũng như các các hoạt động hợp tác quốc tế khác [H20.20.1.06].

Trong Chiến lược phát triển giáo dục Trường Đại học Kiến trúc Đà Nẵng giai đoạn 2020-2025 và tầm nhìn đến 2030, kế hoạch chiến lược về HTQT giai đoạn 2020-2025 của Phòng HTQT&TT và kế hoạch năm học của Nhà trường có các chỉ tiêu đối với việc phát triển số lượng các đối tác, hợp tác trong nghiên cứu [H20.20.1.02], [H20.20.1.03], [H20.20.1.04]. Trên cơ sở đó, Nhà trường phân công nhiệm vụ cho Phòng HTQT&TT phối hợp với các phòng, các khoa, các trung tâm triển khai thực hiện phát triển các đối tác, hợp tác trong nghiên cứu nhằm đạt được các chỉ tiêu đã xác định [H20.20.1.07]. Các quan hệ hợp tác trong nghiên cứu của Nhà trường với các đối tác tăng dần qua từng năm và được triển khai thực hiện phù hợp với tầm nhìn, sứ mệnh và các mục tiêu chiến lược của Trường [H20.20.1.09]. Hằng năm, Phòng HTQT&TT phối hợp với Phòng KHCN thống kê số lượng đoàn ra, đoàn vào đảm bảo theo đúng quy định. Thông qua đó, Phòng HTQT&TT và phòng KHCN rà soát, tổng kết kết quả hoạt động hợp tác nghiên cứu, hợp tác quốc tế và các hoạt động liên kết đào tạo [H20.20.1.10].

**Tự đánh giá: 5/7**

**Tiêu chí 20.2: Triển khai được các chính sách và quy trình thúc đẩy hợp tác và đối tác nghiên cứu.**

**Mô tả:** Trong Chiến lược phát triển giáo dục Trường Đại học Kiến trúc Đà Nẵng giai đoạn 2020-2025 và tầm nhìn đến 2030, kế hoạch chiến lược về HTQT giai đoạn 2020-2025 của Phòng HTQT&TT và kế hoạch năm học của Nhà trường có các nội dung chiến lược phát triển hợp tác, mở rộng phát triển đối tác nhằm đạt được các mục tiêu theo tầm nhìn sứ mệnh của Nhà trường [H20.20.2.01], [H20.20.2.02], [H20.20.2.03], Nhà trường thông báo Chiến lược phát triển giáo dục Trường Đại học Kiến trúc Đà Nẵng giai đoạn 2020-2025 và tầm nhìn đến 2030, kế hoạch năm học đến các đơn vị để thực hiện. Tại các cuộc họp giao ban giữa BGH Nhà trường với lãnh đạo các đơn vị, BGH yêu cầu các đơn vị triển khai phát triển các đối tác, hợp tác trong nghiên cứu, trong đó Phòng HTQT&TT là đơn vị chủ trì và phối hợp với Phòng KHCN, các Khoa để thực hiện [H20.20.2.04]. Trên cơ sở đó, các đơn vị đã triển khai nhiều hoạt động với các đối tác, hợp tác đào tạo, hợp tác trong nghiên cứu, trao đổi sinh viên thực tập sinh nghề nghiệp, hợp tác tổ chức các hội nghị, hội thảo chuyên đề nhằm đạt được các chỉ tiêu về NCKH đã xác định [H20.20.2.05], [H20.20.2.08], [H20.20.2.09].

Trong kế hoạch hoạt động hàng năm của Phòng KHCN và Phòng HTQT&TT và trong nội dung hợp giao ban với lãnh đạo các đơn vị, BGH Nhà trường và các đơn vị lựa chọn, xác định các đối tác và hợp tác nghiên cứu phù hợp với tầm nhìn, sứ mệnh của Trường [H20.20.2.04], [H20.20.2.06], [H20.20.2.07]. Phòng HTQT&TT, Phòng KHCN và các Khoa chuyên môn tham mưu cho Nhà trường ký kết hợp tác với các đối tác nghiên cứu đã xác định. Bên cạnh đó, Nhà trường động viên, khuyến khích GV, NV đã và đang học tập sau đại học ở nước ngoài chủ động hợp tác, phối hợp thực hiện các công trình nghiên cứu với các đối tác trong và ngoài nước [H20.20.2.06], [H20.20.2.07], [H20.20.2.08].

Hằng năm, Phòng KHCN tích cực phối hợp với các đơn vị, cá nhân bên ngoài Trường để thực hiện và tham dự các hội nghị, hội thảo khoa học [H20.20.2.09], [H20.20.2.10]. Các GV và NV của Trường cũng tích cực tham gia hợp tác nghiên cứu với các GV của các trường ĐH khác ở trong và ngoài nước để công bố các công trình khoa học các bài báo khoa học cùng tác giả trên các tạp chí quốc tế, tham dự các hội nghị hội thảo quốc tế và trong nước [H20.20.2.08]. Trong giai đoạn 2018-2022, Nhà trường tích cực hợp tác với các trường ĐH, các cơ sở đào tạo, các tổ chức quốc tế nhằm triển khai hoạt động hợp tác trên các lĩnh vực như: hợp tác đào tạo, hợp tác nghiên cứu, trao đổi SV, trao đổi học thuật, trao đổi văn hóa, tiếp nhận tình nguyện viên, hợp tác tổ chức hội nghị, hội thảo chuyên đề trong và ngoài nước [H20.20.02.10].

Để thúc đẩy hợp tác với các trường đại học trong và ngoài nước, Nhà trường đã đầu tư thích hợp cho việc xây dựng, phát triển các mối quan hệ hợp tác với các đối tác trong và ngoài nước. Đã tổ chức các đoàn ra nước ngoài giao lưu, ký kết hợp tác với các đối tác như Nhật Bản, Thái Lan,... [H20.20.2.10]. Bên cạnh đó, Nhà trường còn được các đối tác tài trợ các trang thiết bị phục vụ công tác giảng dạy và NCKH, hợp tác trong việc phát triển các dự án [H20.20.2.14].

Trong quy chế chi tiêu nội bộ của Nhà trường luôn có nội dung quy định về việc dành kinh phí, chi phí cho hoạt động tiếp đón các đoàn khách quốc tế đến tham và làm việc tại Trường [H20.20.2.12]. Việc đón tiếp các đoàn khách nước ngoài đến làm việc với Nhà trường luôn thực hiện đúng theo quy định tại Thông tư 01/2010/TT-BTC ngày 06/01/2010 của Bộ Tài chính về chế độ chi tiêu đón tiếp khách nước ngoài vào làm việc tại Việt Nam [H20.20.2.13].

Nhà trường chủ động mời các chuyên gia nước ngoài đến trường làm việc, tham gia báo cáo tại các hội nghị, hội thảo khoa học [H20.20.02.08]. Thông qua các hoạt động hợp tác, đã góp phần đáng kể nâng cao chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ VC&NLD

của Trường. Trong giai đoạn 2016-2020, Nhà trường phối hợp với các đối tác trong nước để tổ chức nhiều hội thảo chuyên môn, có hàm lượng khoa học cao [H20.20.02.08].

**Tự đánh giá: 5/7**

**Tiêu chí 20.3: Hệ thống rà soát tính hiệu quả của hợp tác và đối tác nghiên cứu được triển khai thực hiện.**

**Mô tả:** Trong Quy định quản lý, tổ chức, thực hiện công tác đối ngoại và HTQT do Nhà trường ban hành có quy định về quy trình rà soát tính hiệu quả trong hợp tác nghiên cứu [H20.20.3.01]. Nhà trường phân công nhiệm vụ cho Phòng KHCN là đơn vị rà soát tính hiệu quả hoạt động hợp tác trong NCKH của Trường, kiểm tra, giám sát tiến độ các đề tài, dự án NCKH đối với các dự án có sự hợp tác với các đối tác trong và ngoài [H20.20.3.02]. Phòng KHCN phân công nhân sự đảm nhận công việc giám sát, báo cáo hoạt động hợp tác trong nghiên cứu của toàn Trường [H20.20.3.05]. Bên cạnh đó, đối với các Khoa, BCN Khoa giao nhiệm vụ cho 01 Phó Trưởng khoa phụ trách hoạt động NCKH chịu trách nhiệm rà soát tính hiệu quả hoạt động hợp tác trong NCKH của Khoa [H20.20.3.08].

Cuối mỗi năm học, Phòng KHCN rà soát, thống kê các đề tài nghiên cứu, các công trình khoa học đang thực hiện đặc biệt là các đề tài NCKH có phối hợp thực hiện với các đối tác bên ngoài Trường. Kết quả rà soát, thống kê các đề tài nghiên cứu đang thực hiện đặc biệt là các đề tài NCKH có phối hợp thực hiện với các đối tác bên ngoài Trường được thể hiện trong báo cáo tổng kết năm học của Nhà trường và của Phòng KHCN [H20.20.3.09], [H20.20.3.10]. Thông qua các cuộc họp giao ban giữa BGH Nhà trường với lãnh đạo các đơn vị, Phòng KHCN và các Khoa báo cáo hiệu quả của các hợp tác, rà soát về số lượng hợp tác, số hội thảo, số đoàn vào, đoàn ra, số lượng bài báo được công bố trên các tạp chí trong nước và quốc tế [H20.20.3.11]. Trong báo cáo tổng kết năm học của Phòng KHCN và Phòng HTQT&TT, các đơn vị cũng đã tiến hành rà soát đánh giá các mối quan hệ hợp tác và liên kết đào tạo nhằm làm cơ sở cho công tác xây dựng và phát triển các đối tác chiến lược phù hợp với tầm nhìn và sứ mệnh của Nhà Trường [H20.20.3.10].

Trong kế hoạch năm học, hàng năm Phòng KHCN có nội dung về công tác rà soát, đánh giá tính hiệu quả và nguồn lực mang lại từ hoạt động hợp tác NCKH. Thông qua đó, Phòng KHCN phối hợp với các Khoa để thống kê hiệu quả và nguồn lực mang lại từ các hoạt động hợp tác trong ĐT, NCKH. Bên cạnh đó, trong báo cáo tổng kết năm học cũng như báo cáo tại Hội nghị VC&NLĐ hàng năm, Nhà trường luôn đánh giá về

hiệu quả và nguồn lực mang lại từ các hoạt động hợp tác trong ĐT, NCKH và từ các đối tác chiến lược của Trường [H20.20.3.09], [H20.20.3.10]. Ngoài ra, ý kiến khảo sát của GV NV thể hiện sự hài lòng về hiệu quả và nguồn lực mang lại từ các hoạt động hợp tác trong ĐT, NCKH và từ các đối tác của Trường [H20.20.3.16], [H20.20.3.17].

**Tự đánh giá: 5/7**

**Tiêu chí 20.4: Các hoạt động hợp tác và đối tác nghiên cứu được cải thiện để đạt được các mục tiêu nghiên cứu**

**Mô tả:** Căn cứ kết quả và hiệu quả hoạt động hợp tác đối tác trong nghiên cứu, hàng năm, BGH Nhà trường hợp với lãnh đạo các đơn vị để xác định các biện pháp cải tiến các mối quan hệ trong nghiên cứu để nâng cao hiệu quả đạt được từ những hoạt động phát triển hợp tác, phát triển đối tác [H20.20.4.01]. Trong kế hoạch năm học của Nhà trường, Phòng KHCN, Phòng HTQT&TT và các Khoa luôn có các biện pháp cải tiến các mối quan hệ trong nghiên cứu để nâng cao hiệu quả đạt được từ những hoạt động phát triển hợp tác, phát triển đối tác và phân công trách nhiệm cho các đơn vị, cá nhân thực hiện [H20.20.4.02], [H20.20.4.03], [H20.20.4.04]. Thông qua đó, hàng năm các đơn vị trong toàn Trường lập kế hoạch thực hiện các công tác cải thiện, rà soát và lựa chọn các mối quan hệ trong hoạt động NCKH nhằm đạt được hiệu quả tích cực trong công tác nghiên cứu hợp tác [H20.20.4.05]. Ngoài ra, các đơn vị và đội ngũ GV, NV trong toàn trường tích cực triển khai các hoạt động cải thiện các mối quan hệ hoạt động hợp tác đối tác trong nghiên cứu trong và ngoài nước [H20.20.4.05], [H20.20.4.06].

Trong giai đoạn 2018-2022, Nhà trường phát triển thêm các đối tác trong và ngoài nước. Nhà trường ký kết các văn bản ký kết hợp tác với các trường ĐH, các doanh nghiệp trong nước, ký kết văn bản hợp tác với các trường ĐH, các doanh nghiệp trong và ngoài nước [H20.20.4.06].

Trong kế hoạch năm học của Nhà trường và Phòng KHCN, Nhà trường sử dụng các chỉ số để đánh giá kết quả và hiệu quả của các mối quan hệ hợp tác và đối tác và thể hiện trong báo cáo tổng kết năm học của Nhà trường và của Phòng KHCN [H20.20.4.07], [H20.20.4.08]. Kết quả của các hoạt động phát triển hợp tác và đối tác của CSGD đáp ứng được mục tiêu nghiên cứu. Trong giai đoạn 2018-2022, GV và NV của Nhà trường đã thực hiện 02 đề tài NCKH cấp bộ, 02 đề tài cấp nhà nước, 01 đề tài cấp tỉnh trong đó có sự tham gia, hợp tác của các đối tác bên ngoài Trường. Bên cạnh đó, VC&NLĐ của Nhà trường đã công bố 110 bài báo khoa học trên các tạp chí trong

và ngoài nước. Nhà trường đã phối hợp với các trường ĐH, các doanh nghiệp tổ chức nhiều hội nghị, hội thảo khoa học các cấp [H20.20.4.09].

Thông qua các hoạt động hợp tác, trong giai đoạn 2018-2022 có nhiều GV, NV Nhà trường đã tham gia các khóa đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ ở trong và ngoài nước, trong đó có nhiều GV, NV đạt được học vị Tiến sỹ, Thạc sỹ ở nước ngoài như Pháp, Anh, Nhật Bản, Úc, Hàn Quốc, Trung Quốc, Thái Lan, Đà Loan, ... [H20.20.4.10]. Bên cạnh đó, SV của Nhà trường được cử tham dự các cuộc thi học thuật chuyên ngành trong và ngoài nước [H20.20.4.11], [H20.20.4.13]. Hàng năm, Nhà trường đã tổ chức tìm kiếm, vận động được nhiều nguồn kinh phí từ các công ty, doanh nghiệp để trao học bổng cho sinh viên có hoàn cảnh khó khăn, sinh viên có thành tích học tập, rèn luyện từ khá giỏi trở lên và Nhà trường có nhiều SV được nhận học bổng tài trợ bởi các tổ chức, doanh nghiệp, đối tác trong và ngoài nước [H20.20.4.12]. Thông qua các hoạt động hợp tác, Nhà trường được tài trợ một số CSVC phục vụ cho học tập, nghiên cứu khoa học [H20.20.4.14].

**Tự đánh giá: 5/7**

## **Đánh giá chung về tiêu chuẩn 20**

### **1. Tóm tắt các điểm mạnh**

Nhà trường ban hành Quy định quản lý, tổ chức, thực hiện công tác đối ngoại và HTQT, trong đó có nội dung quy định cụ thể về thiết lập các mối quan hệ hợp tác trong nghiên cứu nhằm đáp ứng các mục tiêu nghiên cứu.

Trong Chiến lược phát triển giáo dục Trường Đại học Kiến trúc Đà Nẵng giai đoạn 2020-2025 và tầm nhìn đến 2030, kế hoạch chiến lược về HTQT giai đoạn 2020-2025 của Phòng HTQT&TT và kế hoạch năm học của Nhà trường có nội dung chiến lược phát triển khoa học - công nghệ, hợp tác phù hợp với TN, SM của Trường.

Nhà trường và các đơn vị trong toàn trường tổ chức rà soát, đánh giá tính hiệu quả của các mối quan hệ hợp tác và đối tác, của các đối tác cụ thể làm căn cứ để điều chỉnh các hoạt động và xây dựng các đối tác chiến lược.

Nhà trường triển khai hành động và xây dựng các đối tác chiến lược Nhà trường có kế hoạch và tích cực triển khai thực hiện cải thiện các mối quan hệ trong NCKH, lựa chọn lại các đối tác sau rà soát để đạt được hiệu quả từ những hoạt động hợp tác, phát triển đối tác của CSGD.

### **2. Tóm tắt các điểm tồn tại**

Nguồn lực mang lại cho Trường thông qua hoạt động hợp tác còn hạn chế và chưa tương xứng với tiềm năng của Nhà trường.

### 3. Kế hoạch cải tiến

Từ năm 2024, Nhà trường triển khai các biện pháp nhằm cải thiện hiệu quả hợp tác phù hợp với tiềm năng của Trường.

Hàng năm, tiếp tục rà soát, điều chỉnh các quy trình, biểu mẫu quản lý hoạt động hợp tác NCKH và HTQT. Thúc đẩy và hỗ trợ nhằm nâng cao hiệu quả các hoạt động hợp tác NCKH và HTQT

### 4. Mức đánh giá

Tiêu chuẩn/Tiêu chí	Tự đánh giá
<b>Tiêu chuẩn 20</b>	<b>5,0</b>
Tiêu chí 20.1	5,0
Tiêu chí 20.2	5,0
Tiêu chí 20.3	5,0
Tiêu chí 20.4	5,0

#### **Tiêu chuẩn 21: Kết nối và phục vụ cộng đồng**

**Tiêu chí 21.1: Xây dựng được kế hoạch kết nối và cung cấp các dịch vụ phục vụ cộng đồng để thực hiện tầm nhìn sứ mạng của CSGD**

**Mô tả:** Trường Đại học Kiến trúc Đà Nẵng đã ban hành chiến lược phát triển giai đoạn 2020 – 2025 và tầm nhìn đến năm 2030. Trên cơ sở đó, hàng năm, Đảng ủy Trường ban hành các nghị quyết để chỉ đạo các tổ chức Đoàn thể Chính trị - Xã hội trong trường triển khai các nội dung liên quan đến PVCĐ [H21.21.01.01]. Trường ban hành kế hoạch công tác năm học để triển khai các chương trình, các hoạt động của trường trong đó có các nội dung liên quan đến tổ chức các hoạt động phục vụ cộng đồng của các đơn vị trực thuộc trường [H21.21.01.02]. Các đơn vị trực thuộc trường căn cứ kế hoạch theo từng giai đoạn, kế hoạch theo từng năm học của trường để xây dựng kế hoạch riêng tùy theo chức năng, nhiệm vụ và đặc thù của đơn vị trong đó có các hoạt động kết nối và PVCĐ [H21.21.01.03]. Ngoài kế hoạch chung của cả năm học, các đơn vị còn xây dựng các kế hoạch cụ thể, các chương trình riêng để triển khai các hoạt động kết nối và PVCĐ

**[H21.21.01.04]**. Trường đã thành lập Trung tâm học tập gắn kết cộng đồng để đóng vai trò nòng cốt, cùng với các đơn vị trực thuộc trường triển khai thực hiện các chính sách và kế hoạch kết nối, cung cấp các dịch vụ phục vụ cộng đồng để thực hiện tầm nhìn và sứ mạng của Trường **[H21.21.01.05]**

Căn cứ các văn bản hướng dẫn của Bộ GD&ĐT **[H21.21.01.06]** , Trường ban hành quy định quản lý và hướng dẫn thực hiện các hoạt động kết nối và cung cấp các dịch vụ phục vụ cộng đồng **[H21.21.01.07]**. Trong quy định quản lý và hướng dẫn thực hiện các hoạt động kết nối và cung cấp các dịch vụ PVCĐ của Nhà trường ban hành có quy định rõ ràng về cơ chế quản lý, kiểm tra, giám sát hoạt động kết nối và cung cấp các dịch vụ PVCĐ **[H21.21.01.07]**. Nhà trường thông báo quy định quản lý và hướng dẫn thực hiện các hoạt động kết nối và cung cấp các dịch vụ PVCĐ của Trường ban hành đến các đơn vị để thực hiện và phổ biến đến CBGVNV, người học biết để thực hiện **[H21.21.01.08]**.

Trong Quy chế về tổ chức và hoạt động của Nhà trường ban hành có quy định rõ chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị trong việc xây dựng kế hoạch, chính sách kết nối và cung cấp các dịch vụ PVCĐ **[H21.21.01.09]**. Bên cạnh đó, trong quy định quản lý và hướng dẫn thực hiện các hoạt động kết nối và cung cấp các dịch vụ PVCĐ của Nhà trường có quy định cụ thể trách nhiệm của các đơn vị trong việc xây dựng kế hoạch, chính sách kết nối và cung cấp các dịch vụ PVCĐ **[H21.21.01.07]**. Theo đó, Trung tâm học tập gắn kết cộng đồng (CELC) là đơn vị chủ trì và phối hợp các đơn vị để xây dựng kế hoạch, chính sách kết nối và cung cấp các dịch vụ PVCĐ của Trường **[H21.21.01.07]**. Phòng Truyền thông và hợp tác Quốc tế là đơn vị chủ trì và phối hợp với Phòng Đào tạo và các khoa để triển khai các hoạt động đào tạo liên quan đến cộng đồng **[H21.21.01.07]**. Trung tâm học tập gắn kết cộng đồng chủ trì phối hợp với các khoa để triển khai các hoạt động hợp tác với các doanh nghiệp, các địa phương, các tổ chức xã hội **[H21.21.01.07]**. Bên cạnh đó, Phòng công tác sinh viên là đơn vị chủ trì và phối hợp với các đơn vị, Công đoàn, Đoàn TN, Hội SV để triển khai các hoạt động PVCĐ của Trường **[H21.21.01.10]**. Trên cơ sở đó, từng đơn vị phân công nhân sự phụ trách, thực hiện xây dựng kế hoạch, chính sách kết nối và cung cấp các dịch vụ PVCĐ theo từng cấp **[H21.21.01.11]**. Trường và các đơn vị xây dựng kế hoạch, chính sách kết nối và cung cấp các dịch vụ PVCĐ và triển khai thực hiện **[H21.21.01.04]** . Trong Quy chế chi tiêu nội bộ của Trường quy định cụ thể mức kinh phí chi cho hoạt động kết nối và cung cấp các dịch vụ PVCĐ của Trường **[H21.21.01.11]** . Hàng năm, các đơn vị trực thuộc trường lập Dự toán tài chính cho các hoạt động trong năm, trình Lãnh đạo Trường phê duyệt kinh phí hoạt động trong đó bao gồm kinh phí cho các hoạt động kết nối, PVCĐ **[H21.21.01.12]**



### **Tự đánh giá: 5/7**

#### **Tiêu chí 21.2: Các chính sách và hướng dẫn cho hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng được thực hiện.**

**Mô tả:** Trong kế hoạch năm học hằng năm của Nhà trường luôn có các chính sách và các hoạt động kết nối và PVCD được gửi đến các đơn vị thực hiện và thông báo, phổ biến đến CBGVNV, người học biết để thực hiện [H21.21.02.01]. Tại các cuộc họp giữa Đảng ủy với lãnh đạo các tổ chức Đoàn thể; giữa BGH Trường với lãnh đạo các đơn vị đều yêu cầu các đơn vị tích cực thực hiện các chính sách và triển khai các hoạt động kết nối và PVCD [H21.21.02.02]. Trên cơ sở đó, các đơn vị triển khai các chính sách và triển khai các hoạt động kết nối và PVCD [H21.21.02.03]. Ngoài ra, các đơn vị xây dựng các kế hoạch cụ thể để triển khai các hoạt động kết nối và PVCD [H21.21.02.03]. Từ năm 2013, Trường thực hiện việc hợp tác đào tạo nguồn nhân lực kỹ thuật cao cho tập đoàn Takara – Nhật Bản, sau thành công bước đầu đã có thêm nhiều doanh nghiệp Nhật Bản và doanh nghiệp trong nước hợp tác với trường để nâng cao chất lượng đào tạo và hỗ trợ nhân lực cho các doanh nghiệp [H21.21.02.04]. Đến nay, Trường đã cùng với các doanh nghiệp triển khai được 08 khóa đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao để làm việc tại Nhật Bản, hỗ trợ hàng trăm doanh nghiệp trên địa bàn Đà Nẵng và trên cả nước trong việc tuyển dụng nhân sự [H21.21.02.05]. Hàng năm, Trường tổ chức khóa học mùa hè Summer School cho sinh viên của nhiều quốc gia đến học tập thực tế tại trường và các cộng đồng dân cư với nhiều dự án thiết thực được triển khai [H21.21.02.06]. Ngoài ra, trong hoạt động kết nối và PVCD, Trường triển khai các hội thảo, các cuộc thi chuyên ngành hướng tới kết quả PVCD; tổ chức các hoạt động tình nguyện, kết nối và hỗ trợ cộng đồng [H21.21.02.07]. Công đoàn Nhà trường chức nhiều hoạt động xây dựng quỹ đền ơn đáp nghĩa, quỹ vì người nghèo, chương trình An sinh xã hội hỗ trợ gia đình có hoàn cảnh khó khăn, hỗ trợ đoàn viên công đoàn gặp khó khăn, vận động ủng hộ người dân gặp khó khăn vì đại dịch Covid-19, ủng hộ đồng bào miền Trung bị ảnh hưởng bởi thiên tai năm 2020... [H21.21.02.08]. Đoàn Thanh niên, Hội SV Trường tổ chức nhiều hoạt động PVCD như: Chiến dịch mùa hè xanh, Tiếp sức mùa thi, chương trình Xuân tình nguyện, áo ấm cho em, thực hiện các tuyến phố bích họa, cải tạo cảnh quan cho các trường học tại các địa bàn vùng sâu vùng xa, vùng khó khăn, thắp sáng đường quê, phụng dưỡng mẹ VNAH, hiến máu nhân đạo. [H21.21.02.09]. Hàng năm, Trường dành kinh phí chi cho các hoạt động kết nối và cung cấp các dịch vụ PVCD [H21.21.02.10].

Trong các văn bản quy định về quản lý và hướng dẫn thực hiện các hoạt động kết nối và PVCĐ, Trường tuân thủ các văn bản quy định của Bộ GD&ĐT và các văn bản quy định của pháp luật [H21.21.02.11]. Bên cạnh đó, các chính sách, kế hoạch kết nối và cung cấp dịch vụ PVCĐ được xây dựng dựa trên các văn bản quy định của pháp luật [H21.21.02.12]. Trong quy định về quản lý và hướng dẫn thực hiện các hoạt động kết nối và cung cấp các dịch vụ PVCĐ của Trường ban hành có quy định rõ ràng về cơ chế quản lý, kiểm tra, giám sát hoạt động kết nối và cung cấp các dịch vụ PVCĐ [H21.21.02.12]. Trong giai đoạn 2018-2022, các hoạt động kết nối và cung cấp các dịch vụ PVCĐ của Trường luôn đảm bảo và tuân thủ đúng các quy định của pháp luật. Nhà trường, các đơn vị và CBGVNV và người học trong giai đoạn 2018-2022 đã nhận được nhiều hình thức khen thưởng trong hoạt động kết nối và PVCĐ [H21.21.02.13].

**Tự đánh giá: 6/7**

**Tiêu chí 21.3: Triển khai được hệ thống đo lường, giám sát việc kết nối và phục vụ cộng đồng.**

**Mô tả:**Trong Quy định về quản lý và hướng dẫn thực hiện các hoạt động kết nối và cung cấp các dịch vụ cộng đồng của Nhà trường ban hành có các chỉ số để đo lường hiệu quả hoạt động kết nối và PVCĐ [H21.21.03.01] Bên cạnh đó, trong Chiến lược phát triển đến năm 2025, tầm nhìn 2030, chương trình năm học của Nhà trường và các đơn vị có các chỉ tiêu phấn đấu về hoạt động kết nối và PVCĐ [H21.21.03.02]. Tại các cuộc họp giữa BGH Nhà trường với lãnh đạo các đơn vị, BGH yêu cầu các đơn vị triển khai các hoạt động kết nối và PVCĐ nhằm đạt được các chỉ tiêu về hoạt động kết nối và PVCĐ, đồng thời yêu cầu các đơn vị sử dụng chỉ số để đo lường hiệu quả hoạt động kết nối và PVCĐ của Trường. [H21.21.03.03].

Trung tâm học tập gắn kết cộng đồng của Trường là đơn vị nòng cốt tham mưu cho Trường về hoạt động PVCĐ [H21.21.03.01]. Các đơn vị trực thuộc trường trực tiếp quản lý CSDL về các hoạt động PVCĐ do đơn vị mình tổ chức, Phòng Tổng hợp là đơn vị thu thập, tổng hợp, báo cáo lãnh đạo, lưu trữ, cập nhật CSDL của toàn trường về hoạt động PVCĐ [H21.21.03.04]. CSDL của Trường về các hoạt động PVCĐ bao gồm: Kế hoạch, các bên tham gia, đóng góp cho xã hội, các nguồn lực thu nhận được từ các hoạt động dịch vụ và chuyên giao, nguồn lực tài trợ cho các hoạt động PVCĐ, Danh sách tham gia các chương trình... [H21.21.03.05].

Trung tâm Học tập gắn kết cộng đồng (CELC), Ban Thanh tra nhân dân được phân công trách nhiệm giám sát việc triển khai các hoạt động kết nối và cung cấp các dịch vụ

PVCĐ của trường [H21.21.03.01]. Kết quả giám sát được thể hiện trong báo cáo sơ kết học kỳ, báo cáo tổng kết năm học của Trường và được báo cáo tại Hội nghị Tổng kết năm học, Hội nghị Người lao động [H21.21.03.04]. Quy định về quản lý và hướng dẫn thực hiện các hoạt động kết nối và cung cấp các dịch vụ cộng đồng của Trường được ban hành và thông báo rộng rãi tới tất cả các đơn vị để triển khai thực hiện [H21.21.03.06]. Ngoài ra, tại các cuộc họp giữa BGH với lãnh đạo các đơn vị, giữa Ban Thường vụ Đảng ủy với Ban Thường vụ các tổ chức Đoàn Thanh niên, Công Đoàn... các đơn vị báo cáo kết quả hoạt động kết nối và cung cấp các dịch vụ PVCĐ để BGH, Đảng ủy theo dõi, giám sát [H21.21.03.07].

Kết thúc năm học, các đơn vị đánh giá kết quả và hiệu quả các hoạt động kết nối và PVCĐ do đơn vị thực hiện và thể hiện trong báo cáo tổng kết năm học [H21.21.03.06]. Trung tâm CELC đối sánh kết quả các hoạt động kết nối và PVCĐ so với chỉ số đánh giá các hoạt động kết nối và PVCĐ trong quy định về quản lý và hướng dẫn thực hiện các hoạt động kết nối và cung cấp các dịch vụ PVCĐ và trong kế hoạch năm học của Nhà trường [H21.21.03.01], [H21.21.03.8]. Hằng năm, Nhà trường dành kinh phí cho hoạt động kết nối và PVCĐ cũng như đầu tư CSVC, trang thiết bị nhằm thực hiện tốt các hoạt động kết nối và cung cấp các dịch vụ PVCĐ [H21.21.03.9]. Năm 2022 Nhà trường thực hiện báo cáo đánh giá kết quả và hiệu quả của các hoạt động kết nối và PVCĐ của Trường trong giai đoạn 2018-2022 [H21.21.03.10]. Trường và các đơn vị, các cá nhân, người học nhận được nhiều hình thức khen thưởng các cấp vì đã có thành tích xuất sắc trong hoạt động kết nối và PVCĐ, Đóng góp cho xã hội [H21.21.03.11].

**Tự đánh giá: 6/7**

**Tiêu chí 21.4: Việc cung cấp các dịch vụ phục vụ và kết nối cộng đồng được cải tiến để đáp ứng nhu cầu và sự hài lòng của các bên liên quan.**

**Mô tả:** Trong chiến lược phát triển đến năm 2025, tầm nhìn 2030, kế hoạch năm học của Trường thể hiện rõ kế hoạch cung cấp các hoạt động kết nối và PVCĐ [H21.21.04.01]. Bên cạnh đó, kế hoạch cung cấp các hoạt động kết nối và PVCĐ thể hiện trong kế hoạch năm học của các đơn vị đều thể hiện các nội dung liên quan đến kết nối và PVCĐ [H21.21.04.02]. Trong quy chế về tổ chức và hoạt động của Nhà trường và quy định về quản lý và hướng dẫn thực hiện các hoạt động kết nối và cung cấp các dịch vụ PVCĐ của Nhà trường ban hành có quy định cụ thể trách nhiệm của các đơn vị tham gia hoạt động kết nối và cung cấp các dịch vụ PVCĐ [H21.21.04.03].

Kết quả thực hiện các hoạt động dịch vụ Kết quả thực hiện các hoạt động dịch vụ phục vụ và kết nối cộng đồng được thể hiện trong báo cáo tổng kết năm học của Trường và báo cáo tại Hội nghị tổng kết năm học, Hội nghị người lao động hằng năm [H21.21.04.04]. Trên cơ sở đó, trong kế hoạch năm học tiếp theo của Nhà trường và của các đơn vị luôn có các biện pháp cải tiến việc cung cấp các dịch vụ phục vụ và kết nối cộng đồng [H21.21.04.01], [H21.21.04.02]. Tại các cuộc họp giữa BGH Nhà trường với lãnh đạo các đơn vị, BGH yêu cầu các đơn vị triển khai các biện pháp cải tiến việc cung cấp các dịch vụ phục vụ và kết nối cộng đồng theo kế hoạch [H21.21.04.05]. Kinh phí hàng năm cho đầu tư CSVC, trang thiết bị để tăng cường cải tiến hoạt động kết nối và PVCĐ của Trường đều có sự thay đổi theo hướng năm sau cao hơn năm trước, quy mô các hoạt động cũng mở rộng hơn [H21.21.04.06]. Trong giai đoạn 2018-2022, Nhà trường triển khai nhiều hoạt động cải tiến việc cung cấp các dịch vụ phục vụ và kết nối cộng đồng [H21.21.04.07]. Kết quả cung cấp các hoạt động dịch vụ phục vụ và kết nối cộng đồng của Trường được cải tiến qua từng năm thể hiện trong báo cáo tổng kết báo cáo đánh giá kết quả và hiệu quả của các hoạt động kết nối và PVCĐ của Trường trong giai đoạn 2018-2022 [H21.21.04.08].

Trường phân công Phòng CTSV, Trung tâm học tập gắn kết cộng đồng là đơn vị chủ trì, phối hợp với các bên liên quan tổ chức khảo sát về kết quả thực hiện các hoạt động dịch vụ và kết nối cộng đồng [H21.21.04.09]. Trung tâm CELC xây dựng kế hoạch khảo sát và triển khai lấy ý kiến phản hồi của CVGVNV, Phòng CTSV xây dựng kế hoạch khảo sát và triển khai lấy ý kiến phản hồi của Sinh viên, trong đó có nội dung khảo sát về kết quả thực hiện các hoạt động dịch vụ phục vụ và Kết nối cộng đồng của Trường, tham mưu tổ chức đối thoại giữa Lãnh đạo trường với sinh viên [H21.21.04.10]. Kết quả khảo sát ý kiến của CBGVN, sinh viên đánh giá về kết quả thực hiện các hoạt động dịch vụ phục vụ và kết nối cộng đồng với trên 75% ý kiến hài lòng về kết quả thực hiện các hoạt động dịch vụ phục vụ và kết nối cộng đồng của Trường [H21.21.04.11]. Ngoài ra, ý kiến của cựu SV, các tổ chức nơi trường tham gia phục vụ cộng đồng cũng thể hiện sự hài lòng về kết quả thực hiện các hoạt động dịch vụ phục vụ và kết nối cộng đồng của Trường [H21.21.04.12].

### **Tự đánh giá: 5/7**

### **Đánh giá chung về tiêu chuẩn 21**

#### **1. Tóm tắt các điểm mạnh**

- Trong Nghị quyết của Đảng ủy Nhà trường luôn chỉ đạo tập trung triển khai kế hoạch, chính sách kết nối và cung cấp các dịch vụ cộng đồng, đóng góp cho xã hội.

Trong chiến lược phát triển đến năm 2025, tầm nhìn 2030, kế hoạch năm học hằng năm của Trường thể hiện chính sách kết nối và cung cấp các dịch vụ PVCĐ.

- Trường ban hành quy định quản lý và hướng dẫn thực hiện các hoạt động kết nối và cung cấp các dịch vụ phục vụ cộng đồng, thông báo đến các đơn vị và CB GV NV, SV biết để thực hiện.

- Trong quy định quản lý và hướng dẫn thực hiện các hoạt động kết nối và cung cấp các dịch vụ PVCĐ của Nhà trường ban hành có quy định rõ ràng về cơ chế quản lý, kiểm tra, giám sát hoạt động kết nối và cung cấp các dịch vụ PVCĐ.

- Các đơn vị của Trường chủ động xây dựng kế hoạch và triển khai các hoạt động kết nối và cung cấp các dịch vụ PVCĐ để góp phần đạt được Sứ mệnh, Tầm nhìn đã xác định.

- Hằng năm, trường dành kinh phí đầu tư CSVC, trang thiết bị để triển khai các hoạt động kết nối và cung cấp các dịch vụ PVCĐ.

- Trong quy định về quản lý và hướng dẫn thực hiện các hoạt động kết nối và cung cấp các dịch vụ cộng đồng của Trường ban hành có các chỉ số để đo lường hiệu quả hoạt động kết nối và PVCĐ.

- Nhà trường sử dụng các chỉ số đo lường hoạt động kết nối và cung cấp các dịch vụ cộng đồng để đánh giá kết quả hoạt động kết nối và cung cấp các dịch vụ cộng đồng của Trường và của các đơn vị trực thuộc.

- Nhà trường triển khai đa dạng các hoạt động kết nối và cung cấp các dịch vụ cộng đồng, góp phần nâng cao học hiệu của Trường.

- Kết quả hoạt động kết nối và cung cấp các dịch vụ cộng đồng thể hiện trong báo cáo tổng kết năm học của Trường và báo cáo tại Hội nghị người lao động hằng năm.

- Trường xây dựng, lưu trữ, cập nhật CSDL của Trường về các hoạt động PVCĐ bao gồm: kế hoạch, các bên tham gia, các đóng góp cho xã hội, các nguồn lực thu nhận được từ các hoạt động dịch vụ và chuyển giao,... thông qua các hoạt động PVCĐ.

- Trường phân công Trung tâm học tập gắn kết cộng đồng, Ban Thanh tra nhân dân giám sát việc triển khai các hoạt động kết nối và cung cấp các dịch vụ PVCĐ của Trường.

- Hằng năm, Trường đối sánh kết quả các hoạt động kết nối và PVCĐ so với chỉ số đánh giá các hoạt động kết nối và PVCĐ trong quy định về quản lý và hướng dẫn thực hiện các hoạt động kết nối và cung cấp các dịch vụ PVCĐ và trong kế hoạch năm học của Nhà trường.

- Trường dành kinh phí hằng năm cho hoạt động kết nối và PVCD cũng như đầu tư CSVC, trang thiết bị nhằm thực hiện tốt các hoạt động kết nối và cung cấp các dịch vụ PVCD.

- Hằng năm, trong kế hoạch khảo sát ý kiến phản hồi của các bên liên quan về hoạt động của Trường có nội dung khảo sát kết quả thực hiện các hoạt động dịch vụ phục vụ và kết nối cộng đồng.

- Kết quả khảo sát ý kiến của CBGVNV, SV đánh giá về kết quả thực hiện các hoạt động dịch vụ phục vụ và kết nối cộng đồng với trên 75% ý kiến hài lòng về kết quả thực hiện các hoạt động dịch vụ phục vụ và kết nối cộng đồng của Trường.

- Ý kiến của cựu SV, các tổ chức nơi trường tham gia phục vụ cộng đồng thể hiện sự hài lòng về kết quả thực hiện các hoạt động dịch vụ phục vụ và kết nối cộng đồng của Trường.

- Nhà trường và các đơn vị triển khai nhiều hoạt động cải tiến hoạt động kết nối và cung cấp các dịch vụ cộng đồng. Trong giai đoạn 2018-2022, kết quả cung cấp các hoạt động dịch vụ phục vụ và kết nối cộng đồng của Trường được cải tiến qua từng năm và gặt hái được nhiều thành tích.

## 2. Tóm tắt các điểm tồn tại

Số lượng tham gia khảo sát về hiệu quả kết nối và cung cấp dịch vụ phục vụ cộng đồng của Nhà trường còn ít.

## 3. Kế hoạch cải tiến

Từ năm học 2022 – 2023, Trường đa dạng hóa phương thức khảo sát ý kiến của Cựu sinh viên và nhà tuyển dụng về hiệu quả của các hoạt động kết nối và cung cấp dịch vụ PVCD, các đơn vị sau khi triển khai các chương trình trực tiếp lấy phiếu khảo sát, phiếu xác nhận tại đơn vị tham gia, đơn vị thụ hưởng.

## 4. Mức đánh giá

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Tự đánh giá
<b>Tiêu chuẩn 21</b>	<b>6,0</b>
Tiêu chí 21.1	6,0
Tiêu chí 21.2	6,0
Tiêu chí 21.3	6,0

Tiêu chí 21.4	6,0
---------------	-----

### **Tiêu chuẩn 22: Kết quả đào tạo**

**Tiêu chí 22.1. Tỷ lệ người học đạt yêu cầu và tỷ lệ thôi học của tất cả các chương trình đào tạo, các môn học/học phần được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến.**

**Mô tả:** Trường tổ chức đào tạo theo khóa học, năm học và học kỳ. Khóa học là thời gian thiết kế để SV hoàn thành một CTĐT cụ thể. Thời gian của một khóa học được quy định trong CTĐT. Thời gian thực hiện các CTĐT của Trường được quy định và thông báo cho SV vào đầu mỗi năm học. [H22.22.01.01]. Đối với SV thuộc khóa tốt nghiệp, Trường có một kế hoạch năm học cụ thể để SV cũng như các đối tượng liên quan có thể thực hiện kế hoạch đúng tiến độ. [H22.22.01.02]. Trường có phần mềm quản lý đào tạo do đó các chỉ số liên quan đến người học như: các kết quả học tập, rèn luyện, kết quả tốt nghiệp, việc làm... luôn được lưu trữ, theo dõi, và dễ dàng tìm kiếm trích xuất khi cần thiết. [H22.22.01.03]. Trong quá trình học tập, SV cần phải đạt được các yêu cầu về kiến thức, kỹ năng và thái độ được quy định trong CTĐT, qua đó đánh giá được người học từ chất lượng đầu vào, chất lượng quá trình đào tạo đến chất lượng tốt nghiệp đầu ra. [H22.22.01.04].

Mỗi học kỳ, Trường tiến hành xử lý kết quả học tập và rèn luyện của SV toàn trường để thống kê theo dõi số lượng SV bị cảnh báo học tập và thôi học. [H22.22.01.05]. Trường luôn quan tâm sâu sát đến việc nghỉ học của SV. Ngoài những SV bị thôi học do kết quả học tập kém, còn có những SV khác thôi học vì nhiều lý do khác nhau như: làm đơn xin thôi học, không đăng ký học phần, đăng ký học phần nhưng không theo học. Hằng năm, Phòng Công tác sinh viên sẽ thống kê số lượng SV thôi học báo cáo Ban giám hiệu để cùng các Khoa phân tích nguyên nhân đưa ra các giải pháp cũng như kế hoạch để ngày càng nâng cao chất lượng đào tạo. [H22.22.01.06].

Hằng năm, Trường tổ chức 2 đợt xét tốt nghiệp cho SV. Trước mỗi đợt xét tốt nghiệp, Phòng Đào tạo sẽ trích xuất dữ liệu xét tốt nghiệp dự kiến gửi về Khoa chủ quản sinh viên đối chiếu kiểm dò. Kết thúc thời gian đối chiếu, Trường sẽ tiến hành họp xét công nhận tốt nghiệp cho SV theo thành phần trong Hội đồng xét tốt nghiệp. Trong cuộc họp xét này, Hội đồng sẽ phân tích nguyên nhân chậm tốt nghiệp cũng như đưa ra các giải pháp để tăng tỷ lệ tốt nghiệp của SV. [H22.22.01.07] [H22.22.01.08] Ngoài ra, Trường cũng luôn tăng cường các hoạt động hỗ trợ SV. Bên cạnh đối thoại hằng năm với SV còn có hoạt động gặp gỡ để lắng nghe, trao đổi, Trường còn có nhiều

hình thức khen thưởng SV đạt thành tích tốt trong học tập. Thông qua mối quan hệ với các đối tác doanh nghiệp, Trường đã kêu gọi được nguồn học bổng hỗ trợ cho các đối tượng SV có hoàn cảnh khó khăn góp phần giảm bớt gánh nặng về chi phí học tập cho SV.

Trường đã thực hiện đối sánh tỷ lệ tốt nghiệp, tỷ lệ thôi học giữa các khóa đào tạo qua các năm thông qua hoạt động tự đánh giá của Trường.



**Bảng đối sánh tỷ lệ tốt nghiệp, tỷ lệ thôi học của sinh viên đại học hệ chính quy các khóa tuyển sinh**

Khóa học	SL nhập học	SV tốt nghiệp đúng hạn		SV tốt nghiệp không đúng hạn		SV thôi học		Số SV còn lại	
		SL	Tỷ lệ	SL	Tỷ lệ	SL	Tỷ lệ	SL	Tỷ lệ
2014-2018	276	179	64.86%	5	1.81%	66	23.91%	26	9.42%
2015-2019	458	252	55.02%	19	4.15%	136	29.69%	51	11.14%
2016-2020	371	214	57.68%	18	4.85%	85	22.91%	54	14.56%
2017-2021	463	249	53.78%	17	3.67%	131	28.29%	66	14.25%
2018-2022	1135	626	55.15%	0	0.00%	216	19.03%	293	25.81%
2013-2018	1220	634	51.97%	108	8.85%	303	24.84%	175	14.34%
2014-2019	702	357	50.85%	69	9.83%	192	27.35%	84	11.97%
2015-2020	587	264	44.97%	50	8.52%	178	30.32%	95	16.18%
2016-2021	645	225	34.88%	67	10.39%	180	27.91%	173	26.82%
2017-2022	724	334	46.13%	0	0.00%	212	29.28%	178	24.59%

Tỷ lệ tốt nghiệp đúng hạn giữa các CTĐT có thời gian đào tạo 4 năm cao hơn các CTĐT có thời gian 05 năm, lý do là các CTĐT có thời gian đào tạo 04 năm là các ngành thuộc khối ngành Kinh tế Ngoại ngữ, các CTĐT có thời gian đào tạo 05 năm là các ngành thuộc khối ngành Kỹ thuật như Kiến trúc, Xây dựng,... Khối lượng kiến thức cần phải tích lũy nhiều hơn, độ khó cao hơn. Tỷ lệ thôi học giữa các khóa trong chu kỳ đối sánh đều cao hơn 10% do đặc thù của Trường là Trường tự thực, số lượng SV nghỉ học dài ngày không phép hoặc không đăng ký tín chỉ hoặc đăng ký tín chỉ nhưng không học. Trường cũng đã yêu cầu các Khoa cùng lên kế hoạch đưa ra giải pháp giảm tỷ lệ thôi học trong thời gian sắp tới để nâng cao chất lượng đào tạo của Trường. [H22.22.01.09]

**Tự đánh giá: 4/7**

**Tiêu chí 22.2. Thời gian tốt nghiệp trung bình cho tất cả các chương trình đào tạo được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến.**

Trường đã xây dựng, thiết kế CTĐT và phân bổ các học phần một cách hợp lý đảm bảo khối lượng kiến thức và thời gian tốt nghiệp trung bình cho SV trong quá trình đào tạo. Đối với CTĐT đại học hệ chính quy cấp bằng cử nhân có thời gian thiết kế là 04 năm và bằng kỹ sư, kiến trúc sư có thời gian thiết kế là 05 năm. Trường tổ chức đào tạo theo khóa học, năm học và học kỳ. Khóa học là thời gian thiết kế để SV hoàn thành CTĐT cụ thể. Thời gian của một khóa học được quy định trong CTĐT. Thời gian thực hiện các CTĐT của Trường theo từng khóa học cụ thể được quy định trong kế hoạch năm học và công bố cho SV vào đầu năm học. [H22.22.02.01] [H22.22.02.02]

Quy chế đào tạo cũng quy định điều kiện để được xét tốt nghiệp và công nhận tốt nghiệp cho SV, SV có thể đăng ký được xét tốt nghiệp trong trường hợp đủ điều kiện tốt nghiệp sớm so với thời gian thiết kế của khóa học. Tuy nhiên, đến thời điểm hiện tại do đặc thù trường tự thực nên chưa có SV nào đăng ký tốt nghiệp sớm so với thời gian thiết kế CTĐT đã có. Đầu mỗi học kỳ, SV sẽ được phổ biến tất cả nội dung liên quan đến chương trình đào tạo, thời gian đào tạo trong buổi sinh hoạt công dân. Bên cạnh đó, các thông tin về kết quả học tập từng học kỳ, điểm số tích lũy qua các năm học cũng được cung cấp cho SV qua cổng thông tin dành cho SV (<http://sinhvien.dau.edu.vn>). SV có thể sắp xếp thời gian để bố trí lịch học cá nhân cụ thể từng học kỳ, chủ động lên kế hoạch học tập nhằm hoàn thành CTĐT đúng tiến độ. [H22.22.02.03]

Hàng năm, Trường sẽ thống kê số lượng SV dự kiến tốt nghiệp theo khóa học, ngành học, thời gian tốt nghiệp nhằm theo dõi tiến độ tốt nghiệp của SV. Qua đó, Trường có thể theo dõi tỷ lệ tốt nghiệp, số lượng SV không tốt nghiệp đúng hạn sau khi năm học kết thúc. Những SV tốt nghiệp không đúng tiến độ qua từng đợt xét tốt nghiệp đa số do SV chưa tích lũy đủ số học phần và khối lượng của CTĐT theo quy định; hoặc do điểm trung bình chung tích lũy của toàn khóa học đạt dưới 2,00. Trường mở các lớp học phần ngoài kế hoạch theo nguyện vọng của SV, tạo điều kiện cho những SV này học lại các học phần chưa đạt và xét tốt nghiệp sớm nhất có thể nếu SV đủ điều kiện xét tốt nghiệp và đang trong thời gian đào tạo cho phép. [H22.22.02.04]

Trường đã thực hiện đối sánh thời gian tốt nghiệp trung bình của các khóa tuyển sinh từ năm 2013 đến khóa tuyển sinh năm 2018. [H22.22.02.05]

**Bảng thống kê thời gian tốt nghiệp trung bình của SV có thời gian đào tạo 05 năm**

Tiêu chí			Khóa tuyển sinh				
			2014-2018	2015-2019	2016-2020	2017-2021	2018-2022
<b>Tổng số sinh viên</b>			<b>276</b>	<b>458</b>	<b>371</b>	<b>463</b>	<b>1135</b>
<b>Số lượng SV TN theo thời gian</b>	<b>4 năm</b>	<b>Số lượng</b>	179	252	214	249	626
		<b>Tỷ lệ (%)</b>	64.86%	55.02%	57.68%	53.78%	55.15%
	<b>5 năm</b>	<b>Số lượng</b>	3	13	16	17	0
		<b>Tỷ lệ (%)</b>	1.09%	2.84%	4.31%	3.67%	0.00%
	<b>&gt;=6 năm</b>	<b>Số lượng</b>	5	19	18	17	0
		<b>Tỷ lệ (%)</b>	1.81%	4.15%	4.85%	3.67%	0.00%

<b>Thời gian tốt nghiệp trung bình</b>	<b>4.07</b>	<b>4.11</b>	<b>4.11</b>	<b>4.05</b>	<b>4</b>
--	-------------	-------------	-------------	-------------	----------

**Bảng thống kê thời gian tốt nghiệp trung bình của SV có thời gian đào tạo 04 năm**

<b>Tiêu chí</b>			<b>Khóa tuyển sinh</b>				
			<b>2013-2018</b>	<b>2014-2019</b>	<b>2015-2020</b>	<b>2016-2021</b>	<b>2017-2022</b>
<b>Tổng số sinh viên</b>			1220	702	587	645	724
<b>Số lượng SV tốt nghiệp p theo thời gian</b>	<b>5 năm</b>	<b>Số lượng</b>	634	357	264	225	334
		<b>Tỷ lệ (%)</b>	51.97%	50.85%	44.97%	34.88%	46.13%
	<b>&gt;=6 năm</b>	<b>Số lượng</b>	108	69	50	67	0
		<b>Tỷ lệ (%)</b>	8.85%	9.83%	8.52%	10.39%	0.00%
<b>Thời gian tốt nghiệp trung bình</b>			<b>5.24</b>	<b>5.21</b>	<b>5.19</b>	<b>5.22</b>	<b>5</b>

Kết quả trên cho thấy, thời gian tốt nghiệp trung bình của SV tại Trường còn cao, không có SV tốt nghiệp sớm so với thời gian thiết kế của CTĐT. Đối với khóa 2018-2022 và 2017-2022 do mới tốt nghiệp nên chưa thống kê được số lượng SV tốt nghiệp quá hạn so với thời gian thiết kế. Trong thời gian sắp tới, Nhà trường sẽ cùng các Khoa xây dựng kế hoạch hỗ trợ SV rút ngắn thời gian tốt nghiệp trung bình.

**Tự đánh giá: 4/7**

**Tiêu chí 22.3 Khả năng có việc làm của người học tốt nghiệp của tất cả các CTĐT được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến.**

**Mô tả:** Hằng năm, trước khi bắt đầu năm học mới, Phòng Đào tạo xây dựng kế hoạch đào tạo năm học và trình Hiệu trưởng ký quyết định ban hành. Trong quá trình xây dựng kế hoạch đào tạo, Nhà trường yêu cầu các Khoa phân tích và dự đoán tỷ lệ người học có việc làm sau khi tốt nghiệp của CTĐT do khoa đang quản lý và gửi về Phòng Đào tạo để tổng hợp. Phòng CTSV, Phòng KT&BDCL gửi kết quả tỷ lệ người học có việc làm sau khi tốt nghiệp của năm học trước đến các Khoa để tham khảo. Khoa tổ chức họp, thống nhất dự đoán tỷ lệ người học có việc làm sau khi tốt nghiệp của các CTĐT do khoa quản lý và gửi về Phòng Đào tạo. Thông qua cuộc họp giữa BGH Nhà trường với lãnh đạo các đơn vị Phòng CTSV, Phòng KT&BDCL báo cáo tỷ lệ người học của các CTĐT có việc làm sau khi tốt nghiệp [H22.22.03.01]. Nhà trường gửi kế hoạch đào tạo năm học đến các đơn vị để thực hiện và các đơn vị thông báo đến Người lao động, SV biết để thực hiện. Ngoài ra, kế hoạch đào tạo năm học của Nhà trường được đăng tải trên website của Trường và của các Khoa [H22.22.03.02].

Phòng KT&BDCL là đơn vị được giao nhiệm vụ theo dõi, giám sát tỷ lệ có việc làm của người học sau 01 năm tốt nghiệp của tất cả các CTĐT. Phòng KT&BDCL phân công 01 chuyên viên phụ trách việc theo dõi, giám sát tỷ lệ có việc làm của người học sau 01 năm tốt nghiệp của tất cả các CTĐT của Nhà trường [H22.22.03.03]. Hằng năm, Nhà trường ban hành kế hoạch khảo sát tình hình việc làm của SV tốt nghiệp [H22.22.03.04]. Kết quả khảo sát tình hình việc làm của SV sau tốt nghiệp được báo cáo BGH Nhà trường và gửi đến các Khoa, đồng thời được đăng tải trên website của Trường [H22.22.03.02].

Trong giai đoạn 2018-2022, kết quả khảo sát tình hình việc làm của SV sau tốt nghiệp đạt tỷ lệ trên 90%, trong đó trung bình có trên 50% SV có việc làm đúng chuyên ngành đào tạo. Đặc biệt, tỷ lệ SV tốt nghiệp của nhiều ngành có việc làm cao như: Kiến trúc, Thiết kế Nội thất, Thiết kế đồ họa, Kỹ thuật xây dựng [H22.22.03.04].

Căn cứ kết quả khảo sát tình hình việc làm của SV sau tốt nghiệp, Phòng KT&BDCL tiến hành đối sánh tỷ lệ SV có việc làm sau tốt nghiệp trên thực tế so với tỷ lệ được dự đoán trong kế hoạch đào tạo năm học và so với năm học trước; đối sánh tỷ lệ SV có việc làm sau tốt nghiệp của các CTĐT khác của Nhà trường. Kết quả đối sánh tỷ lệ SV có việc làm sau tốt nghiệp của Nhà trường được báo cáo BGH Nhà trường và gửi đến các Khoa [H22.22.03.04].

Căn cứ kết quả theo dõi, giám sát, đối sánh tỷ lệ SV có việc làm sau sau tốt nghiệp, BGH Nhà trường họp với lãnh đạo các đơn vị thống nhất các biện pháp hướng nghiệp và hỗ trợ tìm việc làm cho SV để nâng cao tỷ lệ có việc làm và mức độ đáp ứng yêu

cầu công việc sau tốt nghiệp của tất cả các CTĐT [H22.22.03.05]. Các biện pháp hướng nghiệp và hỗ trợ tìm việc làm cho SV để nâng cao tỷ lệ có việc làm và mức độ đáp ứng yêu cầu công việc sau tốt nghiệp của tất cả các CTĐT được thể hiện trong kế hoạch năm học của Trường và của khoa, phòng, trung tâm. Hằng năm, các Khoa tổ chức giao lưu với các Doanh nghiệp, đồng thời thông tin kịp thời các thông tin tuyển dụng trên các trang fanpage, group đến SV. Bên cạnh đó, Nhà trường tăng cường đầu tư trang thiết bị nhằm đáp ứng nhu cầu dạy và học; rà soát, điều chỉnh CTĐT nhằm phù hợp với yêu cầu xã hội, đổi mới phương pháp giảng dạy, kiểm tra đánh giá,... nhằm nâng cao tỷ lệ có việc làm và mức độ đáp ứng yêu cầu công việc sau tốt nghiệp của tất cả các CTĐT [H22.22.03.06], [H22.22.03.07]. Trong giai đoạn 2018-2022, kết quả khảo sát ý kiến của cựu SV, doanh nghiệp sử dụng lao động thể hiện tỷ lệ có việc làm và sự hài lòng về mức độ đáp ứng yêu cầu công việc sau tốt nghiệp của SV Nhà trường tăng lên [H22.22.03.04].

**Tự đánh giá: 5/7**

**Tiêu chí 22.4. Mức độ hài lòng của các bên liên quan về chất lượng của người học tốt nghiệp được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến.**

Trường giao trách nhiệm cho Phòng KT&ĐBCL lập kế hoạch khảo sát các bên liên quan phục vụ công tác nâng cao chất lượng toàn diện trong Nhà trường. Trường ban hành quy định việc lấy ý kiến phản hồi từ các bên liên quan nhằm góp ý, đóng góp về mọi mặt hoạt động của trường. Hoạt động khảo sát các bên có liên quan về chất lượng người học tốt nghiệp được các Khoa/Bộ môn cùng Phòng KT&ĐBCLGD thực hiện thường xuyên. Các đối tượng được khảo sát bao gồm SV vừa tốt nghiệp, cựu sinh viên, các nhà tuyển dụng. [H22.22.04.01].

Trường thực hiện khảo sát sự hài lòng của SV đối với toàn khóa học thông qua khảo sát toàn khóa học của SV cuối khóa. Nội dung khảo sát liên quan đến các lĩnh vực: Mục tiêu của chương trình đào tạo; Đội ngũ giảng viên; Tổ chức đào tạo; Quản lý và phục vụ đào tạo; Mức độ đáp ứng của khóa học; Các hoạt động khác của Nhà trường [H22.22.04.02]. Những đánh giá của SV về khóa học là căn cứ quan trọng để Trường đánh giá mức độ phù hợp của các CĐR và CTĐT đã được thiết kế với các yêu cầu thực tiễn của các bên liên quan, qua đó giúp Khoa có thêm cơ sở để có những điều chỉnh, cải tiến về CĐR và CTĐT mà Khoa đã xây dựng nhằm không ngừng nâng cao chất lượng đào tạo đáp ứng nhu cầu xã hội; Tăng cường mối liên kết giữa Nhà trường và nhà tuyển

dụng trong quá trình đào tạo và sử dụng lao động. Kết quả khảo sát được xử lý, tổng hợp và báo cáo Ban giám hiệu cùng các đơn vị trong toàn trường [H22.22.04.03].

Các Khoa thường xuyên tổ chức gặp gỡ các doanh nghiệp, nhà tuyển dụng hoặc các buổi tọa đàm, hội thảo để lấy ý kiến về chất lượng đào tạo của trường, khả năng đáp ứng yêu cầu công việc của người học sau tốt nghiệp nhằm điều chỉnh CTĐT, nội dung và phương pháp đào tạo phù hợp [H22.22.04.04]. Ngoài ra, các Khoa cũng lấy ý kiến của các doanh nghiệp, nhà tuyển dụng thông qua việc gửi phiếu khảo sát về chất lượng sinh viên tốt nghiệp, CTĐT để đo lường ở các khía cạnh khác nhau [H22.22.04.05]. Kết quả khảo sát cho thấy, các đơn vị, doanh nghiệp đều đánh giá cao việc SV trường ĐHKTDN có khả năng ứng dụng kiến thức chuyên ngành vào thực tiễn công việc và đáp ứng được yêu cầu công việc được giao. [H22.22.04.06]

Trường tổ chức các hoạt động hướng nghiệp, hội thảo chuyên đề, ngày hội việc làm với sự tham gia của các chuyên gia, nhà tuyển dụng lao động giúp SV có định hướng phù hợp, tiếp cận được các yêu cầu thực tế từ các đơn vị sử dụng lao động để tích lũy, chuẩn bị trước khi tốt nghiệp [H22.22.04.07]

Kết quả khảo sát tình hình việc làm của SV sau tốt nghiệp đạt từ 85% trở lên đã chứng minh cho chất lượng giáo dục của Nhà trường cũng như khả năng tham gia thị trường lao động của SV tốt nghiệp [H22.22.04.08]. Việc khảo sát ý kiến SV tốt nghiệp còn giúp Trường, Khoa đánh giá được chất lượng CTĐT và khóa học, những kiến thức, kỹ năng cần được bổ sung để giúp SV có việc làm sớm và thích ứng với công việc hiệu quả.

Trường cũng tiến hành thực hiện khảo sát lấy ý kiến SV đang học về chất lượng hỗ trợ người học nhằm có đánh giá khoa học, khách quan chất lượng cung ứng dịch vụ của Trường [H22.22.04.09]. Nội dung khảo sát đánh giá được mức độ hài lòng của người học về cách tiếp cận dịch vụ giáo dục, cơ sở vật chất, môi trường đào tạo, hoạt động đào tạo và hỗ trợ học tập, kết quả đào tạo. Đây là kênh thông tin giúp Nhà trường xác định được nhu cầu, nguyện vọng của người học để đề xuất các giải pháp cải tiến, nâng cao chất lượng phục vụ đáp ứng nhu cầu của người học.

Trường cũng thường xuyên duy trì hoạt động lấy ý kiến phản hồi của SV về hoạt động giảng dạy của giảng viên [H22.22.04.10]. Hoạt động lấy ý kiến được tiến hành mỗi học kỳ một lần; nội dung đánh giá liên quan đến kiến thức giảng dạy, phương pháp giảng dạy, phương tiện và tài liệu giảng dạy, hoạt động kiểm tra đánh giá kết quả học tập, quan hệ giao tiếp giữa GV và SV.

Qua mỗi năm khảo sát, Nhà trường lại có hướng cải tiến để tăng chất lượng SV tốt nghiệp, đáp ứng sự hài lòng của các bên liên quan như: tăng cường các lớp kỹ năng mềm cho SV, cải tiến CTĐT và CĐR có tham khảo ý kiến nhà tuyển dụng, GV và cựu SV, tổ chức các ngày hội việc làm giúp SV tiếp cận nhanh với nghề nghiệp và với các nhà tuyển dụng.

Trường thực hiện đối sánh mức độ hài lòng của SV tốt nghiệp về chất lượng toàn khóa học thông qua giá trị trung bình đánh giá. Kết quả cho thấy, SV đều đánh giá cao chất lượng của khóa học, thể hiện qua giá trị trung bình của các nội dung được hỏi đều lớn hơn giá trị trung bình của thang đo và đều tăng giữa các khóa tuyển sinh. Điều này chứng minh Trường đã đưa ra các biện pháp phù hợp để cải tiến và nâng cao mức độ hài lòng của người học về chất lượng toàn khóa học của tất cả các CTĐT [H22.22.04.11].

#### **Tự đánh giá: 4/7**

#### **Đánh giá chung về tiêu chuẩn 22**

##### ***1. Tóm tắt các điểm mạnh:***

- Nhà trường xây dựng một hệ thống cơ sở dữ liệu người học từ tuyển sinh đầu vào, kết quả học tập và rèn luyện, kết quả học lại, tình hình tốt nghiệp, tình hình việc làm và chất lượng SV tốt nghiệp

- Trường đã thiết lập hệ thống, ứng dụng công nghệ thông tin, sử dụng phần mềm hệ thống tác nghiệp trong quản lý đào tạo để theo dõi, giám sát, đánh giá tỷ lệ tốt nghiệp, thôi học, đạt yêu cầu của tất cả các CTĐT. Đồng thời, có các giải pháp hỗ trợ kịp thời tạo điều kiện cho SV ra trường đúng hạn.

- Tỷ lệ SV có việc làm sau tốt nghiệp được theo dõi ở tất cả các CTĐT và tỷ lệ có việc làm cao đạt từ 85% trở lên.

- Trường có phân công cho các đơn vị triển khai lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan về các hoạt động của trường và sử dụng kết quả phản hồi để cải tiến chất lượng đào tạo.

- Trường thực hiện đối sánh giữa các khóa học trong toàn trường về tỷ lệ tốt nghiệp, tỷ lệ thôi học, tỷ lệ có việc làm sau tốt nghiệp và mức độ hài lòng của người học về chất lượng toàn khóa học.

##### ***2. Tóm tắt các điểm tồn tại:***

- Việc đối sánh với các trường đại học trong nước và nước ngoài về tỷ lệ tốt nghiệp,



tỷ lệ thôi học, thời gian tốt nghiệp trung bình của các CTĐT chưa được thực hiện do chưa có dữ liệu để đối sánh.

### **3. Kế hoạch cải tiến:**

- Có biện pháp thực hiện đối sánh tỷ lệ tốt nghiệp, tỷ lệ thôi học, thời gian tốt nghiệp trung bình của các chương trình đào tạo tương ứng trong nước và nước ngoài.

- Kết nối và chia sẻ dữ liệu giữa các trường đại học với nhau.

- Cải tiến các phần mềm, cải tiến cách làm việc của đội ngũ NV hỗ trợ nhằm duy trì có hiệu quả hệ thống cơ sở dữ liệu người học từ tuyển sinh đầu vào, kết quả học tập và rèn luyện, kết quả học lại, thi lại, tình hình tốt nghiệp, tình hình việc làm và

### **4. Mức đánh giá:**

<b>Tiêu chuẩn/Tiêu chí</b>	<b>Tự đánh giá</b>
<b><i>Tiêu chuẩn 22</i></b>	<b>4,0</b>
Tiêu chí 22.1	4,0
Tiêu chí 22.2	4,0
Tiêu chí 22.3	4,0
Tiêu chí 22.4	4,0

### **Tiêu chuẩn 23: Kết quả nghiên cứu khoa học**

**Tiêu chí 23.1: Loại hình và khối lượng nghiên cứu của đội ngũ giảng viên và cán bộ nghiên cứu được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến.**

**Mô tả:** Căn cứ “Chiến lược phát triển giáo dục Trường Đại học Kiến trúc Đà Nẵng giai đoạn 2017-2022 và tầm nhìn đến năm 2030” ban hành kèm theo Quyết định số 443/2017 /QĐ-ĐHKTDN ngày 20/4/2017 của Chủ tịch Hội đồng trường; được điều chỉnh, bổ sung trong “Chiến lược phát triển giáo dục Trường Đại học Kiến trúc Đà Nẵng giai đoạn 2020-2025 và tầm nhìn đến năm 2030” ban hành kèm theo Quyết định số 304/QĐ-ĐHKTDN ngày 15/7/2021 của Chủ tịch Hội đồng trường, Trường Đại học Kiến trúc Đà Nẵng [H62.23.01.01]. Nhà trường ban hành Chiến lược phát triển Khoa học Công nghệ giai đoạn 2017-2022 tầm nhìn đến năm 2030 và điều chỉnh, bổ sung Chiến lược phát triển Khoa học Công nghệ giai đoạn 2020-2025 tầm nhìn đến năm

2030 [H62.23.01.02]. Trên cơ sở đó, Nhà trường đã ban hành Quy định về quản lý hoạt động Khoa học Công nghệ (KHCN) của Trường Đại học Kiến trúc Đà Nẵng [H62.23.01.03]. Trong Quy định về quản lý hoạt động KHCN, nhiệm vụ NCKH được xem là một nhiệm vụ bắt buộc và là tiêu chí quan trọng để xét thi đua của GV vào cuối mỗi năm học. Nhà trường quy định rất rõ các hoạt động KHCN được nhà trường khuyến khích cũng như khối lượng và chất lượng nghiên cứu như: (i) Biên soạn sách, giáo trình, tài liệu tham khảo; (ii) Công bố các bài báo, báo cáo khoa học đăng trên các tạp chí khoa học chuyên ngành hoặc đăng trên các kỷ yếu hội thảo trong nước và quốc tế; (iii) Đề tài NCKH các cấp; (iv) Hướng dẫn SV NCKH các cấp; hướng dẫn SV làm luận văn tốt nghiệp, tiểu luận tốt nghiệp; hướng dẫn SV tham dự các cuộc thi về KHCN các cấp; hướng dẫn SV tham dự các Festival SV kiến trúc toàn quốc [H62.23.01.03].

Trên cơ sở chiến lược phát triển Trường Đại học Kiến trúc Đà Nẵng và Quy định về quản lý hoạt động KHCN của Trường [H62.23.01.03], Phòng KHCN đã xây dựng Quy định về quản lý đề tài KHCN của Trường Đại học Kiến trúc Đà Nẵng [H62.23.01.04] đồng thời Phòng cũng đã xây dựng Kế hoạch phát triển KHCN toàn trường giai đoạn 2021-2025 [H62.23.01.05]. Theo đó, Kế hoạch phát triển KHCN vào đầu mỗi năm học được xác định về lĩnh vực nghiên cứu ưu tiên, các mục tiêu về KHCN cần đạt được và các giải pháp thực hiện để đạt được những mục tiêu cụ thể này [H62.23.01.06]. Đầu mỗi năm học, Phòng KHCN thông báo đến tất cả GV, nhân viên và sinh viên trong trường về nhiệm vụ KHCN [H62.23.01.07] thông qua bản giấy và bằng hình thức gửi e-mail [H62.23.01.08]. Theo thông báo này, GV và nhân viên toàn trường sẽ đăng ký nhiệm vụ KHCN của năm và gửi về Phòng KHCN. Sau đó, Phòng KHCN sẽ tổng hợp trước khi trình Ban giám hiệu (BGH) xem xét ra Quyết định thành lập Hội đồng xét giao nhiệm vụ KHCN cho các GV và nhân viên. Mặc dù Trường Đại học Kiến trúc Đà Nẵng định hướng phát triển thành một trường Đại học ứng dụng và đội ngũ GV cũng còn khá non trẻ, nhưng hoạt động NCKH vẫn được BGH đặc biệt quan tâm và khuyến khích, nhờ đó chất lượng các đề tài KHCN cấp trường đã không ngừng được nâng cao trong những năm qua. Nhà trường cũng đã xây dựng được phần mềm quản lý các hoạt động NCKH của GV <https://qlnckh.dau.edu.vn>. GV và Nhân viên toàn trường sẽ liên tục cập nhật kết quả các hoạt động KHCN của mình trong mỗi năm học vào phần mềm này. Nhờ đó, công việc quản lý về số lượng và chất lượng các nghiên cứu của GV của Phòng KHCN được thực hiện dễ dàng và hiệu quả. Cuối mỗi năm học, Phòng KHCN sẽ tiến hành tổng hợp khối lượng giờ NCKH của GV và NV toàn trường theo Quy định hiện hành [H62.23.01.03], lấy ý kiến xác nhận khối lượng giờ NCKH cho từng giảng viên, từng đơn vị, báo cáo và đề xuất Hội đồng Thi đua –

Khen thưởng của Trường khen thưởng và biểu dương các cá nhân, tập thể có thành tích NCKH tốt theo quy định hiện hành.

Phòng KHCN là đơn vị được phân công nhiệm vụ theo dõi, giám sát các hoạt động NCKH của GV toàn trường [H62.23.01.09]. Theo sự phân công này, Lãnh đạo Phòng KHCN tiến hành phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng chuyên viên thuộc phòng [H62.23.01.10]. Phòng KHCN liên tục theo dõi việc thực hiện các nhiệm vụ KHCN của GV trong mỗi năm học. Đồng thời, thông qua việc kê khai các kết quả NCKH của GV vào phần mềm quản lý hoạt động KHCN của Trường <https://qlnckh.dau.edu.vn>, Phòng KHCN dễ dàng tập hợp được CSDL về kết quả thực hiện nhiệm vụ KHCN của tất cả các GV trong Trường [H62.23.01.11]. Từ đó, CSDL về các đề tài NCKH cấp Trường của GV cũng được tổng hợp đầy đủ trong giai đoạn 2018-2022 [H62.23.01.12]. Thuyết minh của các đề tài NCKH của GV được lưu trữ đầy đủ trên drive của Phòng KHCN [H62.23.01.13].

Bắt đầu từ năm 2022, để thúc đẩy hoạt động KHCN đồng thời để có cơ sở điều chỉnh về chính sách và định hướng KHCN của Trường, Phòng KHCN được phân công là đầu mối thiết kế, xây dựng các phiếu khảo sát lấy ý kiến phản hồi từ các bên liên quan về chất lượng hoạt động NCKH của GV và cán bộ nghiên cứu của Trường [H62.23.01.14]. Phòng KHCN xây dựng kế hoạch và bảng câu hỏi khảo sát để gửi đến toàn thể GV [H62.23.01.15]. Từ những dữ liệu thu thập này [H62.23.01.16], Phòng KHCN tiến hành phân tích, tổng hợp, báo cáo và đề xuất với BGH cải tiến nâng cao chất lượng hoạt động NCKH của đội ngũ GV [H62.23.01.17]. Kết quả khảo sát cho thấy, đa số GV đều hài lòng với hoạt động NCKH và có đề xuất nâng cao chất lượng nghiên cứu, đặc biệt là việc đề xuất thành lập các nhóm nghiên cứu theo các khối ngành đang được đào tạo trong Trường và khuyến khích các GV công bố kết quả nghiên cứu trên các tạp chí chuyên ngành có uy tín trong nước và quốc tế [H62.23.01.17].

BGH đồng thời cũng giao nhiệm vụ cho Phòng KHCN thực hiện việc đối sánh về loại hình, khối lượng và chất lượng nghiên cứu của đội ngũ GV trong Trường [H62.23.01.14]. Kết thúc mỗi năm học, Phòng KHCN sẽ tiến hành đối sánh kết quả về loại hình, khối lượng và chất lượng nghiên cứu của đội ngũ GV đạt được so với các tiêu chí này trong Quy định hiện hành của Trường về quản lý hoạt động KHCN [H62.23.01.03] cũng như là kế hoạch hoạt động KHCN trong mỗi năm học [H62.23.01.06]. Kết quả tổng hợp về hoạt động KHCN hằng năm của GV và đối sánh kết quả đạt được này giúp GV có cái nhìn chi tiết hơn về hoạt động NCKH của mình trong giai đoạn 2018-2022 [H62.23.01.12]. Kết quả đối sánh được Phòng KHCN và

BGH sử dụng trong việc tiếp tục khuyến khích và định hướng cải tiến các hoạt động NCKH của GV.

Từ những ý kiến phản hồi và kết quả đối sánh, BGH đã tổ chức cuộc họp với Lãnh đạo các Phòng, Khoa và Trung tâm để rà soát và điều chỉnh các quy định hiện hành về loại hình và khối lượng nghiên cứu của GV toàn Trường [H62.23.01.19]. Phòng KHCN cũng đã mạnh dạn đề xuất với BGH và đã liên tục triển khai thực hiện các chuỗi Seminar về các chủ đề nghiên cứu chuyên sâu hàng tháng, mở các khoá hướng dẫn về kinh nghiệm viết các bài báo khoa học đăng trên các tạp chí quốc tế có uy tín, hay khoá hướng dẫn ngắn hạn về việc sử dụng Latex trong việc soạn thảo các bản thảo của bài báo khoa học [H62.23.01.20]. Nhờ những giải pháp cấp bách này và những ý kiến, tổng hợp của lãnh đạo các đơn vị trong các cuộc họp giao ban và báo cáo tổng kết chi tiết các công tác trong mỗi năm học của BGH [H62.23.01.21] [H62.23.01.22] và việc hỗ trợ kinh phí công bố quốc tế cho các GV có bài báo được đăng trên các tạp chí thuộc danh mục ISI và xếp hạng Q1, Q2 và Q3 theo phân loại của Web of Science [H62.23.01.03], kết quả NCKH của GV toàn trường không ngừng được cải tiến trong những năm qua [H62.23.01.23]. Kết quả này được phản ánh thông qua việc nâng cao cả về số lượng và chất lượng nghiên cứu và công bố khoa học của GV [H62.23.01.23].

**Tự đánh giá: 5/7**

**Tiêu chí 23.2: Loại hình và khối lượng nghiên cứu của người học được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến**

**Mô tả:** Căn cứ Thông tư của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc Quy định về hoạt động nghiên cứu khoa học của SV trong các cơ sở giáo dục đại học [H62.23.02.01] và Chiến lược phát triển Khoa học Công nghệ giai đoạn 2017-2022 tầm nhìn đến năm 2030 và điều chỉnh, bổ sung Chiến lược phát triển Khoa học Công nghệ giai đoạn 2020-2025 tầm nhìn đến năm 2030 [H62.23.02.02] [H62.23.02.03], Trường Đại học Kiến trúc Đà Nẵng đã ban hành Quy định về hoạt động NCKH của SV [H62.23.02.04]. Trong quy định này, loại hình, số lượng và chất lượng NCKH của SV được quy định rõ. Bên cạnh đó, trong quy chế rèn luyện của SV cũng có những khuyến khích khi SV có tham gia NCKH [H62.23.02.05]. Đồng thời sinh viên thực hiện Đồ án tốt nghiệp hay Khoá luận tốt nghiệp theo quy định trong quy chế đào tạo theo hệ thống tín chỉ của Nhà trường [H62.23.02.06].

Căn cứ kế hoạch chất lượng NCKH giai đoạn 2021-2025 [H62.23.02.07], Phòng KHCN xây dựng kế hoạch hoạt động KHCN cho GV và SV đầu mỗi năm học

**[H62.23.02.08]**. Quy trình về đề xuất, thực hiện và quản lý đề tài NCKH của SV được quy định rất cụ thể trong Quy định về hoạt động NCKH của SV **[H62.23.02.04]**. SV có học lực từ khá trở lên cùng với Giáo viên hướng dẫn tiến hành đề xuất các vấn đề nghiên cứu và gửi về Khoa chủ quản, Giáo viên phụ trách quản lý NCKH của Khoa sẽ tiến hành tổng hợp, họp Bộ môn ngành để đánh giá sơ bộ về nội dung của đề tài NCKH của SV. Sau khi thông qua Hội đồng Khoa học của Khoa chủ quản, các đề xuất đề tài NCKH của SV sẽ được gửi về Phòng KHCN. Phòng KHCN sẽ đề nghị thành lập Hội đồng Khoa học cấp trường để xét giao nhiệm vụ, Hiệu trưởng sẽ ra Quyết định giao nhiệm vụ thực hiện đề tài NCKH của SV **[H62.23.02.09]**. Cuối mỗi năm học, Phòng KHCN sẽ đề nghị Hiệu trưởng ra Quyết định thành lập các Hội đồng nghiệm thu cấp Khoa và cấp Trường để nghiệm thu các đề tài NCKH của SV **[H62.23.02.10]**. Nhà trường sẽ khen thưởng ra quyết định khen thưởng đối với những SV có kết quả tốt trong học tập và NCKH vào cuối mỗi năm học.

Nhà trường xác định hoạt động NCKH của người học thực hiện hằng năm là một tiêu chí quan trọng để nâng cao chất lượng đào tạo, xây dựng tính chủ động học tập và nghiên cứu của người học. Để thực hiện được điều này, Phòng KHCN được BGH giao nhiệm vụ là đơn vị theo dõi, giám sát các hoạt động NCKH của SV toàn trường **[H62.23.02.11]**. Theo sự phân công này, Phòng KHCN sẽ phối hợp với GV phụ trách quản lý hoạt động NCKH tại các khoa chủ quản tiến hành đôn đốc, theo dõi các Khoa thực hiện đúng theo tiến độ mà các đề tài đã đăng ký, tổ chức cho SV báo cáo tiến độ thực hiện đề tài tại các Khoa và Bộ môn. Chất lượng NCKH của SV được kiểm soát rất tốt thông qua các Hội đồng nghiệm thu cấp Khoa và cấp Trường các đề tài NCKH của SV **[H62.23.02.10]**. Theo kết quả đánh giá từ các Hội đồng nghiệm thu đề tài NCKH của SV, các đề tài được đánh giá tốt sẽ được Phòng KHCN đề nghị SV thực hiện đề tài và GV hướng dẫn đăng ký tham gia các giải thưởng về NCKH của SV, như giải thưởng Euréka được Thành đoàn Thành phố HCM tổ chức hàng năm. Và thực tế, một số đề tài NCKH của SV trường Đại học Kiến trúc Đà Nẵng đã đạt được những giải thưởng ở các cấp độ khác nhau **[H62.23.02.12]**. Các kết quả đạt được là minh chứng cho chất lượng NCKH của SV nhà Trường, mặc dù số lượng SV thực hiện các đề tài NCKH trong mỗi năm học là chưa được nhiều. Phòng KHCN cũng định kỳ tổng hợp CSDL về NCKH của SV toàn trường trong mỗi năm học **[H62.23.02.13]** và của cả giai đoạn 2018-2022 **[H62.23.02.14]**. Những CSDL này là những thông tin quan trọng giúp BGH có những điều chỉnh, chính sách phù hợp hơn trong tương lai gần để thúc đẩy hơn nữa hoạt động và chất lượng NCKH của SV.

Bắt đầu từ năm 2022, Phòng KHCN cũng được BGH phân công là đơn vị thực hiện khảo sát các bên liên quan về chất lượng NCKH của SV toàn trường [H62.23.02.15]. Theo sự phân công nhiệm vụ này, Phòng KHCN đã triển khai xây dựng kế hoạch và triển khai khảo sát lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan về chất lượng NCKH của SV toàn trường [H62.23.02.16]. Từ những kết quả khảo sát này [H62.23.02.17], Phòng KHCN cũng đã có những báo cáo tổng hợp, trong đó cũng đã cơ bản phân tích những khó khăn, tồn tại để từ đó đề xuất các cải tiến nhằm nâng cao chất lượng nghiên cứu đối với các đề tài NCKH của SV [H62.23.02.18]. Báo cáo đối sánh kết quả NCKH của SV so với các Quy định hiện hành về NCKH của Trường Đại học Kiến trúc Đà Nẵng và kế hoạch hoạt động KHCN năm 2021-2022 đã cho thấy những kết quả tích cực đã đạt được trong năm học cũng như khi so sánh trong giai đoạn 2018-2022 [H62.23.02.19] [H62.23.02.20]. Các kết quả nghiên cứu từ các đề tài nghiên cứu của GV và SV được ứng dụng vào việc cải tiến hoạt động giảng dạy nhằm nâng cao chất lượng đào tạo của Nhà trường [H62.23.02.21]. Nhà trường cũng định kỳ tổ chức các buổi đối thoại giữa Lãnh đạo Nhà trường, Lãnh đạo Khoa, Phòng ban với SV để kịp thời giải quyết những vướng mắc, lắng nghe và tiếp thu những ý kiến đóng góp của SV [H62.23.02.22].

Hoạt động NCKH của SV cũng như những báo cáo tổng tổng kết, đối sánh cũng thường xuyên là chủ đề thảo luận trong các cuộc Họp giao bao giữa BGH và Lãnh đạo các Khoa/Phòng/Ban/Trung tâm [H62.23.02.23], báo cáo tổng kết công tác năm học 2021-2022 và triển khai nhiệm vụ trọng tâm công tác năm học 2022-2023 [H62.23.02.24].

**Tự đánh giá: 5/7**

**Tiêu chí 23.3: Loại hình và số lượng các công bố khoa học bao gồm cả các trích dẫn được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến.**

**Mô tả:** Căn cứ Chiến lược phát triển Khoa học Công nghệ giai đoạn 2017-2022 tầm nhìn đến năm 2030 và điều chỉnh, bổ sung Chiến lược phát triển Khoa học Công nghệ giai đoạn 2020-2025 tầm nhìn đến năm 2030 [H62.23.03.01], Nhà trường ban hành Quy định về quản lý hoạt động KHCN của Trường [H62.23.03.02]. Trong quy định này, loại hình và chất lượng các công bố khoa học, đặc biệt là các công bố khoa học trên các tạp chí quốc tế trong hệ thống ISI/Scopus và các tạp chí khoa học trong nước trong danh mục các tạp chí được tính điểm của Hội đồng chức danh Giáo sư nhà nước. Để nâng cao số lượng và chất lượng các công bố khoa học trên các tạp chí khoa

học uy tín, Phòng KHCN tiến hành xây dựng Quy định về quản lý đề tài KHCN của Trường [H62.23.03.03] đồng thời các kế hoạch KHCN giai đoạn 2021-2025 và kế hoạch KHCN mỗi năm học được xác lập [H62.23.03.04] [H62.23.03.05]. Các chuỗi Seminar về các chủ đề nghiên cứu chuyên sâu và các khoá hướng dẫn về viết bản thảo bài báo để công bố trên các tạp chí khoa học quốc tế có uy tín liên tục được triển khai trong thời gian qua [H62.23.03.06]. Nhờ những giải pháp và hành động kịp thời này mà số lượng bài báo khoa học của GV toàn trường công bố trên các tạp chí ISI/Scopus, trên các tạp chí thuộc danh mục tính điểm của Hội đồng chức danh Giáo sư Nhà nước và các bài báo đăng trên kỷ yếu hội thảo khoa học trong nước và quốc tế liên tục được nâng cao cả về số lượng và chất lượng [H62.23.03.07]. Ngoài ra, Nhà trường cũng định kỳ xuất bản các số của Kỷ yếu Khoa học và Giáo dục của Trường [H62.23.03.08]. Để đẩy mạnh các công bố khoa học và trích dẫn, BGH đã chỉ đạo Phòng KHCN tổ chức Khoá hướng dẫn viết bài báo khoa học để đăng trên các tạp chí khoa học trong nước và quốc tế [H62.23.03.07]. Tuy nhiên, do các điều kiện chủ quan và khách quan mà Nhà trường chưa thể có hệ thống phần mềm chuyên dụng để quản lý, theo dõi các công bố và kết quả nghiên cứu khoa học cũng như các trích dẫn. Hiện nay, Nhà trường vẫn đang sử dụng các chức năng và cơ sở dữ liệu của hệ thống Web of Science để lấy các số liệu chính xác về công bố khoa học quốc tế của Trường.

Phòng KHCN được BGH phân công là đơn vị theo dõi và giám sát các loại hình và số lượng công bố khoa học của Trường [H62.23.03.09]. Quá trình theo dõi loại hình và số lượng các công bố khoa học của GV được Phòng KHCN thực hiện xuyên suốt trong các năm học. Sau khi các GV có công bố khoa học, GV sẽ ngay lập tức khai báo trên phần mềm quản lý về hoạt động KHCN của trường <https://qlnckh.dau.edu.vn> [H62.23.03.10]. Phòng KHCN sẽ lập tức rà soát về loại hình và chất lượng của các công bố khoa học. Sau khi đã kiểm tra chất lượng của các công bố khoa học này, Phòng KHCN sẽ tổng hợp CSDL công bố [H62.23.03.11], báo cáo với BGH về loại hình và số lượng các công bố khoa học của GV toàn trường [H62.23.03.12], đồng thời công khai danh sách các công bố khoa học của GV lên website của Trường <https://dau.edu.vn/khcn-htqt-014441.html> [H62.23.03.13]. Những năm gần đây, nhờ sự quan tâm của BGH và HĐT, thể hiện thông qua chính sách khuyến khích công bố khoa học, đặc biệt là công bố khoa học trên các tạp chí khoa học quốc tế trong danh mục tạp chí ISI thuộc nhóm Q1, Q2 và Q3 cũng như gắn hoạt động NCKH là một trong những tiêu chí quan trọng để bình bầu và xét thi đua khen thưởng theo quy định hiện hành về quản lý hoạt động KHCN của Trường [H62.23.03.02]. Qua đó, Nhà trường cũng có chế tài xử lý đối với những GV không hoàn thành nhiệm vụ NCKH [H62.23.03.02].

Đầu năm 2022, Nhà trường bắt đầu phân công Phòng KHCN là đơn vị chủ trì và phối hợp với các đơn vị thực hiện công tác khảo sát lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan về loại hình và số lượng các công bố khoa học của đội ngũ GV toàn trường [H62.23.03.14]. Theo đó, Phòng KHCN đã xây dựng kế hoạch khảo sát và triển khai việc thực hiện lấy ý kiến trong nội bộ Trường về loại hình và số lượng các công bố khoa học của GV [H62.23.03.15]. Sau đó, Phòng KHCN tiến hành tổng hợp, báo cáo kết quả kiểm tra và kết quả đối sánh với kế hoạch phát triển khoa học công nghệ giai đoạn 2021- 2025 [H62.23.03.16] [H62.23.03.17] [H62.23.03.18]. Các báo cáo tổng kết này được BGH phổ biến và thảo luận với Lãnh đạo các đơn vị trong các cuộc họp giao ban [H62.23.03.19] và trong các báo cáo tổng kết năm học [H62.23.03.20] [H62.23.03.21].

**Tự đánh giá: 5/7**

**Tiêu chí 23.4: Loại hình và số lượng các tài sản trí tuệ được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến.**

**Mô tả:** Căn cứ quy định của Bộ Khoa học & Công nghệ, Bộ GD&ĐT và các văn bản của Nhà nước về SHTT [H63.23.04.01] [H63.23.04.02], Nhà trường đã ban hành văn bản Quy định quản lý hoạt động SHTT và thông báo đến các đơn vị thực hiện cũng như phổ biến đến toàn thể GV, nhân viên và SV biết để thực hiện [H63.23.04.03]. Bên cạnh đó, trong văn bản quản lý hoạt động KHCN của Nhà trường ban hành đồng thời có quy định các nội dung liên quan trực tiếp đến các tài sản trí tuệ [H63.23.04.04]. Hướng dẫn triển khai hoạt động SHTT trong các cơ sở giáo dục cũng được gửi đến các Khoa, Phòng/Ban để nắm vững [H63.23.04.05]. Trong các cơ sở giáo dục đại học, hoạt động SHTT gắn liền với việc đăng ký và thực hiện các đề tài NCKH cấp Trường cũng như đề tài KHCN các cấp khác. Trong Quy định về quản lý đề tài KHCN của trường, toàn bộ quá trình nghiệm thu, công nhận kết quả và lưu trữ được hướng dẫn rất cụ thể để đảm bảo bản quyền về tài sản trí tuệ của GV và SV [H63.23.04.06]. Hằng năm, Phòng KHCN thống kê các đề tài NCKH được nghiệm thu [H63.23.04.07], đối với các đề tài NCKH cấp trường, các sản phẩm KHCN có tính mới, tính sáng tạo và hàm lượng khoa học cao để Nhà trường hỗ trợ tác giả (hoặc nhóm tác giả) liên hệ và thực hiện các thủ tục pháp lý để đảm bảo quyền SHTT theo các quy định của Luật SHTT và Quy định quản lý hoạt động SHTT của Nhà trường đã ban hành [H63.23.04.03].

Đầu năm 2022, Phòng KHCN được BGH phân công là đơn vị theo dõi và giám sát các loại hình và số lượng tài sản trí tuệ của Trường [H63.23.04.08]. Theo sự phân



công này, Phòng KHCN tiến hành tổng hợp CSDL về các loại hình và số lượng tài sản trí tuệ của Trường trong giai đoạn 2018-2022 dựa vào danh mục kê khai và minh chứng các TSTT mà GV kê khai trên phần mềm quản lý hoạt động KHCN của GV và nhân viên toàn Trường [H63.23.04.09]. Hằng năm, Nhà trường ra quyết định công nhận kết quả thực hiện đề tài NCKH cấp trường của GV và SV [H63.23.04.10], kết quả và danh mục đề tài NCKH của GV, nhân viên và SV toàn trường được tổng hợp và lưu trữ trên website của Trường [H63.23.04.11]. Việc công khai cơ sở dữ liệu về hoạt động KHCN và các tài sản trí tuệ của GV, nhân viên và SV toàn trường góp phần đảm bảo bản quyền SHTT của Nhà trường.

Đầu năm 2022, Nhà trường phân công nhiệm vụ cho Phòng KHCN là đơn vị chủ trì việc thực hiện khảo sát lấy ý kiến phản hồi các bên liên quan về loại hình và số lượng TSTT của GV, nhân viên và SV toàn Trường [H63.23.04.12]. Phòng KHCN xây dựng kế hoạch khảo sát và thông báo triển khai lấy ý kiến phản hồi đến toàn thể GV và nhân viên, trong đó có nội dung khảo sát về loại hình và số lượng TSTT của GV và nhân viên Nhà trường [H63.23.04.13]. Kết quả khảo sát ý kiến của GV và nhân viên đánh giá về loại hình và số lượng TSTT của Nhà trường ở mức độ Khá [H63.23.04.14] [H63.23.04.15].

Phòng KHCN cũng thực hiện việc đối sánh kết quả về loại hình và số lượng TSTT của GV và nhân viên toàn Trường đạt được so với các chỉ tiêu về loại hình và số lượng TSTT của Nhà trường đã xác định trong kế hoạch năm học [H63.23.04.16]. Căn cứ kết quả giám sát, đối sánh kết quả về loại hình và số lượng TSTT của GV và nhân viên trong Trường, BGH Nhà trường họp với lãnh đạo các đơn vị để rà soát loại hình và số lượng TSTT và xác định các biện pháp cải tiến số lượng TSTT của Trường [H63.23.04.17]. Loại hình và số lượng TSTT của GV và nhân viên toàn trường cũng được BGH báo cáo trong cuộc họp tổng kết năm học 2021-2022 và triển khai các công tác trọng tâm năm học 2022-2023 [H63.23.04.18].

**Tự đánh giá: 4/7**

**Tiêu chí 23.5: Ngân quỹ cho từng loại hoạt động nghiên cứu được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến.**

**Mô tả:** Trong các kế hoạch chất lượng phát triển trường, tài chính thuộc nhóm chiến lược. Trong đó nhà trường xác định: “các nguồn lực tài chính được phân bổ hợp lý, sử dụng hiệu quả và đúng quy định, đảm bảo đáp ứng nhu cầu cơ bản của hoạt động

đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng; hướng đến tăng cường nâng cao chất lượng đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng”.

Căn cứ quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, các văn bản của Nhà nước và nhà trường về hoạt động Khoa học công nghệ ở trường Đại học [H23.23.5.01], [H23.23.5.02], [H23.23.5.03], [H23.23.5.04], Nhà trường ban hành Quy định về việc quản lý nhiệm vụ Khoa học và Công nghệ [H23.23.5.05], và Quy định quản lý hoạt động Nghiên cứu khoa học của sinh viên, trong đó quy định định mức cho các công trình nghiên cứu khoa học [H23.23.5.06]. Bên cạnh đó, trong Quy chế chi tiêu nội bộ của Nhà trường cũng có hướng dẫn về các mức thù lao cho công tác nghiên cứu khoa học các cấp, cũng như các công bố khoa học [H23.23.5.07]. Hàng năm nhà trường luôn dành nguồn kinh phí thích đáng cho từng loại hoạt động nghiên cứu khoa học, 5% tổng thu học phí cho hoạt động nghiên cứu khoa học của giảng viên và 3% tổng thu học phí cho hoạt động nghiên cứu khoa học của sinh viên [H23.23.5.08].

Kết thúc năm tài chính, phòng Tài chính Kế toán căn cứ vào chứng từ thực chi cho hoạt động Nghiên cứu khoa học tổng hợp các khoản chi cho từng loại hoạt động nghiên cứu khoa học đối sánh với kế hoạch được lập đầu năm và tỉ lệ thực hiện so với cùng kỳ năm trước [H23.23.5.09]. Kết quả đối sánh được báo cáo với Ban Giám hiệu nhà trường và lãnh đạo các đơn vị tại cuộc họp đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch năm và cuộc họp giao ban [H23.23.5.10]. Căn cứ kết quả đối sánh Nhà trường đánh giá tình hình công tác Nghiên cứu khoa học của nhà trường từng thời kỳ qua đó kịp thời có những chính sách khuyến khích giảng viên, sinh viên tham gia công tác nghiên cứu khoa học. Thực tế từ năm 2018 đến nay kinh phí thực chi cho công tác nghiên cứu khoa học tăng đều qua các năm [H23.23.5.11].

Phòng Nghiên cứu khoa học và công nghệ là đơn vị được giao nhiệm vụ quản lý các đề tài Nghiên cứu khoa học và thu thập các phản hồi của Cán bộ giảng viên, nhân viên, sinh viên về mức độ phù hợp và minh bạch của nguồn kinh phí cho công tác nghiên cứu khoa học. Trong giai đoạn 2018 – 2022 không có ý kiến phản hồi nào về sự không phù hợp và minh bạch của nguồn kinh phí cho công tác Nghiên cứu khoa học.

Kinh phí chi cho hoạt động Nghiên cứu khoa học hàng năm của nhà trường là khoản chi hợp pháp, hợp lý, hợp lệ được quyết toán tài chính hàng năm và được công ty kiểm toán và tư vấn thuế ATAX kiểm tra đánh giá không có sai sót [H23.23.5.12]. Số liệu Báo cáo kiểm toán được công khai trong báo cáo Tổng kết hàng năm của nhà trường và công khai Tài chính theo quy chế của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Trong những năm từ 2018 – 2022 không có bất cứ phản ánh nào của người lao động thông qua Ban

thanh tra nhân dân và Hội nghị người lao động về ngân quỹ cho hoạt động Nghiên cứu khoa học.

**Tự đánh giá: 5/7**

**Tiêu chí 23.6: Kết quả nghiên cứu và sáng tạo (bao gồm cả việc thương mại hóa, thử nghiệm chuyển giao, thành lập các đơn vị khởi nghiệp) được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến.**

**Mô tả:** Trong Quy định về quản lý đề tài KHCN của Trường, các yêu cầu về kết quả nghiên cứu và sáng tạo được xác lập [H62.23.06.01]. Các đề tài NCKH cấp Trường từ khâu xét duyệt, thực hiện đến khâu nghiệm thu đều yêu cầu kết quả nghiên cứu phải có tính mới, tính sáng tạo và tính ứng dụng [H62.23.06.01]. Trong các kế hoạch phát triển KHCN giai đoạn 2021-2025 [H62.23.06.02] và kế hoạch hoạt động KHCN hằng năm của Phòng KHCN [H62.23.06.03], các đề tài NCKH luôn luôn được Nhà trường yêu cầu về tính mới và tính sáng tạo trong nghiên cứu. Các hoạt động NCKH của GV và SV luôn gắn liền với mục tiêu, nhiệm vụ đào tạo của Nhà trường. Trong những năm qua, Nhà trường không ngừng đổi mới về nội dung, phương pháp giảng dạy cũng như không ngừng nâng cao chất lượng, hiệu quả NCKH. Nhờ những quy định và yêu cầu cụ thể mà các kết quả nghiên cứu khoa học của GV toàn trường không những đáp ứng về tính mới, tính sáng tạo trong NCKH lý thuyết và còn đáp ứng được tính sáng tạo trong NCKH theo hướng ứng dụng và phục vụ hoạt động đào tạo của Nhà trường [H62.23.06.04].

Để nâng cao hiệu quả của công tác NCKH, đặc biệt là trong hoạt động đào tạo của Nhà trường, đầu năm 2022, BGH phân công Phòng KHCN là đơn vị chủ trì thực hiện việc lấy ý kiến phản hồi của GV về nghiên cứu và sáng tạo của Trường [H62.23.06.05]. Dựa vào sự phân công này, Phòng KHCN đã triển khai thực hiện bằng cách soạn các câu hỏi lấy ý kiến và thông báo đến toàn thể GV trong trường về kế hoạch thực hiện [H62.23.06.06]. Sau khi tổng hợp tất cả các phiếu lấy ý kiến phản hồi [H62.23.06.07], Phòng KHCN tiến hành tổng hợp và phân tích số liệu, toàn bộ được trình bày rõ ràng trong báo cáo kết quả thực hiện khảo sát về nghiên cứu và sáng tạo của đội ngũ GV toàn trường [H62.23.06.08]. Kết quả khảo sát đã cho thấy mức độ hài lòng cao của đội ngũ GV và NV toàn trường về hoạt động nghiên cứu và sáng tạo của Trường. Phòng KHCN cũng thực hiện việc đối sánh về số lượng và chất lượng của các đề tài NCKH của GV cũng như của SV. Cơ bản số lượng và chất lượng các đề tài NCKH của GV có khuynh hướng tăng lên, các đề tài KHCN cấp Trường đa phần đều đăng ký công bố

trên các Tạp chí KHCN trong và ngoài nước [H62.23.06.9]. Những kết quả tổng hợp và đối sánh này [H62.23.06.9] là cơ sở để Lãnh đạo Nhà trường có cơ sở áp dụng các biện pháp cải tiến kết quả và chất lượng hoạt động NCKH của GV và SV toàn trường, như: tạo điều kiện tốt nhất cho GV và SV tham dự các Hội thảo hay các Festival SV kiến trúc toàn quốc, hay khuyến khích GV toàn trường công bố các bài báo khoa học có chất lượng trên các tạp chí khoa học uy tín trong nước và quốc tế. BGH cũng đã tổ chức cuộc họp với Lãnh đạo các Phòng, Khoa và Trung tâm để rà soát và điều chỉnh các quy định hiện hành liên quan đến nghiên cứu khoa học của GV và SV toàn Trường nhằm kích thích và thúc đẩy kết quả nghiên cứu và sáng tạo trong những năm đến [H62.23.01.10]. Toàn bộ những cải tiến và khuyến khích này đều được thể hiện chi tiết và đầy đủ trong quy định hiện hành về quản lý hoạt động KHCN của Trường [H62.23.06.01].

**Tự đánh giá: 4/7**

### **Đánh giá chung Tiêu chuẩn 23**

#### **1. Tóm tắt các điểm mạnh**

Trường Đại học Kiến trúc Đà Nẵng đã xác lập các loại hình và khối lượng hoạt động nghiên cứu khoa học của Giảng viên và Sinh viên thông qua viện ban hành đầy đủ và rõ ràng trong các quy định.

Nhà trường cũng đã xây dựng đầy đủ các chiến lược phát triển các hoạt động Khoa học Công nghệ gắn liền với sứ mạng, mục tiêu, tầm nhìn và chiến lược phát triển giáo dục của nhà trường từng giai đoạn. Thông qua cơ chế khuyến khích các công bố khoa học chất lượng của Nhà trường mà số lượng và chất lượng các công bố khoa học ngày càng được nâng cao.

Phòng KHCN dễ dàng tổng hợp và quản lý tất cả các hoạt động KHCN của GV và SV thông qua phần mềm quản lý hoạt động KHCN của Nhà trường.

#### **2. Tóm tắt các điểm tồn tại**

Nhà trường chưa có công trình được đăng ký sản phẩm SHTT.

#### **3. Kế hoạch cải tiến**

Ban giám hiệu phân công Phòng KHCN và các chủ nhiệm các đề tài KHCN các cấp tiến hành rà soát các sản phẩm nghiên cứu để tiến hành đăng ký các sản phẩm SHTT. Đồng thời, dựa trên những mặt đã đạt được, Nhà trường sẽ tiến hành theo dõi, đánh giá chất lượng NCKH của Trường và xây dựng kế hoạch phát triển KHCN trong

5 năm tiếp theo; tiếp tục rà soát chính sách, đẩy mạnh hoạt động KHCN phù hợp với sứ mạng, tầm nhìn của Nhà trường; đẩy mạnh công bố kết quả nghiên cứu trên các tạp chí khoa học uy tín trong và ngoài nước; phát huy hơn nữa hệ thống kê khai, lưu trữ các công trình KHCN của GV và SV toàn trường.

#### 4. Mức đánh giá

Tiêu chuẩn/Tiêu chí	Tự đánh giá
<b><i>Tiêu chuẩn 23</i></b>	<b>4,67</b>
Tiêu chí 23.1	5,0
Tiêu chí 23.2	5,0
Tiêu chí 23.3	5,0
Tiêu chí 23.4	4,0
Tiêu chí 23.5	5,0
Tiêu chí 23.6	4,0

#### **Tiêu chuẩn 24: Kết quả phục vụ cộng đồng**

**Tiêu chí 24.1: Loại hình và khối lượng tham gia vào hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng, đóng góp cho xã hội được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến.**

**Mô tả:** Một trong ba trụ cột định hướng hoạt động của Trường Đại học Kiến trúc Đà Nẵng là phụng sự cộng đồng. Từ năm 2018, Trung tâm Học tập Gắn kết Cộng đồng (CELC – DAU) được thành lập nhằm tăng cường các hoạt động (1) ứng dụng phương pháp học cùng cộng đồng vào các môn học, (2) tổ chức hội nghị, hội thảo, tập huấn liên quan đến học cùng cộng đồng và (3) thực hiện các dự án cộng đồng [H24.24.1.01]. Trung tâm là nơi kết nối cán bộ, giảng viên, sinh viên của Nhà trường tham gia vào các hoạt động cộng đồng nhằm mục đích hỗ trợ giải quyết nhu cầu của cộng đồng.

Đối với các môn học ứng dụng phương pháp học cùng cộng đồng, giảng viên và sinh viên sẽ làm việc với cộng đồng để tìm hiểu nhu cầu của cộng đồng, sử dụng kiến thức và kỹ năng được đào tạo để giúp giải quyết nhu cầu của cộng đồng. Trung tâm

CELC – DAU đã ban hành quy trình quản lý môn học cộng đồng bao gồm các hướng dẫn, biểu mẫu nhằm đảm bảo khối lượng học thuật và yếu tố cộng đồng khi triển khai các môn học. Kết quả hoạt động được tính vào hoạt động nghiên cứu khoa học cho giảng viên thực hiện và tính điểm môn học cho sinh viên tham gia [H24.24.1.02]. Trong quá trình triển khai môn học ý kiến phản hồi của các bên liên quan được thu thập nhằm đảm bảo mục tiêu môn học và mục tiêu cộng đồng, đồng thời các dữ liệu được sử dụng để đối sánh, điều chỉnh cho các môn học tiếp theo nhằm đem lại hiệu quả tốt nhất cho giảng viên, sinh viên và cộng đồng hưởng lợi. Số lượng môn học ứng dụng phương pháp học cùng cộng đồng, số lượng giảng viên và sinh viên đăng ký tham gia môn học cộng đồng tăng dần qua các năm, thể hiện trong các báo cáo sơ kết và báo cáo tổng kết năm học, là minh chứng cho hiệu quả hoạt động cũng như giá trị tích cực mà phương pháp này mang lại cho các bên tham gia [H24.24.1.03].

Đối với các hoạt động hội thảo, tập huấn liên quan đến học cùng cộng đồng, hằng năm Trung tâm CELC – DAU lập kế hoạch hoạt động, tổ chức các buổi giới thiệu về trung tâm và các kế hoạch hoạt động đồng thời thu thập thông tin về nhu cầu của giảng viên, sinh viên đối với các nội dung học thuật, phát triển kỹ năng mà giảng viên, sinh viên quan tâm [H24.24.1.04]. Từ đó điều chỉnh và cụ thể hóa các kế hoạch hành động nhằm hỗ trợ và đáp ứng tốt nhất mong đợi của giảng viên, sinh viên về hoạt động phục vụ cộng đồng. Thông tin trước, trong và sau mỗi hội thảo, chia sẻ, tập huấn được gửi đến giảng viên, sinh viên và người tham gia nhằm đảm bảo tốt nhất kết quả của sự kiện. Bên cạnh đó, các ý kiến phản hồi được thu thập sau mỗi sự kiện là dữ liệu quan trọng để làm cơ sở điều chỉnh, tổ chức, quản lý các sự kiện được tốt hơn [H24.24.1.05].

Đối với các dự án cộng đồng, Trung tâm CELC – DAU là đơn vị đầu mối tiếp nhận thông tin và triển khai các dự án cộng đồng với các đối tác là cơ sở giáo dục, tổ chức, doanh nghiệp... Từ khi thành lập cho đến nay, Trung tâm đã thực hiện các dự án cộng đồng có ý nghĩa, với sự tham gia của cán bộ, giảng viên, sinh viên của Nhà trường, thu hút sự chú ý của các cơ quan thông tấn báo chí, kết nối tích cực với các cộng đồng và chính quyền địa phương cũng như được các đối tác dự án ghi nhận. Các dự án cộng đồng mà Trung tâm CELC – DAU thực hiện không chỉ mang lại các giá trị tích cực cho cộng đồng hưởng lợi mà còn có ý nghĩa khoa học khi gắn liền với các hoạt động nghiên cứu và có giá trị tham khảo đối với quyết định chính sách của chính quyền địa phương [H24.24.1.06].

**Tự đánh giá:** 6/7

**Tiêu chí 24.2: Tác động xã hội, kết quả của hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng, đóng góp cho xã hội được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến.**

**Mô tả:** Hoạt động kết nối và PVCD của Trung tâm CELC-DAU trong những năm qua đã mang đến những tác động xã hội tại các cộng đồng trong địa bàn TP Đà Nẵng, các doanh nghiệp xã hội, các đơn vị bảo trợ, trường học..., là cầu nối giúp gắn kết mối quan hệ giữa Nhà trường – Cộng đồng – Chính quyền, mang lại lợi ích cho tất cả các bên liên quan. Trung tâm CELC-DAU cũng tiến hành lấy ý kiến của các bên liên quan thông qua nhiều hình thức trực tiếp và trực tuyến để làm cơ sở cải tiến nội dung chương trình đáp ứng nhu cầu thực tiễn của xã hội. Kết quả của các hoạt động PVCD, tác động xã hội được thể hiện qua báo cáo hoạt động [H24.24.2.01], video hoạt động [H24.24.2.02], báo cáo đánh giá cộng đồng [H24.24.2.03], Newsletter từng tháng [H24.24.2.04].

Các hoạt động của Trung tâm CELC-DAU tập trung hỗ trợ các cộng đồng yếu thế, các doanh nghiệp xã hội, trường tiểu học, mẫu giáo... bằng cách lồng ghép vào các mô hình sau:

- Môn học ứng dụng mô hình Học tập cùng cộng đồng (Community Engage learning/Service Learning)
- Các hoạt động vì cộng đồng (Community outreach)
- Nghiên cứu khoa học dựa vào cộng đồng (Community – based research)

Ngoài ra từ năm 2022, Trung tâm CELC-DAU đã triển khai cuộc thi “Sáng kiến sinh viên hỗ trợ cộng đồng” nhằm tạo cơ hội cho sinh viên thể hiện năng lực, khả năng sáng tạo, đề xuất các ý tưởng hỗ trợ các nhóm cộng đồng yếu thế trên địa bàn thành phố Đà Nẵng. Các dự án triển khai nhận được sự hưởng ứng và phản hồi tích cực từ cộng đồng [H24.24.02.05].

Các kết quả hoạt động của Trung tâm tác động đến xã hội được giám sát bởi cán bộ Trung tâm CELC-DAU phối hợp cùng các phòng ban, đơn vị và các bên liên quan trong quá trình thực hiện hoạt động. Ngoài ra, các tác động xã hội cũng được đánh giá dựa trên quy trình đánh giá tác động thông qua các tiêu chí về mức độ ảnh hưởng, lan tỏa của hoạt động lên xã hội và khả năng duy trì hoạt động trong tương lai [H24.24.2.06]. Trung tâm thu thập thông tin phản hồi từ phía cộng đồng sau các hoạt động PVCD, từ đó làm cơ sở đánh giá cải tiến chất lượng trong các chương trình tiếp theo. [H24.24.2.07]

**Tự đánh giá:** 6/7

**Tiêu chí 24.3: Tác động của hoạt động kết nối và PVCD đối với người học và đội ngũ cán bộ, giảng viên, nhân viên được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến.**

**Mô tả:** Là một phần trọng yếu trong chiến lược phát triển của Nhà trường, Trung tâm CELC-DAU đã tổ chức nhiều hoạt động kết nối và PVCD nhằm đưa một phương pháp học tập mới giúp sinh viên áp dụng các kiến thức được học vào thực tiễn, bên cạnh đó là tối đa hóa lợi ích từ việc thiết lập và duy trì sự gắn kết giữa Nhà trường với cộng đồng địa phương, doanh nghiệp, cơ quan Nhà nước và các tổ chức đoàn thể, đã ít nhiều thay đổi dần nhận thức, thái độ, thúc đẩy tinh thần hoạt động của CBVC, Giảng viên, và sinh viên Nhà trường.

Hằng năm Trung tâm CELC-DAU có kế hoạch thực hiện đánh giá các tác động của hoạt động Học cùng cộng đồng (CEL/SL) đối với CBVC, Giảng viên, và sinh viên Nhà trường thông qua 3 nhóm hoạt động chính (1) ứng dụng phương pháp học cùng cộng đồng (CEL/SL) vào các môn học, (2) tổ chức hội nghị, hội thảo, tập huấn liên quan đến CEL/SL và (3) thực hiện các dự án/nghiên cứu cộng đồng [H24.24.3.01]. Ở mỗi hoạt động PVCD được triển khai, các thông tin về hoạt động cũng như tác động đối với CBVC, giảng viên và sinh viên sẽ được thu thập dựa theo từng nhóm, từ đó làm tiền đề cho việc điều chỉnh và đổi mới trong các hoạt động tiếp theo.

Đối với hoạt động ứng dụng phương pháp CEL/SL vào các môn học, giảng viên sẽ có báo cáo kết thúc học phần, đánh giá các kết quả cụ thể sinh viên đạt được thông qua các hoạt động phục vụ cộng đồng và nêu lên những khó khăn, tồn tại giảng viên nhận thấy trong quá trình thực hiện [H24.24.3.02]. Từ đó giảng viên đưa ra phương hướng giải quyết, rút ra bài học kinh nghiệm đối với các học phần sau. Cùng với đó, ý kiến phản hồi từ các bên liên quan cũng sẽ được thu thập nhằm đánh giá tác động của các hoạt động PVCD đối với từng bên bao gồm: Giảng viên – Sinh viên – Cộng đồng – Nhà trường.

Đối với hoạt động tổ chức hội nghị, hội thảo, tập huấn liên quan đến CEL/SL sẽ có báo cáo và biên bản hoạt động nhằm làm cơ sở dữ liệu phục vụ cho việc đánh giá và cải tiến các hoạt động tiếp theo trong tương lai [H24.24.3.03]. Đối với các dự án/ nghiên cứu cộng đồng được Trung tâm CELC-DAU thực hiện, các hoạt động sẽ được báo cáo và nghiệm thu vào cuối dự án [H24.24.3.04]. Qua các buổi hội nghị, hội thảo và tập huấn, nhận thức của cán bộ, giảng viên, nhân viên ngày càng được nâng cao thông qua việc giao lưu trao đổi, chia sẻ và trau dồi kỹ năng, kiến thức chuyên môn, góp phần nâng cao hiệu quả công tác đào tạo trên cơ sở phát triển và mở rộng kết nối cộng đồng và các hoạt động dịch vụ cộng đồng. Sự thành công từ việc gắn kết các hoạt động của



Nhà trường với cộng đồng vừa mang lại môi trường thực hành cho người học vừa tạo ra các giá trị cho cộng đồng, xã hội.

Ngoài ra, kết quả đánh giá tác động của hoạt động kết nối và PVCD đối với người học, giảng viên và đội ngũ CBVC của Nhà trường sẽ được Trung tâm khảo sát thông qua hình thức trực tuyến và được thể hiện trong báo cáo tổng kết năm học hằng năm **[H24.24.3.06]**. Những hoạt động của Trung tâm không chỉ giúp người học áp dụng được kiến thức vào thực tiễn, phát huy vai trò của bản thân trong thực tế, giúp tạo giá trị cho cộng đồng mà còn giúp cho đội ngũ CBVC trong Trường thêm ý thức sâu sắc hơn về trách nhiệm xã hội của mỗi cá nhân, tập thể trong công tác cộng đồng, xã hội.

Trung tâm có hệ thống giám sát về tác động xã hội, kết quả của hoạt động kết nối và PVCD đối với người học và đội ngũ CBVC thông qua quy trình về quản lý môn học cộng đồng bao gồm các hướng dẫn, biểu mẫu nhằm đảm bảo khối lượng học thuật và yếu tố cộng đồng khi triển khai các môn học **[H24.24.3.05]**. Kết quả hoạt động PVCD được quy đổi thành mức giờ NCKH của giảng viên và CBVC tương xứng với mức độ đóng góp. Đối với các hoạt động hội thảo, tập huấn và dự án cộng đồng, các thông tin về thời gian, mục đích, mục tiêu hoạt động, đối tượng tham gia và nội dung sẽ được Trung tâm CELC-DAU gửi đến các phòng ban, khoa, ngành có liên quan.

Các kết quả hoạt động PVCD sẽ được giám sát bởi cán bộ Trung tâm CELC-DAU phối hợp cùng các đơn vị mà CBVC sinh hoạt, đơn vị quản lý, giám sát và lưu trữ có phòng ban chức năng như Phòng Tổ chức - Hành chính, Phòng Đào tạo, Phòng CTSV, Phòng Thanh tra - Pháp chế, Phòng Khoa học, Phòng Hợp tác quốc tế và Truyền thông, và Công đoàn Trường.

Đối với người học, Trung tâm CELC-DAU sẽ phối hợp cùng Đoàn Thanh niên, Phòng Công tác sinh viên, giảng viên chịu trách nhiệm quản lý sẽ theo dõi và giám sát các kết quả hoạt động của người học.

Bên cạnh việc giám sát chặt chẽ kết quả của hoạt động kết nối và PVCD, để ghi nhận các thông tin phản hồi của các bên liên quan về tác động xã hội, kết quả của hoạt động được Trung tâm thu thập và thực hiện khảo sát hằng năm **[H24.24.3.07]**. Các thông tin sẽ được tổng hợp, phân tích và đối sánh thông qua bộ tiêu chí đánh giá mà Trung tâm quy định bao gồm: (1) Kết quả hoạt động đạt được so với mục tiêu đề ra, (2) Tác động của hoạt động đến sinh viên và đội ngũ CBVC (kiến thức chuyên môn, kỹ năng, trách nhiệm xã hội...), (3) Mức độ hài lòng của sinh viên và đội ngũ CBVC và (4) Khả năng duy trì và phát triển hoạt động PVCD trong tương lai

Từ kết quả đánh giá các hoạt động, thông qua các phiếu khảo sát, báo cáo học phần ứng dụng mô hình CEL/SL, báo cáo, biên bản hội thảo, hội nghị, tập huấn và dự án cộng đồng là cơ sở để Trung tâm thực hiện báo cáo kết quả đối sánh về tác động xã hội, kết quả của hoạt động kết nối, PVCD trong 5 năm [H24.24.3.06]. Từ kết quả báo cáo hoạt động này, Nhà trường có thêm cơ sở để xem xét, điều chỉnh các chỉ tiêu nội bộ, biện pháp phù hợp cho hoạt động PVCD. Đối với CB, GV là cơ sở để xét lại ngạch, bậc lương và các khoản phụ cấp, khen thưởng cuối năm ... Đối với sinh viên kịp thời có những khen thưởng động viên khích lệ các em tham gia phong trào. Thông qua các chương trình Trung tâm tổ chức, sinh viên có cơ hội nhận được Giấy chứng nhận từ phía Trung tâm và Nhà trường, trau dồi và nâng cao năng lực, kỹ năng chuyên môn thông qua việc giao lưu với các sinh viên Trường Đại học trong nước và quốc tế.... dần dần giúp thay đổi kỹ năng, nhận thức, thái độ, thúc đẩy tinh thần hoạt động của sinh viên.

Dựa trên các kết quả đạt được và thực hiện đối sánh kết quả hoạt động qua các năm, Trung tâm cải tiến kế hoạch hoạt động cho năm học tới, để kết quả đạt được ngày càng được nâng cao thông qua sự vận dụng các mô hình học tập PVCD một cách sáng tạo, góp phần nâng cao hiệu quả công tác đào tạo trên cơ sở phát triển và mở rộng kết nối cộng đồng và các hoạt động dịch vụ cộng đồng [H24.24.3.08]. Kết quả 5 năm qua, số lượng người học, đội ngũ CBVC tham gia các hoạt động kết nối và PVCD tăng trên các lĩnh vực hoạt động như học phần ứng dụng CEL/SL, hội thảo, hội nghị trong và ngoài nước và đặc biệt là đối với các dự án cộng đồng được lên kế hoạch và thực hiện trong nhiều năm.

**Tự đánh giá:** 6/7

**Tiêu chí 24.4. Sự hài lòng của các bên liên quan về hoạt động kết nối và PVCD, đóng góp cho xã hội được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến.**

**Mô tả:** Kế hoạch, chiến lược và các hoạt động được Trung tâm triển khai và thực hiện theo định hướng chiến lược phát triển trong 3 cột trụ đào tạo, nghiên cứu và PVCD của Trường Đại học Kiến trúc Đà Nẵng. Với mong muốn tìm hiểu thông tin, nắm bắt được mức độ đáp ứng của Nhà trường đối với xã hội trong các hoạt động gắn kết cộng đồng, cung cấp các dịch vụ PVCD, mọi công tác triển khai của Trung tâm CELC-DAU đều có sự phối hợp của các bên liên quan nhằm xây dựng nên những kế hoạch, các chương trình hữu hiệu PVCD. Trung tâm xây dựng kế hoạch và thực hiện khảo sát, đánh giá, giám sát sự hài lòng của các bên liên quan về hoạt động kết nối và PVCD,

đóng góp cho xã hội hằng năm đối với từng loại hoạt động [H24.24.04.01]. Các hoạt động thu thập thông tin về sự hài lòng của các bên liên quan được tích hợp trong hoạt động triển khai khảo sát tác động của PVCD đối với người học, giảng viên và CBVC [H24.24.04.02] [H24.24.04.03]

Đối với sinh viên: Trong các học phần ứng dụng mô hình học cùng cộng đồng, Trung tâm CELC-DAU tiến hành khảo sát ý kiến của người học về các hoạt động hỗ trợ phục vụ của Trung tâm, nhằm đánh giá, rà soát lại các mặt công tác và kịp thời điều chỉnh để phục vụ tốt hơn trong năm học kế tiếp. Ngoài ra, vào cuối năm học Trung tâm cũng sẽ thực hiện việc thu thập ý kiến về mức độ hài lòng trong các hoạt động đối với sinh viên thông qua khảo sát đánh giá tác động. Kết quả cho thấy mức độ hài lòng của sinh viên về hoạt động hỗ trợ Trung tâm ngày càng tăng [H24.24.04.04] [H24.24.04.05]

Đối với Cộng đồng: Nhằm kịp thời tìm hiểu và đáp ứng các nhu cầu của cộng đồng cùng với đó là gắn liền với các mục tiêu môn học và các hoạt động nghiên cứu/ dự án cộng đồng, Trung tâm CELC-DAU thực hiện việc thu thập những phản hồi, đánh giá của cộng đồng hưởng lợi trong các hoạt động PVCD đã được triển khai và báo cáo [H24.24.04.06]. Nhìn chung các kết quả giám sát và đối sánh về sự đáp ứng của hoạt động với mục tiêu thực tế qua các năm học được Trung tâm thu thập và tổng hợp đều nhận được những phản hồi tích cực từ phía cộng đồng.

Đối với CBVC: Để lấy ý kiến đóng góp của CBNV về các hoạt động tổ chức hội nghị, hội thảo, tập huấn, dự án/ nghiên cứu cộng đồng, giao lưu, trao đổi chuyên môn cùng các NGOs, tổ chức xã hội và các Trường Đại học quốc tế, Trung tâm tổ chức các đợt khảo sát và lấy ý kiến với cán bộ chủ chốt để thảo luận về kế hoạch chương trình công tác tháng, năm. Đây là cơ sở để HĐT, BGH có những điều chỉnh và chỉ đạo kịp thời đến các phòng, ban về hoạt động của Trường Đại học Kiến trúc nói chung và hoạt động PVCD nói riêng. [H24.24.04.04]

Trung tâm chủ động xây dựng hệ thống giám sát về sự hài lòng của các bên liên quan về hoạt động kết nối và PVCD, đóng góp cho xã hội được tích hợp trong kế hoạch giám sát, đánh giá tác động của hoạt động PVCD đối với CBVC, giảng viên và sinh viên Nhà Trường, báo cáo khảo sát sinh viên trong các học phần ứng dụng CEL/SL; các báo cáo tổng kết phản hồi của hoạt động, dự án cộng đồng. Để tiếp nhận thông tin phản hồi, kịp thời có những điều chỉnh, cải tiến, Trung tâm đã tổ chức thu thập ý kiến của các bên liên quan về hoạt động kết nối và PVCD thông qua các phiếu khảo sát [H24.24.04.07]. Dựa trên kết quả tổng hợp, Trung tâm tiến hành phân tích mức độ hài lòng, góp ý của các bên liên quan giúp Trung tâm đưa ra những giải pháp cải tiến kịp

thời cho các hoạt động nhằm đem lại hiệu quả và chất lượng cao nhất, cũng như đáp ứng được yêu cầu thực tế của các đối tượng.

Theo định kỳ 5 năm, Trung tâm thực hiện bản đối sánh về sự hài lòng của các bên liên quan về hoạt động kết nối và PVCD qua việc tổng hợp và phân tích các kết quả hàng năm [H24.24.04.08]. Từ đó đó, Trung tâm đưa ra các giải pháp như tăng cường sự trao đổi, chia sẻ tri thức, sự tiếp cận và kết nối giữa Trung tâm nói riêng và Nhà trường nói chung với cộng đồng, tăng cường các hoạt động đào tạo và nghiên cứu khoa học gắn kết với cộng đồng và không ngừng tự hoàn thiện để Trung tâm trở thành một địa chỉ đáng tin cậy trong cộng đồng.

Ngoài ra, hàng năm Trung tâm còn nhận được rất nhiều ghi nhận tích cực từ phía các NGOs, tổ chức xã hội, ban ngành Đoàn thể và cộng đồng tại địa phương vì các thành tích đạt được thông qua việc ký kết hợp tác, thư mời tham gia các hoạt động chuyên môn trong việc chia sẻ mô hình Học cùng cộng đồng tại các Hội thảo, dự án trong và ngoài nước [H24.24.04.09]. Đó chính là sự khẳng định cho uy tín, học hiệu của Trung tâm nói riêng và Nhà trường nói chung đối với xã hội, đồng thời quảng bá hình ảnh Trung tâm CELC-DAU đến gần hơn với các đối tượng cần được phục vụ.

Khi các hoạt động kết nối và PVCD được thực hiện một cách hiệu quả sẽ mang lại những giá trị lâu dài, là cơ sở để Trung tâm và cộng đồng kết nối, song hành cùng phát triển và mang đến những giá trị bền vững.

### **Tự đánh giá: 5/7**

### **Đánh giá chung Tiêu chuẩn 24**

#### **1. Tóm tắt các điểm mạnh:**

- Các hoạt động phục vụ cộng đồng tại Trung tâm CELC – DAU được triển khai đa dạng về loại hình, thu hút sự quan tâm của nhiều đối tượng từ cán bộ, giảng viên, sinh viên, cộng đồng đồng thời kết nối được nhiều đơn vị, tổ chức cùng tham gia, đem lại những lợi ích tích cực cho cộng đồng.

- Sự ủng hộ về mặt chủ trương cũng như sự chỉ đạo kịp thời, quản lý sát sao của Ban Giám hiệu là yếu tố quan trọng giúp hoạt động cộng đồng tại Trường Đại học Kiến trúc Đà Nẵng được thực hiện một cách tích cực và đạt được nhiều kết quả đáng khích lệ.

- Sự năng động của Trung tâm CELC – DAU và việc tham gia vào mạng lưới học giả kết nối cộng đồng đã mang lại nhiều kết nối tích cực không chỉ ở cấp độ tổ chức mà

còn tạo ra nhiều cơ hội giao lưu học thuật, nghiên cứu cho giảng viên, sinh viên quan tâm đến mô hình học cùng cộng đồng.

- Các hoạt động cộng đồng được thực hiện, quản lý, đánh giá kết quả thường xuyên giúp nhanh chóng xử lý được các vấn đề phát sinh, mang lại kết quả tốt nhất và đáp ứng nhu cầu thực tế của cộng đồng.

## 2. Tóm tắt các điểm tồn tại:

- Mô hình học tập cùng cộng đồng là một mô hình mới, khi áp dụng tại các cơ sở giáo dục đại học Việt Nam chưa có quy định cụ thể liên quan đến triển khai, quản lý, đánh giá các hoạt động. Điều này gây khó khăn, lúng túng cho Trung tâm CELC – DAU khi triển khai các hoạt động phục vụ cộng đồng trong khuôn khổ mô hình học cùng cộng đồng cho giảng viên và sinh viên.

## 3. Kế hoạch cải tiến:

Ban giám hiệu phân công Trung tâm Học tập Gắn kết Cộng đồng (CELC – DAU) tích cực tham gia vào các mạng lưới, diễn đàn, kết nối với các học giả trong lĩnh vực học cùng cộng đồng để học hỏi kinh nghiệm, xây dựng quy định và quy trình hướng dẫn cụ thể để việc thực hiện các hoạt động phục vụ cộng đồng gắn với mô hình học tập cùng cộng đồng được thực hiện bài bản, đem lại lợi ích cho các bên liên quan; đồng thời tiếp tục triển khai các hoạt động phục vụ cộng đồng, tăng cường kết nối với các học giả, chuyên gia trong lĩnh vực này cũng như chủ động tham gia mạng lưới học giả gắn kết cộng đồng để học hỏi kinh nghiệm từ các cơ sở giáo dục, tổ chức và cá nhân khác trong việc triển khai mô hình học cùng cộng đồng.

## 4. Mức đánh giá

Tiêu chuẩn/Tiêu chí	Tự đánh giá
<b>Tiêu chuẩn 24</b>	<b>5,75</b>
Tiêu chí 24.1	6,0
Tiêu chí 24.2	6,0
Tiêu chí 24.3	6,0
Tiêu chí 24.4	5,0

## **Tiêu chuẩn 25: Kết quả tài chính và thị trường**

**Tiêu chí 25.1: Kết quả và các chỉ số tài chính của hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến.**

**Mô tả:** Trường Đại học Kiến trúc Đà Nẵng là trường đại học tư thục, tự chủ về tài chính từ khi mới thành lập, chủ động xây dựng và quyết định mức thu học phí, cũng như thực hiện chế độ tài chính, kế toán, kiểm toán, thuế và công khai tài chính theo quy định của pháp luật [H25.25.01.01]. Kinh phí hoạt động thường xuyên được dùng từ các nguồn thu ngoài ngân sách nhà nước, trong đó chủ yếu là nguồn thu học phí. Trường luôn có những giải pháp và kế hoạch tự chủ về tài chính theo nguyên tắc tự cân đối thu chi, duy trì các hoạt động và phát triển Nhà trường.

Hàng năm, nhà trường xây dựng kế hoạch tài chính chi tiết cho từng loại hoạt động căn cứ vào các chỉ số tài chính của năm trước, nhu cầu kinh phí của các đơn vị trong trường và chiến lược phát triển nhà trường trong từng giai đoạn cụ thể [H25.25.01.02]. Nhà trường cân đối nguồn thu dự kiến để lập dự toán mức chi cho từng nội dung hoạt động Đào tạo, Nghiên cứu khoa học, Phục vụ cộng đồng,... cho năm sau theo nguyên tắc phân bổ kinh phí theo từng đối tượng [H25.25.01.03], [H25.25.01.04], [H25.25.01.05], [H25.25.01.06].

Trong giai đoạn đầu mới thành lập, Nhà trường chi cho đầu tư xây dựng cơ bản chiếm một tỷ trọng lớn để đáp ứng với nhu cầu nâng cao cơ sở vật chất trường lớp, mua sắm trang thiết bị dạy học, phòng thí nghiệm... Khi các hoạt động của nhà trường đã ổn định, xu hướng tài chính của Nhà trường dịch chuyển đầu tư cho hoạt động KHCN, và ưu tiên đầu tư cho dịch vụ, cho hoạt động Đào tạo một cách có hệ thống. Xác lập kinh phí hoạt động Nghiên cứu khoa học, quỹ học bổng sinh viên, kinh phí đào tạo, bồi dưỡng, thu hút nhân tài, kinh phí cho các hoạt động khởi nghiệp, sáng tạo, việc làm, kết nối cựu sinh viên và doanh nghiệp, đầu tư cơ sở vật chất theo hướng chuyên nghiệp, hiện đại theo đường lối cách mạng 4.0, công nghệ hóa hoạt động đào tạo, quản lý đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng [H25.25.01.07], [H25.25.01.08], [H25.25.01.09], [H25.25.01.10], [H25.25.01.11]. Đây là xu thế tài chính tất yếu phù hợp với quy mô trường lớp ngày càng phát triển, phù hợp với tầm nhìn, sứ mạng và chiến lược phát triển Nhà trường, xứng đáng với vị thế của nhà trường tại khu vực miền Trung và Tây Nguyên, với niềm tin của người học, của xã hội cũng như thương hiệu Nhà trường trong hệ thống giáo dục Việt Nam ngày càng tăng hiện nay.

Nhà trường đã phân bổ một cách hợp lý và sử dụng có hiệu quả các nguồn thu nhằm đảm bảo chi phí cho các hoạt động thường xuyên thông qua kế hoạch tài chính năm. Tỷ lệ phát triển nguồn thu của Trường đã tăng dần hàng năm [**Bảng thống kê nguồn thu trong giai đoạn 2018 - 2022**]. Tỷ lệ chi cho các hoạt động Đào tạo, Nghiên cứu khoa học, Phục vụ cộng đồng trên tổng thu thường xuyên ở mức bằng hoặc cao hơn năm trước điều đó chứng tỏ ngân quỹ giành cho các hoạt động mỗi năm đều tăng thêm [**Bảng thống kê chi cho các hoạt động đào tạo, NCKH, PVCD trong giai đoạn 2018 – 2022**]. Các chỉ số tài chính luôn được giám sát, rà soát, điều chỉnh, thay đổi từng năm cho phù hợp với chiến lược phát triển của Nhà trường [**H25.25.01.012**, [**H25.25.01.13**], [**H25.25.01.14**], [**H25.25.01.15**].

**Bảng 25.1.1. Thống kê nguồn thu của trường trong giai đoạn 2018 - 2022**

Tiêu chí	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020	Năm 2021	Năm 2022
Tổng thu (triệu đồng)	76.135	91.503	98.36	146.991	167.634
Tỷ lệ phát triển (% so năm trước)					

**Bảng 25.1.2. Thống kê tổng chi cho đào tạo, NCKH, PVCD giai đoạn 2018 - 2022**

Các năm học	2018	2019	2020	2021	2022
Tổng thu (triệu đồng)	76.135	91.503	98.360	146.991	
1. Chi đào tạo (triệu đồng)	38.945,93	46.868,61	59.668,5	45.989,42	
% chi đào tạo so với D.thu	51,15	51,22	60,66	31,29	
2. Chi hoạt động NCKH, (triệu đồng)	441,2	431,62	489,36	507,31	

<i>% chi NCKH so với D.thu</i>	0,58	0,47	0,5	0,35	
3. Chi phục vụ cộng đồng (triệu đồng)	789,01	577,01	345,99	693,57	
<i>% chi phục vụ cộng đồng so với tổng thu</i>	1,04	0,6	0,4	0,5	

Cơ chế phân bổ kinh phí cho các hoạt động đào tạo của Nhà trường được áp dụng linh hoạt theo xu hướng đổi mới, có cạnh tranh để tăng cường hiệu quả, tạo điều kiện để Nhà trường chủ động trong các hoạt động và cơ hội tiếp cận GDDH với các đối tượng, vùng miền khác nhau. Kinh phí dành cho NCKH được phân bổ cho các hoạt động nghiên cứu khoa học trong nhà trường đang có định hướng phát triển trong giai đoạn hiện tại. Kinh phí phục vụ cộng đồng được phân bổ cho các hoạt động của trung tâm học với cộng đồng, các hoạt động vì cộng đồng của đoàn thanh niên, công đoàn, các hoạt động vì cộng đồng của nhà trường bao gồm cả công tác từ thiện với các tổ chức xã hội vì người nghèo, người yếu thế [H25.25.01.16].

Bên cạnh việc phân bổ hợp lý Nhà trường có hệ thống giám sát về kết quả và các chỉ số tài chính đạt được của hoạt động đào tạo, NCKH, phục vụ cộng đồng thông qua các công cụ được sử dụng để giám sát, tăng tính chịu trách nhiệm của Nhà trường và quản lý tài chính là: (i) Thông qua báo cáo tài chính năm được công ty kiểm toán độc lập Atax kiểm tra sổ sách và đánh giá kết quả [H25.25.01.17]. (ii) Thông qua các kỳ thanh tra, kiểm tra của các cơ quan quản lý nhà nước để đánh giá bất kỳ hoạt động nào đó của Nhà trường [H25.25.01.18]. (iii) Thông qua cơ chế thanh tra, kiểm tra của phòng Thanh tra pháp chế, Ban Kiểm soát của Hội đồng trường để theo dõi, đánh giá chất lượng giảng dạy và các chỉ tiêu tài chính [H25.25.01.19]. (iv) Thông qua việc thực hiện yêu cầu các đơn vị xây dựng kế hoạch tài chính năm, kế hoạch tài chính cho từng hoạt động cụ thể trình BGH duyệt cấp kinh phí [H25.25.01.02].

Báo cáo tổng kết công tác tài chính hàng năm luôn có sự đối sánh về kết quả và các chỉ số tài chính: giữa số thực hiện và kế hoạch, giữa thực hiện năm nay và năm trước, giữa thực hiện từng khoản chi so với tổng thu. Báo cáo này được thông qua hội nghị lãnh đạo trường nhằm rà soát, điều chỉnh nguồn kinh phí cho các hoạt động của trường đạt hiệu quả hơn ở năm sau [H25.25.01.20], [H25.25.01.14].



Nhà trường đã xây dựng hệ thống thông tin phản hồi của các bên liên quan về kết quả và các chỉ số tài chính của hoạt động đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng thông qua hoạt động của các bên liên quan thông qua Ban thanh tra nhân dân, hội nghị Ban cán sự lớp, Ban Chấp hành chi đoàn lớp... Tuy nhiên chưa có phản hồi nào về lĩnh vực này được ghi nhận [H25.25.01.21].

Các số liệu báo cáo tài chính qua các năm được lưu giữ trên phần mềm kế toán, phần mềm quản lý sinh viên và file cứng tại phòng TCKT nhà trường, các báo cáo về công tác nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng [H25.25.01.22], [H25.25.01.23].

Cuối năm việc thực hiện kế hoạch tài chính cho các hoạt động và kế hoạch tài chính xây dựng cho năm tiếp theo được họp đánh giá và thông qua cuộc họp Ban Giám hiệu và lãnh đạo các đơn vị [H25.25.01.14]. Sau các hoạt động rà soát, kiểm toán, Nhà trường điều chỉnh cơ cấu đầu tư cho hoạt động đào tạo, NCKH, PVCĐ cho sát với tình hình kinh tế xã hội hàng năm theo hướng tăng chi đầu tư phát triển áp dụng công nghệ vào tất cả các hoạt động của trường, giảm chi thường xuyên, đáp ứng sự hài lòng của người học, đảm bảo nguồn lợi kinh tế cho cổ đông. 100% cổ đông hài lòng về kết quả tài chính Nhà trường [H25.25.01.24].

**Tự đánh giá: 5/7**

**Tiêu chí 25.2: Kết quả và các chỉ số thị trường của hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến.**

**Mô tả:** Xu hướng kết quả hoạt động thị trường của Nhà trường là xây dựng một Trường Đại học Kiến trúc Đà Nẵng vững mạnh về trí lực, nhân lực và vật lực đáp ứng tầm nhìn sứ mạng và Kế hoạch chiến lược [H25.25.02.01] mà Nhà trường đã đề ra, tăng tỷ lệ đóng góp của Nhà trường cho xã hội, khẳng định thương hiệu và vị thế của trường trong hệ thống GDĐH Việt Nam.

Có lẽ đóng góp lớn nhất của trường Đại học Kiến trúc Đà Nẵng (ĐH kiến trúc Đà Nẵng) nói riêng và các trường đại học tư thục nói chung cho xã hội, là chia sẻ gánh nặng tài chính mà nhà nước phải cung cấp cho các trường đại học công lập bởi nguồn ngân sách nhà nước cho giáo dục. Nhà nước đã có một số chính sách ưu đãi về thuế, tiền thuê đất cho các trường đại học tư thục nhưng việc tiếp cận với những chính sách này rất khó khăn [H25.25.02.02]. Với cơ chế tự chủ tài chính, Nhà trường luôn có những giải pháp và kế hoạch tự chủ về tài chính theo nguyên tắc tự cân đối thu chi để duy trì các hoạt động và phát triển Nhà trường. Với hơn 17 năm hoạt động, bài toán “chia sẻ chi phí” trong GDĐH của trường ĐH Kiến trúc Đà Nẵng đã có hiệu quả tích

cực. Hiệu quả đầu tư về hoạt động thị trường cho các hoạt động đào tạo, NCKH và PVCĐ của trường thể hiện qua các chỉ số ở phụ lục 5, mục 20, 26: quy mô tuyển sinh (Số thí sinh dự tuyển, số trúng tuyển, tỷ lệ cạnh tranh, điểm tuyển đầu vào, ...) ngày càng tăng và số SV có việc làm sau khi ra trường 1 năm chiếm tỷ lệ rất cao (trung bình 89%) [H25.25.02.03]. Đó là nhờ Nhà trường đã tiến hành phân tích xu hướng thị trường về nhu cầu nguồn nhân lực, lập kế hoạch và triển khai tư vấn tuyển sinh [H25.25.02.03] và đào tạo tốt. Ngoài ra nhà trường có hệ thống giám sát, rà soát và cải tiến liên tục các mặt hoạt động, đặc biệt là cải tiến chương trình đào tạo ở một số ngành then chốt như ngành kiến trúc [H25.25.02.02]. Số lượng SV ra trường tăng tỷ lệ theo nguồn tuyển [H25.25.02.04]. Trung bình một năm, số SV của nhà trường tốt nghiệp ra trường đi làm đã đóng góp cho xã hội nguồn nhân lực cao đáng kể, còn đóng góp cho tài chính nước nhà nguồn thuế thu nhập cá nhân. Con số này có thể ngày càng tăng do số SV có mức lương trên 9 triệu đồng/tháng ngày càng tăng lên qua các năm [H25.25.02.05]. Số lượng các doanh nghiệp, các NTD tìm đến trường ngoài việc tuyển dụng, họ còn liên kết đào tạo đưa sinh viên đi làm việc tại Nhật hoặc các công trường, chi nhánh của họ tại Việt Nam như Công ty Takara, công ty Ocean... làm thương hiệu của nhà trường ngày càng tăng [H25.25.02.06].

Cơ sở vật chất của Nhà trường ngày càng phát triển cả về số lượng và chất lượng. Từ khi mới thành lập (2006), Trường chỉ có một cơ sở chính tại 566 Núi Thành, phường Hòa Cường Nam, quận Hải Châu, TP Đà Nẵng với 1 khối nhà và một văn phòng mượn tại 290 đường 2/9. Đến nay trường đã xây dựng cơ sở chính tại 566 Núi Thành khang trang gồm 3 nhà học và thư viện với tổng diện tích sàn 8.135,80 m<sup>2</sup> và thuê mua cơ sở 2 của thành phố tại quận Cẩm Lệ, Đà Nẵng [H25.25.02.07]. Trong 3 năm vừa qua, Nhà trường đã không ngừng cải tạo CSVC, nâng cấp trang thiết bị, hạ tầng mạng nhằm nâng tầm vị thế trường trong hệ thống GDĐH quốc gia [H25.25.02.08].

Ngoài ra, HĐT và BGH Nhà trường luôn chú trọng đẩy mạnh công tác tuyển dụng, đào tạo và bồi dưỡng để xây dựng đội ngũ GV có học hàm học vị cao, giỏi chuyên môn đáp ứng yêu cầu đào tạo SV vững kiến thức và kỹ năng phù hợp với các nhu cầu của doanh nghiệp trong thực tế. Chính sách thu hút nhân tài có hiệu quả, nhiều CB-GV-NV thạc sĩ, tiến sĩ trẻ đã chọn trường là điểm đến, số lượng đề tài NCKH, số bài báo đăng trên các tạp chí có giá trị ngày càng tăng [H25.25.02.09]. Số giải thưởng của Sinh viên tham gia các cuộc thi trong nước và quốc tế của sinh viên ngày càng tăng, đây là những công trình NCKH khởi đầu của sinh viên [H25.25.02.10]. Kết quả đầu tư tài chính cho hoạt động PVCĐ cũng đem lại những hiệu quả rõ rệt. Hoạt động mùa hè xanh của SV ngày càng đa dạng, nhiều công trình hỗ trợ cộng đồng, nhiều hoạt động từ thiện lan tỏa

trong tập thể CB-GV-NV và SV [H25.25.02.11]. Đặc biệt hoạt động của trung tâm gắn kết cộng đồng trong nhà trường đã mang lại ý nghĩa xã hội vô cùng lớn lao với những dự án Lớp học mùa hè, Triển lãm Vườn Khơi, nhiều bộ môn tham gia lớp học với cộng đồng... Thầy cô và sinh viên với kiến thức đã học được trong nhà trường cùng người dân địa phương khôi phục lại nét văn hóa địa phương thành những bức tranh, cuốn sách lưu lại cho các thế hệ sau [H25.25.02.12]. Trong 5 năm qua, tập thể Nhà trường đã nhận nhiều giải thưởng, bằng khen các cấp trong các hoạt động đào tạo, NCKH và PVCD [H25.25.02.12]. Kết quả hoạt động thị trường của nhà trường cũng được sự đồng tình của các cổ đông [H25.25.02.13]. Thương hiệu của nhà trường được biết đến nhiều hơn trong khu vực miền Trung và Tây Nguyên, được khẳng định qua các vị trí xếp hạng [H25.25.02.14].

Kết quả và các chỉ số thị trường của hoạt động đào tạo, NCKH, PVCD được xác lập cụ thể thông qua các hoạt động trên.

Ngoài ra nhà trường có hệ thống giám sát về kết quả và các chỉ số thị trường của hoạt động đào tạo, NCKH, PVCD [H25.25.02.15]. Các kết quả thực hiện được thể hiện qua báo cáo, kết quả khảo sát của các phòng ban chức năng [H25.25.02.16], [H25.25.02.17], [H25.25.02.18], [H25.25.02.19]. Kết quả đạt được đối sánh giữa thực hiện và kế hoạch, năm nay so với năm trước. Thông qua sự đối sánh Hội đồng trường, Ban Giám hiệu rà soát, điều chỉnh kết quả và chỉ số thị trường của hoạt động đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng để các hoạt động của trường ngày càng tốt hết nâng cao vị thế của trường trong hệ thống giáo dục quốc gia.

Nhà trường cũng đã thiết lập hệ thống thu thập thông tin phản hồi của các bên liên quan về kết quả và các chỉ số thị trường của các hoạt động đào tạo, NCKH, phục vụ cộng đồng và có báo cáo cụ thể về các hoạt động [H25.25.02.20].

#### **Tự đánh giá: 4/7**

#### **Đánh giá chung Tiêu chuẩn 25**

##### **1. Tóm tắt các điểm mạnh:**

- Hàng năm các chỉ số tài chính về hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học được tính toán thiết lập qua kế hoạch công tác tài chính năm. Kế hoạch này được giám sát bởi Ban Giám hiệu, ban kiểm soát, công ty kiểm toán, ban thanh tra nhân dân, các đơn vị trực thuộc, sinh viên, các đơn vị chức năng của nhà nước... Hàng năm các chỉ số tài chính được đối sánh với dự toán đã lập, với chỉ tiêu cùng kỳ năm trước và so sánh với

tổng nguồn thu có được để Hội đồng trường, Ban Giám hiệu đánh giá mức độ hiệu quả các chỉ tiêu tài chính và rút kinh nghiệm điều chỉnh kế hoạch cho những năm kế tiếp.

- Trường chủ động trong việc lập kế hoạch phát triển, xây dựng các giải pháp tài chính phù hợp với thực tế và mục tiêu, nhiệm vụ trong từng giai đoạn phát triển. Việc phân bổ và quản lý kinh phí cho các hoạt động đào tạo, NCKH và PVCĐ đúng qui định, hợp lý, minh bạch và hiệu quả, góp phần nâng cao đời sống CB-GV-NV, chất lượng CSVC, trang thiết bị hiện đại đáp ứng nhu cầu giảng dạy học tập, NCKH và PVCĐ qua đó các chỉ số thị trường được thiết lập.

- Các đóng góp của Nhà trường cho thị trường giáo dục là đánh kể. Hiệu quả đầu tư về hoạt động thị trường cho các hoạt động đào tạo, NCKH và PVCĐ của trường Đại học Kiến trúc Đà Nẵng thể hiện qua: Quy mô tuyển sinh, nguồn tuyển của Nhà trường tăng lên qua từng năm mặc dù bị ảnh hưởng của dịch covid 19; Tỷ lệ sinh viên ra trường có việc làm cao; Số lượng các đối tác trong và ngoài nước tìm đến trường ngày càng tăng; CSVC Nhà trường ngày càng phát triển; Kết quả đầu tư tài chính cho hoạt động PVCĐ cũng đem lại những hiệu quả rõ rệt các môn học được đưa vào dưới hình thức học với cộng đồng; Tập thể Nhà trường đã nhận nhiều giải thưởng, bằng khen các cấp trong các hoạt động đào tạo, NCKH và PVCĐ; Kết quả hoạt động thị trường của nhà trường cũng được sự đồng tình cao của các cổ đông.

## **2. Tóm tắt các điểm tồn tại:**

- Việc đầu tư và sử dụng nguồn kinh phí cho NCKH chưa thực sự hiệu quả.

## **3. Kế hoạch cải tiến:**

Ban giám hiệu phân công Các Khoa và Phòng KHCN đẩy mạnh công tác nghiên cứu khoa học trong GV và SV, nhất là đối với các đề tài nghiên cứu có tính ứng dụng cao. Bên cạnh đó, Phòng Tài chính – Kế toán cần phát huy hơn nữa hiệu quả hoạt động của hệ thống lập kế hoạch tài chính và đối sánh các chỉ số tài chính đạt được hàng năm; bộ phận truyền thông giữ vai trò chủ đạo, tất cả các đơn vị thuộc trường cùng tham gia hơn nữa trong công tác truyền thông nội bộ để SV trong trường nắm được nhiều thông tin từ phía nhà trường để thực hiện các hoạt động đào tạo, NCKH, PVCĐ được tốt hơn và truyền thông ra bên ngoài nâng cao uy tín nhà trường một cách thiết thực nhất.

## **4. Mức đánh giá**

Tiêu chuẩn/Tiêu chí	Tự đánh giá
---------------------	-------------

<b><i>Tiêu chuẩn 25</i></b>	<b><i>4,50</i></b>
Tiêu chí 25.1	5,0
Tiêu chí 25.2	4,0

## BẢNG TỔNG HỢP KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ CSGD

TT	Lĩnh vực/ Tiêu chuẩn/ Tiêu chí	Tự đánh giá (mức điểm)	Ghi chú
<b>I</b>	<b>Lĩnh vực 1. ĐBCL về chiến lược</b>		
<b>I.1</b>	<b>Tiêu chuẩn 1. Tâm nhìn, sứ mạng và văn hóa</b>	<b>5,0</b>	
1.	1.1	5,0	
2.	1.2	5,0	
3.	1.3	5,0	
4.	1.4	5,0	
5.	1.5	5,0	
<b>I.2</b>	<b>Tiêu chuẩn 2. Quản trị</b>	<b>5,0</b>	
6.	2.1	5,0	
7.	2.2	5,0	
8.	2.3	5,0	
9.	2.4	5,0	
<b>I.3</b>	<b>Tiêu chuẩn 3. Lãnh đạo và quản lý</b>	<b>5,0</b>	
10.	3.1	5,0	
11.	3.2	5,0	
12.	3.3	5,0	
13.	3.4	5,0	
<b>I.4</b>	<b>Tiêu chuẩn 4. Quản trị chiến lược</b>	<b>4,75</b>	
14.	4.1	4,0	
15.	4.2	5,0	
16.	4.3	5,0	
17.	4.4	5,0	
<b>I.5</b>	<b>Tiêu chuẩn 5. Các chính sách về đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng</b>	<b>5,25</b>	
18.	5.1	6,0	
19.	5.2	5,0	
20.	5.3	5,0	
21.	5.4	5,0	
<b>I.6</b>	<b>Tiêu chuẩn 6. Quản lý nguồn nhân lực</b>	<b>5,0</b>	
22.	6.1	5,0	
23.	6.2	5,0	
24.	6.3	5,0	
25.	6.4	5,0	
26.	6.5	5,0	

<b>TT</b>	<b>Lĩnh vực/ Tiêu chuẩn/ Tiêu chí</b>	<b>Tự đánh giá (mức điểm)</b>	<b>Ghi chú</b>
27.	6.6	5,0	
28.	6.7	5,0	
<b>I.7</b>	<b>Tiêu chuẩn 7. Quản lý tài chính và cơ sở vật chất</b>	<b>5,2</b>	
29.	7.1	6,0	
30.	7.2	5,0	
31.	7.3	5,0	
32.	7.4	5,0	
33.	7.5	5,0	
<b>I.8</b>	<b>Tiêu chuẩn 8. Các mạng lưới và quan hệ đối ngoại</b>	<b>5,00</b>	
34.	8.1	5,0	
35.	8.2	5,0	
36.	8.3	5,0	
37.	8.4	5,0	
<b>II</b>	<b>Lĩnh vực 2. ĐBCL về hệ thống</b>		
<b>II.9</b>	<b>Tiêu chuẩn 9. Hệ thống đảm bảo chất lượng bên trong</b>	<b>5,00</b>	
38.	9.1	5,0	
39.	9.2	5,0	
40.	9.3	5,0	
41.	9.4	5,0	
42.	9.5	5,0	
43.	9.6	5,0	
<b>II.10</b>	<b>Tiêu chuẩn 10. Tự đánh giá và đánh giá ngoài</b>	<b>5,00</b>	
44.	10.1	5,0	
45.	10.2	5,0	
46.	10.3	5,0	
47.	10.4	5,0	
<b>II.11</b>	<b>Tiêu chuẩn 11. Hệ thống thông tin ĐBCL bên trong</b>	<b>5,00</b>	
48.	11.1	5,0	
49.	11.2	5,0	
50.	11.3	5,0	
51.	11.4	5,0	
<b>II.12</b>	<b>Tiêu chuẩn 12. Nâng cao chất lượng</b>	<b>5,00</b>	
52.	12.1	5,0	

<b>TT</b>	<b>Lĩnh vực/ Tiêu chuẩn/ Tiêu chí</b>	<b>Tự đánh giá (mức điểm)</b>	<b>Ghi chú</b>
53.	12.2	5,0	
54.	12.3	5,0	
55.	12.4	5,0	
56.	12.5	5,0	
<b>III</b>	<b>Lĩnh vực 3. ĐBCL về thực hiện các chức năng</b>		
<b>III.13</b>	<b>Tiêu chuẩn 13. Tuyển sinh và nhập học</b>	<b>6,0</b>	
57.	13.1	6,0	
58.	13.2	6,0	
59.	13.3	6,0	
60.	13.4	6,0	
61.	13.5	6,0	
<b>III.14</b>	<b>Tiêu chuẩn 14. Thiết kế và rà soát chương trình dạy học</b>	<b>5,0</b>	
62.	14.1	5,0	
63.	14.2	5,0	
64.	14.3	5,0	
65.	14.4	5,0	
66.	14.5	5,0	
<b>III.15</b>	<b>Tiêu chuẩn 15. Giảng dạy và học tập</b>	<b>5,2</b>	
67.	15.1	5,0	
68.	15.2	6,0	
69.	15.3	5,0	
70.	15.4	5,0	
71.	15.5	5,0	
<b>III.16</b>	<b>Tiêu chuẩn 16. Đánh giá người học</b>	<b>4,0</b>	
72.	16.1	4,0	
73.	16.2	4,0	
74.	16.3	4,0	
75.	16.4	4,0	
<b>III.17</b>	<b>Tiêu chuẩn 17. Các hoạt động phục vụ và hỗ trợ người học</b>	<b>5,0</b>	
76.	17.1	5,0	
77.	17.2	5,0	
78.	17.3	6,0	
79.	17.4	5,0	
<b>III.18</b>	<b>Tiêu chuẩn 18. Quản lý NCKH</b>	<b>5,00</b>	



<b>TT</b>	<b>Lĩnh vực/ Tiêu chuẩn/ Tiêu chí</b>	<b>Tự đánh giá (mức điểm)</b>	<b>Ghi chú</b>
80.	18.1	5,0	
81.	18.2	5,0	
82.	18.3	5,0	
83.	18.4	5,0	
<b>III.19</b>	<b>Tiêu chuẩn 19. Quản lý tài sản trí tuệ</b>	<b>5,0</b>	
84.	19.1	5,0	
85.	19.2	5,0	
86.	19.3	5,0	
87.	19.4	5,0	
<b>III.20</b>	<b>Tiêu chuẩn 20. Hợp tác và đối tác NCKH</b>	<b>5,0</b>	
88.	20.1	5,0	
89.	20.2	5,0	
90.	20.3	5,0	
91.	20.4	5,0	
<b>III.21</b>	<b>Tiêu chuẩn 21. Kết nối và phục vụ cộng đồng</b>	<b>6,0</b>	
92.	21.1	6,0	
93.	21.2	6,0	
94.	21.3	6,0	
95.	21.4	6,0	
<b>IV</b>	<b>Lĩnh vực 4. Kết quả hoạt động</b>		
<b>IV.22</b>	<b>Tiêu chuẩn 22. Kết quả đào tạo</b>	<b>4,0</b>	
96.	22.1	4,0	
97.	22.2	4,0	
98.	22.3	4,0	
99.	22.4	4,0	
<b>IV.23</b>	<b>Tiêu chuẩn 23. Kết quả NCKH</b>	<b>4,67</b>	
100.	23.1	5,0	
101.	23.2	5,0	
102.	23.3	5,0	
103.	23.4	4,0	
104.	23.5	5,0	
105.	23.6	4,0	
<b>IV.24</b>	<b>Tiêu chuẩn 24. Kết quả phục vụ cộng đồng</b>	<b>5,75</b>	
106.	24.1	6,0	
107.	24.2	6,0	
108.	24.3	6,0	


TT	Lĩnh vực/ Tiêu chuẩn/ Tiêu chí	Tự đánh giá (mức điểm)	Ghi chú
109.	24.4	5,0	
<b>IV.25</b>	<b>Tiêu chuẩn 25. Kết quả tài chính và thị trường</b>	<b>4,50</b>	
110.	25.1	5,0	
111.	25.2	4,0	

**Ghi chú:**

- Tiêu chí có điểm cao nhất: 6 điểm ;
- Tiêu chí có điểm thấp nhất: 4 điểm ;
- Số tiêu chí đạt từ 4 điểm trở lên: 111/111 (100%);
- Số tiêu chuẩn có điểm trung bình từ 4,00 điểm trở lên: 25/25 (100 %);
- Số tiêu chuẩn có điểm trung bình dưới 2,00 điểm: 0/25 (0%).

Đà Nẵng, ngày 30 tháng 12 năm 2022

**HIỆU TRƯỞNG**



**Phạm Anh Tuấn**

**Phụ lục 1. Cơ sở dữ liệu kiểm định chất lượng CSGD****CƠ SỞ DỮ LIỆU****KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG CƠ SỞ GIÁO DỤC**

Thời điểm báo cáo: Tính đến ngày 31/12/2022

**I. Thông tin chung về cơ sở giáo dục**

1. Tên cơ sở giáo dục (theo quyết định thành lập):

Tiếng Việt: TRƯỜNG ĐẠI HỌC KIẾN TRÚC ĐÀ NẴNG.

Tiếng Anh: DANANG ARCHITECTURE UNIVERSITY

2. Tên viết tắt của cơ sở giáo dục:

Tiếng Việt: ĐHKTDN

Tiếng Anh: DAU

3. Tên trước đây (nếu có):

4. Cơ quan/Bộ chủ quản: Bộ GD&amp;ĐT

5. Địa chỉ: 566 Núi Thành, Quận Hải Châu, TP Đà Nẵng

6. Thông tin liên hệ:

Điện thoại 0236.2212256 Số  
fax:.....E-mail: [vanthudhkt@.dau.edu.vn](mailto:vanthudhkt@.dau.edu.vn)

Website: dau.edu.vn

7. Năm thành lập (theo quyết định thành lập): 2006

8. Thời gian bắt đầu đào tạo khóa I: 2006

9. Thời gian cấp bằng tốt nghiệp cho khoá I: 2011

10. Loại hình cơ sở giáo dục:

Công lập  Bán công  Dân lập  Tư thực  ☒

Loại hình khác (đề nghị ghi rõ).....

11. Các loại hình đào tạo của cơ sở giáo dục (đánh dấu x vào các ô tương ứng)

	Có	Không
Chính quy	√	<input type="checkbox"/>
Không chính quy	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
Từ xa	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
Liên kết đào tạo với nước ngoài	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
Liên kết đào tạo trong nước	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>

Các loại hình đào tạo khác (nếu có, ghi rõ từng loại hình).....

12. Danh sách cán bộ lãnh đạo chủ chốt của CSGD (các phòng, ban, khoa, trung tâm chỉ ghi cấp trưởng)

Các đơn vị (bộ phận)	Họ và tên	Chức danh, học vị, chức vụ	Điện thoại	E-mail
1. Hiệu trưởng	Phạm Anh Tuấn	TS.KTS, Hiệu trưởng	0903587980	tuanpa@dau.edu.vn
2. Phó Hiệu trưởng				
2.1 Phó Hiệu trưởng	Lê Công Toàn	TS, Phó Hiệu trưởng	0905118893	toanlc@dau.edu.vn
2.2 Phó Hiệu trưởng	Nguyễn Thị Oanh	Kỹ sư, Phó Hiệu trưởng	0905212156	oanhnt@dau.edu.vn
3. Các tổ chức Đảng, Đoàn TN, Công đoàn,... (liệt kê)				
3.1 Đảng bộ	Lê Công Toàn	TS, Bí thư Đảng ủy	0905118893	toanlc@dau.edu.vn
3.2 Công đoàn	Cao Xuân Tịnh	ThS, Chủ tịch Công đoàn	0965413555	tinhcx@dau.edu.vn
3.3 Đoàn thanh niên	Ngô Tuấn Anh	ThS, Bí thư Đoàn trường	0982007535	anhnt@dau.edu.vn
3.4 Hội sinh viên	Bùi Văn Long	ThS, Chủ tịch Hội SV	0906408676	longbv@dau.edu.vn
4. Các phòng, ban chức năng (liệt kê)				
4.1 Phòng Đào tạo	Nguyễn Hải Hoàn	TS, Trưởng phòng	0944850888	hoannh@dau.edu.vn
4.2 Phòng Khảo thí và ĐBCL	Hoàng Tịnh Bảo	TS, Trưởng phòng	0914104346	baoht@dau.edu.vn
4.3 Phòng Khoa học công nghệ	Võ Thành Trung	TS, Trưởng phòng	0905603184	trungvt@dau.edu.vn
4.4 Phòng Công tác sinh viên	Phạm Ngọc Đông	CN, Trưởng phòng	0935172555	dongpn@dau.edu.vn

4.5 Phòng Tổ chức Nhân sự	Lê Tấn Ngọc	CN, Trưởng phòng	090533898	ngoclt@dau.edu.vn
4.6 Phòng Tài chính kế toán	Trần Thị Mai Lan	CN, Trưởng phòng	0913401879	lanttm@dau.edu.vn
4.7 Phòng Hành chính - Tổng hợp	Nguyễn Thị Vy Hương	ThS, Trưởng Phòng	0905003677	<a href="mailto:huongntv@dau.edu.vn">huongntv@dau.edu.vn</a>
4.8 Phòng Thanh tra và pháp chế	Nguyễn Quang Anh	KS, Trưởng phòng	090168675	anhng@dau.edu.vn
4.9 Phòng HTQT & Truyền thông	Nguyễn Trần Lan Chi	ThS, Trưởng Phòng	0917960666	chintl@dau.edu.vn
4.10 Phòng Quản lý dự án – Quản trị thiết bị	Phạm Anh Tuấn	TS.KTS, Trưởng phòng	0903587980	tuanpa@dau.edu.vn
5. Các trung tâm/ viện trực thuộc (liệt kê)				
5.1 Trung tâm học tập gắn kết cộng đồng	Nguyễn Trần Lan Chi	ThS, Giám đốc	0917960666	chintl@dau.edu.vn
5.2 Trung tâm bồi dưỡng nghị vụ	Phạm Anh Tuấn	TS.KTS, Giám đốc	0903587980	tuanpa@dau.edu.vn
5.3 Trung tâm Tư vấn và Hỗ trợ việc làm	Võ Thành Trung	TS, Giám đốc	0905603184	trungvt@dau.edu.vn
6. Các khoa/viện đào tạo, tổ (liệt kê)				
6.1 Khoa Kiến trúc	Phạm Anh Tuấn	TS.KTS, Trưởng khoa	0903587980	tuanpa@dau.edu.vn

6.2 Khoa Xây dựng	Nguyễn Hải Hoàn	TS, Trưởng khoa	0944850888	hoannh@dau.edu.vn
6.3 Khoa Cầu đường	Nguyễn Văn Thái	TS, Trưởng khoa	0915404827	thainv@dau.edu.vn
6.4 Khoa Ngoại ngữ	Nguyễn Thị Tuyết	ThS, Trưởng khoa	0933922278	tuyetnt@dau.edu.vn
6.5 Khoa Kinh tế	Nguyễn Thị Thu Hương	TS, Trưởng khoa	0913587375	huongntt@dau.edu.vn
6.6 Khoa Công nghệ thông tin	Trần Mạnh Huy	TS, Trưởng khoa	0933936789	huytm@dau.edu.vn
6.7 Khoa CNKT Điện, Điện tử	Lê Tấn Duy	TS, Trưởng khoa	0903501445	duylt@dau.edu.vn
6.8 Khoa du lịch	Đinh Thị Thi	TS, Trưởng khoa	0913427286	thidt@dau.edu.vn
6.9 BM Lý luận chính trị	Phan Trọng Toàn	ThS, Trưởng BM	0905132486	toanpt@dau.edu.vn
6.10 BM Giáo dục thể chất	Cao Xuân Tinh	ThS, Trưởng BM	0965413555	tinhcx@dau.edu.vn
6.11 BM Khoa học Tự nhiên	Lê Xuân Hòa	ThS, Trưởng BM	0979361355	hoalx@dau.edu.vn

(Kéo dài bảng biểu theo quy mô của CSGD)

## 13. Các khoa/viện đào tạo của CSGD

Khoa/viện đào tạo	Đại học		Sau đại học		Khác (ghi rõ)	
	Số CTĐT	Số sinh viên	Số CTĐT	Số người học	Số CTĐT	Số người học
Khoa Kiến trúc	4	2258				
Khoa Xây dựng	2	881				
Khoa Cầu đường	2	74				
Khoa Ngoại ngữ	3	1322				
Khoa Kinh tế	4	1742				
Khoa Công nghệ thông tin	1	824				
Khoa CNKT Điện, Điện tử	1	234				
Khoa Du lịch	2	549				

## 14. Danh sách đơn vị trực thuộc (bao gồm các trung tâm nghiên cứu, chi nhánh/cơ sở của các đơn vị)

TT	Tên đơn vị	Năm thành lập	Lĩnh vực hoạt động	Số lượng nghiên cứu viên	Số lượng cán bộ/nhân viên

**II. Cán bộ, giảng viên, nhân viên**

CSGD cần có cơ sở dữ liệu về cán bộ, giảng viên, nhân viên của mình, bao gồm cả cơ hữu và hợp đồng ngắn hạn. Từ cơ sở dữ liệu lấy ra các thông tin dưới đây (Thống kê mỗi loại gồm 5 bảng tương ứng với 5 năm của giai đoạn đánh giá):

## 15. Thống kê số lượng giảng viên và nghiên cứu viên

Phân cấp giảng viên và nghiên cứu viên	Cơ hữu/toàn thời gian		Hợp đồng/ thỉnh giảng	
	Số lượng	Tiến sĩ (%)	Số lượng	Tiến sĩ (%)
Giảng viên	340	11,2%	31	25,8%
Nghiên cứu viên				
<b>Tổng</b>	340		31	

## 16. Thống kê số lượng cán bộ quản lý, nhân viên

Phân cấp cán bộ, nhân viên (Nêu cụ thể)	Số lượng		
	Cơ hữu/toàn thời gian	Hợp đồng bán thời gian	Tổng số
Cán bộ quản lý	36		36
Nhân viên	41		41
<b>Tổng cộng</b>	77	0	77

## 17. Thống kê số lượng cán bộ, giảng viên và nhân viên (gọi chung là cán bộ) của CSGD theo giới tính:

TT	Phân loại	Nam	Nữ	Tổng số
I	Cán bộ cơ hữu <i>Trong đó:</i>	168	227	395
I.1	Cán bộ được tuyển dụng, sử dụng và quản lý theo các quy định của pháp luật về viên chức (trong biên chế)	0	0	0
I.2	Cán bộ hợp đồng có thời hạn 3 năm và hợp đồng không xác định thời hạn (hợp đồng dài hạn)	168	227	395
II	Các cán bộ khác Cán bộ hợp đồng ngắn hạn, bao gồm cả giảng viên thỉnh giảng	0	0	0
	Tổng cộng	168	227	395

## 18. Thống kê, phân loại giảng viên theo trình độ

TT	Trình độ, học vị, chức danh	GV trong biên chế trực tiếp giảng dạy	GV hợp đồng dài hạn trực tiếp giảng dạy	Giảng viên kiêm nhiệm là cán bộ quản lý	Giảng viên thỉnh giảng trong nước	Giảng viên thỉnh giảng quốc tế	Tổng số
1	Giáo sư, Viện sĩ		0	1	0		1
2	Phó Giáo sư		5	3	0		8
3	Tiến sĩ khoa học						0



4	Tiến sĩ		22	7	8		37
5	Thạc sĩ		256	7	23		286
6	Đại học		27	4	0		31
7	Cao đẳng						0
8	Trung cấp						0
9	Trình độ khác						0
	<b>Tổng cộng</b>	<b>0</b>	<b>310</b>	<b>22</b>	<b>31</b>	<b>0</b>	<b>363</b>

(Khi tính số lượng các TSKH, TS thì không bao gồm những giảng viên vừa có học vị vừa có chức danh khoa học vì đã tính ở 2 dòng trên)

Tổng số giảng viên cơ hữu: 395 người

Tỷ lệ giảng viên cơ hữu trên tổng số cán bộ cơ hữu: 32 người

19. Thống kê, phân loại giảng viên cơ hữu theo độ tuổi (số người):

TT	Trình độ / học vị	Số lượng	Tỷ lệ (%)	Phân loại theo giới tính		Phân loại theo tuổi (người)				
				Nam	Nữ	< 30	30-40	41-50	51-60	> 60
1	Giáo sư, Viện sĩ	1	0,29	1	0	0	0	0	0	1
2	Phó Giáo sư	8	2,35	6	2	0	0	1	0	7
3	Tiến sĩ khoa học	0	0	0	0	0	0	0	0	0
4	Tiến sĩ	29	8,53	14	15	0	11	6	4	8
5	Thạc sĩ	271	79,71	103	168	5	200	46	8	12
6	Đại học	31	9,12	18	13	7	12	6	2	4
7	Cao đẳng	0	0	0	0	0	0	0	0	0
8	Trung cấp	0	0	0	0	0	0	0	0	0
9	Trình độ khác	0	0	0	0	0	0	0	0	0
	<b>Tổng cộng</b>	<b>340</b>	<b>100</b>	<b>142</b>	<b>198</b>	<b>12</b>	<b>223</b>	<b>59</b>	<b>14</b>	<b>32</b>

Tỷ lệ giảng viên cơ hữu có trình độ tiến sĩ trở lên trên tổng số giảng viên cơ hữu của CSGD: 11,18%



<b>2. Học viên cao học</b>							
20...							
20...							
20...							
20...							
20...							
<b>3. Đại học</b>							
2018	6055	4965	1.2	1211	18	19.75	0
2019	10550	8440	1.3	2110	18	20	0
2020	8980	8262	1.1	1796	18	20.25	0
2021	9575	7181	1.3	1915	18	20.5	0
2022	12250	8575	1.4	2450	18	20.75	0
<b>4. Cao đẳng</b>							
20...							
20...							
20...							
20...							
20...							
<b>5. Trung cấp</b>							
20...							
20...							
20...							
20...							
20...							
<b>6. Khác .....</b>							
20...							

20...							
20...							
20...							
20...							

Số lượng người học hệ chính quy đang học tập tại CSGD 7883 người.

22. Tổng số người học đăng ký dự thi vào CSGD, trúng tuyển và nhập học trong 5 năm gần đây **hệ không chính quy**:

Năm	Số thí sinh dự tuyển (người)	Số trúng tuyển (người)	Tỷ lệ cạnh tranh	Số nhập học thực tế (người)	Điểm tuyển đầu vào (thang điểm 30)	Điểm trung bình của người học được tuyển	Số lượng sinh viên quốc tế nhập học (người)
1. Đại học							
20...							
20...							
20...							
20...							
20...							
20...							
2. Cao đẳng							
20...							
20...							
20...							
20...							
20...							
3. Trung cấp							
20...							
20...							
20...							
20...							

20...							
<b>4. Khác .....</b>							
20...							
20...							
20...							
20...							
20...							

## 23. Ký túc xá cho sinh viên:

<b>Các tiêu chí</b>	<b>2017-2018</b>	<b>2018-2019</b>	<b>2019-2020</b>	<b>2020-2021</b>	<b>2021-2022</b>
1. Tổng diện tích phòng ở (m <sup>2</sup> )	14.000	14.000	14.000	14.000	14.000
2. Số lượng sinh viên	4.337	5.063	5.405	6.209	7.422
3. Số sinh viên có nhu cầu ở ký túc xá	852	1.542	1.216	1.289	1.644
4. Số lượng sinh viên được ở ký túc xá	358	411	340	379	291
5. Tỷ số diện tích trên đầu sinh viên ở trong ký túc xá, m <sup>2</sup> /người	4,67	4,67	4,67	4,67	4,67

## 24. Sinh viên tham gia nghiên cứu khoa học:

	<b>2018</b>	<b>2019</b>	<b>2020</b>	<b>2021</b>	<b>2022</b>
Số lượng (người)	10	0	6	3	6
Tỷ lệ (%) trên tổng số sinh viên	0.23%	0.00%	0.11%	0.05%	0.08%

## 25. Thống kê số lượng người học tốt nghiệp trong 5 năm gần đây:

Đơn vị: người

<b>Các tiêu chí</b>	<b>Năm tốt nghiệp</b>				
	<b>2018</b>	<b>2019</b>	<b>2020</b>	<b>2021</b>	<b>2022</b>
1. Nghiên cứu sinh bảo vệ thành công luận án tiến sĩ	0	0	0	0	0
2. Học viên tốt nghiệp cao học	0	0	0	0	0

3. Sinh viên tốt nghiệp đại học Trong đó:	1009	745	581	557	1083
Hệ chính quy	1009	745	581	557	1083
Hệ không chính quy	0	0	0	0	0
4. Sinh viên tốt nghiệp cao đẳng Trong đó:	0	0	0	0	0
Hệ chính quy	0	0	0	0	0
Hệ không chính quy	0	0	0	0	0
5. Học sinh tốt nghiệp trung cấp Trong đó:	0	0	0	0	0
Hệ chính quy	0	0	0	0	0
Hệ không chính quy	0	0	0	0	0
6. Khác...	0	0	0	0	0

(*Tính cả những người học đã đủ điều kiện tốt nghiệp theo quy định nhưng đang chờ cấp bằng*).

26. Tình trạng tốt nghiệp của sinh viên đại học hệ chính quy:

Các tiêu chí	Năm tốt nghiệp				
	2018	2019	2020	2021	2022
1. Số lượng sinh viên tốt nghiệp (người)	1009	745	581	557	1083
2. Tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp so với số tuyển vào (%)	55,63%	51,02%	50,26%	45,78%	50,71%
3. Đánh giá của sinh viên tốt nghiệp về chất lượng đào tạo của nhà trường:					
A. Nhà trường không điều tra về vấn đề này ® chuyển xuống câu 4					
B. Nhà trường có điều tra về vấn đề này ® điền các thông tin dưới đây					
3.1 Tỷ lệ sinh viên trả lời đã học được những kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp (%)					
3.2 Tỷ lệ sinh viên trả lời <i>chỉ học được một phần</i> kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp (%)					

3.3 Tỷ lệ sinh viên trả lời <i>KHÔNG</i> học được những kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp					
4. Sinh viên có việc làm trong năm đầu tiên sau khi tốt nghiệp: A. Nhà trường không điều tra về vấn đề này ® chuyển xuống câu 5 B. Nhà trường có điều tra về vấn đề này ® điền các thông tin dưới đây					
4.1 Tỷ lệ có việc làm đúng ngành đào tạo (%) - Sau 6 tháng tốt nghiệp - Sau 12 tháng tốt nghiệp			95,28%	92,82%	94,15%
4.2 Tỷ lệ có việc làm trái ngành đào tạo (%)			4,72%	7,18%	5,85%
4.3 Tỷ lệ tự tạo được việc làm (%)			12,38%	10,77%	7,92%
4.4 Thu nhập bình quân/tháng của sinh viên có việc làm			7.973.000	8.021.000	7.781.000
5. Đánh giá của nhà sử dụng về sinh viên tốt nghiệp có việc làm đúng ngành đào tạo: A. Nhà trường không điều tra về vấn đề này ® chuyển xuống kết thúc bảng này B. Nhà trường có điều tra về vấn đề này ® điền các thông tin dưới đây					
5.1 Tỷ lệ sinh viên đáp ứng yêu cầu của công việc, có thể sử dụng được ngay (%)					
5.2 Tỷ lệ sinh viên cơ bản đáp ứng yêu cầu của công việc, nhưng phải đào tạo thêm (%)					
5.3 Tỷ lệ sinh viên phải được đào tạo lại hoặc đào tạo bổ sung ít nhất 6 tháng (%)					

*Ghi chú:*

- Sinh viên tốt nghiệp là sinh viên có đủ điều kiện để được công nhận tốt nghiệp theo quy định, kể cả những sinh viên chưa nhận được bằng tốt nghiệp.
- Sinh viên có việc làm là sinh viên tìm được việc làm hoặc tự tạo được việc làm.
- Năm đầu tiên sau khi tốt nghiệp: 12 tháng kể từ ngày tốt nghiệp.

- Các mục bỏ trống đều được xem là nhà trường không điều tra về việc này.

27. Tình trạng tốt nghiệp của sinh viên cao đẳng hệ chính quy:

Các tiêu chí	Năm tốt nghiệp				
	2018	2019	2020	2021	2022
1. Số lượng sinh viên tốt nghiệp (người)	0	0	0	0	0
2. Tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp so với số tuyển vào (%)	0	0	0	0	0
3. Đánh giá của sinh viên tốt nghiệp về chất lượng đào tạo của nhà trường: A. Nhà trường không điều tra về vấn đề này ® chuyển xuống câu 4 B. Nhà trường có điều tra về vấn đề này ® điền các thông tin dưới đây					
3.1 Tỷ lệ sinh viên trả lời đã học được những kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp (%)					
3.2 Tỷ lệ sinh viên trả lời <i>chỉ học được một phần</i> kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp (%)					
3.3 Tỷ lệ sinh viên trả lời <i>KHÔNG</i> học được những kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp (%)					
4. Sinh viên có việc làm trong năm đầu tiên sau khi tốt nghiệp: A. Nhà trường không điều tra về vấn đề này ® chuyển xuống câu 5 B. Nhà trường có điều tra về vấn đề này ® điền các thông tin dưới đây					
4.1 Tỷ lệ sinh viên có việc làm đúng ngành đào tạo (%) - Sau 6 tháng tốt nghiệp - Sau 12 tháng tốt nghiệp					
4.2 Tỷ lệ sinh viên có việc làm trái ngành đào tạo (%)					
4.3 Tỷ lệ tự tạo được việc làm (%)					
4.4 Thu nhập bình quân/tháng của sinh viên có việc làm					



5. Đánh giá của nhà sử dụng về sinh viên tốt nghiệp có việc làm đúng ngành đào tạo:

A. Nhà trường không điều tra về vấn đề này → chuyển xuống và kết thúc bảng này

B. Nhà trường có điều tra về vấn đề này → điền các thông tin dưới đây

5.1 Tỷ lệ sinh viên đáp ứng yêu cầu của công việc, có thể sử dụng được ngay (%)					
5.2 Tỷ lệ sinh viên cơ bản đáp ứng yêu cầu của công việc, nhưng phải đào tạo thêm (%)					
5.3 Tỷ lệ sinh viên phải được đào tạo lại hoặc đào tạo bổ sung ít nhất 6 tháng (%)					

#### IV. Nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ

28. Số lượng đề tài nghiên cứu khoa học và chuyển giao khoa học công nghệ của nhà trường được nghiệm thu trong 5 năm gần đây:

TT	Phân loại đề tài	Số lượng					
		2018	2019	2020	2021	2022	Tổng số
1	Đề tài cấp Nhà nước	0	0	0	0	0	0
2	Đề tài cấp Bộ*	0	0	0	0	0	0
3	Đề tài cấp trường	24	6	9	3	4	23
	<b>Tổng cộng</b>	<b>12</b>	<b>3</b>	<b>4,5</b>	<b>1,5</b>	<b>2</b>	<b>23</b>

\* Bao gồm đề tài cấp Bộ hoặc tương đương, đề tài nhánh cấp Nhà nước

Tỷ số đề tài nghiên cứu khoa học và chuyển giao khoa học công nghệ trên cán bộ cơ hữu: 100

29. Doanh thu từ nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ của CSGD trong 5 năm gần đây:

TT	Năm	Doanh thu từ NCKH và chuyển giao công nghệ (triệu VND)	Tỷ lệ doanh thu từ NCKH và chuyển giao công nghệ so với tổng kinh phí đầu vào của CSGD (%)	Tỷ số doanh thu từ NCKH và chuyển giao công nghệ trên cán bộ cơ hữu (triệu VND/người)
1	2018	0	0	0
2	2019	0	0	0

3	2020	0	0	0
4	2021	0	0	0
5	2022	0	0	0

30. Số lượng cán bộ cơ hữu của CSGD tham gia thực hiện đề tài khoa học trong 5 năm gần đây:

Số lượng đề tài	Số lượng cán bộ tham gia			Ghi chú
	Đề tài cấp Nhà nước	Đề tài cấp Bộ*	Đề tài cấp trường	
Từ 1 đến 3 đề tài	0	0	36	
Từ 4 đến 6 đề tài	0	0	1	
Trên 6 đề tài	0	0	0	
<b>Tổng số cán bộ tham gia</b>	0	0	37	

\* Bao gồm đề tài cấp Bộ hoặc tương đương, đề tài nhánh cấp Nhà nước

31. Số lượng sách của CSGD được xuất bản trong 5 năm gần đây:

TT	Phân loại sách	Số lượng					
		2018	2019	2020	2021	2022	Tổng số
1	Sách chuyên khảo	0	0	0	0	0	0
2	Sách giáo trình	0	0	0	0	0	0
3	Sách tham khảo	0	0	0	0	0	0
4	Sách hướng dẫn	0	0	0	0	0	0
	<b>Tổng cộng</b>	0	0	0	0	0	0

Tỷ số sách đã được xuất bản trên cán bộ cơ hữu: 0

32. Số lượng cán bộ cơ hữu của CSGD tham gia viết sách trong 5 năm gần đây:

Số lượng sách	Số lượng cán bộ cơ hữu tham gia viết sách			
	Sách chuyên khảo	Sách giáo trình	Sách tham khảo	Sách hướng dẫn
Từ 1 đến 3 cuốn sách	0	0	1	0
Từ 4 đến 6 cuốn sách	0	0	0	0

Trên 6 cuốn sách	0	0	0	0
Tổng số cán bộ tham gia	0	0	1	0

33. Số lượng bài của các cán bộ cơ hữu của CSGD được đăng tạp chí trong 5 năm gần đây:

TT	Phân loại tạp chí	Số lượng					
		2018	2019	2020	2021	2022	Tổng số
1	Tạp chí KH quốc tế Trong đó:	6	15	14	46	43	<b>124</b>
	Danh mục ISI	3	10	7	6	10	<b>36</b>
	Danh mục Scopus	0	0	1	0	0	<b>1</b>
	Khác	3	5	6	40	33	<b>87</b>
2	Tạp chí KH cấp Ngành trong nước	3	5	8	13	9	<b>38</b>
3	Tạp chí / tập san của cấp trường	12	21	9	10	0	<b>52</b>
	Tổng cộng	<b>21</b>	<b>41</b>	<b>31</b>	<b>69</b>	<b>52</b>	<b>214</b>

Tỷ số bài đăng tạp chí (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: 100

34. Số lượng cán bộ cơ hữu của CSGD tham gia viết bài đăng tạp chí trong 5 năm gần đây:

Số lượng cán bộ cơ hữu có bài báo đăng trên tạp chí	Nơi đăng		
	Tạp chí KH quốc tế	Tạp chí KH cấp Ngành trong nước	Tạp chí / tập san của cấp trường
Từ 1 đến 5 bài báo	8	10	29
Từ 6 đến 10 bài báo	0	3	0
Từ 11 đến 15 bài báo	1	0	0
Trên 15 bài báo	0	0	0
Tổng số cán bộ tham gia	<b>9</b>	<b>13</b>	<b>29</b>

35. Số lượng báo cáo khoa học do cán bộ cơ hữu của CSGD báo cáo tại các hội nghị, hội thảo, được đăng toàn văn trong tuyển tập công trình hay kỷ yếu trong 5 năm gần đây:

TT	Phân loại hội thảo	Số lượng
----	--------------------	----------

		2018	2019	2020	2021	2022	Tổng số
1	Hội thảo quốc tế	0	0	0	0	0	0
2	Hội thảo trong nước	1	4	8	24	12	49
3	Hội thảo của trường	0	0	0	0	0	0
	<b>Tổng cộng</b>	<b>0,5</b>	<b>2</b>	<b>4</b>	<b>12</b>	<b>6</b>	<b>24,5</b>

*(Khi tính hội thảo trong nước sẽ không bao gồm các hội thảo của trường vì đã được tính 1 lần)*

Tỷ số bài báo cáo trên cán bộ cơ hữu: 100

36. Số lượng cán bộ cơ hữu của CSGD có báo cáo khoa học tại các hội nghị, hội thảo được đăng toàn văn trong tuyển tập công trình hay kỷ yếu trong 5 năm gần đây:

Số lượng cán bộ cơ hữu có báo cáo khoa học tại các hội nghị, hội thảo	Hội thảo quốc tế	Hội thảo trong nước	Hội thảo của trường
Từ 1 đến 5 báo cáo	0	11	0
Từ 6 đến 10 báo cáo	0	2	0
Từ 11 đến 15 báo cáo	0	1	0
Trên 15 báo cáo	0	0	0
<b>Tổng số cán bộ tham gia</b>	<b>0</b>	<b>14</b>	<b>0</b>

*(Khi tính hội thảo trong nước sẽ không bao gồm các hội thảo của trường)*

37. Số bằng phát minh, sáng chế được cấp trong 5 năm gần đây:

Năm	Số bằng phát minh, sáng chế được cấp (ghi rõ nơi cấp, thời gian cấp, người được cấp)
2017	0
2018	0
2019	0
2020	0
2021	0

38. Nghiên cứu khoa học của sinh viên

35.1. Số lượng sinh viên của nhà trường tham gia thực hiện đề tài khoa học trong 5 năm gần đây:

Số lượng đề tài	Số lượng sinh viên tham gia			Ghi chú
	Đề tài cấp Nhà nước	Đề tài cấp Bộ*	Đề tài cấp trường	
Từ 1 đến 3 đề tài	0	0	19	
Từ 4 đến 6 đề tài	0	0	0	
Trên 6 đề tài	0	0	0	
Tổng số sinh viên tham gia	0	0	19	

\* Bao gồm đề tài cấp Bộ hoặc tương đương, đề tài nhánh cấp nhà nước

35.2 Thành tích nghiên cứu khoa học của sinh viên:

(*Thống kê các giải thưởng nghiên cứu khoa học, sáng tạo, các bài báo, công trình được công bố*)

TT	Thành tích nghiên cứu khoa học	Số lượng				
		2018	2019	2020	2021	2022
1	Số giải thưởng nghiên cứu khoa học, sáng tạo	0	0	0	0	0
2	Số bài báo được đăng, công trình được công bố	0	0	0	0	0

#### V. Cơ sở vật chất, thư viện, tài chính

39. Diện tích đất, diện tích sàn xây dựng

TT	Nội dung	Diện tích (m <sup>2</sup> )	Hình thức sử dụng		
			Sở hữu	Liên kết	Thuê
1	Tổng diện tích đất của trường	51.802	51.802		
2	Tổng diện tích sàn xây dựng phục vụ đào tạo, nghiên cứu khoa học của trường Trong đó	22.952	17.952		5.000
2.1	<i>Hội trường, giảng đường, phòng học các loại, phòng đa năng, phòng làm việc của giáo sư, phó giáo sư, giảng viên cơ hữu</i>	16.191	16.191		

2.2	<i>Thư viện, trung tâm học liệu</i>	942	942		
2.3	<i>Trung tâm nghiên cứu, phòng thí nghiệm, thực nghiệm, cơ sở thực hành, thực tập, luyện tập</i>	1.777	1.777		

40. Tổng số đầu sách trong thư viện của nhà trường (bao gồm giáo trình, học liệu, tài liệu, sách tham khảo... sách, tạp chí, kể cả e-book, cơ sở dữ liệu điện tử)

Khối ngành/ Nhóm ngành	Đầu sách	Bản sách
Khối ngành I	-	-
Khối ngành II (Mỹ thuật ứng dụng + nghệ thuật chung + Thiết kế nội thất)	337	418
Khối ngành III (Kinh tế gồm kế toán, ngân hàng, QTKH + QTKD du lịch)	2.014	6.978
Khối ngành IV	-	-
Khối ngành V (Kiến trúc, quy hoạch, Kỹ thuật công trình xây dựng, Công nghệ)	4.789	13.213
Khối ngành VI	-	-
Khối ngành VII (Ngoại ngữ)	1.373	2.276
Các môn chung	5.611	6.735
<b>Tổng cộng</b>	<b>14.124</b>	<b>29.620</b>

41. Tổng số thiết bị chính của trường:

STT	Tên phòng/giảng đường/lab	Số lượng	Danh mục trang thiết bị chính	Đối tượng sử dụng	Diện tích sàn xây dựng (m <sup>2</sup> )	Hình thức sử dụng		
						Sở hữu	Liên kết	Thuê
1	Phòng học 50 chỗ	16	Bàn ghế, giá vẽ, bảng, âm thanh, máy chiếu, màn hình led, đèn, quạt, điều hòa	Cán bộ, giảng viên, sinh viên	720	X		
2	Phòng học 50 - 100 chỗ	27			5408	X		

3	Phòng học 100 - 200 chỗ	30			6865	X		
4	Hội trường, phòng học trên 200 chỗ	5			2000	X		
5	Phòng học đa năng	1			240	X		
6	Phòng thực hành tin học	6	Máy vi tính, điều hòa	Cán bộ, giảng viên, sinh viên	962	X		
7	Phòng thí nghiệm VLXD	1	Đầy đủ trang thiết bị	Cán bộ, giảng viên, sinh viên	70	X		
8	Phòng thí nghiệm Điện tử	1	Đầy đủ trang thiết bị	Cán bộ, giảng viên, sinh viên	145	X		
9	Thư viện	1	Đầy đủ trang thiết bị	Cán bộ, giảng viên, sinh viên	942	X		
10	Phòng thực hành điều khắc	2	Giá, bàn xoay	Cán bộ, giảng viên, sinh viên	600	X		
11	<b>Tổng</b>				<b>17952</b>			

42. Tổng kinh phí từ các nguồn thu của trường trong 5 năm gần đây:

- Năm 2018: 73.135 triệu đồng
- Năm 2019: 91.503 triệu đồng
- Năm 2020: 98.360 triệu đồng
- Năm 2021: 146.991 triệu đồng
- Năm 2022: 167.634 triệu đồng

43. Tổng thu học phí (chỉ tính hệ chính quy) trong 5 năm gần đây:

- Năm 2018: 68.969 triệu đồng
- Năm 2019: 83.018 triệu đồng

- Năm 2020: 91.258 triệu đồng
- Năm 2021: 135.085 triệu đồng
- Năm 2022: 160.031,34 triệu đồng

44. Tổng chi cho hoạt động nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ và phục vụ cộng đồng:

- Năm 2018: 441,2 triệu đồng
- Năm 2019: 431,62 triệu đồng
- Năm 2020: 489,36 triệu đồng
- Năm 2021: 507,31 triệu đồng
- Năm 2022: 520,9 triệu đồng

45. Tổng thu từ hoạt động nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ và phục vụ cộng đồng

- Năm 2018: 0
- Năm 2019: 0
- Năm 2020: 0
- Năm 2021: 0
- Năm 2022: 0

46. Tổng chi cho hoạt động đào tạo

- Năm 2018: 38.735 triệu đồng
- Năm 2019: 46.604,87 triệu đồng
- Năm 2020: 59.555,86 triệu đồng
- Năm 2021: 45.764,73 triệu đồng
- Năm 2022: 104.438 triệu đồng

47. Tổng chi cho phát triển đội ngũ

- Năm 2018: 210,45 triệu đồng
- Năm 2019: 263,74 triệu đồng
- Năm 2020: 112,64 triệu đồng
- Năm 2021: 224,69 triệu đồng
- Năm 2022: 98,21 triệu đồng

48. Tổng chi cho hoạt động kết nối doanh nghiệp, tư vấn và hỗ trợ việc làm

- Năm 2018: 789,01 triệu đồng
- Năm 2019: 577,01 triệu đồng
- Năm 2020: 345,99 triệu đồng
- Năm 2021: 693,57 triệu đồng
- Năm 2022: 404,76 triệu đồng



**VI. Kết quả kiểm định chất lượng giáo dục**

TT	Đối tượng	Bộ tiêu chuẩn đánh giá	Tự đánh giá		Đánh giá ngoài		Thẩm định và công nhận		
			Năm hoàn thành báo cáo TĐG lần 1	Năm cập nhật báo cáo TĐG	Tên tổ chức đánh giá	Tháng /năm đánh giá ngoài	Kết quả đánh giá của Hội đồng KĐCL GD	Giấy chứng nhận	
								Ngày cấp	Giá trị đến
1	Cơ sở giáo dục	65/2007/QĐ-BGDĐT	2012	2017	2018	01/2018	82%	14/5/2018	14/5/2023
2	Chương trình đào tạo Kiến trúc	TT số 04/2016/TT-BGDĐT	2022			10/2022	86%		
3	Chương trình đào tạo Kỹ thuật xây dựng	TT số 04/2016/TT-BGDĐT	2022			10/2022	84%		
4	Chương trình đào tạo Quản trị kinh doanh	TT số 04/2016/TT-BGDĐT	2022			10/2022	84%		
5	Chương trình đào tạo Kế toán	TT số 04/2016/TT-BGDĐT	2022						
6	Chương trình đào tạo Quản trị dịch vụ du lịch	TT số 04/2016/TT-BGDĐT	2022						

	và lễ hành								
7	Chương trình đào tạo Thiết kế nội thất	<i>TT số</i> 04/2016/TT- <i>BGDĐT</i>	2022						
8	Chương trình đào tạo Tài chính – Ngân hàng	<i>TT số</i> 04/2016/TT- <i>BGDĐT</i>	2022						

## VII. Tóm tắt một số chỉ số quan trọng

Từ kết quả khảo sát ở trên, tổng hợp thành một số chỉ số quan trọng dưới đây (*số liệu năm cuối kỳ đánh giá*):

### 1. Giảng viên

Tổng số giảng viên cơ hữu (người): 395

Tỷ lệ giảng viên cơ hữu trên tổng số cán bộ cơ hữu (%): 90,39%

Tỷ lệ giảng viên cơ hữu có trình độ tiến sĩ trở lên trên tổng số giảng viên cơ hữu (%): 11,18%

Tỷ lệ giảng viên cơ hữu có trình độ thạc sĩ trên tổng số giảng viên cơ hữu (%): 79,70%

### 2. Sinh viên:

Tổng số sinh viên chính quy (người): 7883

Tỷ số sinh viên trên giảng viên (sau khi quy đổi): 23

Tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp so với số tuyển vào (%): 50,71%

### 3. Đánh giá của sinh viên tốt nghiệp về chất lượng đào tạo của nhà trường:

Tỷ lệ sinh viên trả lời đã học được những kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp (%):.....

Tỷ lệ sinh viên trả lời *chỉ học được một phần* kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp (%):.....

### 4. Sinh viên có việc làm trong năm đầu tiên sau khi tốt nghiệp:

Tỷ lệ sinh viên có việc làm đúng ngành đào tạo, trong đó bao gồm cả sinh viên chưa có việc làm học tập nâng cao (%): 94,15

Tỷ lệ sinh viên có việc làm trái ngành đào tạo (%): 5,85

Tỷ lệ tự tạo được việc làm trong số sinh viên có việc làm (%): 7,92

Thu nhập bình quân/tháng của sinh viên có việc làm (triệu VNĐ): 7.781.000 VNĐ

5. Đánh giá của nhà sử dụng về sinh viên tốt nghiệp có việc làm đúng ngành đào tạo:

Tỷ lệ sinh viên đáp ứng yêu cầu của công việc, có thể sử dụng được ngay (%):...

Tỷ lệ sinh viên cơ bản đáp ứng yêu cầu của công việc, nhưng phải đào tạo thêm (%):.....

6. Nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ và phục vụ cộng đồng:

Tỷ số đề tài nghiên cứu khoa học, chuyển giao khoa học công nghệ và phục vụ cộng đồng trên cán bộ cơ hữu: 100

Tỷ số doanh thu từ nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ và phục vụ cộng đồng trên cán bộ cơ hữu: 0

Tỷ số sách đã được xuất bản trên cán bộ cơ hữu: 0

Tỷ số bài đăng tạp chí trên cán bộ cơ hữu: 100

Tỷ số bài báo cáo trên cán bộ cơ hữu: 100

7. Cơ sở vật chất (*số liệu năm cuối kỳ đánh giá*):

Tỷ số diện tích sàn xây dựng trên sinh viên chính quy: 51.802 m<sup>2</sup>

Tỷ số chỗ ở ký túc xá trên sinh viên chính quy: 4,67

8. Kết quả kiểm định chất lượng giáo dục

Cấp cơ sở giáo dục: Đạt

Cấp chương trình đào tạo: Đạt

## Phụ lục 2. Quyết định thành lập Hội đồng tự đánh giá

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KIẾN TRÚC ĐÀ NẴNG  
Số: 358/QĐ-ĐHKTDN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc  
Đà Nẵng, ngày 01 tháng 08 năm 2022

### QUYẾT ĐỊNH

Về việc thành lập Hội đồng tự đánh giá cơ sở giáo dục đại học

**HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC KIẾN TRÚC ĐÀ NẴNG**  
**HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC KIẾN TRÚC ĐÀ NẴNG**

Căn cứ Quyết định số 270/2006/QĐ-TTg ngày 27 tháng 11 năm 2006 của Thủ tướng Chính phủ về việc “Thành lập Trường Đại học Kiến trúc Đà Nẵng”;

Căn cứ Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Kiến trúc Đà Nẵng;

Căn cứ văn bản hợp nhất số 42/VBHN-VPQH ngày 10 tháng 12 năm 2018 của Văn phòng Quốc hội về việc ban hành Luật Giáo dục đại học;

Căn cứ Thông tư số 12/2017/TT-BGDĐT ngày 19 tháng 05 năm 2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành “Quy định về kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục đại học”;

Theo đề nghị của Trường phòng Đảm bảo chất lượng,

### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Thành lập Hội đồng tự đánh giá cơ sở giáo dục của Trường Đại học Kiến trúc Đà Nẵng gồm các ông/bà có tên trong danh sách kèm theo.

Giúp việc cho Hội đồng có Ban thư ký và các nhóm công tác chuyên trách gồm các ông/bà có tên trong danh sách kèm theo.

**Điều 2.** Hội đồng có nhiệm vụ triển khai tự đánh giá cơ sở giáo dục theo Quy định về kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục đại học ban hành kèm theo Thông tư số 12/2017/TT-BGDĐT ngày 19/5/2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo và Hướng dẫn tự đánh giá cơ sở giáo dục đại học của Cục Quản lý chất lượng.

Nhiệm vụ cụ thể của các thành viên do Chủ tịch Hội đồng phân công. Hội đồng tự giải thể sau khi hoàn thành nhiệm vụ.

**Điều 3.** Trưởng các Phòng, Khoa, Bộ môn trực thuộc trường và các ông (bà) có tên trong danh sách kèm theo ở điều 1 có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

#### Nơi nhận:

- Chủ tịch Hội đồng trường (để báo cáo);
- Ban Giám hiệu (chỉ đạo);
- Như Điều 3 (để thực hiện);
- Lưu: VT, ĐBCL.

**HIỆU TRƯỞNG**  
  
  
**Phạm Anh Tuấn**

358

**DANH SÁCH THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG TỰ ĐÁNH GIÁ  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KIẾN TRÚC ĐÀ NẴNG**

*(Kèm theo Quyết định số 35/QĐ-ĐH.KTĐN ngày 1 tháng 8 năm 2022 của Hội đồng tự*

TT	HỌ VÀ TÊN	CHỨC DANH, CHỨC VỤ	NHIỆM VỤ	GHI CHÚ
1	TS.KTS. Phạm Anh Tuấn	Hiệu trưởng	Chủ tịch HĐ	
2	TS. Lê Công Toàn	Phó Hiệu trưởng, Bí thư Đảng ủy	Phó chủ tịch HĐ	
3	KTS. Phạm Sỹ Chức	Chủ tịch HĐ Trường	Phó chủ tịch HĐ	
4	KS. Nguyễn Thị Oanh	Phó Hiệu trưởng	Phó chủ tịch HĐ	
5	TS. Hoàng Tịnh Bảo	Trưởng phòng ĐBCL	Thành viên, Trưởng ban thư ký	
6	TS. Nguyễn Hải Hoàn	Trưởng phòng Đào tạo	Thành viên	
7	TS. Võ Thành Trung	Trưởng phòng KH-CN&HTQT	Thành viên	
8	CN. Phạm Ngọc Đông	Trưởng phòng CTSV	Thành viên	
9	CN. Lê Tấn Ngọc	Trưởng phòng TCNS	Thành viên	
10	CN. Trần Thị Mai Lan	Trưởng phòng TCKT	Thành viên	
11	ThS. Nguyễn Trần Lan Chi	Trưởng phòng HTQT và Truyền thông	Thành viên	
12	GVC.KS. Nguyễn Quang Anh	Trưởng phòng Thanh tra – Pháp chế	Thành viên	
13	ThS. Nguyễn Thị Vy Hương	Trưởng phòng Hành chính - Tổng hợp	Thành viên	
14	KS. Trần Thuận	Phó phòng Quản lý dự án và Quản trị thiết bị	Thành viên	

15	ThS. Cao Xuân Tịnh	Chủ tịch Công đoàn trường, Trưởng BMGDTC	Thành viên	
16	ThS. Ngô Tuấn Anh	Bí thư Đoàn trường	Thành viên	
17	ThS. Phan Trần Kiều Trang	Giám đốc trung tâm học tập gắn kết cộng đồng	Thành viên	
18	ThS. Nguyễn Quang Bảo	Phó trưởng khoa Kiến trúc, Q. Trưởng bộ môn Kiến trúc	Thành viên	
19	ThS. Nguyễn Hoàng Thu Thủy	Q. Trưởng khoa XD, Trưởng bộ môn KTCTXD	Thành viên	
20	TS. Nguyễn Văn Thái	Trưởng khoa Cầu đường	Thành viên	
21	TS. Lê Tấn Duy	Trưởng khoa Công nghệ Kỹ thuật Điện – Điện tử	Thành viên	
22	PGS.TS. Trần Mạnh Huy	Trưởng khoa Công nghệ thông tin	Thành viên	
23	TS. Nguyễn Thị Thu Hương	Trưởng khoa Kinh tế	Thành viên	
24	TS. Đinh Thị Thi	Trưởng khoa Du lịch	Thành viên	
25	ThS. Nguyễn Thị Tuyết	Trưởng khoa Ngoại ngữ	Thành viên	

(Danh sách gồm có 25 người).

**DANH SÁCH THÀNH VIÊN BAN THƯ KÝ**

*(Kèm theo Quyết định số 352/QĐ-ĐHKPĐ ngày 01 tháng 8 năm 2022 của Hội đồng)*

<b>TT</b>	<b>Họ và tên</b>	<b>Chức danh, chức vụ</b>	<b>Nhiệm vụ</b>
1.	TS. Hoàng Tịnh Bảo	Trưởng phòng ĐBCL	Trưởng Ban thư ký
2.	ThS. Nguyễn Hồng Diệu Hương	Phó trưởng phòng ĐBCL	Thành viên
3.	ThS. Phan Nguyên Thùy Trâm	Chuyên viên phòng ĐBCL	Thành viên
4.	ThS. Nguyễn Thị Nga My	Chuyên viên phòng ĐBCL	Thành viên

*(Danh sách gồm có 4 người)*

**DANH SÁCH CÁC NHÓM CÔNG TÁC CHUYÊN TRÁCH**

*(Kèm theo Quyết định số 150/QĐ-ĐKKP ngày 01 tháng 8 năm 2018 của Hội đồng)*

TT	Họ và tên	Chức danh, chức vụ	Nhiệm vụ
<b>Nhóm 1</b> <i>ĐBCL về chiến lược</i>			
1.	Phạm Anh Tuấn	Hiệu trưởng	5
2.	Nguyễn Thị Vy Hương	Trưởng phòng Hành chính	4
3.	Trần Thị Lệ Trinh	Phó trưởng phòng Hành chính	4
4.	Nguyễn Hải Hoàn	Trưởng phòng đào tạo	4
5.	Huỳnh Anh Tuấn	Phó trưởng phòng Tổ chức Nhân sự	7
6.	Trần Thị Mai Lan	Trưởng phòng Tài chính kế toán	5
7.	Trần Thuận	Phó trưởng phòng QTTB&	
8.	Nguyễn Trần Lan Chi	Trưởng phòng HTQT và Truyền thông	4
<b>Nhóm 2</b> <i>ĐBCL về hệ thống</i>			
9.	Nguyễn Hồng Diệu Hương	Phó trưởng phòng ĐBCL	6
10.	Nguyễn Thị Nga My	Nhân viên phòng ĐBCL	4
11.	Phan Nguyên Thùy Trâm	Nhân viên phòng ĐBCL	4
<b>Nhóm 3</b> <i>ĐBCL về thực hiện chức năng</i>			
12.	Nguyễn Hải Hoàn	Trưởng phòng đào tạo	5
13.	Huỳnh Văn Sỹ	Phó trưởng phòng đào tạo	5
14.	Huỳnh Thị Minh Hiền	Phó trưởng phòng đào tạo	5
15.	Nguyễn Thanh Nam	Nhân viên phòng đào tạo	4
16.	Phạm Ngọc Đông	Trưởng phòng CTSV	4
17.	Võ Thành Trung	Trưởng phòng KHCN	4
18.	Huỳnh Thị Ý Nhi	Nhân viên phòng KHCN	4
19.	Nguyễn Trần Lan Chi	Trưởng phòng HTQT và Truyền thông	4
20.	Phan Trần Kiều Trang	Giám đốc trung tâm học tập gắn kết cộng đồng	4
<b>Nhóm 4</b> <i>Kết quả hoạt động</i>			
21.	Nguyễn Hải Hoàn	Trưởng phòng đào tạo	4
22.	Võ Thành Trung	Trưởng phòng KHCN	6
23.	Phan Trần Kiều Trang	Giám đốc trung tâm học tập gắn kết cộng đồng	4
24.	Trần Thị Mai Lan	Trưởng phòng Tài chính kế toán	2

*(Danh sách gồm có 24 người)*



### Phụ lục 3. Kế hoạch tự đánh giá

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KIẾN TRÚC ĐÀ NẴNG  
Số: 159/KH- ĐHKTDN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  
Đà Nẵng, ngày 08 tháng 8 năm 2022

## KẾ HOẠCH TỰ ĐÁNH GIÁ CƠ SỞ GIÁO DỤC

### 1. Mục đích tự đánh giá

Nhằm cải tiến, nâng cao chất lượng đào tạo và đăng ký kiểm định chất lượng.

### 2. Phạm vi tự đánh giá

Đánh giá các hoạt động của CSGD trong giai đoạn 2018 – 2023 theo tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CSGD do Bộ trưởng Bộ GDĐT ban hành.

### 3. Công cụ tự đánh giá

Công cụ tự đánh giá là Tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CSGD ban hành kèm theo Thông tư số 12/2017/TT-BGDĐT ngày 19/5/2017 của Bộ trưởng Bộ GDĐT; Công văn 766/QLCL-KĐCLGD ngày 20/4/2018 của Cục quản lý chất lượng về việc hướng dẫn tự đánh giá cơ sở giáo dục đại học; Công văn 1668/QLCL-KĐCLGD ngày 31/12/2019 của Cục quản lý chất lượng về việc hướng dẫn đánh giá theo bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng cơ sở giáo dục.

### 4. Hội đồng tự đánh giá

#### 4.1. Thành phần Hội đồng tự đánh giá

Hội đồng tự đánh giá CSGD được thành lập theo Quyết định số 358/QĐ-ĐHKTDN ngày 01 tháng 8 năm 2022 của Hiệu trưởng trường Đại học Kiến trúc Đà Nẵng, Hội đồng gồm có 25 thành viên (danh sách kèm theo).

4.2. Ban thư ký giúp việc và các nhóm công tác chuyên trách (danh sách kèm theo).

#### 4.3. Phân công thực hiện (dự kiến)

TT	Tiêu chuẩn	Nhóm chịu trách nhiệm	Ghi chú
1	Tiêu chuẩn 1, 2, 3, 4 và 6	Nhóm 1	
2	Tiêu chuẩn 8-12	Nhóm 2	
3	Tiêu chuẩn 13, 14, 15, 16 và 22	Nhóm 3	
4	Tiêu chuẩn 7,17,21,24 và 25	Nhóm 4	
5	Tiêu chuẩn 5, 18, 19, 20 và 23	Nhóm 4	

### 5. Kế hoạch huy động các nguồn lực

Xác định các nguồn nhân lực, cơ sở vật chất và tài chính cần huy động hoặc cung cấp cho từng hoạt động và thời gian cần được cung cấp.

TT	Tiêu chuẩn	Các hoạt động	Các loại nguồn lực cần được huy động/cung cấp	Thời gian	Ghi chú
1	.....	.....	.....	.....	
2	.....	.....	.....	.....	
...	.....	.....	.....	.....	

### 6. Kế hoạch thu thập thông tin từ nguồn ngoài CSGD (nếu cần)

Xác định các thông tin cần thu thập từ bên ngoài, nguồn cung cấp, thời gian cần thu thập, kinh phí cần có.

### 7. Kế hoạch thuê chuyên gia ngoài (nếu cần)

Xác định những lĩnh vực cần thuê chuyên gia, mục đích thuê chuyên gia, vai trò của chuyên gia, số lượng chuyên gia, thời gian cần thuê chuyên gia.

### 8. Thời gian biểu

Thời gian thực hiện tự đánh giá theo lịch trình dự kiến sau:

Thời gian	Các hoạt động
<b>Tuần 1</b> (Từ ngày 01 đến ngày 07/8/2022)	<ol style="list-style-type: none"><li>Họp Lãnh đạo Trường để thảo luận mục đích, phạm vi, thời gian biểu và xác định các thành viên của Hội đồng tự đánh giá CSGD.</li><li>Hiệu trưởng ra quyết định thành lập Hội đồng tự đánh giá CSGD.</li><li>Họp Hội đồng tự đánh giá CSGD để:<ul style="list-style-type: none"><li>Công bố quyết định thành lập Hội đồng tự đánh giá;</li><li>Tập huấn về quy trình tự đánh giá và bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CSGD;</li><li>Thảo luận về nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên Hội đồng;</li><li>Dự thảo kế hoạch tự đánh giá CSGD.</li></ul></li></ol>
<b>Tuần 2</b> (Từ ngày 08/8 đến ngày 14/8/2022)	<ol style="list-style-type: none"><li>Phổ biến chủ trương triển khai tự đánh giá đến toàn thể cán bộ, giảng viên, nhân viên, người học và các bên liên quan;</li><li>Tổ chức hội thảo/hội nghị về chuyên môn, nghiệp vụ triển khai tự đánh giá cho cán bộ, giảng viên, nhân viên, người học và các bên liên quan.</li><li>Họp Hội đồng tự đánh giá CSGD để thông qua:<ul style="list-style-type: none"><li>Kế hoạch tự đánh giá CSGD;</li></ul></li></ol>

Thời gian	Các hoạt động
	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Dự thảo đề cương báo cáo tự đánh giá (dựa trên cơ sở tài liệu hướng dẫn của Bộ GDĐT và điều kiện cụ thể của CSGD).</li> </ul> <p>4. Hiệu trưởng ban hành kế hoạch tự đánh giá.</p>
<p><b>Tuần 3-4</b> (Từ ngày 17/10 đến ngày 30/10/2022)</p>	<ol style="list-style-type: none"> <li>1. Công bố kế hoạch tự đánh giá, thông báo phân công nhiệm vụ cho từng thành viên Hội đồng, Ban thư ký và các nhóm công tác chuyên trách giúp việc cho Hội đồng.</li> <li>2. Phân tích tiêu chí, thu thập thông tin và minh chứng.</li> <li>3. Phân loại và mã hoá các thông tin và minh chứng thu được.</li> <li>4. Nghiên cứu sự đáp ứng của minh chứng đối với các mốc chuẩn tham chiếu của từng tiêu chí đánh giá.</li> </ol>
<p><b>Tuần 5-11</b> (Từ ngày 31/10 đến ngày 18/12/2022)</p>	<ol style="list-style-type: none"> <li>1. Các nhóm công tác chuyên trách viết các báo cáo của từng tiêu chí (thu thập thông tin, minh chứng bổ sung nếu cần thiết).</li> <li>2. Trưởng các nhóm chuyên trách tổng hợp các báo cáo tiêu chí thành các báo cáo tiêu chuẩn (thu thập thông tin, minh chứng bổ sung nếu cần thiết).</li> </ol>
<p><b>Tuần 13</b> (Từ ngày 19/12 đến ngày 25/12/2022)</p>	<p>Hội đồng tự đánh giá CSGD:</p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Xem xét các báo cáo của từng tiêu chuẩn, tiêu chí do các nhóm chuyên trách dự thảo.</li> <li>2. Kiểm tra lại các thông tin và minh chứng được sử dụng trong báo cáo tự đánh giá.</li> <li>3. Xác định các vấn đề phát sinh từ các thông tin và minh chứng thu được.</li> <li>4. Xác định các thông tin, minh chứng cần thu thập bổ sung.</li> <li>5. Thư ký Hội đồng tập hợp các báo cáo tiêu chuẩn thành dự thảo báo cáo tự đánh giá CSGD.</li> </ol>
<p><b>Tuần 14</b> (Từ ngày 26/12/2022 đến ngày 01/01/2023)</p>	<p>Hội đồng tự đánh giá CSGD:</p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Xem xét dự thảo báo cáo tự đánh giá và đề xuất những chỉnh sửa (nếu cần).</li> <li>2. Thảo luận về dự thảo báo cáo tự đánh giá, xin ý kiến góp ý.</li> </ol>
<p><b>Tuần 15</b> (Từ ngày 02/01 đến ngày 08/01/2023)</p>	<ol style="list-style-type: none"> <li>1. Công bố bản dự thảo báo cáo tự đánh giá (đã chỉnh sửa sau góp ý) trong nội bộ CSGD.</li> <li>2. Cán bộ, giảng viên, nhân viên, người học,... đóng góp ý kiến cho dự thảo báo cáo tự đánh giá.</li> <li>3. Nhóm nghiên cứu độc lập rà soát dự thảo báo cáo tự đánh giá, đưa ra các khuyến nghị cần thiết.</li> </ol>

Thời gian	Các hoạt động
<b>Tuần 16-17</b> (Từ ngày 09/01 đến ngày 22/01/2023)	<ol style="list-style-type: none"> <li>1. CSGD gửi báo cáo tự đánh giá và công văn cho cơ quan chủ quản, Bộ GDĐT.</li> <li>2. CSGD công bố bản báo cáo tự đánh giá đã hoàn thiện (trong nội bộ nhà trường).</li> <li>3. Tổ chức bảo quản báo cáo tự đánh giá, các thông tin, minh chứng theo quy định.</li> </ol>
<b>Tuần 18</b> (Từ ngày 06/02 đến ngày 12/02/2023)	<ol style="list-style-type: none"> <li>1. Thực hiện việc cải tiến chất lượng theo các kế hoạch hành động.</li> <li>2. Cập nhật lại báo cáo tự đánh giá (nếu cần) trước khi thực hiện việc đăng ký đánh giá ngoài với tổ chức KĐCLGD.</li> </ol>

**Nơi nhận:**

- Hội đồng tự đánh giá;
- Cơ quan chủ quản (đề b/c);
- Các đơn vị trong CSGD;
- Lưu: VT, ĐBCL.



**HIỆU TRƯỞNG**

**PHẠM ANH TUẤN**